BÁCH KHOA

SỐ 81 — NGÀY 15-5-1960

KHẢO-LUẬN

HUỲNH-VĂN-LANG — Thắc mắc và nguyện-vọng của các nhà trồng tỉa cao-su tại V..N.

FRANÇOIS SCHMITZ, VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch — Chương-trình khoáng-trương nghề trồng cây cao-su tại Việt-Nam.

HOÀNG-MINH-TUYNH — Làm sao chấm-dứt tình-trạng « Quân-Binh khủng-bố »...

PHẠM-HOÀNG — Trí đoán.

HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM — Bàn về chữ « Tử » trong Phật-giáo.

LÊ-PHỤC-THIỆN — Đính chính sử-liệu.

PHẠM-ÁI-BÍCH — Tinh-túy của Triết-lý Phật-giáo.

ĐOÀN-THÊM — Thương con mới biết lòng cha.

BÙI-HỮU-SỦNG — Thơ sáng Thơ tối (II).

TRẦN-VĂN-KHÊ — Hát à-đào.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN — Thành-tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

VŨ-HÂN — Người bệnh hát cuồng.

PHAN-LẠC-TUYÊN — Là cỏ suy-tư.

HOÀNG-KHANH — Cô đơn.

DIỆU-THANH — Giật mình.

BÙI-GIÁNG — Bờ nước cũ.

HOÀNG-THÁI-LINH — Người quán rượu.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN — Điểm-sách : « Dòng sông Định-Mệnh ».

PHAN-VĂN-TẠO — Dưới mắt du-khách.

KIỀU-YIÊU — Ngựa trong tranh.

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG — Ánh sáng.

BUI-THU-TRINH — Gửi Ô. Ng. Phụng.

NGUIỄN-NGU-Í — Bóng tối.

VÕ-PHIẾN — Ngày xuân êm đềm.

http://tieulun.hopto.org

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cũ* " 40° và 50°

— Rượu Tàu *"Lão-Mạnh-Tửu"*

— Rượu Tàu *" Ích-Thọ-Tửu "*

SI-RÔ *" Verigoud "* :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° !

— Dấm *Disterome*

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. »** :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

& **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

& **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, *Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

http://tieulun.hopto.org

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG GIẢM GIA ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

— 3 người lớn

— 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

— 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

— 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người

— 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người

— 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

http://tieulun.hopto.org

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES

GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

http://tieulun.hopto.org

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIC
CHOLON

COTAB

GIÁ BÁN
1$
18

VIRGINIE

http://tieulun.hopto.org

SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*) Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome. 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire, après les "Caravelle", mise en ligne des quadriréacteurs Boeing 707 "Intercontinental"

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122-130 RUE TU-DO SAIGON TÉL. 20.981 à 84

http://tieulun.hopto.org

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIỀN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

http://tieulun.hopto.org

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

http://tieulun.hopto.org

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

NAIR SERVICE

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

http://tieulun.hopto.org

CÂY KI-NÁP Ở VIỆT-NAM

Cây ki-náp ở Việt-Nam là một nguồn lợi mới mẻ tối quan-trọng cho nước nhà.

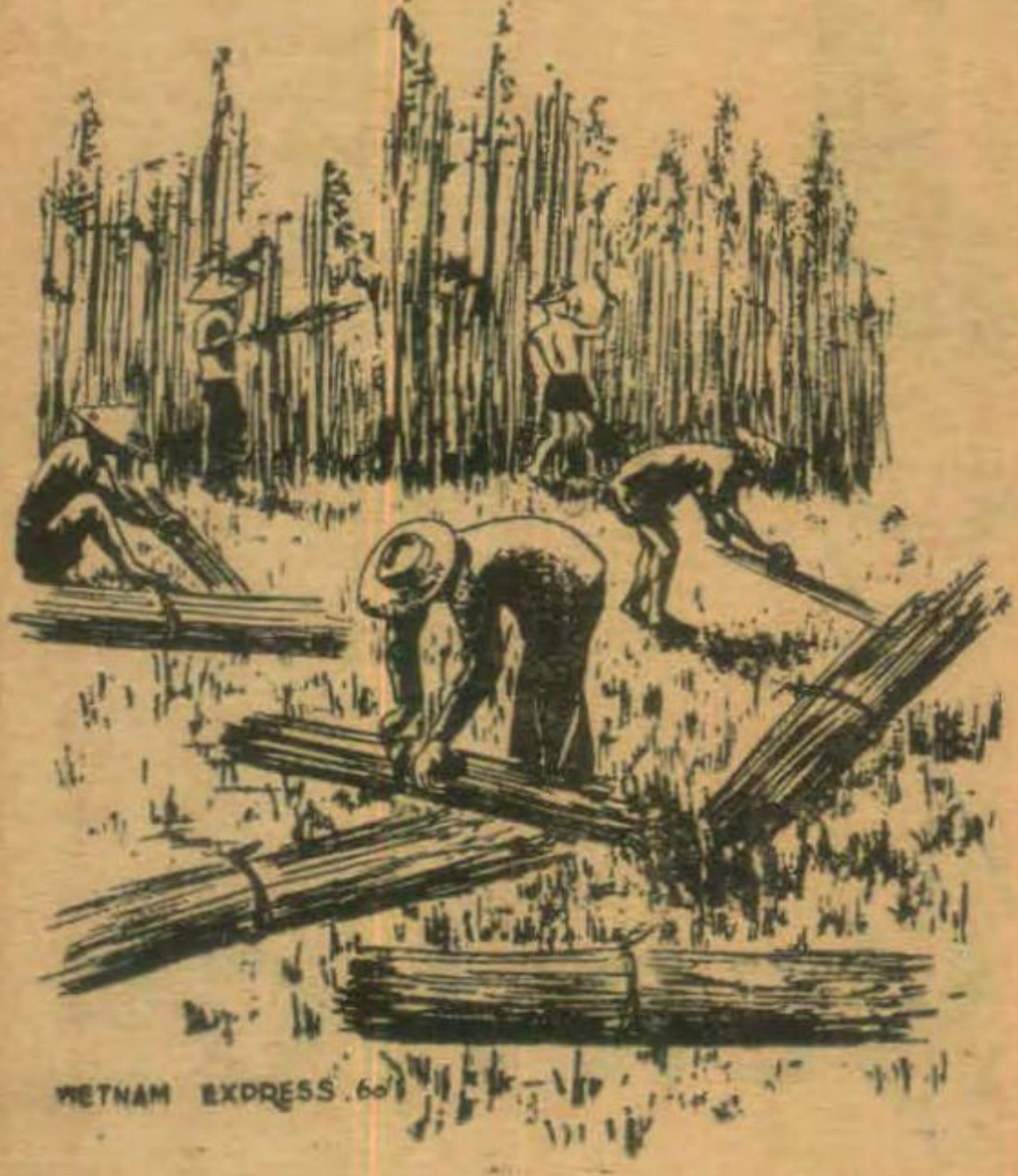

VIETNAM EXPRESS .60

Công-ty sợi đay Việt-Nam và Việtnam Jute Factory hiện đang tăng gia sản-xuất cây ki-náp để góp phần độc-lập kinh-tế.

Trên thị-trường quốc-tế năm 1960 Việt-Nam được liệt vào hàng thứ ba sản-xuất ki-náp, với 3.300 mẫu. Nhờ thế mỗi năm Việt-Nam sẽ tiết kiệm được nửa triệu mỹ kim ngoại-tệ dùng để mua sợi đay ngoại-quốc.

Kỹ-nghệ mới này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ gìn dụng-cụ.

HÃNG DẦU STANVAC
góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBILOIL — MOBILDIESEL, v.v...

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA

Số 81 — Ngày 15-5-1960

		Trang
HUỲNH-VĂN-LANG	*Thắc-mắc và nguyện-vọng của các nhà trồng tỉa cao-su tại Việt-Nam.*	3
FRANÇOIS SCHMITZ (VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch)	*Chương-trình khoáng-trương nghề trồng cây cao-su tại Việt-Nam .*	7
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Làm sao chấm dứt tình trạng « Quân Bình khủng-bố » trong thế-giới hiện nay . . . . . .*	14
PHẠM-HOÀNG	*Dòng tư-tưởng : trí đoán . . . .*	23
HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM	*Bàn về chữ « Tử » trong Phật-giáo.*	24
LÊ-PHỤC-THIỆN	*Vấn-đề đính-chính sử-liệu Việt-Nam . . . . . .*	32
PHẠM-ÁI-BÍCH	*Tinh-túy của triết-lý Phật-giáo . .*	40
VŨ-HÂN	*Người bệnh hát cuồng. . . . . .*	48
ĐOÀN-THÊM	*Thương con mới biết lòng cha . .*	49
PHAN-LẠC-TUYÊN	*Lá cỏ suy tư . . . . . .*	56
BÙI-HỮU-SỦNG	*Tiếng chuông thứ hai về Thơ sáng Thơ tối . . . . . .*	57
HOÀNG-KHANH	*Cô đơn. . . . . .*	64
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Hát ả-đào . . . . . .*	66
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Thành tích 50 năm khoa-học. . .*	76
DIỆU-THANH	*Giật mình. . . . . .*	81
BÙI GIÁNG	*Bờ nước cũ . . . . . .*	82
HOÀNG-THÁI-LINH	*Người quán rượu . . . . . .*	83
NGUYỄN-VĂN-XUẤN	*Điểm sách : « Dòng sông Định Mệnh » của Doãn-Quốc-Sỹ . . . .*	89
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG	*Ánh sáng . . . . . .*	97
BÙI-THU-TRINH	*Vài lời thưa lại với Ô. Nguyễn-Phụng . . . . . .*	99
NGUIÊN-NGU-Í	*Bóng tối . . . . . .*	99
PHAN-VĂN-TẠO	*Dưới tấm da khách . . . . . .*	100
KIỀU-YIÊU	*Ngựa trong tranh (dịch Liêu-trai) .*	105
VŨ-TRUNG TÙY-LANG	*Mưa rừng . . . . . .*	108
VÕ-PHIẾN	*Ngày Xuân êm-đềm . . . . . .*	109

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-PHÚC-SA	:	*Một vài yếu tố của chánh sách Tiểu-công-nghệ*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Nguồn gốc tôn-giáo*
ĐOÀN-THÊM	:	*Người viết và Người đọc*
BỬU-KẾ	:	*Châu bản triều Nguyễn*
PHẠM-NGỌC-THẢO	:	*Du-kích chưa hết.*
CÔ-LIÊU	:	*Nước Anh đã và sẽ làm gì cho Thanh-niên.*
BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í	}	*Tiếc thay duyên Tấn phận Tần.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Cảm tưởng sau khi đọc cuốn « Văn học Việt-Nam » của Phạm-Văn-Điều.*
H. Đ.	:	*Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*
NGUYỄN-VĂN-HẦU	:	*Vấn-đề chánh-tả nhân cuốn chánh-tả tự-vị của ô. Lê-Ngọc-Trụ vừa xuất-bản*
NGUIỄN-NGU-Í	:	*Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lặt vặt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước... ; cách viết âm i...*
THIÊN-GIANG	:	*Miếng tôi tàn (hồi ký)*
VŨ-HẠNH	:	*Vàng Hời (truyện ngắn).*
PHAN-DU	:	*Ả-Xiu (truyện ngắn).*
PHAN-VĂN-TẠO	:	*Một chuyện vui*
MẶC-THU	:	*Mầu thuốc lá (truyện ngắn).*
NGUYỄN	:	*Anh chàng nghiện (truyện dịch).*

http://tieulun.hopto.org

Thắc mắc và nguyện vọng của các nhà trồng tỉa cao-su tại Việt-Nam

HUỲNH-VĂN-LANG

L.T.S.— Với mục đích tìm hiểu về vấn-đề cao-su ở Việt-Nam, Hội Văn-Hóa Bình-Dân đã tổ-chức một cuộc hội-thảo, gồm có 3 buổi họp hướng về các đề-tài sau đây : khía cạnh sản xuất cao-su, vấn-đề xã-hội tại các vườn cao-su, phương-diện thương-mại của vấn-đề cao-su.

Để tổng kết các cuộc thảo-luận trong ba buổi họp trên và kết thúc cuộc hội-thảo, Ô. Huỳnh-Văn-Lang chủ-tịch Hội Văn-Hóa Bình-Dân đã đọc một bài diễn-văn bế-mạc mà Bách-Khoa trích đăng sau đây để có dịp trình bầy cùng bạn đọc những thắc mắc và nguyện vọng của giới trồng-tỉa cao-su hiện nay trên đất nước chúng ta.

SAU ba ngày hội-thảo ở ba nơi khác nhau, chúng tôi xin vắn tắt có mấy lời để kết-luận. Có những vấn-đề đã được đặt ra rõ ràng, nhưng không phải là đã giải-quyết được. Sự giải-quyết một vấn-đề không phải là việc làm của cuộc hội-thảo. Cuộc hội-thảo chỉ có mục-đích — tôi xin lập lại — là tìm hiểu, còn việc giải-quyết là tùy ở bao nhiêu yếu-tố khác vượt phạm-vi của chúng ta. Cho nên sau khi đã thảo-luận và tìm hiểu một số vấn-đề, những gì thắc mắc còn đọng lại chúng tôi sẽ xin sơ-lược nhắc lại sau đây :

Bài thuyết-trình của Ông Schmitz, Tổng thanh-tra đồn-điền SIPH tuy ở sau, nhưng đáng lý ra phải được đưa ra trước hết, vì nó đặt rõ ràng một đường lối khoáng trương nghề trồng cao-su, mà căn-cứ vào đó ta có thể tin

http://tieulun.hopto.org

tưởng vào tương-lai của cao-su trong nền kinh-tế của Việt-Nam. Không cần phải nhắc lại là những ý-kiến của Ông Schmitz rất rõ ràng và lạc-quan chẳng những có thể gây hào hứng trong giới trồng tỉa cao-su mà còn có thể giúp chính-quyền trong việc thiết-lập một chánh-sách khoáng trương cao-su trong nước nữa. Tựu-trung, chúng ta đều đồng ý là con đường cao-su là một con đường vững chắc để khuyếch-trương kinh-tế và giải-quyết được vấn-đề cán cân chi phó mai hậu.

Muốn thực-hiện được một chánh-sách sản-xuất, thì cần phải giải-quyết trước tiên các vấn-đề liên-quan đến các yếu-tố sản-xuất. Trong hai buổi hội đầu, chúng ta đã nói nhiều về các yếu-tố nhất là : tài-chánh, đất đai, kỹ-thuật, nhân-công.

I.— Vấn-đề tài-chánh, nếu chúng tôi không lầm thì các nhà sản-xuất Việt-Nam rất thắc-mắc về vấn-đề này. Các nhà trồng tỉa lớn hay công-ty nếu có thiếu tài chánh để khuyếch-trương thì chắc-chắn cũng chẳng thiếu nhiều. Trái lại, các nhà trồng-tỉa Việt-Nam là những nhà trồng-tỉa nhỏ, một phần lớn lại thụ hưởng hay mua lại các đồn-điền cũ, năng-xuất kém, đất-đai xấu... nên họ đang cần tài-chánh thập bội. Nhưng giải-pháp cho vay của chánh-phủ hiện tại, dựa trên tiêu-chuẩn năng-xuất để định mức số tiền cho vay thì chỉ giúp nhiều cho những công-ty to lớn là những công-ty không mấy cần tài-chánh để khuếch-trương. Chúng tôi nhận thấy sự thắc-mắc của các nhà trồng-tỉa Việt-Nam rất có lý, nhất là khi họ biết rằng những đồn-điền lớn là của người ngoại-quốc vẫn dư thừa tài-chánh để chuyển hẳng năm ra ngoài. Họ càng có lý hơn nữa khi mà họ không phản-đối giải-pháp cho vay như thế là không hợp-lý và họ chỉ có nguyện-vọng muốn được thực-hiện đồng-thời hai giải-pháp : một giải-pháp giúp-đỡ các nhà trồng-tỉa lớn lấy năng-xuất làm tiêu-chuẩn và một giải-pháp khác phù-hợp với các nhà trồng-tỉa nhỏ, để họ được giúp-đỡ như sở-nguyện : giải-pháp sau này sẽ không dựa nơi năng-xuất làm tiêu-chuẩn mà sẽ dựa nơi diện-tích đã trồng và diện-tích khuếch-trương thêm, chỉ lấy năng-xuất tối thiểu nào đó làm điều-kiện bảo-đảm hơn là tiêu-chuẩn cho vay. Chúng tôi tưởng sự thắc-mắc và nguyện-vọng của giới trồng-tỉa Việt-Nam đáng được chánh-phủ lưu-ý, nhất là khi tổ-chức tập trung làm những đơn-vị hay những công-ty to lớn quá không phải là một điều đáng làm trong xã-hội Việt-Nam hiện tại. Trái lại, sự tổ-chức sản-xuất phân tán — tuy có nhiều điều bất tiện — lại rất nên thực-hiện nhứt là khi xét về mặt chánh-trị và xã-hội.

II.— Đất-đai ở Việt-Nam, chẳng những là vừa tốt lại còn nhiều : trên năm trăm ngàn mẫu. Về vấn-đề đất-đai, thì luật-lệ hiện hành như chúng tôi biết, rất lỗi thời, dù có được sửa đi sửa lại chăng nữa. Thêm vào đó, thủ tục hành-chánh lại rất nhiêu khê. Cho nên chúng tôi thiết nghĩ có hai điều phải làm : trước hết là nên xét lại luật-lệ hiện hành về việc khai khẩn, chiếm hữu v...v... phải làm thế nào để vừa rõ ràng, vừa hợp thời. Thứ đến thủ tục hành-chánh, phải

http://tieulun.hopto.org

nhẹ nhàng. Muốn thủ tục hành-chánh được nhẹ nhàng thi thiết tưởng điều phải làm trước nhứt là quy định phân minh trách-nhiệm chánh-quyền địa-phương. Ai sẽ có trách-nhiệm cho và từ chối, những điều kiện nào phải cho và khi nào phải từ chối, đó là những vấn-đề phải được quy định phân minh trong giới hữu quyền. Đó cũng là những thắc mắc và những nguyện-vọng của giới trồng tỉa nhứt là những nhà trồng tỉa nhỏ.

3- *Về vấn-đề nhân-công*, thực ra chánh-phủ đã làm rất nhiều, nên nếu còn chút gì thắc mắc thì chỉ là thắc mắc cho các đồn điền lớn mà gần đây, nhờ cộng đồng khế-ước, phần lớn đã được giải quyết xong. Nhân-công ở một nước kém mở mang như Việt-Nam ta chắc chắn là không thiếu. Hơn nữa việc làm tay, nhân-công mình lại giỏi dang hơn người, nhứt là những việc nhẹ nhàng do kỹ-nghệ cao-su đòi hỏi. Do đó về phương diện nhân-công, ít ra trong 5, 10 năm tới đây, ta chưa thấy gì phải lo ngại cho các nhà trồng tỉa cao-su nhỏ Việt-Nam cũng như cho các đồn điền cao-su to lớn.

4- *Về mặt kỹ-thuật* thì ta công nhận rằng: việc làm của Viện Nghiên-cứu cao-su rất hữu hiệu, nói một cách tổng quát: Vì việc tăng gia năng xuất cao-su ở Việt-Nam một phần lớn nhờ ở sự khảo-cứu của Viện không kém gì nhờ trời, đất, khí-hậu. Nhưng ta cũng phải thú nhận điều này : với hình-thức tổ-chức hiện tại, cho đến ngày nay Viện Nghiên-cứu không thể giúp các nhà trồng tỉa nhỏ hữu hiệu được. Điều này có nhiều lý do, có khi cũng vì tài chánh eo hẹp, có khi thiếu óc khoa-học, lối làm việc bừa bãi, có khi vì không thấy xa, ham cái lợi nhanh chóng hay vì những lý lẽ khác nữa mà các nhà trồng tỉa nhỏ Việt-Nam chưa thụ hưởng được tất cả những kinh-nghiệm kỹ-thuật của Viện Nghiên-Cứu. Dù sao đi nữa, thì chúng ta không muốn đổ lỗi tại ai ở đây. Chúng ta chỉ mong ước một giải pháp nào để đặt vào tay các nhà trồng tỉa cao-su Việt-Nam tất cả các kỹ-thuật qui báu, đã tích trữ ở Viện nghiên-cứu xưa nay. Ở đây chúng tôi phải đặc-biệt hoan nghênh dự-định của Viện là phổ biến trong quần chúng một cuốn sách đầy đủ về cách trồng cao-su mà trong buổi hội-đồng, Ông Boutillon đã tóm tắt cho chúng ta nghe rất hấp dẫn. Tóm lại, ta cần phải đại chúng hóa kỹ-thuật trồng tỉa cao-su cũng như nâng cao năng xuất, để hưởng ứng với một chánh sách khuyếch-trương cao-su đại qui-mô. Bằng không, thì gần đây vấn-đề kỹ-thuật sẽ làm chậm tiến chương-trình phát triển cao-su vậy.

5— Sau khi đã thảo-luận vấn đề xã-hội của cao-su ở buổi hội thảo thứ hai, hôm nay chúng ta đã bàn đến vấn đề thương mại hóa cao su. Sản-xuất đã là quan hệ trong một nền kinh-tế, nhưng tổ chức đưa hàng hóa ra thị-trường cũng quan hệ không kém. Cũng như các nông-sản khác, cao-su là một nguyên liệu có một giá cả có thể đổi thay rất nhanh chóng. Như ta thấy chỉ trong một năm vừa qua, có lúc giá cao-su chỉ có 17$00 một ký để rồi mấy tháng sau vọt lên đến trên 30$00 một ký. Ngoài ra, cao-su cũng là một nguyên liệu «chiến lược» như dầu hỏa, sắt, thép... cho nên những biến cố chánh-trị như giặc-giã có thể ảnh-hưởng ngay trên giá cả và ảnh-hưởng mạnh.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta đều thấy rằng cao-su là một thành phần quan- trọng trong sự cấu tạo lợi tức quốc-gia, cao-su còn là một yếu-tố mà chúng ta hy-vọng giải quyết được phần lớn những khó khăn về cán cân chi phó quốc-gia, và hơn nữa chánh sách cao-su phải là một chánh sách dài hạn, vì cao-su phải có 6, 7 năm mới sản xuất được, và cây cao-su sản xuất những bốn chục năm. Mà chúng ta đều biết yếu tố quân bình (stabilité) là một yếu tố quan hệ trong việc thực hiện các chánh sách, các kế hoạch. Bởi vậy theo thiển ý chúng tôi, chánh-phủ nên phải có ngay một cơ quan để quân bình giá cả cao-su trong nước. Ở đây chúng tôi không bàn đến hình thúc cơ quan ấy phải thế nào. Chúng tôi chỉ đề nghị mục đích của cơ quan ấy là làm sao cho lợi tức quốc-gia trong nước không bị giá cả cao - su của thị-trường quốc tế xáo trộn quá nhanh chóng. Nói một cách khác, phải làm sao cho lãnh vực sản xuất cao-su năm này qua năm khác không có một số lợi tức lúc quá thấp, lúc quá cao. Bằng không thì sự thay đổi quá mạnh giá cả thị trường quốc tế chẳng những trở ngại rất nhiều cho kế-hoạch khuyếch trương cao-su mà còn ảnh hưởng lớn lao đến cả việc thực hiện các kế-hoạch kinh-tế xã-hội khác nữa. Thiết nghĩ, ý kiến trên đây, chúng tôi đưa ra trong lúc giá cao-su vọt lên quá cao, có thể làm cho nhà trồng tỉa cao-su không được hài lòng lắm, nhưng chúng ta cũng nên lưu-ý là giá cao-su — xét về phương diện dài-hạn — không phải là không lên lên xuống xuống. Chúng tôi thấy những nước trên thế-giới như Gia-Nã-Đại (lúa mì), Miến-Điện (gạo), Tích-Lan (trà), đều có một chánh sách quân bình giá cả của một món hàng xuất cảng quan trọng trong nước. Hơn nữa, nếu trong 10 năm, 20 năm, giá cao-su vẫn cao luôn thì cơ quan nói trên phải biết tập trung những số tiền lời quá mức lại để sử dụng cho hữu hiệu nhất, hoặc đầu tư vào cao-su thêm nữa, hoặc giả đưa tư bản ấy vào ngành khác nhứt là những ngành kỹ-nghệ phụ thuộc đang cần gấp vốn liếng, hơn là để những số tiền lời bất thường ấy đầu tư không đúng chỗ hay phung phí ở nơi khác.

Sau hết, chúng tôi xin lập lại là các cuộc hội-thảo này chỉ có mục-đích tìm hiểu một hai vấn-đề. Những thắc mắc còn nhiều, những nguyện-vọng cũng không ít, chúng ta có thể giãi bày hết được, nhưng sự giải đáp là phần của người khác. Phần chúng ta, trong địa-hạt của mình, nếu chúng ta cố làm tròn bổn phận thì chúng ta tin tưởng rằng mọi sự trước sau rồi cũng sẽ được giải-quyết thỏa đáng.

Để kết-luận, một lần nữa thay mặt hội Văn-Hóa Bình-Dân chúng tôi xin cảm ơn các quí vị, các bạn đã sốt sắng tham-gia và cộng-tác mật-thiết trong các buổi thảo-luận này, dù ít dù nhiều, việc làm của chúng ta không ầm ĩ lắm, nhưng không phải là không có âm vang. Điều khác không phải là không quan-hệ là âm vang trong lòng mọi người gặp gỡ nhau, cùng nhau học hỏi một vấn-đề, cùng chung một nguyện-vọng: giúp ích quốc-gia trong giai đoạn hiện tại.

HUỲNH-VĂN-LANG

http://tieulun.hopto.org

Chương-trình khoáng-trương

nghề trồng cây cao-su ở Việt-Nam

F. SCHMITZ
V.Đ.L. (dịch)

(Xem Bách Khoa từ số 80)

Dịch bài thuyết-trình của ông François Schmtiz, Tổng thanh-tra công-ty « Société Indochinoise de Plantations d'Hévéas » đọc tại cuộc Hội thảo về nghề trồng cao-su ở Việt-Nam do Hội Văn-Hóa Bình-Dân tổ-chức tại Xuân-Lộc ngày 10 tháng 4 năm 1960.

BÂY giờ xin trở lại chương-trình 20.000 mẫu một năm. Từ khi quyết-định thực hiện giai đoạn thứ nhất và bỏ vốn cho đến lúc thực sự trồng được 20.000 mẫu đầu tiên đó cũng phải mất hai năm để tổ-chức hạ từng cơ sở, nhập-cảng dụng cụ, điều động chuyên-viên và nhân-công, sửa soạn đất, chỗ làm cây giống và cây tháp.

Khi đã thiết-lập hạ từng cơ sở rồi thì mỗi năm dự trù thêm 20 000 mẫu hay hơn nữa cũng không có gì là quá đáng.

Xin nói đến phương-tiện cần dùng để thực hiện chương-trình ấy. Những công việc phải làm có thể chia ra làm 3 đề-mục :

— Chuyên-viên và nhân công,

— Cây,

— Đầu tư.

Để dễ bề tính toán, chúng tôi làm những bản chiết tính cho toàn thể một chương-trình 20.000 mẫu bất cứ khai thác theo phương-pháp nào, bởi vì, tôi tưởng cũng nên nói qua rằng kỹ-thuật khai thác một đồn điền lớn tuy có khác kỹ - thuật khai thác một đồn điền nhỏ, nhưng chung quy phí tổn không khác nhau mấy. Hai mẫu cao - su khai thác bằng phương-tiện kỹ-thuật khác nhau nhưng điều kiện chăm nom ngang nhau thì rút cục cũng phải tốn một số tiền như nhau nếu tính đủ các khoản chi phí.

Tuy nhiên, để nghiên - cứu vấn - đề sát với thực-tế hơn, ta nên ước lượng phần đất dành cho mỗi phương - pháp trong 4 phương-pháp khai thác của chương-trình

http://tieulun.hopto.org

20.000 mẫu nói trên. Ban đầu tôi thiết nghĩ không thể dành quá 3 hay 4 000 mẫu cho vườn gia-đình, quá 8 hay 10.000 mẫu cho những đồn điền mới thiết-lập, chỗ còn lại sẽ dành cho những đồn điền có sẵn, đồng thời cũng phải trồng lại những cây đã già quá.

Về phương-diện chuyên-viên và nhân-công, người ta có thể ước lượng rằng ít ra trong đợt 20.000 mẫu đầu tiên số người làm sẵn có ở các đồn điền lớn và nhỏ có thể đủ dùng để khai thác thêm phần đất của họ hiện có để khai thác với phương-tiện riêng của họ. Đối với những vườn gia-đình thì người trồng tỉa có thể tự giải quyết lấy vấn-đề nhân-công, chỉ còn phải giải quyết số chuyên-gia phần nhiều là cố-vấn để bổ xung vào cơ-quan viện-trợ các nhà trồng tỉa nhỏ của Viện nghiên-cứu Lai-Khê, hoặc để bổ xung vào các tổ-chức kỹ-thuật của chánh-phủ. Một cố-vấn có thể tạm đủ cho 500 mẫu đồn điền, người ta có thể trông cậy hương-chức địa-phương trợ giúp.

Đối với những đại đồn điền sắp khai thác mỗi vườn 4.000 mẫu phải dự tính ít nhất hai chuyên-viên đủ kinh-nghiệm và 5 cán-sự cao-đẳng khả năng tương đương với chương-trình trình-độ trường Canh-Nông Blao chẳng hạn để dần dần được huấn-luyện chuyên về nghề trồng cao su theo đà tiến triển của công việc khai thác.

Cũng không nên do dự mà đài thọ 2 chuyên-viên và 5 cán-sự cao-đẳng một số lương ít nhất tương đương với thang lương áp-dụng tại các đồn điền lớn đã có. Tại Hòa - Lan chắc là phải có một số chuyên - viên khá quan - trọng từ Nam-Dương về nước, nhưng cũng rất có thể tìm được chuyên-viên Anh, Bỉ hoặc Pháp.

Nhân công ở Việt-Nam có nhiều, hình như vấn-đề này không cần đặt ra, nhưng cũng cần trình - bày những yếu tố để tính một bản dự trù cần thiết. Lấy một ngày công làm đơn-vị nhân-công thì phải cần :

— Thăm dò và phân ranh giới	10 ngày công
— Vạch lối đi lớn và nhỏ	30 —
— Lập vườn ương (làm cây giống và cây tháp)	30 —
— Đốn cây, đốt cây và quét dọn	150 —
— Nhổ rễ cây sơ qua	30 —
— Công-tác giữ cho đất khỏi lở	30 —
— Đào lỗ và trồng cây	20 —
— Trông nom trong năm thứ nhất	50 —
— Trông nom hàng năm (mỗi năm 75 ngày)	450 —
Cộng	800 ngày công

Tổng cộng phải mất 800 ngày công mỗi mẫu cho đến thời kỳ lấy nhựa được vào năm thứ 7.

Nên để ý rằng sự ước lượng trung bình này không kể đến trường hợp dùng máy. Dùng máy thì cũng một số công-nhân có thể giảm số ngày công một phần nào hay làm được nhiều hơn, nhưng chung quy vẫn không thay đổi giá vốn là mấy, ngoại trừ khi khai thác vườn gia-đình.

Nếu tính trung bình một năm một người thợ làm được từ 280 đến 300 ngày công,

http://tieulun.hopto.org

thì trong thời kỳ chưa lấy mủ (không khai phá), trung bình hai mẫu trồng cây rồi phải cần 1 người thợ, gần đúng với số thợ cần cho một diện-tích tương đương đang thời kỳ lấy nhựa.

Dưới đây xin nói đến vấn-đề cây giống. Chương-trình của ta quan-trọng nên không thể trù tính dùng ngay hạt giống tuyển lựa ở đây để ương cây được vì số hạt giống có sẵn ở Việt-Nam không đủ. Tuy nhiên ta cũng không bỏ, trái lại ta vẫn lấy hạt và ương cây cẩn-thận, có điều chắc chắn là hạt giống lấy được chỉ đủ để thực hiện một phần nhỏ chương-trình hàng năm.

Ta có thể tìm mua một số rất nhiều hạt chọn lọc có sẵn để làm giống, nếu cần thì kiếm hạt nào cũng được miễn là tuyển lựa thật cẩn thận. Cây giống của loại hạt ấy sẽ đem tháp trong vườn ương, hoặc tốt hơn vào nơi trồng.

Kể cả số hạt thui chột ở vườn giống hay nơi trồng và sự cần-thiết gieo từ ba đến bốn hạt vào một lỗ [trồng hai ba cây, vào một gốc] chúng tôi ước lượng mỗi mẫu phải chừng 5.000 hạt, vị chi 100.000.000 hạt cho đợt đầu 20.000 mẫu, nghĩa là phải có biện-pháp chánh quyền cấm dân cư ở gần đồn điền lượm hạt về bán cho hãng làm dầu và xà-bông, nếu chưa thỏa-mãn được nhu-cầu ưu-tiên của các đồn điền.

Cây dùng để tháp, tính 10 « mắt » mỗi thước vuông, và tính thêm số loại bỏ, thì mỗi mẫu phải dự tính 1000 đoạn cây tháp, vị chi 100 thước cây tháp cho mỗi mẫu, và mỗi đợt 2.000.000 thước vuông hàng năm phải có một vườn ương cây tháp rộng 50 mẫu. Trong đợt thứ hai và thứ ba cần tăng thêm 50% diện-tích đó. Vườn cây tháp sau này cứ hai năm lại cắt đi cho mọc lứa khác để theo đuổi chương-trình. Như vậy, trong năm đầu ta dự trù 50 mẫu cây tháp, năm sau thêm 25 mẫu nữa là 75 mẫu, năm thứ 3 thêm 25 mẫu nữa là 100 mẫu, sau đấy cứ 2 năm lại lần lượt cắt một lần, ta sẽ có đủ số cây tháp cần dùng cho mỗi đợt 20.000 mẫu sau này.

Kỹ-thuật tháp cây cao-su tại vườn trồng không thành vấn - đề đối với những

---

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT KIỂM-SÁT

★ Ra lệnh dễ, khiến cho lệnh được thi-hành mới khó; tuy nhiên có khiến cho lệnh được thi-hành, người cầm đầu mới chứng tỏ mình không phải là kẻ cầm đầu « tài tử ».

★ Lệnh ông đã ban hành rồi, nhưng sau đấy thì sao ? Ông phải coi xem người ta có thi-hành lệnh đó không ? Ông phải giám-thị, phải theo dõi. Nếu chỉ-huy chỉ là ra lệnh thì chỉ-huy không khó. Phải làm sao cho người ta thi-hành lệnh mới được. (Foch).

http://tieulun.hopto.org

đồn-điền lớn vì bây giờ đã thành thói quen, nhưng có lẽ các trung và tiểu đồn-điền cần sự trợ giúp trong năm đầu, và các vườn gia-đình thì cần được trợ giúp thường xuyên. Nếu muốn có kết-quả đồng nhất thì nên giao việc tháp cây cho những nhóm người chuyên-nghiệp thuộc các Trung Tâm Nghiên-cứu hay các hợp-tác-xã, hay các công-ty chuyên-nghiệp của tư nhân, chứ không nên dậy nghề tháp cây rất khó-khăn này cho các chủ vườn gia-đình vì có lẽ trong thời hạn 3, 40 năm khai-thác họ chỉ dùng đến trong một hai năm mà thôi.

Vấn-đề đầu tư khó ước-lượng được vì còn tùy trường-hợp mướn công-nhân như các đồn điên lớn và nhỏ, hay trường-hợp chủ nhân tự làm lấy như các vườn gia-đình. Đề quý-vị có một ý-niệm, chúng tôi căn-cứ vào trường-hợp mướn công-nhân để xem tổng số chi tiêu phải trù-định là bao nhiêu :

	RỪNG CÂY LỚN	ĐỒNG CỎ LỚN
1 — Sửa soạn	20.000 VN$	12.000 VN$
2 — Trồng cây.	10.000 —	8.000 —
3 — Trông nom trong 6 năm.	30.000 —	30.000 —
Cộng là	60.000 —	50.000 —
Thiết lập cơ sở :		
1 — Kỹ nghệ.	7.000 VN$	7 000 —
2 — Quản trị.	500 —	500 —
3 — Xã hội	10.000 —	10 000 —
Cộng là	17.500 —	17.500 —
Tổng cộng . . .	77.500 —	67.500 —

Vị chi với 20.000 mẫu sự chi tiêu phỏng độ 1.500.000.000 đồng bạc Việt-Nam.

Khi thành lập đồn điền tại một nơi hẻo lánh ở xa những tổ chức đã có sẵn, có khi không có phương tiện giao thông, tức là trường hợp những công-ty lớn sau này sẽ lập ra thì nên cần thận lập một ngân quỹ dồi dào để dự trù những khoản chi phí có thể lên tới 90.000$ mỗi mẫu.

Trong số tiền đầu tư nên có một phần bằng ngoại tệ để mua dụng cụ nặng cần thiết trong thời kỳ thành lập và trông

http://tieulun.hopto.org

nom đồn điền cho đến khi lấy nhựa. Các dụng cụ chính gồm có cam nhông-vận-tải, máy cày và các máy phá rừng và giữ gìn đất trồng. Do cách tính khá đích xác chúng tôi có thể ấn định sự chi phí là 100 mỹ-kim mỗi mẫu, kể cả giá mua lẫn đài tải, vị chi 2.000.000 mỹ-kim cho một diện tích 20 000 mẫu. Ngoài thực tế có lẽ phải tốn kém hơn trong năm thứ nhất và cứ cách 5 năm lại phải tốn như thế vì máy móc hao mòn cần phải thay thế. Như vậy con số 100 mỹ - kim chỉ là khoản chi phí trung bình hàng năm. Sau hết, lúc xây cất những cơ xưởng kỹ-nghệ là lúc phải chi phí những khoản tiền quan trọng hơn cả. Cũng theo sự ước lượng đúng đã nói trên, con số tối đa là 300 mỹ-kim mỗi mẫu, vị chi 6.000.000 mỹ-kim cho một diện tích 20.000 mẫu. Khoản tiền này phải dùng đến từ năm thứ 5 đến năm thứ 7 sau khi khai phá đồn điền, như thế để cơ xưởng sẵn sàng hoạt động từ năm thứ 7, thời kỳ bắt đầu lấy nhựa.

Để có một ý niệm về khoản chi phí cho một vườn cao-su gia-đình, chúng tôi xin đưa ra những con số sau đây : Gia-đình có vườn không dùng công-nhân ăn lương tháng mà chính chủ - nhân làm lấy, ngoài công việc nông súc họ tự trông nom vườn cao-su, như thế chỉ cần tính khoản chi phí về trang bị phải mua bằng ngoại tệ là 400 mỹ-kim, tính theo hối xuất tự-do là 30.000 đồng. Thêm vào đó còn khoản chi phí tại chỗ và linh tinh lối 20.000$ V.N., tổng cộng là 50.000 đồng V.N.$ một mẫu cây lấy nhựa được rồi, kể cả chi phí về cơ xưởng kỹ-nghệ của hợp-tác-xã.

Quý vị hẳn nhận thấy chương-trình này đẹp để lắm, và tôi đã coi nhẹ những con số hàng triệu mỹ-kim, không kể đến hàng triệu đồng cần để mướn nhân-công và sinh sống. Hẳn là chúng ta đề cập đến vấn-đề xuất vốn rất khúc mắc, mà tôi xin thú thực là không có thẩm-quyền, thực ra vấn-đề này thuộc phạm - vi chánh - quyền. Tôi chỉ có thể nói rằng mặc dầu một phần chương-trình 20.000 mẫu của ta là những đồn điền nhỏ chắc là không đạt được năng xuất tối đa, tôi cũng tin rằng nếu toàn-thể chương-trình được thực hiện chu đáo bắt đầu ngay từ bây giờ, chúng ta có thể trông đợi một năng xuất trung bình là 1.500 ki-lô mỗi mẫu. 1.500 ki-lô sẽ mang lại bao nhiêu lợi tức ?

Quý vị đã biết, cao-su co răn lắm, co răn hơn ta tưởng vì nó truyền đặc tính co răn cho thị-trường cao-su, trong 50 năm gần đây giá vọt lên, thụt xuống rất kỳ cục, tuy thế vẫn có khuynh hướng đứng giá, ngoại trừ trường hợp đại biến trên thế-giới lúc nào cũng có thể xảy ra. Dầu sao, như trên chúng tôi đã nói, giá cao-su thiên-nhiên cũng không thể nào hạ hơn giá bán cao-su nhân-tạo được. Chúng tôi lấy giá tối thiểu cao-su nhân-tạo là 25 xu một cân Anh. Căn cứ vào đấy, ta có thể ước lượng lợi tức chưa khấu trừ các chi phí tính ra ngoại tệ tối thiểu là 800 mỹ-kim một mẫu, vậy thì mỗi diện-tích 20.000 mẫu hàng năm sẽ đem lại 16 triệu mỹ-kim cho công quỹ. Không một loại nông - sản nào có thể đem lại cho chính - phủ hay nhà sản-xuất một số lợi tức như thế. Đấy chỉ là lợi tức tối thiểu, vì nếu chúng ta tính theo giá thị-trường đặc-biệt thuận-lợi năm 1959 thì mỗi mẫu đem lại hơn 1000 Mỹ-kim cho công quỹ Muốn so-sánh, ta thử lấy thóc lúa, một nông-phẩm chiếm phần quan trọng trong hoạt-

http://tieulun.hopto.org

động nông-nghiệp ở Việt-Nam ; nếu ta định rằng đồng ruộng ở Việt-Nam sản-xuất trung bình được 1 tấn rưỡi thóc mỗi mẫu, xay thành gạo được một tấn chẵn, thì một tấn gạo trị giá chỉ vào khoảng 85 Mỹ-kim mà thôi.

Đối với người sản-xuất cao-su thì, căn-cứ vào giá tối thiểu và năng-xuất trung bình 1.500 kí-lô mỗi mẫu, ta có thể ước-lượng số lợi tức chưa khấu trừ chi phí của mỗi mẫu cao-su tối thiểu là 10.000 đồng bạc Việt-Nam, còn như cấy lúa thì mỗi mẫu ruộng không thu được quá 1 phần 10 số tiền đó.

Tôi thiết nghĩ đã trình bầy đủ yếu-tố để quý-vị công-nhận nên dành quyền ưu-tiên cho khu vực cao su trong chương-trình khoáng trương nông-nghiệp ở Việt-Nam. Tôi còn muốn nói rằng công việc khoáng - trương nghề trồng cao su phải được chú trọng hơn sự trang bị kỹ nghệ, bởi vì công cuộc vỉ đại khoáng trương nghề trồng cao-su sẽ đem lại nguồn lợi to tát để ta mua tất cả những dụng cụ trang bị kỹ nghệ xét ra cần và lợi, đồng thời mua hàng hóa tiêu thụ mỗi ngày một nhiều lên làm cho mức sống của người dân luôn luôn tăng tiến.

Tôi cũng hiểu rằng về phương diện xã - hội cũng như về phương diện kinh tế, khuynh hướng độc canh rất tai hại, nhưng chúng ta không đến nỗi tuyệt đối bị ảnh hưởng tai hại đó bởi vì dầu sao dân tộc Việt-Nam tiếp tục nông nghiệp cổ truyền vẫn có thể tự tạo một mực sống vật chất tối thiểu trong khi ruộng đất phải lần lần tiến mạnh tới chế độ đa canh. Như vậy, người ta có thể quả quyết rằng khi nước Việt-Nam chưa trồng được kha khá cao-su để ít ra quân bình cán cân thương mại, thì nói đến việc khuếch trương những loại nông phẩm cổ truyền khác hay đem vào những nông phẩm mới không có lợi về mặt kinh tế bằng cao-su hãy còn là chuyện đi ra ngoài đề tài.

Năm 1959, nước Việt-Nam đã nhập-cảng hàng hóa trị giá 7.860 triệu đồng và xuất-cảng có 2.627 triệu đồng, trong số đó 1642 triệu, tức 60%, là cao-su. Trên lý-thuyết, ta chỉ cần xuất-cảng 3 lần rưỡi số 70.000 tấn cao-su năm 1959, nghĩa là 250.000 tấn, là có thể quân-bình được cán cân thương mại. Căn-cứ vào năng xuất trung bình 1500 kí-lô mỗi mẫu của những đồn điền mới, ta chỉ cần canh-tác 120.000 mẫu nữa để thêm vào số 90.000 mẫu có sẵn là đủ.

Với 300.000 mẫu mà chính phủ trù-định từ bây giờ, nước « Việt-Nam có thể không những khỏi cần ngoại viện để được hoàn toàn độc-lập kinh-tế, mà mỗi năm cán cân thương-mại còn có 1 số thặng dư từ 175 đến 200 triệu Mỹ-kim, tính theo hối xuất tự-do vào khoảng 15 tỉ bạc Việt-Nam, một ngân số có thể làm cho một nước khá xung túc.

Chương-trình này không phi-lý vì chính là chương-trình đã thực-hiện ở Mã-lai, trong 5 năm, từ 1955 đến 1959, họ trồng 300.000 mẫu mới, làm cho tổng số diện-tích lên tới hơn 1.500.000 mẫu. Đất của họ trồng nhiều khi xấu, gồ-ghề, nhân công trong nước thiếu thốn, thậm-chí phải dùng đến 2 phần 3 số nhân công người ngoại quốc, Tầu hay Ấn-Độ, điều kiện khí-hậu không thuận-lợi, hay làm phát sanh

http://tieulun.hopto.org

những bệnh tầm gửi (maladie cryptogamique) đến một mức độ không có ở Việt-Nam, nhất là bệnh fomès làm hư rễ cây, một mối lo sợ lớn cho nhà trồng-tỉa Mã-Lai.

Trong những điều-kiện ấy, chắc-chắn là nếu cố-gắng tuyên-truyền sâu rộng thì tư-bản ngoại quốc sẽ chẳng ngại ngùng gì đầu tư vào ngành trồng cao-su ở Việt-Nam. Thực-hiện công cuộc tốt đẹp cho tương-lai đó, chính-phủ có dịp dùng đến những khoản tiền có sẵn, hay yêu-cầu ngoại-quốc ứng trước cho, sau này sẽ trả bằng cao-su khi khai-thác các đồn-điền mới thành lập Người Việt cũng có thể dùng vào đấy số vốn không làm gì để sinh lợi. Người ta mua sắm (hàng-hóa tiêu-thụ), xây nhiều biệt thự đồ sộ ở Sài-Gòn, những sự kiện ấy có thể chứng tỏ một phần nào người có vốn không có dịp mang ra kinh doanh. Do chế độ cải cách điền địa tài sản của chủ điền có thể được chuyển hoán sang lãnh vực cao-su bằng những phiếu phát hành nhân dịp ấy để đầu tư vào những công ty cao-su mới. Số vốn ấy có thể góp một phần quan trọng vào chương trình khoáng trương trồng tỉa.

Người ta đã có nhiều buổi diễn thuyết về cao-su mới đây tại Việt-Nam, đến lượt tôi xin góp ít lời vào những cuộc bàn luận đầy hứng khởi này, nhưng chúng ta không thể dợi cây cao su tự nó mọc lên tuy nó đầy thiện chí, thì giờ đã đến để chúng ta bắt tay vào những thực hiện cụ thể. Trong đợt đầu này các đồn điền lớn nhỏ đều sẵn sàng để trồng vào khoảng 8.000 mẫu. Còn những công-ty mới sẽ hoạt động sau này, ta cần phải thành lập — mà thành lập cấp bách. Còn như các vườn gia đình hay của làng xóm, năm nay hãy còn đủ thì giờ chuẩn bị nếu ta khởi sự ngay công việc sơ bộ, bởi vì đến tháng 7 tháng 8 mới có hạt giống.

Ít ra cũng phải chuẩn bị ngay việc mở thêm những vườn cây tháp trong những khu-vực có thể khoáng-trương được nghề trồng cao su bất cứ dưới hình thức nào.

Tôi thành khẩn mong rằng sang năm 1961 sẽ được chứng kiến sự thực-hiện đợt thứ nhất 20.000 mẫu cao su mới.

Xuân-Lộc ngày 10-4-60
của FRANÇOIS SCHMITZ
V. Đ L. *dịch*

✱ Bất luận một tập-đoàn nào không có sự kiểm-sát đều dễ bị làm mồi cho định-luật tinh-lực suy-tồn, định-luật rất đúng, đối với tinh-thần cũng như đối với vật-chất.

✱ Dung túng và lơi lả mãi, tất sẽ dẫn tới chỗ làm việc nửa chừng và rồi hủy-hoại cả công việc trước đó đã khởi sự một cách mê say.

http://tieulun.hopto.org

TRƯỚC NGÀY HỌP HỘI-NGHỊ TỐI-CAO

Làm sao chấm dứt tình trạng « QUÂN BINH KHÙNG BỐ » TRONG THẾ-GIỚI HIỆN NAY

HOÀNG-MINH-TUYNH

Dưới đây là một đề-nghị cách-mệnh, tuy có vẻ như trái thường nghịch lý, nhưng có lẽ là đề-nghị thiết thật nhất, vì phù hợp với quyền-lợi của các đại cường quốc nhất.

ÔNG Bernard Baruch, nhà tài-chính kiêm chủ ngân-hàng, được cử làm cố-vấn tối mật cho Tổng-Thống Roosevelt trong suốt mười lăm năm trường và, với chức vụ ấy, đã từng tham dự, mọi vấn-đề chủ-yếu của chính sách Hoa-Kỳ trong trận thế-chiến thứ hai. Do đấy, ông cảm thấy trách nhiệm của nước ông rất lớn lao trước lịch-sử trong vụ làm nổ hai trái phá nguyên-tử đầu tiên trên hai thành phố Hiroshima và Nagasaki. Ông biết sự xuất-hiện món võ-khí mới ấy sẽ làm đảo-lộn mọi công cuộc toan tính của các quốc-gia trong hoàn-cầu.

Cuộc đấu tranh phát khởi giữa Hiệp-chúng-quốc và Liên-Xô sẽ biến thành một cuộc thi đua ác-liệt về võ-khí hột nhân.

Ý-thức rõ rệt mối nguy-cơ cho toàn-thể nhân-loại đó, ông Bernard Baruch tính đảo ngược dòng biến-cố lại. Ngay từ khi chiến-tranh chấm dứt, ông chuẩn-bị một dự-án cách-mệnh, vận-động cho chính-phủ Hiệp-chúng-quốc chấp thuận và đưa ra trình bày tại Hội-đồng Bảo-An của Liên-Hiệp-Quốc vừa mới ra đời. Theo dự-án trên, tất cả các quốc-gia (đặc-biệt là Hiệp-chúng-quốc là nước được coi như tiền tiến nhất về phương-

http://tieulun.hopto.org

diện này) phải trao nộp các chất tán phân nguyên-tử, các cơ-sở công-nghiệp và các bí mật khoa-học cho một quyền-uy quốc-tế được cử giữ độc-quyền toàn diện về võ-khí hột-nhân. Liên-Xô phản-đối dự-án trên bằng một phủ-quyết quyết-tuyệt.

Mười bốn năm qua từ ngày bác bỏ dự-án Baruch, các nước thi nhau chế-tạo võ-khí có năng-lực tiêu-diệt từng đoàn-thể nhân-loại, rồi lại cùng nhau tranh luận về tài-binh liên-miên hết ngày này qua ngày khác, mà không đạt tới một kết-quả cụ-thể nào. Hàng trăm dự-án, kế-hoạch đưa ra, chồng chất ngất-ngưởng trên văn-phòng các ủy-ban, các tiểu-ban, trong một bầu không-khí hiềm-nghi, khích-bác, ngày càng cuồng-nhiệt.

Kẻ « thường dân » thấy những cuộc cãi vã nhau giữa đại-diện các nước họp chán rồi tan vì những chuyện không đâu, không ăn nhập gì đến hiểm họa ghê gớm đang đe dọa nổ tung trên đầu mình, thường đâm ra ngán ngẩm cho vấn-đề tài binh mà họ coi là một cách « huyễn-hoặc lạc quan » đưa ra cốt để làm yên lòng dân-chúng thôi, trong khi nước nào nước ấy vẫn sửa soạn ngầm để tận diệt nhau trong một cuộc chiến-tranh cuối cùng sắp tới.

Thật ra thì không phải là không có những cuộc thượng-nghị về tài binh, lập ra với mục-đích duy-nhất làm yên lòng dư-luận hoàn-cầu, mặc dù cả hai bên đương-sự cũng biết, do tình thế, chưa thể đi tới kết quả thiết thật, cụ thể nào được. Nhưng lịch-sử hai mươi năm trở lại đây chứng tỏ đôi khi vẫn thường thấy xuất sinh ra một vài hoàn-cảnh đặc-biệt có thể đưa tới một thỏa-thuận thích đáng, miễn người ta biết chụp lấy cơ-hội và biết đề-nghị một giải-pháp thích hợp.

Hồi kết liễu chiến-tranh thứ hai là một trong những hồi thuận lợi đó, ông Bernard Baruch đã thấy rõ như vậy, nên ông mới sửa soạn kế-hoạch thế-giới-hóa các võ-khí nguyên-tử. Nhưng ông thất-bại, đó chỉ là vì ông đã từ-khước, không chịu nhìn nhận thật tế chính-trị trong thế-giới bấy giờ và kế-hoạch của ông vẫn còn chứa đựng sâu đậm một quan-niệm quá thiên về pháp-lý trong

Thư giấu trong lòng cá

Ngày xưa có người đàn bà, chồng đi xa, nhớ chồng mà không thể gửi thư được. Người ấy liền viết thư bỏ vào miệng một con cá cho nuốt đi, rồi thả xuống sông. Con cá sau bị mắc câu, người câu đem ra chợ bán, người chồng tình cờ mua được, mổ cá ra thì bắt được thư vợ. Do đấy, có điển *ngư-phúc tàng thư* (thư chứa, giấu trong lòng cá) gọi tắt là *ngư thư*.

http://tieulun.hopto.org

các cuộc bang-giao quốc-tế. Ông quên rằng, chính bởi thế siêu đẳng *thật tế* của Hiệp-chúng-quốc bấy giờ mà Liên-Xô chưa thể nào chấp-thuận đề-nghị của Hiệp-chúng-quốc được. Chưa cần xét về nội-dung thái-độ của Liên-Xô, ta cũng có thể hiểu một cách dễ dàng lý-do khiến các nhà lãnh-đạo Liên-xô từ-khước sự đứng vào một thế-giới *thật tế* do Hiệp-chúng-quốc làm chủ tế, mặc dù trên *nguyên-tắc* Liên-Xô cũng có thể đóng một vai trò tương đương với Hiệp-chúng-quốc trong « quyền-uy quốc-tế » theo dự án Baruch.

Nếu ông Bernard Baruch chịu đi sâu chút nữa trong việc phân tích tình thế thiết thật, chắc hẳn ông không đề-nghị dự án của ông cho Hội-đồng Bảo-an, là nơi dự án của ông bị Liên-Xô dùng quyền phủ quyết bác bỏ quyết tuyệt, mà ông đã yêu cầu, chính-phủ Hiệp-chúng-quốc bắt buộc toàn thế-giới phải thừa nhận, bởi lẽ thật ra bấy giờ chưa nước nào trong thế-giới có đủ khả-năng chống cưỡng lại nổi.

Một cơ hội thuận lợi khác lại vừa mới mở ra cho một cuộc tài bình nữa. Từ mười lăm năm trong cuộc chiến-tranh lạnh, chưa bao giờ có hoàn cảnh thuận lợi để đi tới tài bình như lúc này. Chưa bao giờ các dân-tộc và các nhà lãnh-đạo, nhất là các nhà lãnh-đạo của hai cường quốc chủ tế, thật thấy muốn, thật thấy cần bỏ nỗ-lực trong cuộc thi đua võ-trang. Cho nên càng không nên bỏ lỡ cơ-hội này, là cơ-hội có lẽ không kéo dài lâu được.

Giai đoạn hiện tại sở dĩ có thể coi là giai đoạn thuận lợi cho cuộc tài bình, chính vì lẽ các lực-lượng đối-lập hiện nay giữa Hiệp-chúng-quốc và Liên-Xô đã đạt tới chỗ quân bình. Bao lâu Liên-Xô còn cảm thấy họ kém thế và phải cố gắng đuổi kịp sự chậm trễ của họ trong địa hạt võ-khí nguyên-tử, thì chưa thể nào có sự điều đình giữa hai khối. Và đó chính là cái lý do chủ yếu của cuộc đối thoại giữa hai kẻ điếc, ta đã thấy diễn hành từ mười lăm năm trong các cuộc tranh-luận về vấn-đề tài-bình vậy.

Hiện nay, sự chậm trễ trên, Liên-Xô đã đuổi kịp rồi, và trong cơ cấu thế-giới ngày càng thấy hiển hiện rõ rệt sự va chạm giữa hai cường quốc, mạnh hơn các nước khác hợp lại gấp trăm, ngàn lần. Thế quân bình trên mới thấy xuất-hiện từ ít lâu nay. Mặc dù, từ năm 1953, Liên-Xô cho nổ trái phá H, chỉ một năm sau Hiệp-chúng-quốc, song họ vẫn cảm thấy bị đe dọa bởi cái giàn hỏa - tiễn Hiệp - chúng - quốc giăng ra bủa vây lãnh - thổ họ. Cho đến khi đó, họ chưa có đủ phi-cơ để đối địch lại nổi với làn sóng phi cơ phóng pháo của Strategic Air Command (Phi Đội chiến-thuật). Song từ năm 1957, nghĩa là từ những cuộc thử hỏa - tiễn liên hành - tinh đầu tiên thành công, các lực lượng có khuynh hướng gần đuổi kịp nhau và hiện tượng đặc-biệt năm 1960 chứng tỏ các lực lượng đã đi tới chỗ quân bình thật sự, chứ không phải như nhiều người vẫn tưởng là Mỹ-quốc đã bị lâm vào thế kém hẳn Liên-Xô.

Sự xuất hiện thế quân bình đó là điều kiện cần thiết cho mọi tiến bộ về cuộc vận động tài bình công hiệu. Thế quân bình này không thể kéo dài mãi mãi, vì ngoài nước Anh và nước Pháp là hai nước hình như đều muốn cho hai đại cường - quốc thỏa thuận với nhau, còn có nhiều nước

http://tieulun.hopto.org

khác cũng đang lăm le muốn đứng vào hàng ngũ các cường-quốc nguyên-tử để làm cho cán cân nghiêng lệch. Do đấy, có thể coi như thời-gian quân bình khó lòng tồn tại lâu lắm được.

Thế liên-đới giữa hai kẻ mạnh nhất

Một thế-giới lưỡng cực đã phát-minh do sự đua tranh ác liệt giữa người Nga và người Mỹ. Duy hai quốc-gia này có đủ năng lực bắt buộc các quốc-gia khác tuân theo luật lệ của họ, nếu thật tình họ muốn. Và mặc dù hai quốc-gia ấy ở trong cảnh huống đối lập, chống báng nhau, cả hai bên cùng lần lần ý thức rõ rệt sự tương đồng về lực lượng sẽ làm phát sinh ra sự tương đồng về quyền lợi không thể tránh được.

Trước hết vụ kinh Suez là một bài học mà đến nay hình như người ta đã lãng quên mất. Khi Liên-Xô và Hiệp-chúng quốc cảm thấy họ có thể bị lôi cuốn vào chiến tranh nguyên-tử do lỗi của những cường quốc đệ tam, tự nhiên họ phải thỏa thuận ngầm với nhau để cùng ném lực lượng của họ lên cán cân và hãm tức khắc các chiến dịch làm vướng chân họ lại. Đọc kỹ lời cảnh cáo của Kơ-rút-sốp gửi cho nước Pháp và nước Anh, ta thấy rõ Liên-Xô tỏ ý muốn phân chia với Hiệp-chúng-quốc trách nhiệm về các vụ xung đột xảy ra trên hoàn cầu, mà không cần đếm xỉa gì lắm đến các cường quốc hạng thứ không có, hoặc chỉ có một số ít võ khí nguyên-tử hay võ khí khinh khí.

Từ khi đó, ta thấy nhiều biểu hiện khác về trạng thái tâm lý nói trên phát lộ. Cuộc du hành của Kơ-rút-sốp qua Hiệp-chúng-quốc là một trong những nhân tố chủ yếu ; các cuộc hội đàm tại Camp David, mặc dù người Mỹ chối dài, càng làm tăng gia rõ rệt ý tưởng của hai nước muốn dựng cái thế lưỡng đầu. Sự kiện kết thúc hiệp ước Nam băng cầu mới đây cũng là một bằng chứng xác nhận : cả Liên-Xô lẫn Hiệp-chúng-quốc đều quyết định chung với nhau một chính sách phối hiệp Theo một thỏa hiệp vừa ký, hai bên long trọng tuyên bố không có chủ quyền trên bất luận một mảnh đất nhỏ nào trên Nam băng cầu, nhưng hai bên cùng từ khước việc nhìn nhận yêu sách của bảy nước về đất-đai theo hệ-thống phân chia khu vực trong thế-giới thuở xưa. Nhất là Cộng-hòa Ac-giăng-tin, mặc dù đã tuyên bố không chịu mở cửa «tỉnh nam băng cầu» của họ ra cho bất luận ai, rút cuộc cũng đã phải chấp thuận một hệ-thống kiểm sát quốc-tế : phàm nước nào trong mười hai nước có ký tên trong hiệp-ước, đều có quyền phái quan sát viên tới mọi địa điểm trong khu vực để kiểm sát việc thi-hành triệt-để thỏa-hiệp.

Từ ít lâu nay, tinh thần liên đới giữa hai « nước khổng lồ » càng hiển hiện rõ rệt và cụ thể hơn nữa. Sự hợp tác Mỹ-quốc — Xô-viết trong địa hạt nghiên cứu khoa-học, sử dụng hòa-bình tinh-lực nguyên tử, và có lẽ cả thám hiểm không gian, đã đạt tới những tiến bộ chắc chắn. Đại biểu các nhà bác học của cả hai nước đã khởi sự đi thăm viếng lẫn nhau và xem xét những cơ sở của nhau một cách khá đầy đủ. Giáo sư Nga Yemelianov tuyên bố — mặc dù tuyên bố có khi quá sớm đối với thật tế — đó là những cuộc thăm viếng khơi mào cho một thỏa-hiệp giữa Liên-Xô và Hiệp chúng-quốc cùng muốn « chia nhau

http://tieulun.hopto.org

gánh những gánh nặng về công cuộc mở mang lực lượng nguyên-tử, bằng cách định chuẩn một chương trình hoàn bị cho công cuộc nghiên cứu khoa học ». Đó là một cách phân công tránh cho mỗi nước khỏi hao phí những khoản chi tiêu lớn lao để xây dựng những nhà máy quan trọng hơn của đối phương. Nhà bác học ấy kết luận : « Một cuộc hợp tác như vậy không những làm cho tinh lực nguyên-tử sớm được sử dụng một cách có lợi cho toàn thể nhân-loại, mà còn giúp ích cho chúng ta mau đạt tới những mục tiêu chính-trị và làm giảm bớt tình thế căng thẳng giữa Đông và Tây.»

Chiến-tranh cứu vãn hòa-bình

Sự kiện quyền lợi tương đồng đó gây ra một không khí thuận lợi để tìm kiếm ra một giải pháp cho vấn-đề tài-binh. Ngoài ra, còn nhiều lý do thâm sâu hơn bắt buộc người ta phải hành động theo chiều hướng trên nữa. Những ngân khoản tiêu dùng vào mục-đích quân-sự đè nặng trên nền kinh-tế của người Nga cũng như của người Mỹ. Chế tạo trái phá nguyên-tử, rồi trái phá khinh khí, đã đành là việc tốn hao, nhưng duy trì những khu vực căn cứ rải rác khắp hoàn-cầu lại là việc tốn hao hơn gấp bội và đòi hỏi người dân trong nước phải nỗ lực góm ghê. Hàng năm, tại Hiệp-chúng-quốc, mỗi kỳ biểu quyết ngân-sách là mỗi kỳ xảy ra những cuộc tranh-luận phiền hà, khổ cực. Hàng năm, vị tổng-thống tại vị phải tìm cách giảm thuế đè nặng trên đầu người công-dân một cách tuyệt vọng, mà gần như lần nào ông cũng bắt buộc phải tăng khoản chi lên để gìn giữ cho Hiệp-chúng-quốc đứng vững được ở cái mức tự vệ công hiệu. Kơ-rút-sốp vừa rồi cũng tỏ mối băn-khoăn của ông về sự tổn hao tương tự : ông tuyên-bố trong thuyết-trình của ông nhân dịp khóa ba tại Xô-viết Tối-cao Liên-Xô : « Trong lịch-sử nhân-loại, các dân-tộc chưa hề bao giờ phải cung ứng một phần lao-động lớn lao như thế vào công cuộc chế tạo phương tiện tự hủy diệt mình đi như hiện nay ». Lời tuyên-bố đó không phải chỉ là một lời tuyên-bố suông. Đã hai lần, Liên-Xô phải đơn phương bớt quân số : ngoài dụng ý tuyên-truyền, Liên-Xô thật muốn giảm gánh nặng về quân phí xuống.

Thêm vào lý do về kinh-tế nói trên, còn có những lý do về chính-trị.

Liên-Xô và Hiệp-chúng-quốc càng thật hiện được tiến bộ trên địa hạt võ khí hột nhân thì càng ý thức hiểm họa đè nặng trên hoàn-cầu, hoặc vì bên nọ ngờ bên kia sửa soạn tấn công mình đột ngột, hoặc vì cả hai bên cùng sợ những hậu quả của một tai nạn không may (1). Người ta còn nhớ những những phút lo-âu, hãi-hùng của một số chiến-lược-gia Mỹ-quốc gây ra bởi một đoàn chim di-thực khi bay đã tạo thành những vết khả-nghi trên các đài ra-đa Dew Line. Người Nga và người Mỹ đều thấy sinh mệnh mình tùy thuộc vào một tai-nạn tâm-lý : tất cả hệ-thống của sự chiến, hòa thật-tế căn-cứ ở quyết-định của một người trách-nhiệm. Nếu đột nhiên người trách-nhiệm ấy phát điên thì hoàn-cầu sẽ hóa ra sao ? Hơn nữa, chiều hướng

(1) Theo những con tính đứng đắn nhất của các bộ tham-mưu Tây-phương thì chỉ nội trong vài giờ sau cuộc chiến-tranh nguyên-tử, có thể có lối 120 triệu người chết bên phía Hiệp-chúng-quốc và 60 triệu bên phía Liên-Xô.

http://tieulun.hopto.org

hiện nay của các căn-cứ hỏa-tiễn đang tiến tới chỗ sửa soạn cho mỗi căn-cứ có thể sử-dụng được hàng trăm, nếu không phải là hàng ngàn hỏa-tiễn cho mỗi mục-tiêu, trong vòng một hai năm nữa. Nếu không may xẩy ra một vài lầm lộn bất ngờ trong việc điều-khiển khí-cụ hay máy móc thì thiên-hạ sẽ biến ra thế nào ?

Tất cả những lý-do trên khiến cho giai-đoạn hiện tại trở nên một giai-đoạn thuận-tiện nhất cho một cuộc hưu-hoãn giữa trận đua võ-khí nguyên-tử. Đó là sự-kiện mà tướng Đơ-Gôn đã tóm tắt trong một cuộc hội báo hồi năm ngoái : « Nước Nga có một lực-lượng khổng-lồ và biết Tây-phương cũng có một lực-lượng không kém, nên nước ấy cho rằng một cuộc chiến tranh, dù từ đâu tới, cũng sẽ đưa nhân-loại tới chỗ tận diệt, và bởi không thể dùng chiến-tranh thì phải dùng hòa bình vậy. »

Tuy nhiên, có thể có người hỏi rằng : nếu mọi điều-kiện đã sẵn-sàng rồi thì tại sao người ta không kết thúc với nhau một thỏa-hiệp ngay đi. Đó là bởi tại giữa hai bên còn có một hố sâu ngăn cách : hố sâu ấy là sự sợ hãi và ngờ-vực nhau. Trong một bữa phúc đáp cuộc phỏng-vấn của đài B.B.C., ông Nê-Ru có tuyên-bố một câu, giải-đáp đầy đủ cho chúng ta mối thắc-mắc về tâm-trạng của hai phe đối-lập. Ông nói : « *Điều cần-thiết là phải cởi bỏ cái thói sợ bị xâm-lăng.* »

Cả hai phe cùng tuyên-bố sẵn sàng giảm lần lực lượng võ-trang nguyên-tử, song giữa lúc đó, người Mỹ tự hỏi : « Ai bảo đảm được cho chúng ta mỗi phe sẽ làm đầy đủ nghĩa-vụ của mình ? » Và họ nhấn mạnh vào sự kiểm sát mà họ cho là tối ư cần-thiết. Sự kiểm sát đó, người Nga không muốn, vì họ nghĩ đấy là một cách tráo trở của người Mỹ muốn can-thiệp vào nội-bộ nước Nga. Cách đây không lâu, Kơ-rút-sốp đã có lần trả lời về đề-nghị của Tây-phương muốn lập cuộc thanh-tra không-lực : « Đề-nghị

Một cách biện minh cho kẻ trộm cắp

Có lẽ ít ai biện minh cho kẻ trộm cắp hữu-lý bằng nhà hiền triết Epictète. Luận về kẻ trộm cắp, ông nói : « Các người bảo họ là những kẻ trộm cắp, nhưng này, các người có xiêm áo sang trọng mà người láng giềng của các người không có, các người lại trưng bày nó ra trước cửa sổ cho họ trông thấy nữa ? Các người làm thế có khác gì đem bánh ngọt dử kẻ tham ăn rồi ăn một mình. Hành vi của kẻ trộm cắp có thể gọi là bất lương, nhưng không thể gọi là phi lý. Sở dĩ ta mất là bởi tại ta có ; ta không có thì ta không mất mà cũng không khổ. »

http://tieulun.hopto.org

của Tây-phương chỉ có mục-đích tiện bề dọ thám đó thôi. » Đó là chưa kể phe này cũng như phe kia, không phe nào dám nhận trách-nhiệm với quốc dân trong việc giải trừ quân bị, bao lâu chưa có đủ bằng chứng đối-phương của họ đã giải trừ triệt để và toàn-diện. Chỉ một số rất ít võ-khí nguyên-tử còn lại cũng đủ để cho đối-phương của họ ở trong vị-trí của kẻ nắm thế tuyệt-đích và bắt họ phải khoanh tay đầu hàng. Hiện nay, chưa có phương-thế kiểm-sát nào hữu hiệu để cho mọi người có thể yên tâm tin cậy. Việc kiểm sát các chất tán-phân nguyên-tử mới chế tạo tuy có dễ dàng, song việc kiểm sát các chất đã chế tạo rồi rất khó thật hiện; việc đó chỉ có thì làm khi nào có sự thâm nhập thật chặt chẽ giữa hai nước, nghĩa là khi người Xô-viết không còn hiềm-nghi nữa mới được.

Đó là trở ngại duy-nhất trên con đường giải trừ quân-bị, nhưng là trở lực to tát vô cùng. Tất cả mọi cuộc thương nghị đều vấp phải nó, và nếu lần này người ta lại thất bại không vượt được nó nữa, thì người ta lại bỏ lỡ một cơ-hội tốt nhất để cứu vãn hòa-bình vậy.

Biện pháp cuối cùng

Tuy nhiên, vẫn còn có thể có biện-pháp, đó là biện-pháp *trao tạm thời lực-lượng quân bị cho một cường-quốc đệ tam trung-lập*, biện-pháp mà chính người Mỹ đã đề-nghị trong kế-hoạch Baruch. Chỉ với biện-pháp đó, việc giải trừ quân bị mới khả dĩ tiến hành hiệu quả, khiến cho người Nga chấp-thuận được một sự kiểm sát và người Mỹ cũng không thấy sự gì khó khăn, vì họ chắc chắn trong trường-hợp một vài hỏa-tiễn có lọt ra ngoài vòng lưới, một cường-quốc đứng làm trọng-tài sẽ lãnh nhiệm-vụ làm thối chí kẻ muốn giở thói xâm-lăng. Trở ngại số 1 là trở ngại nghi ngờ và sợ hãi như thế là có thể vượt qua được.

Nhưng hai phe liệu có thể sẵn lòng thừa nhận sự trọng-tài của một cường-quốc đệ tam đứng lên xét xử những mối tranh-chấp xảy ra giữa họ với nhau không? Ta có thể tin họ sẵn sàng, chứng cớ là trong các cuộc tranh-luận mới đây ở Hội-nghị « hột nhân » nhóm tại Giơ-neo ông Tsarapkine đại-biểu Liên-Xô, đã đề-nghị với Hiệp-chúng-quốc một phương thức kiểm-sát việc ngưng thí-nghiệm võ-khí nguyên-tử, do một ủy-ban phụ-trách gồm ba nước thuộc khối Tây-phương, ba nước thuộc khối Xô-viết, và một nước trung-lập. Như vậy là Liên-Xô thừa nhận, giữa hai khối, có sự hiện hữu của những nước trung-lập — trọng-tài không lệ thuộc khối này cũng như khối kia.

Vấn-đề thứ hai cần nêu lên là: trao lực-lượng nguyên-tử trọng-tài cho nước nào?

Người ta có thể nghĩ tới Liên-Hiệp-Quốc, và tạo ra cho tổ chức này một lực lượng cảnh bị nguyên-tử phụ trách việc thi hành thỏa hiệp tài binh phỏng theo lực lượng cảnh bị đã đặt ra để can thiệp vào vụ tranh chấp giữa Do-Thái và các nước A-Rập. Giải pháp trên sẽ gặp hai trở lực: trở lực thứ nhất là phải tìm kiếm ra một nơi chứa cất những võ khí hột nhân, vì ngoài dinh thự ở Nữu-Ước ra, Liên-Hiệp-Quốc không còn có lãnh địa nào khác hơn nữa. Việc này có thể làm nảy sinh ra

http://tieulun.hopto.org

những khó khăn hầu như khó lòng vượt nổi. Lại nữa, sẽ trao cho cơ quan nào của Liên-Hiệp-Quốc phụ-trách ? Chắc không thể trao cho Đại-Hội-Đồng, vì kinh nghiệm Hội Quốc-Liên trước đây đã chứng tỏ một cơ quan quốc-tế theo kiểu trên không thể gì quyết định cấp thời và tích cực : các định chế quốc-tế chưa đạt tới mức chín chắn đủ để thi hành một chế độ dân chủ. Hội đồng Bảo-An cũng không thể làm hơn, vì công cuộc thí-nghiệm «bán quí-tộc» của các đại cường quốc đó đã thất bại rõ ràng. Vậy nếu trên nguyên - tắc, không thể nhờ vào một cơ-quan nào của Liên-Hiệp-Quốc, thì chỉ còn cách kêu gọi một nước đã được tiếng là có tinh thần trung lập thật sự, tự ý ra gánh vác trách-nhiệm giúp cho. Nếu Hiệp-Chúng-Quốc và Liên-Xô đã có thể chấp thuận phương thức 3-3-1, thì sao họ lại không thể chấp thuận phương thức 1, vừa ngắn ngủi vừa gọn gàng ? Song nước trung lập ấy là nước nào ? Không thiếu gì những nước muốn đăng tên Ấn-Độ, Thụy-Sĩ, Thụy-Điển đã từng đóng vai trò trọng tài cho nhiều nước và nhiều nước đã nhờ họ phán-quyết cho nhiều vụ tranh chấp quan trọng. Giữa kỳ chiến tranh lạnh đang sôi nổi, cả hai đối thủ đã thỏa thuận bầu một người Thụy-Điển là ông Hammarjskoed lên kế chân ông Trjgve Lie trên ghế tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc. Cũng một người Thụy-Điển khác, bá-tước Bernadotte đã được đề cử điều khiển ủy-ban phụ-trách thi-hành thỏa-hiệp Palestine.

Cố nhiên, nước được cử ra làm trọng tài phải là nước có đủ tư-cách một nước hoàn-toàn độc-lập và đòi hỏi ráo riết người ta phải tuyệt-đối tôn-trọng sự độc-lập của mình, cùng chứng tỏ có đủ khả-năng sử-dụng triệt-để quyền-hạn đã được ủy-thác.

Giải-pháp cách-mệnh trên, chúng ta không thể chối cãi, vẫn còn có nhiều điểm chưa được hoàn-toàn. Tỷ dụ như một khi hệ-thống đã thiết lập nên rồi, mà nếu một trong hai phe có manh tâm gây biến loạn trong nước trọng tài, hòng dùng thủ-đoạn cướp lại cái họ đã nhượng theo thỏa-hiệp, thì sao ? Chúng ta có thể đáp lại : giải-pháp đề-nghị trên chỉ có thể là giải-pháp thích-ứng khi nào cả hai bên cùng có một ý-chí chung là ý-chí dùng hòa-bình để thay thế cho chiến-tranh; nếu một hay cả hai bên cùng không có ý-chí ấy thì đề-nghị trên đâu còn có lý-do tồn-tại. Vả chăng, điều e ngại trên có thể giảm bớt rất nhiều, nếu nước được cử làm trọng-tài tỏ ra là nước có nền nội-trị ổn cố từ lâu năm. Hơn nữa, điều e ngại trên, giả thiết như là điều đáng e ngại thật chăng nữa, cũng không nên đánh giá một cách tuyệt-đối, mà nên đánh giá tương-đối với những hiểm họa đang thường xuyên đe dọa hủy-diệt toàn thể hoàn-cầu trong một cuộc chiến-tranh nguyên-tử, do vô-tình hay hữu-ý.

Ngoài ra, tưởng cũng nên nói thêm rằng không cần phải lo xây-dựng một giải pháp có hiệu năng lâu dài. Giải-pháp ấy có thể chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp, đi từ quá trình tài binh quân-bị tới quá trình tài binh tâm-lý. Một khi trở ngại chủ yếu là sự hiềm nghi đã vượt qua được rồi, thì sau đó, tất sẽ có nhiều dịp cho hai phe được tiếp xúc với nhau

http://tieulun.hopto.org

và hiểu biết nhau hơn, khiến có thể giải trừ binh bị tự trong tâm-khảm của nhau được.

Đó có phải là một không-tưởng chăng? Trường-hợp hòa-hoãn giữa nước Pháp và nước Đức là hai nước có mối tử thù với nhau từ mấy thế-hệ, trước đây ai chẳng bảo là không tưởng? Thế mà mai ngày, giả-thiết như có kẻ nào đi dạo trên hè đường phố thành Bonn hoặc thành Ba-Lê để tuyên-truyền chiến-tranh giữa hai nước, thì chắc phản-ứng của dân chúng hai nước Pháp, Đức sẽ chẳng khác nhau. Mọi người sẽ cười vào mũi kẻ dại-dột, và không chừng còn hè nhau bắt nhốt kẻ ấy vào trại điên. Tại sao chúng ta lại không kỳ-vọng vào một thứ tiến-hóa tương-tự trong đầu óc người dân Nga và người dân Mỹ? Bấy giờ người ta sẽ có thể hủy bỏ được những võ-khí đã ký-thác cho nước trung-lập và tiêu-trừ được những hiểm-họa gắn liền vào một tình thế tạm thời. Trong khi chờ đợi, mặc dù chưa hoàn-bị, giải-pháp đề-nghị trên cũng đã có thể làm xong nhiệm-vụ của nó là: một lần nữa không bỏ lỡ cơ-hội đem hòa-bình tới cho nhân-loại.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài-liệu của tạp-chí Réalités, số tháng Tư năm 1960: Comment en finir avec l'équilibre de la terreur.)

✱ Kiểm-sát chặt chẽ là một trong những nhiệm-vụ đầu tiên của người lãnh-đạo. Vì đã ủy-thác một phần quyền-uy của mình, người ấy phải coi xem phần quyền-uy ấy đã được sử-dụng thế nào.

Sự kiểm-sát muốn cho công hiệu, người lãnh-đạo phải đích thân làm lấy, ít nên dùng sự trung-gian hay cách lập tờ phúc-trình, và tuyệt-đối không bao giờ nên giao cho kẻ thừa-hành.

Mặt khác, sự kiểm-sát phải đạt tới mức chót, nghĩa là phải đạt tới người thừa hành cuối cùng trong mức thang đẳng cấp.

Lyautey, trong suốt thời-kỳ nắm quyền chỉ-huy, mỗi ngày thường dời bỏ văn-phòng hai, ba giờ, nói là để xem xét người dân làm việc, mà kỳ thật là để tiếp-xúc trực-tiếp với sinh-hoạt của người dân, cố đặt mình vào vị-trí của người dân để hiểu tâm-trạng họ. Ông lợi-dụng mọi dịp để kinh-lý, cốt quan-sát mọi nơi, mọi chốn; không có chương-trình nào, lễ-nghi nào ngăn cản ông bẻ gẫy bình-phong đi thẳng đến người dân, để họ có thể bộc lộ những ý tưởng thâm sâu của họ một cách tự-nhiên. Do những cuộc tiếp-xúc hiệu quả ấy, thường nảy ra những tia sáng, khiến cho quyết-định của ông rất sát thật-tế.

http://tieulun.hopto.org

Dòng tư-tưởng...

TRÍ ĐOẢN

Chúng ta nhận thấy có những đầu óc rất khó thoát khỏi vòng cương-tỏa của học-đường và để cho những phương-thức chật hẹp trói buộc mãi mãi. Họ lên cao thì thấy như bị mất hướng, đi xa thì thấy như bị lạc đường, nên chỉ ước-ao được ở mãi trong vị-trí quen thuộc, mặc dù nó bó chặt mình lại. Nhiều khi với trạng-thái trí-đoán, họ còn có khynh-hướng ưa bẻ cánh của những kẻ muốn bay, chặt chân của những kẻ muốn tiến và kéo rút kẻ khác vào tầm mức của những năo-lực tầm-thường.

Do đấy, họ không chỉ gây tai hại cho chính bản-thân, mà còn cho những kẻ khác, có khi cho cả những tài-năng của đất nước, trên đường phát-dương của một thế-giới đang đi tới chỗ cộng-đồng, muôn hương muôn sắc.

Nghệ-sĩ cần có những mộng-tưởng siêu - tuyệt, thi-sĩ cần có những xúc-động nhiệt-cuồng, văn-sĩ cần có những tư-duy quảng-đại, khi mơ thì mơ rộng ra cả trần-hoàn, khi cảm thì cảm cộng-thông với cả nhân-loại, khi nghĩ thì nghĩ phổ-cập đến cả toàn-cầu, dù khi mơ, cảm, nghĩ trong chi-tiết hay trong đại-thể cũng vậy.

PHẠM-HOÀNG

http://tieulun.hopto.org

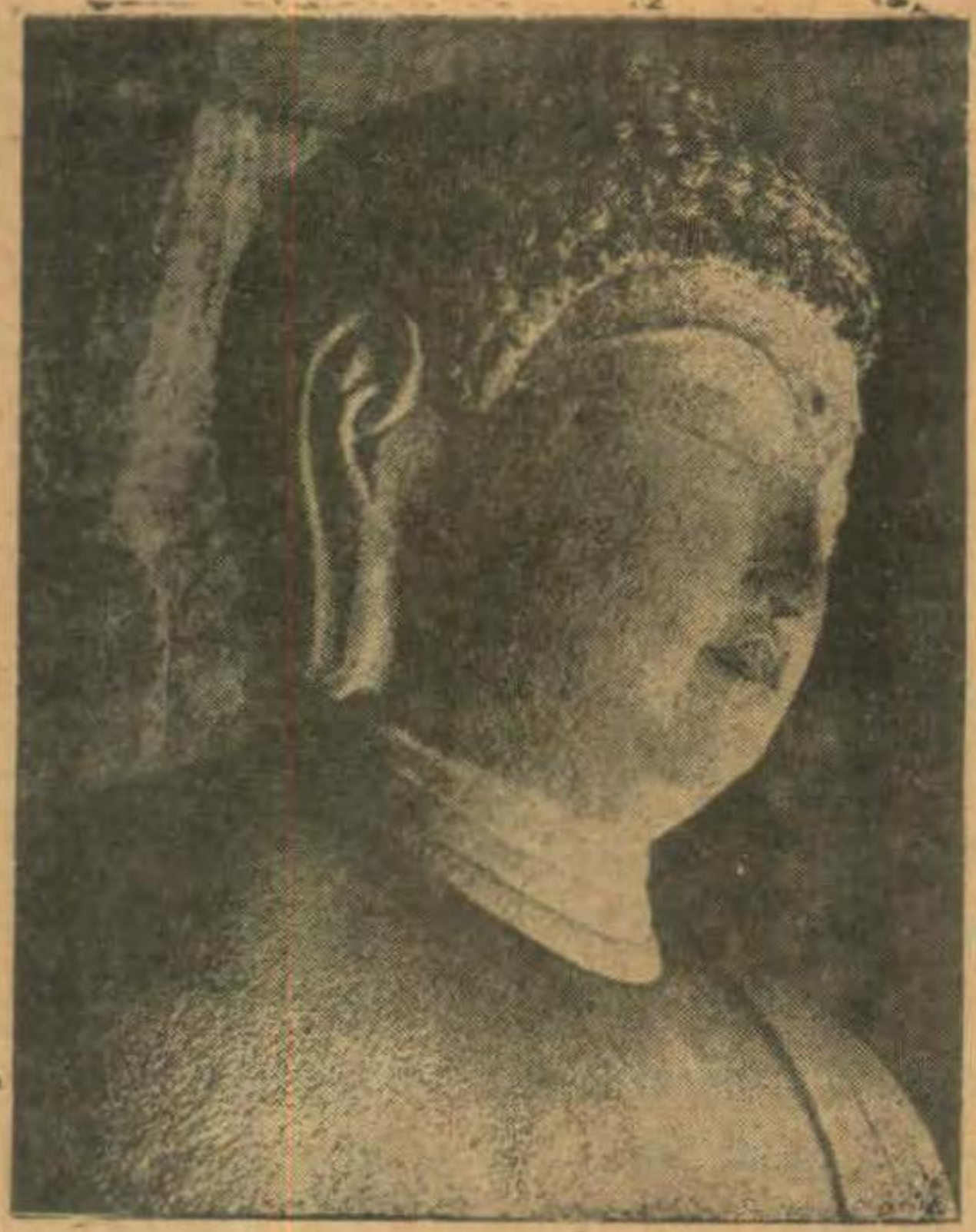

NHÂN NGÀY PHẬT-ĐẢN

BÀN VỀ CHỮ « TỪ » TRONG PHẬT-GIÁO

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THÔNG-KHAM

(Tiếp theo Bách-Khoa số 80)

« Từ » phải biểu lộ bằng hành-động

TỪ có tính chất tích cực bởi người có tâm từ phải biểu lộ tâm từ bằng hành-động. *Maitrì* chưa thể gọi là chính xác nếu chưa phát sinh ra *dàna* (bố thí). Phật-giáo nguyên-thủy (Tiểu thừa) đã nói rõ như vậy. « Người có thiện tâm, tìm điều thiện cho mình và cho tha nhân ». Tất cả những hành - vi cứu nhân độ thế mà Truyện kỳ bảo là của Phật hoặc trong khoảng ngài sống lần sau hết ở trần thế, hoặc trong những kiếp trước khi ngài còn là người hay thú, lần lần đã dưỡng thành lý-tưởng cho đệ-tử của ngài. Ở đây, ta chỉ việc lấy trong cái kho tàng rất phong-phú của bộ Jàtaka (người Trung-quốc gọi là Túc-sinh truyện) một vài truyện để chứng minh ; Jàtaka nguyên là một pho gồm nhiều truyện có trước Phật và đã được người ta « phật hóa » đi.

Trong một cuốn sách bàn về « *Luân-lý Phật-giáo* », ông Louis de Lavallée-Poussin có nói : « Ấn-độ hình dung bậc thánh như một nhà khổ hạnh, bác-học kiêm huyền - học ; song quan - niệm của họ về thánh thiện lại ôn nhu và nhân-đạo hơn và vai chính thường là những thú vật. Họ nhắc lại tích truyện con hươu đực để đầu trên tảng đá hy-sinh để cứu con hươu cái

http://tieulun.hopto.org

khỏi cặp chó săn đuổi bắt, con khỉ lấy thân mình làm cầu, con voi nhổ ngà cho người thợ săn hà tiện, con gấu tốt bụng và con người bội bạc. Ở bên những thú vật cao thượng ấy, có mấy ông Hoàng như Đông-cung thái-tử Vessantara hiến cả vợ lẫn con cho người, vua Sabi lấy thịt mình cho con kên kên (diều hâu) để cứu con bồ câu. Và Ấn-độ cho tất cả những thú vật và mấy ông hoàng đó đều là tiền thân của Đức Thích-ca Mâu-ni ». Chỉ xin đơn cử ra đây tích truyện con hươu có tâm từ và tích truyện ông vua lấy thịt mình để cứu con bồ câu. Ngày xưa, cả hai tích truyện này cùng được kỷ-niệm bằng một stupa (phù đồ) gần với các stupa kỷ-niệm những biến cố lớn trong đời của Đức Phật.

Một hôm có đám cháy xảy ra tại một cánh đồng hoang vu ở giữa khoảng rừng rộng. « Muông thú con nào con nấy đều cầm chắc là mình bị chết thiêu. Trước mặt chúng, một dòng nước lũ chảy vắt ngang chặn mất lối đi. Lúc ấy lửa cháy quá mạnh, chúng phải liều chết băng qua dòng suối và bị chết đuối rất nhiều.

Con hươu thấy vậy, động lòng thương xót, ngả mình làm cầu để cho các thú vật khác qua, đến nỗi xương gãy, da nát mất cả. Có một con thỏ què tới quá chậm, con hươu mặc dù đã gần kiệt lực, vẫn còn cố-gắng để cho con thỏ què qua nốt. Sau đó thì không chịu đựng nổi nữa, nó rơi xuống suối mà chết. Chư thiên nhặt lấy xương nó và lập nên một stupa để thờ. »

Truyện vua Sibi hy-sinh cũng cảm-động không kém, và truyện này thường được miêu-tả trong mỹ-thuật của Phật-giáo. Thần Indra (Đế-Thích) có ý-định thử Đức Thích-Ca: « Thần hiện hình thành một con chim ưng đuổi bắt một con chim câu (cũng là một vị thần mặc lốt chim câu) « có thân xanh biếc như bầu trời và cặp mắt sáng như trân-châu đỏ. » Bị con chim ưng đuổi bắt, con chim câu chạy trốn vào lòng vua Sibi. Con chim ưng đòi vua phải trả chim câu, viện lẽ chim câu là mồi nuôi cho nó được sống. Vua Sibi liền cắt thịt đùi trao cho chim ưng; nhưng bắc thịt lên cân để cân với chim câu thì chim câu vẫn nặng hơn thịt, đến nỗi phải để cả thân thể vua lên mới vừa nặng để cứu được con vật. Bấy giờ thần Indra mới hiển-hiện nguyên hình và báo cho vị bồ-tát biết ngài sẽ được thác sinh. » (1)

« Từ » trong Phật-giáo Đại-thừa

Lý-tưởng trên, lý-tưởng mà sự tích và Truyện kỳ Đức-Phật luôn luôn nhắc nhở cho tín-đồ, đã phát-triển rộng lớn trong Mahàyàna (Phật-giáo Đại-thừa). Tâm từ ngày càng trở nên tích-cực và phát-hiện ra ngoài bằng sự săn-sóc, thuốc thang cho bệnh nhân, bằng sự thiết-lập bệnh-viện, phúc-xá và bằng cả một hệ-thống truyền giáo có tổ-chức đường-hoàng. Hinayàna (Phật-giáo nguyên-thủy, Tiểu thừa) tuy có cấm tăng-ni không được bốc thuốc, chẩn bệnh (2), nhưng Phật-giáo Đại-thừa lại coi đó là một phương-tiện để giúp đỡ đồng loại. Trong

(1) Có thuyết cho rằng: Shakespeare đã dùng tích « cân thịt » làm đề-tài viết vở kịch « *Người lái buôn thành Venise* » (The merchant of Venice).

(2) Chỉ cấm, tăng-ni chứ không cấm tín-đồ.

http://tieulun.hopto.org

một vài vùng, nhiều tăng-viện Phật-giáo còn lập ra những cơ-quan từ-thiện. Hiện nay, một số tăng-viện đang nỗ-lực tổ-chức những công cuộc xã-hội nữa.

« Từ » với bố thí

Ngày xưa, vua Asoka (A-dục) (1) không những khuyên người ta phải « đối đãi ôn hậu với chúng sinh », mà ngài còn sai « đào giếng và trồng cây cỏ dùng làm thuốc cho người và vật »; ngài lại sai « chẩn-tế các người bà-la-môn và sa-môn » và các người già cả; ngài phóng-thích các tù nhân và lập ra quan trật Pháp-giám để quản-trị của dùng vào việc bố thí. Thầy Huyền-Trang, người Trung-Hoa, sang thỉnh kinh bên Tây-Trúc, khi về có thuật lại đức-độ phát-sinh do lòng tôn-sùng Phật-giáo của vị Hoàng-đế Harsha, hồi thế-kỷ VII, sau Tây-lịch kỷ-nguyên. Thầy nói: « Phép cai trị của ngài rất công minh và nhân-đạo. Ngài chăm làm việc thiện đến nỗi quên cả ăn uống. Tại thành thị cũng như ở thôn quê, tại ngã tư cũng như ở đầu đường, ngài sai cất những trạm chẩn tế, rồi để đó nào thức ăn, nào thức uống, nào thuốc men, cốt bố thí cho khách bộ hành và người cùng khổ. » Ta cũng thấy ghi trong bộ Saddharma-pundarika (Diệu-pháp liên-hoa Kinh) nhiều hành-vi phúc-thiện đại-khái như vậy. Nơi thiên XVI, có nói đến những kẻ tặng thuốc thang để cứu chữa người bệnh và bàn ghế cho các tăng viện, nhưng đó chỉ là nhắc lại một vài thể thức ngày xưa các thiện-tín dùng để trợ-cấp các thầy Bích-Khưu. Thiên đầu nói về nghĩa phúc-thiện một cách sâu rộng hơn nhiều:

« Tôi thấy nhiều nơi các vị bodhisattva (bồ tát, giác hữu tình) nhiều như cát sông Hằng.

« Có người đem ra bố thí vàng, bạc, châu báu, san hô, nô-lệ trai, gái, ngựa, cừu... Họ hân-hoan cho cả xe tứ mã, trang-hoàng tán, tàn, cờ, quạt. Có người cho cả vợ con, có người cho cả thịt mình; có người cho cả tay chân; có người cho cả đầu, mắt, thân thể quí báu. Và sau khi bố thí, tâm thần trở lại bình tĩnh, họ mới học đạo của các bậc Tathàgata (Như-lai). »

Một bộ Kinh Phật, dịch ra tiếng Trung-Hoa, có đoạn giải-thích về nghĩa tiếng Danàparamita (người Trung-Hoa gọi là bố-thí ba-la-mật, bố-thí đáo bỉ ngạn, bố-thí đến bờ bên, chỉ bờ giác ngộ) (2) như sau:

« Danàparamita có ý nghĩa là: tận tình săn sóc người và vật, thương xót chúng nhân chưa giác-ngộ; vui mừng khi thấy bậc cao minh được giải-thoát; bênh-vực và tế-độ mọi chúng sinh; vượt trời, qua đất, phúc thiện lớn như sông như biển. Thật nghĩa là: thi ân huệ cho khắp mọi chúng sinh; kẻ nào khát thì cho nước uống; kẻ nào lạnh thì cho áo mặc; kẻ nào nóng bức thì cho mát mẻ; mau mắn thuốc thang cho kẻ ốm đau; dù là xe, ngựa, thuyền, phu, chân châu, bảo ngọc, vợ con hay xã tắc, bất luận người hỏi xin gì hãy bố thí ngay. »

(1) Vua đế-quốc Maurya, lên ngôi vào khoảng năm 273 trước Tây-lịch kỷ-nguyên.

(2) Có sáu độ (lục độ) Paramita, Danàparamita là độ đầu.

http://tieulun.hopto.org

Bố thí gồm nhiều đẳng cấp. Tế độ hình thể của người chưa gọi là đủ, nếu không cố gắng tế độ tâm thần của người. Dùng vật chất để bố thí chỉ mới là hạ sách, mọi hành-vi nhân ái phải nhắm mục-đích giải-thoát chúng sinh. Điều đó dạy rất rõ ràng trong bộ Kinh Samdhi-nimocanasutra :

« Anupaya (tiểu phương-pháp) là gì ? Khi các vị bodhisattva làm điều phúc thiện để tế độ chúng sinh, nhưng chỉ tế độ bằng của cải vật-chất mà không tế-độ họ khỏi cảnh trầm-luân và đưa họ vào nơi hạnh-phúc, đó là làm một anupaya.

Tại sao ? Tại nếu chỉ làm như vậy thì không phải là tế-độ chúng-sinh. Một đồng phân dù lớn hay nhỏ cũng không thể dùng cách nào để cho nó trở nên thơm tho được. Chúng sinh khổ não vốn dĩ do tự hành-vi của họ, bản chất của họ vốn là khổ não. Không thể làm cho họ sung sướng nếu chỉ bố thí vật chất cho họ. Đặt họ vào đường thiện mới là cách tế độ hay nhất. (1)

« Từ » và « Bố thí » đối với « Bi »

Do đấy *dàna* (bố thí) không phải là một chủ-nghĩa vị tha nông cạn, hẹp hòi. Dàna là kết quả của *maitrì* (từ), song bao giờ cũng phát xuất tự Karunà (bi). Bi là căn bản của Phật-giáo nhờ bởi trực giác được khổ não chúng sinh mà có. Trong bài điếu văn Đại-đức Kasiapa đọc trước ngày Phật tịch, có đoạn nói : « Ngài có tâm từ, ngài lấy tâm từ làm khí giới, nên không một sinh vật nào bị ngài làm hại ». Kinh điển nhà Phật cũng nói Đức Thích-ca Mâu-ni khi quyết tâm hành đạo cũng dạy :

« Phật đã đạt tới ninh tĩnh
Chưa thật phải thiện nhân,
Nếu không nỗ lực đưa trần-gian qua bờ giác-ngộ »,

Đoạn kinh Asokavadana kể khi vua A-dục còn tại vị đế-vương, có lần chảy hội Bodhi-Gaya (Bồ-đề thụ hay Phật đà già da) với đại đức Upagupta, vị này có nói về ngài rằng ; « Bodhi-Gaya là nơi Phật đã lấy lòng từ-bi mà sua đuổi được bọn con gái Mara (Ma-vương) ». Ta cũng thấy, phần chủ yếu trong thuyết pháp của Phật tại Baranasì (Ba-la-nai) kết luận bằng những câu này : « Hỡi các thầy Bích-Khưu, Dharma (Pháp) đã truyền bá rồi, các thầy hãy giữ thiện-tâm để tiêu trừ khổ não » ; hoặc : « các thầy đã được giải thoát : các thầy hãy lên đường vì lòng thương xót chúng sinh ». Bộ Jataka mala thuật lại các truyện Phật cũng tóm tắt luân-lý của Phật môn như sau : « Phật-pháp dạy làm nhiều việc và giới nhiều điều, song có thể thu lại một câu là thương xót chúng sinh ». Bộ Pràjnàkaramati có đoạn nói Bodhisattva (Bồ tát) Avalokitesvara gặp Phật có trình rằng : « Bạch thầy, không cần phải dạy nhiều điều cho Bodhisattva, chỉ một điều gồm đủ hết cả : khi một Bodhisattva có đại từ đại bi thì đã có đủ điều để thành Phật cũng như kẻ có sinh lực sang mãn thì ngũ quan tất phải thông mãn » (2).

(1) Sắc chỉ XI khắc trên đá của Vua Asoka : « Không có bố thí nào sánh bằng bố thí Phật pháp »

(2) Chú giải bộ Bodhicaryavatara-panjika.

http://tieulun.hopto.org

Cũng như *Maitrì*, *Karunà* không phải là một căn tính hoàn-toàn tiêu cực. Tuy nhiên cũng không nên quan-niệm karunà như một nhiệt tình đau đớn hay như một cảm súc mãnh liệt. Lòng thương của kẻ biết trước kẻ không biết, khi hành đạo tới mức viên mãn, không phải là lòng chua xót vì khổ não của tha nhân mà là tình-trạng của một tâm thần đã thoát tục, như ta sẽ hiểu rõ hơn về sau ; lòng thương ấy là sức mạnh an nhiên, ninh tĩnh. Lòng thương này chiếm trong Phật-giáo một địa vị chủ yếu, căn bản, khiến người ta phải công nhận Phật-giáo chính là một tôn-giáo « đã phát sinh ra giá-trị đạo đức của con người qua khổ não và từ bi vậy » (1).

Từ, bố thí và bi, ba đức tính phối hợp

Ba đức tính Maitrì, Dàna, Karunà phối hợp lại không phải là những đức tính tân-kỳ, độc sáng của Phật-giáo. Đức Phật tổ trong Pháp đạo của ngài đã lấy lại nhiều điều trong Kinh Upanishad (Áo nghĩa thư hay là Ưu-ba-ni-sa-sĩ của Bà-la-môn-giáo) có trước ngài, song ngài đã phu diễn ra một cách phổ-thông và hấp dẫn hơn. Trong bài thứ năm bộ Brhad - Aranyaka - Upanishad trình-diễn deva (chư thiên), người và asura (a-tu-la) (2) tới tập luyện tu hành với vị Prajapati : « Khi đã tập luyện xong thì các deva trình rằng : Thưa ngài, xin ngài truyền dạy cho. Prajapati chỉ đáp lại bằng một âm *da* và hỏi : Các ngươi có hiểu không ? — Chư thiên đáp : Chúng tôi hiểu ; ngài dạy : hãy chế ngự mình (Damyata). — Chính thế, các ngươi hiểu đấy.

« Đến lượt các người trình tiếp : Thưa ngài, xin ngài truyền dạy cho. Prajapati cũng chỉ đáp lại bằng âm *da* như trước và hỏi : Các ngươi có hiểu không ? Mọi người đáp : Chúng tôi hiểu ; ngài dạy : hãy bố thí (datta). — Chính thế các ngươi hiểu đấy.

« Rồi tới các asura cũng hỏi : Thưa ngài, xin ngài truyền dạy cho. Như hai lần trước, Prajapati chỉ đáp lại bằng một âm *da* và hỏi : Các ngươi hiểu không ? Bọn asura đáp : Chúng tôi hiểu ; ngài dạy : hãy từ bi (dayadhvam). — Chính thế, các ngươi hiểu đấy.

Chính do đấy mà tiếng sấm nhắc lại : da, da, da, có nghĩa : hãy chế ngự, hãy bố thí, hãy từ bi. Đó là ba pháp qui phải truyền dạy : chế ngự, bố thí, từ bi.»

Cho nên ta không lấy làm lạ khi thấy trong Phật giáo nguyên thủy đã có dạy đủ ba đức tính trên. Bậc Arhat (La Hán) không phải chỉ tìm cách chế ngự mình mà không trông xa hơn nữa. Lý tưởng của bậc Arhat tuy có nặng nề vị-kỷ, cá thể nhiều hơn, nhưng ngay cả trong những chủ nghĩa vị tha, có chủ nghĩa nào mà không có ít nhiều vị kỷ Tuy mỗi thầy Bích-Khưu có bổn phận phải chăm chú tu luyện lấy cho cá nhân mình, nhưng Sangha (Tăng-già) vẫn có bổn phận phải làm tiêu tan lần khổ não trong thế gian. Phật giáo nguyên thủy luôn luôn tuân giữ thuyết

(1) G. Tucci, Forme dello spirito asiatico.
(2) Loại như ma qui.

http://tieulun.hopto.org

pháp của Phật tại Baranasì, của vị đã tìm được phương pháp « chỉ quán » (tập trung tư tưởng) và đạt tới chóc đỉnh trí tuệ là giải thoát chúng sinh. (1)

Sắc thái đặc biệt của từ-bi trong Phật-giáo Đại-Thừa

Tuy nhiên, cái sắc thái từ-bi ấy trong Phật-giáo Đại-thừa mới thật hiển hiện một cách rõ rệt và sâu rộng. Trong Phật-giáo Đại-Thừa sự hân hoan trong thí xả mới thật được tán thưởng nhiệt liệt Trong Phật giáo Đại-thừa, hai tiếng từ, bi hình như chưa đủ để diễn tả lý-tưởng, người ta còn gọi những vị đại Bồ-Tát là những vị đại từ, đại bi. Lý - tưởng ấy coi việc «tự-giác» chưa thật là tận thiện, «giác tha» mới thật là chí thiện. Vào nibbana (niết bàn) chưa đủ, dất kẻ khác cùng vào mới là thượng sách. Từ khi qua Phật giáo Đại-thừa, do ảnh hưởng của người anh em là đại đức Asanga, đại đức Vasabandhu đã căn cứ vào kinh điển nhà Phật, ca ngợi lý tưởng ấy bằng những cảm khái siêu tuyệt. Đại đức Asanga và đại đức Santideva đã đạt tới chót đỉnh Phật-giáo, một trong những chót đỉnh của toàn thể nhân loại, bằng những cảm khái dưới đây :

« Vị Bodhisattva (Bồ-tát) khắc trong xương tủy lòng thương xót chúng-sinh, như người cha khắc trong xương tủy lòng thương đứa con độc nhất vậy Cũng như con chim câu săn-sóc đàn con và ấp-ủ chúng, vị Bodhisattva cũng thương chúng - sinh như thế, vì chúng - sinh đều là con cái cả...

« Thế-giới không chịu đựng nổi khổ não của chính mình thì làm sao chịu đựng nổi khổ nạo chồng chất của những thế-giới khác được. Vị Bodhisattva thì, trái lại, có thể chịu đựng khổ não chồng chất của hết mọi chúng sinh trong thế-giới. Lòng thương xót của vị ấy là một bảo vật kỳ tuyệt trong thế-giới ; hay thật ra không phải, vì đối với vị ấy, tha nhân với mình chỉ là một, vì chúng sinh đối với vị ấy cũng như chính mình...

« Mỗi lúc đối với mỗi kẻ trong chúng sinh, vị Bodhisattva muốn tạo lập ra nhiều thế-giới như cát sông Hằng và thế-giới nào cũng chứa đầy dẫy thất bảo: bởi vì lòng muốn thí-xả của ngài không lúc nào nguôi, ngài thấy *cho* chúng-sinh, sung-sướng hơn là *nhận* của chúng-sinh. Ngài coi chúng - sinh mà ngài giúp đỡ, phúc thiện hơn chính mình ngài, và tự nhủ chúng sinh mới thật là giường cột của « đại giác » toàn-thiện toàn-mỹ, không gì có thể vượt qua được. »

Đại đức Santideva (2) cũng cảm khái không kém siêu-tuyệt và thiết-tha :

« Nếu khổ não của một người có thể làm biến tan khổ não của chúng nhân thì người này phải lấy lòng từ bi mà chịu thí xả. Các vị Bodhisattva rất hân hoan khi dập tắt được lửa phiền cho tha nhân và sẵn sàng trầm luân trong địa ngục như con thiên-nga chui vào bụi sen vậy. Giải thoát

(1) Nagarjuna, Mahaprajnaparamita sastra (Lamotte quyển I, tr. 984).

(2) Đại-đức thuộc Phật-giáo Đại-thừa. Bộ Bodhicaryavatara (Bồ-tát học nhập môn), sách dẫn đường cầu đạo của Phật-giáo Đại-thừa, do ngài soạn cũng tựa như sách Imitatio, Gương-phúc, của Công-giáo.

http://tieulun.hopto.org

chúng sinh, đối với các vị ấy, là một đại dương hoan lạc tràn ngập, lôi cuốn mọi sự : một giải thoát vô vị có nghĩa lý gì ?... Các người chỉ nên có một đam mê là đam mê làm điều thiện cho kẻ khác. Kẻ khổ não, sở dĩ khổ não, chỉ vì nỗ lực tìm dõi hạnh-phúc cho cá-nhân mình. Tất cả những kẻ hạnh-phúc đều là những kẻ tìm dõi hạnh-phúc cho người khác .. Phải biết đem hạnh-phúc của mình đổi lấy khổ não của tha nhân (1). »

Từ bi trong đời sống thiết thật

Một chủ-nghĩa vị tha như vậy đòi hỏi người ta phải thiết thật, *in opere et veritate* : (trong hành-vi và trong chân-lý) « Ta sẽ thuyết-pháp bằng hành-động. Người bệnh nếu chỉ đọc sách chữa bệnh, liệu có bớt bệnh chăng (2) ? » Chủ-nghĩa nhận định rõ thân phận của loài người và biết rõ điều căn - bản là phải thắng tính kiêu ngạo : « Nếu có kẻ làm việc hèn hạ thì có ta đấy, sao lại chịu để như vậy ? Nếu tính kiêu ngạo ngăn ta đổi địa-vị ta cho kẻ ấy thì ta phải dẹp tính kiêu ngạo đi ». Chủ-nghĩa ấy cũng nhận thức rõ hai đức tính cốt thiết là thông thoát và vô-tư, nghĩa là không màng tư lợi. Thông thoát, có nghĩa là thông đạt mà siêu thoát, không ngừng trước sự chật hẹp, nhỏ nhen, là đức tính được thừa nhận trong hết mọi ngành Phật-giáo, như trong kinh Suttanipata có câu : « Phải trau dồi tâm từ vô biên đối với toàn thế-giới, trên cao, dưới thấp, bên cạnh, không oán hận, không căm thù, không ganh tỵ » — Còn vô tư thì đã được chỉ dẫn rõ ràng trong định-nghĩa tiếng *maitrì* là : « ước ao, khao khát cho tha nhân được hạnh phúc, yêu tha nhân (sueka) không thể cho dục vọng làm vấy nhớp mà cũng không hy-vọng được tha nhân yêu lại », định-nghĩa đã từng làm cho hai triết gia Tây - phương là Spinoza và Léon Brunschvicg lấy làm hoan hỷ vô cùng. Chủ-nghĩa ấy cũng ý-thức rõ cái phương-pháp phải dùng để thắng tính ích-kỷ.

(1) Bộ Bodhicaryavatara, chương VII. Xin đối chiếu với Origène In Tzechielem, hom I, n. I. Xin coi Jean Daniélou, Origène, tr. 244 — 245.

(2) Bộ Santideva, chương V, bản dịch Lamotte.

Chí Phượng-hoàng

Phượng-hoàng là giống chim tượng-trưng sự cao quí. Thành ngữ La-tinh có câu. « *Aquila non capit muscas* », Phượng-hoàng không bắt ruồi (l'aigle ne prend pas de mouches) ý nói người trượng phu không nên để lòng dao động vì những việc nhỏ, để đến nỗi làm hư việc lớn. Câu trên cũng một ý với câu của Trình-Di : « Khí tượng như chim phượng-hoàng liệng trên mây xanh thì những lợi hại cỏn con không động được tâm nữa »

http://tieulun.hopto.org

Cũng như thầy Bích-Khưu phải tham thiền để tập luyện tâm từ, kẻ muốn bước vào Phật-đạo để thành Phật tương-lai cần phải tập luyện lấy một thiện căn bằng hai phương sách: đồng hóa bản ngã mình với bản ngã tha nhân và lấy bản ngã mình làm bản ngã tha nhân, lấy bản ngã tha nhân làm bản ngã mình. Chương VIII, bộ Kinh Bodhicaryavatara giải thích hai phương sách ấy như sau:

« Trước hết phải suy nghĩ cho chín chắn về sự tương đồng giữa tha nhân và chính mình: « Mọi người cùng khổ não, cùng khoái lạc như tôi, tôi phải bảo vệ họ cũng như bảo vệ tôi ». Thân thể tuy gồm nhiều bộ phận, song là một hình thể duy nhất, phải được bảo vệ như một hình thể duy nhất: thế-giới cũng thế, chúng nhân cũng chung khổ não và khoái lạc như nhau...

« Tự kiểm điểm lại thấy mình đầy tật hư nết xấu, còn người thì đầy những thói hay nết tốt, tự nhiên ta sẽ từ bỏ tính căn của ta đi và mặc lấy tính căn của tha nhân.

« Ta chăm sóc tứ chi ta vì là bộ phận của thân thể ta: tại sao ta không chăm sóc người, coi người như là bộ phận của nhân-loại?

« Kẻ muốn giải thoát mình cần phải thật hành cái bí-quyết lớn này: coi mình là tha nhân và coi tha nhân là mình.

« Chính nhờ đó mà các vị bodhisattva vẫn có thể thản-nhiên đối với khổ não của chính mình dù nó lớn lao đến đâu và đồng thời vẫn có thể động lòng thương xót vì khổ não của tha nhân dù nó nhỏ nhít đến đâu. Thật là kỳ-diệu vậy! » (1)

(1) Jataka mala 1, 17

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THONG-KHAM

KỲ TỚI: « Từ » trong Phật giáo với « Ái » trong Ki-Tô-giáo.

ĐÍNH-CHÍNH

« Bàn về chữ « từ » trong Phật-giáo », Bách-Khoa số 80, ngày 1-5-1960:

— trang 6, cột 1, dòng 1: ... *lời dạy của Truyền-kỳ*,
xin đọc... *lời dạy của* **Truyện-kỳ.**

cột 2, dòng 10: ... *dám đánh mẹ như tôi*,
xin đọc: *dám* **xô tê** *mẹ như tôi.*

cột 2, dòng 28-29: *Bấy giờ các thầy cũng cần...*
xin đọc: *bấy giờ các thầy* **càng** *cần...*

— trang 7, cột 2, dòng 17: *tảm tư*, xin đọc: **tâm từ.**

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG ĐIỀU SAI LẦM TRONG BÀI

MỘT HỌC-GIẢ TRUNG-QUỐC

với vấn-đề đính-chính sử-liệu Việt-Nam

LÊ PHỤC-THIỆN

(Tiếp theo B.K. số 81)

L.T.S. — Trong tạp-chí Bách-Khoa số 77 ngày 15-3-1960 các ông : Nguyễn-Hiến-Lê, Nguiễn-Hữu-Ngư, và Phạm-Quang-Lục đã góp ý cùng học-giả Tưởng-quân-Chương về vấn-đề đính-chính sử-liệu. Trong bài sau đây, ô. Lê-Phục-Thiện, chuyên-viên Hán-học viện Khảo-cổ Việt-Nam, lại đề-cập đến vấn-đề trên đây và cống-hiến bạn đọc Bách-Khoa thêm nhiều ý-kiến mới mẻ nữa, hy vọng sẽ giúp cho sự góp ý cùng vị học-gải Trung-quốc được phong phú và rõ ràng hơn.

III.— Các vua chúa Việt - Nam có phải người gốc Trung-Hoa không ?

SỬ-GIA Tưởng-Quân-Chương đã viết :

« Nếu chúng ta khảo-sát tới gốc-tích của các đời vua chúa Việt-Nam, sau ngày Ngô-Quyền lập quốc, kỳ dư, các vị đó nếu không phải là người di-dân Quảng-Đông, thì là người di-dân Phúc-Kiến, hoặc người di-dân thuộc miền trung-nguyên Trung-quốc.

Còn như gốc tích Lê-Thái-Tổ, sở-dĩ không khảo-sát ra được, là vì vua Lê xuất thân tại một gia-đình ngư-phủ nghèo-nàn ».

Sau khi tra-cứu các sách sử-ký, tôi được biết vua Nam-Đế (544—548) nhà Tiền-Lý (tên là Lý Bôn) vốn dòng-dõi người Tàu, tổ-tiên ở đời Tây-Hán, 206 trước t.l.k.n. — 8 sau t.l.k.n. phải tránh loạn chạy sang Giao-Châu. Đến Lý-Bôn là cháu bảy đời đã thành ra người Việt-Nam, ở huyện Thái-Bình, Phong-Châu, (thuộc tỉnh Sơn-Tây ngày nay), khởi-nghĩa đánh đuổi quan lại nhà Lương chạy về Tàu, chiếm giữ thành Long-Biên, tự xưng là Nam-Việt-đế, đặt quốc-hiệu là Vạn-Xuân.

Hồ-Quý-Ly (1400) tự-nhận là dòng-dõi vua Ngu Thuấn bên Tàu, mới đặt quốc-hiệu là Đại-Ngu : nhưng đó chỉ là một thủ-đoạn chính-trị để gây thanh-thế, chứ đời vua Ngu-Thuấn (2255-2207 trước Tây-lịch) quá xa-xôi, Hồ-Quý-Ly không thể tra-cứu vào đâu mà biết mình là thuộc dòng-dõi nhà Ngu được.

http://tieulun.hopto.org

Còn tất cả các vị vua chúa khác trong nước Việt-Nam (từ thế-kỷ thứ nhất trở về sau) đều là người Việt - Nam, (14) gốc Việt-Nam trăm phần trăm, chứ không có một người « Tàu lai » nào. Nếu sử-gia Tưởng-Quân-Chương tìm thấy trong sách sử nào chép sai việc ấy, mong đăng lên báo chí để chúng ta cùng thảo-luận.

Vua Lê-Thái-Tổ (Lê Lợi) là một người làm ruộng, nhà giàu có, ở làng Lam-Sơn (miền rừng núi), huyện Thụy-Nguyên (nay thuộc huyện Thọ-Xuân), tỉnh Thanh-Hóa, đã khởi-nghĩa đánh quân nhà Minh trong 10 năm (1418-1427), mới khôi-phục được nền độc-lập của Tổ-quốc.

Tôi không hiểu sử-gia Tưởng-Quân-Chương đã căn-cứ vào sách sử nào mà viết : « Lê Thái-Tổ xuất-thân tại một gia-đình ngư-phủ nghèo-nàn ».

Nếu người nào muốn khảo-cứu lịch-sử Việt-Nam, nên xem hai bộ cổ-sử Việt-Nam viết bằng chữ Hán, nhan-đề là : Đại-Việt sử-ký toàn-thư (1) và Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục (2), chứ không nên căn-cứ vào bộ « An-Nam chí-lược » của Lê Tắc (3). Các sử-gia Việt-Nam từ xưa đến nay đều cho rằng : An-Nam chí-lược chép sai sự thực rất nhiều, Lê Tắc đã cố-ý xuyên-tạc lịch-sử Việt-Nam, để siểm-nịnh người Trung-quốc. Như nhà văn Trần-Thanh-Mại đã viết trong tạp-chí Tao-Đàn số 3, ra ngày 1-4-1939 : « Một nhà viết sử bán nước, một quyển sử nhục-nhã, Lê Tắc và quyển An-nam chí-lược của y ». Lời phê-bình ấy không quá đáng, nếu chúng ta chịu khó đọc qua bộ An-nam chí-lược, lại cùng căm giận bè lũ phản-quốc. Để dẫn chứng tôi xin trích-dịch một đoạn trong quyển 13 (An-nam chí-lược) : « Niên hiệu Chí-nguyên, năm giáp-thân (1284)... mùa đông năm ấy, đại-quân của Trấn-Nam-Vương (Thoát - Hoan) vào cõi... (Trần) Kiện bảo lũ (Lê) Tắc rằng : Thế-

(14) xin xem chú thích ở đoạn cuối bài.

(1) Do sử-gia Ngô-Sĩ-Liên phụng mệnh vua Lê Thánh-Tông (1460-1497) soạn từ năm 1479 (tiếp với bộ Đại-Việt sử-ký của sử-gia Lê-Văn-Hưu chép xong năm 1272, và bộ Đại-Việt sử-ký tục-biên của sử-gia Phan-Phù-Tiên chép năm 1455). Vậy bộ Đại-Việt Sử-Ký toàn-thư bắt đầu soạn từ sử-gia Lê-văn-Hưu đời Trần, qua tay các sử-gia Phan-Phù-Tiên, Ngô-sĩ-Liên (đời Lê) tăng bổ và đính khảo lại ; rồi đến các sử-gia Phạm-công-Trứ (đời Lê Huyền-Tông), Lê Hi (đời Lê Hi-Tông) duyệt lại và tục-biên, đến năm 1697, mới hoàn-thành và xuất-bản Bộ Đại-Việt sử-ký toàn-thư gồm có 24 quyển, chép việc từ đời Hồng-Bàng (2879-258 trước Tây-lịch) đến đời vua Lê Gia-Tông (1672 1675).

(2) Do Quốc-sử-quán triều Nguyễn (tổng-tài là Phan-Thanh-Giản) phụng mệnh vua Tự-Đức (1847-1883) soạn, sau việc biên-tập (1856-1859) và việc kiểm-duyệt (1871-1884), đến năm 1884 (Kiến-phúc nguyên niên) thì mới tiến trình và khắc in. Bộ Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục gồm 53 quyển, chép việc từ đời Hùng-Vương (họ Hồng-Bàng) đến đời vua Lê Mẫn-đế Chiêu-Thống, năm thứ 3 (1789).

(3) Việt-Nam Sử-Lược của Trần-trọng-Kim (trang 141) chép rằng : « Lê Tắc là dòng-dõi Nguyễn Phu làm thứ-sử Giao-Châu về đời Đông-Tấn (317-419) ngày trước. Tự lúc trốn sang Tàu rồi Lê Tắc có làm bộ sử « An-Nam Chí lược ». Bộ sử ấy hiện giờ còn có ở bên Tàu và bên Nhật-Bản ».

Theo các sử-liệu khác : Năm 1285, Toa Đô đánh Nghệ-An, quan trấn-thủ nhà Trần ở Nghệ-An là Trần Kiện cùng Lê Tắc xin đầu-hàng. Khi theo quân Nguyên chạy sang Trung-Quốc, Trần Kiện bị quân ta bắn chết ở Lạng-Sơn. Lê Tắc chạy thoát sang Tàu, sau 50 năm mới viết xong bộ An-Nam chí-lược, gồm 20 quyển.

http://tieulun.hopto.org

tử (Trần Nhân-Tông) bị triệu mà không chịu vào chầu (vua nhà Nguyên), đến nỗi bị đánh dẹp, nguy-khốn tại sớm hoặc tối, thế mà vẫn mê-muội không tỉnh-ngộ, (ta) nỡ nào để nước đổ nhà mất, nên tháng giêng năm sau, (ta) đem lũ Tắc cùng vài vạn người dâng nộp binh-khí, xin hàng Trần-Nam-Vương ».

Vậy sử-gia Tưởng-Quân-Chương nên căn-cứ vào những sử-liệu vô-tư và chính-xác trong khi chép sử Việt-Nam, chứ không nên cho rằng: tất cả các vua chúa Việt-Nam đều là người Tàu, phù-hợp với câu tục-ngữ Việt-Nam: « Thấy người sang bắt quàng làm họ » !

IV.— Trung-quốc có xâm-lăng Việt-Nam lần nào không ?

Sử-gia Tưởng-Quân-Chương đã viết: « *Phương-pháp trực-tiếp mầu-nhiệm nhất, để khôi-phục lại chính-quyền (các triều vua Việt-Nam đã bị lật đổ), là cầu-cứu ở nơi triều-đình Trung-quốc. Triều-đình Trung-quốc lại mắc vào mối cảm-tình hữu-bang cũ, mà buộc lòng phải làm theo nghĩa-vụ, xuất-binh trợ giúp, đấy cũng là tinh-thần cứu khổ phò nguy của người nhà Nho, vì lẽ đó, ta không thể giải-thích là Trung-quốc đã xâm-lăng Việt-Nam.*

Ý lự như đời Hậu-Lê bị Nguyễn-Văn-Nhạc cướp ngôi vua vương tộc chạy sang Quế-Nam (thuộc tỉnh Quảng-Tây) cầu-cứu triều-đình Mãn-Thanh. Nhưng vua Càn-Long nhà Thanh chỉ phái tám nghìn quân sang Việt-Nam; trong khi đó, Nguyễn-Văn-Nhạc đã tụ-tập mười vạn binh mã, để đả-kích quân Thanh, vì vậy quân nhà Thanh đại-bại.

Sự thực nếu vua Càn-Long định tâm xâm-chiếm Việt-Nam, tất nhiên ông ta chẳng chịu chỉ phái một số quân nhỏ như vậy qua Việt-Nam...

Ngay như trong trận Trung-Pháp chiến-tranh, trong thời vua Quang-tự nhà Thanh, cũng là do Nguyễn-triều Việt-Nam cầu-cứu, Trung-quốc mới phái binh mã sang Việt-Nam chiến-đấu với Pháp-quân ».

Tôi công-nhận: trong lịch-sử Việt-Nam, có bốn lần người Việt-Nam cầu-cứu Trung-quốc đem quân sang giúp để đánh kẻ thù, nhưng lần nào các triều-đại Trung-quốc cũng muốn nhân cơ-hội ấy, đem quân sang xâm-chiếm Việt-Nam.

Dẫn chứng:

1) Năm tân-mão (931) Dương-Diên-Nghệ khởi nghĩa đánh đuổi quân Nam-Hán, rồi tự xưng làm tiết-độ-sứ. Được 6 năm, Dương-Diên-Nghệ bị nha-tướng là Kiều-Công-Tiện giết mà cướp lấy quyền. Tướng của Dương-Diên-Nghệ là Ngô Quyền cử binh đánh Kiều-Công-Tiện để báo thù cho chúa. Kiều-Công-Tiện cho người sang cầu-cứu nhà Nam-Hán. Nhân cơ-hội ấy, Hán-chủ muốn xâm-chiếm nước Việt-Nam, sai thái-tử Hoằng-Tháo đem quân sang đánh Việt-Nam, rồi tự dẫn quân đi tiếp-ứng. Năm 938, Ngô Quyền giết Kiều-Công-Tiện. Trong trận thủy-chiến ở sông Bạch-đằng, Ngô Quyền phá tan quân Nam-Hán, bắt sống thái-tử Hoằng-Tháo đem về giết, và lập thành nước Việt-Nam độc-lập. Có lẽ nào vua Nam-Hán (Lưu Cung) có « tư-tưởng cứu khổ phò nguy » lại bênh-vực Kiều-Công-Tiện (phản tướng giết chúa) mà cha con Lưu-Cung

http://tieulun.hopto.org

đem quân sang đánh Việt-Nam, để đến nỗi quân tan con chết. Không phải vì mục-đích xâm-lăng là gì ?

2) Năm 1400, Hồ Quý-Ly cướp ngôi nhà Trần. Đến năm giáp thân (1404), có Trần Khang ở mạn Lão-qua đi đường Vân-nam sang Yên-kinh, đổi tên là Trần Thiêm-Bình, xưng là con vua Trần Nghệ-Tông, cầu xin vua Minh Thành-Tổ (1403-1424) cho quân sang Việt-Nam đánh nhà Hồ, lập con cháu nhà Trần làm An-Nam quốc-vương. Vua quan nhà Minh mượn cớ ấy, đem quân sang xâm-chiếm Việt-Nam. Năm 1407, các tướng nhà Minh là Trương-Phụ, Mộc-Thạnh, Liễu-Thăng bắt được cha con Hồ-Quý-Ly, cho giải về Kim-Lăng. Đã không lập con cháu nhà Trần làm An-Nam quốc--vương, lại dùng chính-sách trực-trị, sáp-nhập nước An-Nam vào Trung-quốc. Về việc này, bộ Minh-sử quyển thứ 321, trang 4, 5, chép rằng : « Ngày mồng 1 tháng 6, chiếu cáo thiên-hạ, đổi An-Nam làm Giao-Chỉ, đặt ba ty. Dùng đô-đốc thiêm-sự là Lữ Nghị giữ việc Đô-Ty, Hoàng-Trung làm phó ; thị-lang bộ Công khi trước là Trương Hiển, Tòng Phúc lập Bố-chính-ty, tả-tham-chính là Vương-Bình làm tả hữu bố-chính-sứ, án-sát-sứ Hà - Nam khi trước là Nguyễn-Hữu-Chương làm án-sát-sứ, v.v... »

Nếu vua quan nhà Minh có « tư-tưởng cứu khổ phò nguy », tại sao không lập người thuộc dòng-dõi nhà Trần làm An-Nam quốc vương, lại đổi tên An-Nam thành Giao-Chỉ, chia làm 15 phủ, 36 châu, 181 huyện (theo Minh-sử, quyển 321) và đặt quan lại Trung-quốc cai-trị ? Bọn Hoàng Phúc lại dùng chính-sách tàn-bạo bắt người Việt-Nam đồng-hóa với người Tàu về phong-tục, y-phục, học hành, tế-tự, phá hết những cổ-tích, lấy hết những sách vở của người Việt-Nam và bắt rất nhiều đàn bà con gái Việt-Nam đem về Tàu. Đánh chiếm nước người như thế, có thể gọi là « cứu khổ phò nguy » được không ?

3) Để đính-chính những điều sai lầm của sử-gia Tưởng Quân-Chương đã viết về việc quân nhà Thanh sang đánh Việt-Nam trong năm 1788, tôi xin trích-dịch một đoạn trong bộ Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục (1) quyển chính-biên thứ 47 (trang 33, 34) ; « ...Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị, tuần-phủ Quảng-Tây là Tôn-Vĩnh-Thanh, hội ở Nam-Ninh. Bà thái-hậu (mẹ vua Lê-Chiêu-Thống) dẫn nguyên-tử (con vua Lê-Chiêu-Thống) đến yết-kiến, kêu khóc thảm-thết, xin cứu-viện. Bọn Sĩ-Nghị tâu lên (vua Thanh Kiền-Long : 1736-1795) rằng : « Con cháu họ Lê chạy đến, nghĩa nên cứu-vớt. Vả lại, An-nam là đất cũ của Trung-quốc (!). Sau khi khôi-phục nhà Lê, nhân đó đem quân lính đóng giữ. Như thế đã bảo-tồn được nhà Lê lại lấy được nước An-nam, thật là được lợi cả đôi đường ». Vua nhà Thanh theo lời ấy, tự viết chiếu rằng : « Trẫm muốn tỏ rõ đại-nghĩa trong thiên-hạ, nâng đỡ cương thường nơi thuộc-quốc (!). Vậy về việc Nam-giao đều ủy-thác cho khanh ». Sĩ-Nghị nhận được tờ chiếu, liền mưu cử binh, điều động quân lính bốn tỉnh Lưỡng Quảng, Vân-Nam, Quí-Châu, định thời-kỳ khẩn-cấp đến cứu-viện. Trước hết,

(1) Do Quốc-sử-quán triều Nguyễn soạn (xem lời chú-thích trong trang 29). Nên biết thêm các vua nhà Nguyễn đều cho anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là những kẻ thù truyền kiếp.

http://tieulun.hopto.org

phát vài trăm đạo hịch-văn tuyên-bố xa gần. Lại sai Lê Quýnh, Nguyễn-Quốc-Đống (quan nhà Lê) đi đường tắt, cầm tờ trát về tâu (vua Lê-Chiêu-Thống : 1787-1789). Mùa đông tháng mười, tổng đốc Lưỡng-Quảng nhà Thanh là Tôn-Sĩ-Nghị, đem quân đến cứu-viện. Tướng giặc (Tây-Sơn) là Ngô-Văn-Sở bỏ Thăng Long chạy. Vua (Chiêu-Thống) trở về kinh-thành.

Sĩ-Nghị phụng mệnh sắp ra quân, gặp lũ Duy-Đản (quan nhà Lê) đến, Sĩ-Nghị mừng lắm, liền ra lệnh cho các đạo quân cùng tiến. Đề-đốc Vân-Quí là Ô (tên Khuyết) do miền Tuyên-Quang tiến vào (An-nam). Tri-phủ Điền-Châu là Sầm-Nghi-Đống do miền Cao-Bằng tiến vào. Sĩ-Nghị cùng đề-đốc Hứa-Thế-Hanh do đại-lộ Trấn-Nam-Quan tiến phát...

(Dưới đây trích-dịch trong trang 39, 40, sách nói trên)

Nguyễn-Văn-Huệ tự xưng đế, lại cử đại-binh ra đánh miền Bắc.

Văn-Sở về nói : thanh-thế quân Thanh rất mạnh. Văn-Huệ (vua Quang-Trung 1788-1792) cười nói : « Phô-bày uy-thế làm gì, chúng nó đến đây để chịu chết. Nhưng ta phải chỉnh vị-hiệu để thắt chặt lòng người Nam Bắc, rồi sau ta sẽ bắt chúng nó cũng chưa muộn ». Liền chọn ngày tốt làm lễ tế giao ở Bân-Sơn, bèn xưng đế. Đổi niên-hiệu Thái-Đức (Nguyễn-Nhạc) năm thứ 11 làm niên-hiệu Quang-Trung (Nguyễn-Huệ) năm thứ nhất. Liền ngày hôm ấy, đem hết tướng-sĩ qua sông sang miền Bắc. Khi qua Nghệ-An, Thanh-Hóa, tuyển thêm lính được đến 8 vạn, bèn đóng quân ở Thọ-Hạc (Thanh-Hóa), trước hết đưa thư xin hàng (Sĩ-Nghị) lời lẽ rất hèn hạ.

Năm Kỷ-Dậu (1789) mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, hai bên đánh nhau trong hai ngày.

Quân Thanh cùng Nguyễn-Huệ đánh nhau ở Thượng-Phúc, Thanh-Trì, (quân Thanh) thua. Đề-đốc Hứa-Thế-Thanh, tiên-phong Trương-Sĩ-Long, tả-dực Thượng-Duy-Thăng, tri-phủ Điền-Châu Sầm-Nghi-Đống đều chết: Tôn-Sĩ-Nghị chạy về Quảng-Tây...»

Đọc đoạn sử trên đây, chúng ta biết rằng : vua quan nhà Thanh đem quân sang xâm-lăng Việt-Nam, trong năm 1788, không phải chỉ vì « tư-tưởng cứu khổ phò nguy » mà còn muốn đóng quân tại Việt-Nam, chiếm lấy nước Việt-Nam.

Theo sử-liệu Việt-Nam chép : quân nhà Thanh sang đánh Việt-Nam đông đến 20 vạn người. Sử-gia Tưởng-Quân-Chương viết : « *Vua Càn-Long nhà Thanh chỉ phái tám nghìn quân sang Việt-Nam* ». Thử hỏi quân nhà Thanh tiến theo ba đường : Đề-đốc Vân-Quý tiến vào Tuyên-Quang, Sầm-Nghi-Đống tiến vào Cao-Bằng, Tôn-Sĩ-Nghị, Hứa-Thế-Hanh tiến qua Trấn-Nam-Quan, mà tất cả chỉ có tám nghìn quân của bốn tỉnh (Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam, Quí-Châu), thật phi-lý !

Vua Quang-Trung Nguyễn Huệ phá tan quân Thanh, chứ không phải Nguyễn-Văn-Nhạc đánh quân Thanh. Không biết sử-gia Tưởng-Quân-Chương căn-cứ vào sách sử nào mà viết : « *Vua Càn-Long chỉ phái tám nghìn quân sang Việt-Nam... Nguyễn-Văn-Nhạc đã tụ tập 10 vạn binh-mã để đả-kích quân Thanh ..* »

http://tieulun.hopto.org

4) Về việc vua Nguyễn Dực-Tông (1847-1883) sai người sang cầu-cứu Thanh-triều nhờ đánh đuổi quân Pháp, sách Việt-Nam sử-lược của Trần-Trọng-Kim (trang 529) chép rằng :

« *Việc cầu-cứu nước Tàu.*— Triều-đình ta bấy giờ nghi nước Pháp cố ý chiếm-đoạt, và lại tưởng rằng nước Tàu có thể bênh-vực được mình, cho nên mới sai ông Phạm-Thận-Duật sang Thiên-tân cầu-cứu. Chẳng qua là người mình hay có cái tính ỷ-lại, cho nên mới đi kêu cầu người ta, chứ không biết rằng người Tàu giữ nước Tàu không xong còn đi cứu ai được. Tuy vậy, không những là Tàu không cứu được mình mà lại còn muốn nhân dịp để mượn tiếng sang lấy nước mình. Xem như khi thành Hà-nội thất-thủ, quan tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Trương-Thụ-Thanh làm mật-sớ về tâu với vua nhà Thanh, đại lược nói rằng : « Nước Nam và nước Tàu tiếp-giáp với nhau, mà thế-lực nước Nam thật là suy hèn, không có thể tự-chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ ở các tỉnh thượng-du. Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở về phía Bắc sông Hồng-Hà » Bởi vậy triều-đình nhà Thanh mới sai Tạ-Kính-Bưu, Đường-Cảnh-Tùng đem quân sang đóng ở Bắc-Ninh và ở Sơn-Tây, sau lại sai quan bố-chính Quảng-tây là Từ-Diên-Húc đem quân sang tiếp-ứng ».

Chúng ta thử tưởng-tượng : nếu trong thời-gian 1883-1885, quân Trung-quốc chiến thắng quân Pháp, thì vận-mạng nước Việt-Nam đã ra thế nào ?

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « **Những điều sai lầm của một học-giả Trung-quốc...** », đăng Bách-Khoa số 80 ra ngày 1-5-1960, có những chữ in lầm xin bạn đọc vui lòng sửa lại như sau :

— trang 10, dòng 23a, *dấu hoặc* xin đọc *dấu ngoặc*.
— trang 10, dòng 14b, *hình-thể* xin đọc *hình-thế*.
— trang 10, dòng 19b, *Tô-Tiên* xin đọc *Tô-liên*.
— trang 11, dòng 7a, *Trần-Duy-Lân* xin đọc *Trần-Duy-Luân*.
— trang 13, dòng 3a, *Nguyễn Thế-tổ* xin đọc *Nguyên Thế-tổ*.
— trang 13, dòng 21a, *theo quân* xin đọc *quân*.
— trang 13, dòng 4b, *dấu gối* xin đọc *đầu gối*.
— trang 14, dòng 2a, *cự-định* xin đọc *cự-địch*.
— trang 14, dòng 9a, *Lý Hiền-Đức* xin đọc *Lý Kiền-Đức*.
— trang 16, dòng 2a, *dừng* xin đọc *đừng*.
— trang 17, dòng 20a, *hại* bà Trưng xin đọc *hai* bà Trưng.
— trang 17, dòng 24a, trực *tri* xin đọc là trực *trị*.
— trang 17, dòng 32a, *khỏi nghĩa* xin đọc *khởi nghĩa*.
— trang 18, dòng 15a, *Tề Vương-Khi* xin đọc *Tề Vương-phi*.

http://tieulun.hopto.org

Còn nhiều lần khác các triều-đại Trung-quốc đã tự ý sai tướng đem quân sang xâm-lăng Việt-Nam (không có người Việt-Nam cầu-cứu), tôi không kể ra đây, vì không thuộc phạm-vi bài này. Song tất cả những cuộc xâm-lăng ấy không gây sự ác-cảm giữa người Việt-Nam với người Trung-quốc, vì sống trong thời-đại này, chúng ta phải có lòng yêu-thương đồng-loại và cần có tư-tưởng hợp-tác quốc-tế.

Không riêng gì người Việt-Nam ngày nay không oán-thù một dân-tộc nào vì những việc dĩ-vãng do lòng tham-tàn của các nhà cầm quyền đương-thời gây nên, mà nhiều dân-tộc khác cũng đều chung một quan-niệm ấy, như hai dân-tộc Pháp, Đức đã bỏ được mối cừu-thù trong 75 năm qua ba cuộc đại-chiến tàn-khốc. Ngày nay, Chính-phủ Cộng-Hòa Pháp và Chánh-phủ Liên-bang Tây-Đức đã hợp-tác chặt-chẽ về kinh-tế trong khối thị-trường chung Âu-Châu, và về quân-sự trong minh-ước Bắc-đại-tây-dương. Hai chính-phủ Nhật Mỹ cũng mới ký-kết hiệp-ước liên-minh quân-sự.

Về phần người Việt-Nam ngày nay không ác-cảm với người Trung-quốc vì những cuộc xâm-lăng từ thế-kỷ thứ XVIII trở về trước, lại vui lòng hợp-tác với người Trung-quốc trên nguyên-tắc bình-đẳng ; nhưng cương-quyết chống lại mọi cuộc xâm-lăng bằng võ-lực hay bằng văn-hóa, đúng với tinh-thần bất-khuất truyền-thống của dân-tộc.

V.— Nước Việt-Nam có bị xâm-lăng không ?

Giáo-sư Tưởng-Quân-Chương đã viết : « *Trái lại, khi mà Trung-quốc bị xâm-lược, không còn có sức để trợ giúp cho Việt-Nam nữa, thì Việt-Nam mới thực là bị xâm-lăng. Ngày nay, vì đại-lục Trung-hoa xuất-hiện một bọn ngụy-quyền, hoàn-toàn Nga-hóa, chỉ chuyên một việc làm nanh vuốt cho đế-quốc Nga, cho nên Việt-Nam mới thực-sự là bị xâm-lăng rồi vậy* ».

Ý-nghĩa những câu trên đây rất hàm-hồ, mong giáo-sư Tưởng-Quân-Chương hãy gột bỏ tư-tưởng tự-tôn, tự-đại, mà giải-thích cho rõ-ràng.

★

Tôi nghĩ rằng : không lúc nào bằng lúc này, hai dân-tộc Hoa-Việt phải đoàn-kết thân-mật để cộng-đồng sinh-tồn và bảo-vệ tự-do, công-lý. Muốn đạt mục-đích ấy, hai dân-tộc cần hiểu rõ nhau hơn, bằng cách giải-thích tất cả những điều thắc-mắc, cởi mở những mối mâu-thuẫn.

Việc cốt-yếu là cho đính-chính những sử-liệu sai lầm trong các sách giáo-khoa hiện đang sử-dụng tại các trường học.

Bài báo của giáo-sư Tưởng Quân-Chương, phải chăng là một tiếng chuông nhắc nhủ chúng ta phải xúc-tiến công việc nói trên.

LÊ PHỤC-THIỆN

Chú giải

(tiếp theo trang 29)

(14) Về việc ghi chép gốc tích của các vua chúa, sách sử Việt-Nam cũng giống như sách sử Trung-quốc chỉ ghi chép tên làng, huyện, tỉnh của các vua chúa người bản-quốc, chứ không ghi chép gốc người nước nào, hoặc thuộc quốc-tịch nào. Còn các vua chúa người ngoại-quốc đều được ghi chép gốc tích rõ-ràng. Như :

Những sách sử *Trung-Quốc* chép rằng :

— Hán Cao Tổ (206-195 trước Tây-lịch), người ở ấp Phong huyện Bái.

http://tieulun.hopto.org

— Đường Cao-Tổ (618-626), người ở Địch-Đạo, Lũng-Tây.

— Tống Thái-Tổ (960-975), người Trác-Quận.

— Nguyên Thế-Tổ (1277-1294), người Mông-cổ.

— Minh Thái-Tổ (1368-1398), người Cứ-Dung, di-cư đến Tứ-Châu.

— Thanh Thế-Tổ (1644-1661), người Mãn-Châu.

*

Các sách sử *Việt-Nam* đều chép rằng :

— *Trưng-Vương* (40-43) : Trưng Trắc, con gái quan Lạc-tướng ở huyện Mê-Linh (người làng Hạ Lôi, huyện Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên), cùng em gái là Trưng Nhị khởi-nghĩa đánh đuổi quân Đông-Hán, tự xưng vương.

— *Nhụy-Kiều tướng-quân* (248) : bà Triệu-Thị-Trinh (tục gọi là Triệu-Ẩu), người ở Na-Sơn, huyện Nông-Cống, tỉnh Thanh-Hóa, khởi-nghĩa năm 248 được quân-sĩ tôn làm Nhụy-Kiều tướng-quân, đánh quân Đông Ngô, sau khi thất-bại, bà tự tiết.

— *Tiền-Lý Nam-đế* (544-548) : Lý Bôn, vốn dòng dõi người Tàu, tổ-tiên ở đời Tây-Hán, tránh loạn chạy sang Giao-Châu, đến Lý Bôn đã được bảy đời thành ra người Việt-Nam Năm 544, Lý-Bôn khởi-nghĩa đánh đuổi quân nhà Lương, tự xưng Nam-Việt đế.

— *Triệu Việt-vương* (549-571) : Triệu-Quang-Phục (tướng của Nam-Việt đế) người Châu-diên (Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-Yên) đánh đuổi quân nhà Lương, tự xưng Triệu Việt-vương. Sau bị mất vì Lý-Phật-Tử làm phản.

— *Mai Hắc-đế* (722) : Mai Thúc-Loan, người huyện Can-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh, khởi-nghĩa năm 722 đánh quân nhà Đường, sau bị thất bại.

— *Bố-Cái Đại-vương* (791) : Phùng Hưng, người làng Đường-Lâm, (nay gọi là Cam-lâm) huyện Phúc-thọ (nay gọi là Tùng-Thiện) tỉnh Sơn-Tây, khởi-nghĩa năm 791, đánh quân nhà Đường, sau bị bệnh mất.

— *Khúc Thừa-Dụ*, người ở Hồng-Châu (thuộc địa-hạt Ninh Giang, tỉnh Hải-Dương ngày nay), tự lập làm tiết-độ-sứ (906-907) cai-trị Giao-Châu.

— *Dương Diên-Nghệ*, người ở Ái Châu (tỉnh Thanh-Hóa) khởi-nghĩa đánh đuổi quân Nam-Hán, tự xưng tiết-độ-sứ (931-937), cai trị Giao-Châu.

— *Tiền-Ngô-Vương* (939-965) : Ngô Quyền, người làng Đường-Lâm (cùng một làng với Bố-Cái Đại-vương). Năm 938, Ngô Quyền giết phản-tướng Kiều-Công-Tiễn rồi phá tan quân Nam-Hán ở sông Bạch-Đằng, khôi-phục nền độc-lập cho tổ-quốc, tự xưng là Ngô-vương.

— *Đinh Tiên-Hoàng* (968-979) : Đinh Bộ-Lĩnh, người động Hoa-Lư, huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh-Bình. Năm 968, dẹp xong loạn mười hai sứ-quân, tự xưng hoàng-đế nước Đại-Cồ-Việt.

— *Lê Đại-Hành* (980-1005) : Lê-Hoàn, người làng Bảo-Thái, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam, làm chức Thập-đạo tướng-quân nhà Đinh, năm 980, được tướng-sĩ tôn lên làm hoàng-đế. Năm 981, phá tan đạo quân xâm-lăng của nhà Tống.

— *Lý Thái-Tổ* (1010-1028) : Lý Công-Uẩn, người làng Cổ-Pháp, huyện Đông-Ngạn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh, làm chức Tả-thân-vệ điện-tiền chỉ-huy-sứ nhà Tiền-Lê. Năm 1010, được triều-thần tôn lên làm hoàng-đế, lập nên đế-nghiệp nhà Lý (1010-1225.)

— *Trần Thái-Tông* (1225-1258) : Trần Cảnh người làng Tức-Mặc, huyện Mỹ-Lộc, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-Định. Năm 1225, được vợ là Lý Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho, lập nên đế-nghiệp nhà Trần (1225-1400).

— *Hồ Quý-Ly* cướp ngôi nhà Trần năm 1400 tự nhận thuộc dòng dõi vua Ngu Thuấn bên Tàu, nên đổi quốc-hiệu là Đại-Ngu. Tổ là Hồ-Hưng-Dật sang Việt-Nam từ đời Ngũ-Quí (907-959), ngụ ở làng Bào-Đột, huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An.

— *Lê Thái-Tổ* (1428-1433) : Lê Lợi, người làng Lam-Sơn, huyện Thụy-Nguyên, phủ Thiệu-Hóa (nay thuộc huyện Thọ-Xuân), tỉnh Thanh-Hóa, khởi-nghĩa đánh đuổi quân nhà Minh. Sau mười năm (1418-1427) bình-định, khôi-phục nền độc-lập của Tổ-quốc, lập nên đế-nghiệp nhà Lê (1428-1788).

— *Mạc-Đăng-Dung*, người làng Đông-Cao, huyện Bình-Hà, tỉnh Hải-Dương (sau di-cư đến làng Cổ-Nhai (nay gọi là Cổ-Trai), huyện Nghi-Dương, tỉnh Kiến-An). Năm 1527, Mạc-Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê. Sau con cháu nhà Mạc bị mất ngôi vua vào năm 1592 vì nhà Lê Trung-hưng.

— *Nguyễn Kim* người làng Triệu-Tường, huyện Tống-Sơn, phủ Hà-Trung, tỉnh Thanh-Hóa, năm 1532, giúp vua Lê Trang-Tông (1533-1548) đánh nhà Mạc. Con là Nguyễn-Hoàng lập nên nghiệp chúa của nhà Nguyễn và cháu là Nguyễn-Phúc-Ánh (vua Gia-Long) lập nên đế-nghiệp của nhà Nguyễn (1802-1945).

— *Trịnh Kiểm*, người làng Sóc-Sơn, huyện Vĩnh-Lộc, phủ Quảng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa, giúp nhà Lê trung-hưng (1533-1788) và lập nên nghiệp chúa của nhà Trịnh.

— *Nguyễn Tây-Sơn* : Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ (sau đổi tên là Nguyễn-Quang-Bình), tổ bốn đời người ở huyện Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An, di-cư vào ấp Tây-Sơn (nay là thôn An-Khê và thôn Cửu-An), phủ Hoài-Nhân, tỉnh Bình-Định. Năm 1771, ba anh em Nguyễn-Nhạc khởi-nghĩa đánh đổ chúa Nguyễn và chúa Trịnh. Nguyễn-Nhạc tự xưng đế năm 1778, đặt niên-hiệu Thái-Đức. Đến năm 1788, Nguyễn-Huệ tự xưng đế, đặt niên-hiệu Quang-Trung, và qua năm 1789, phá tan quân nhà Thanh do Tôn-Sĩ-Nghị chỉ-huy.

http://tieulun.hopto.org

PHẠM-ÁI-BÍCH

TINH-TÚY CỦA TRIẾT-LÝ PHẬT-GIÁO

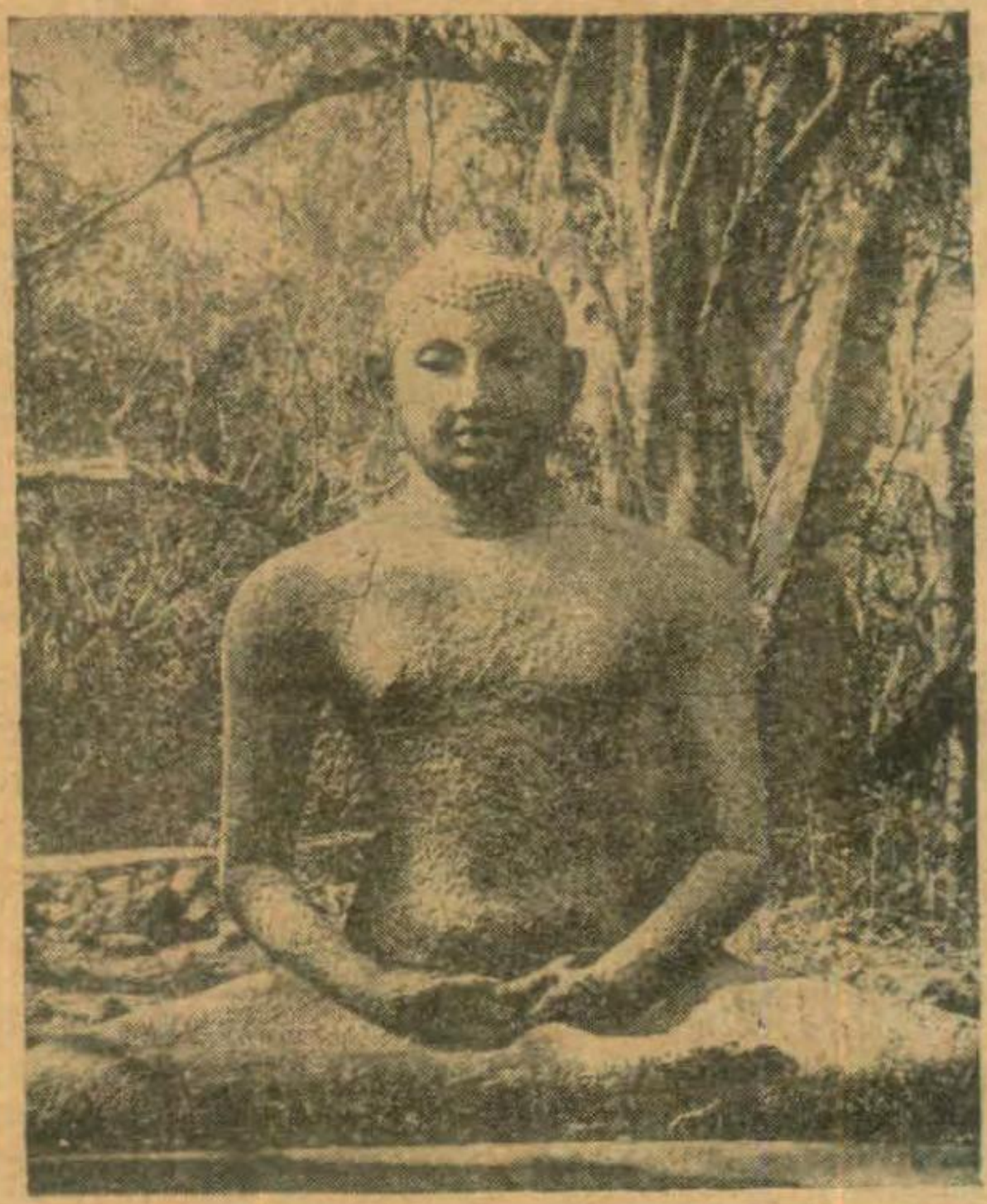

(Tiếp theo B.K. số 80)

Vấn-đề đặt ra không phải tìm hiểu ý-nghĩa của cuộc đời này là gì. Vấn-đề duy-nhất là tìm hiểu: chúng ta có thể làm gì cho cuộc đời này ? (1).

LOUIS GUILLOUX
(Le sang Noir — 1935)

III

CÓ NGƯỜI như Albert Camus cho rằng ý-nghĩa cuộc đời là vấn-đề cấp-bách nhất : « Je juge que le sens de la vie est la plus pressante des questions » (2). Nhiều người cũng nghĩ như Camus và cho rằng câu nói của Louis Guilloux là ngớ-ngẩn. Thật vậy, nếu không tìm hiểu ý-nghĩa cuộc đời thì lấy gì làm cơ-sở, lấy gì để nhân-danh mà hành-động cho cuộc đời này. Song, có lẽ, chúng ta cũng có thể hiểu rằng

(1) La question n'est pas de savoir quel est le sens de cette vie. La seule question, c'est de savoir : que pouvons-nous faire de cette vie ?

(2) Albert Camus : *Le Mythe de Sisyphe*, trang 16.

http://tieulun.hopto.org

Louis Guilloux muốn nói: suy-luận triền-miên vơ-vẩn chẳng có ích gì, vấn-đề đặt ra là phải hành-động thực-tiễn, cuộc đời đen tối, xấu-xa như thế đấy, bây giờ phải làm gì, phải hành-động làm sao đây, chứ không phải chỉ ngồi trong tháp ngà lấu-ngọc rồi lẩn-thẩn tra hỏi ý-nghĩa cuộc đời. Cuộc đời đấy khổ não; con người mang đủ hoạn-nạn, xấu-xa. Bấy giờ thì phải làm gì để đưa con người ra khỏi khổ-não, đó là vấn-đề cấp-bách nhất. Con người sắp lăn xuống hố sâu, mà còn bâng-quơ đeo-đuổi ý-nghĩa cuộc đời thì có ích lợi gì không?

Tôi nhớ đến đức Phật. Ngài không muốn các môn-đệ thắc-mắc, suy-luận lê-thê về những gì siêu-hình, diệu-vợi, không có giá-trị thực-tiễn. Cuộc đời là khổ, thì phải làm gì đây để tránh khổ?

« Nước trong đại-dương chỉ có một vị là vị mặn, cũng như thế giáo-lý của ta chỉ có một vị là vị giải-thoát » (Cullawagga IX).

« Dù thế-giới này vĩnh-cửu hay không vĩnh-cửu, hữu-hạn hay vô-hạn, cũng không thiết-yếu bằng sinh lão bệnh tử. Ta không biểu bạch rằng thế-giới này trường-cửu hay không, vô-hạn hay hữu-hạn, tại vì nó không dẫn đến sự diệt dục, nghe theo ai, chớ để áp-lực nào ràng không dẫn đến Giác-ngộ, Niết-bàn » (Majjhima nikâya).

Một hôm nọ, Phật cầm trong tay một nắm lá, rồi hỏi các môn-đệ: « Hỡi các con, lá trong tay ta và lá trong rừng này, ở đâu nhiều hơn? » — « Bạch thầy, lá ngài cầm trong tay ít hơn những lá trong rừng » — « Hỡi các con, cũng như thế đó, những điều ta biết thì rất nhiều, nhưng những điều ta đem ra dạy các con thì rất ít. Tại sao ta không đem dạy hết? Vì những điều ấy không có ích lợi gì cho các con. Chúng chẳng giúp gì cho sự giải-thoát của các con, không dứt được sinh tử mà tới chỗ Giác-Ngộ và Nát-bàn » (Samyutta Nikàya).

Giáo-lý của ngài chỉ vụ vào *thực-nghiệm* và *lý-trí*. Đó là đặc-điểm đáng chú-ý nhất của Phật-giáo. Đức-tin của người Phật-tử khác xa những tín-đồ của các tôn-giáo khác. Người Phật-tử tin-tưởng vào đức Phật là một bậc thấy sáng suốt vô cùng đã tìm được con đường giải-thoát, đã chỉ cho ta con đường ấy và chính ta, ta phải tự đi, chứ không ai có thể đi thế cho ta. Đức Phật không buộc ta phải tin-tưởng ngài một cách mù-quáng; tin hay không là tùy ở mình, phải do chính mình thẩm sát, đừng

Treo sách sừng trâu

Đời Đường, có ông Lý-Mật, nhà nghèo mà rất chăm học. Thường ngày, ông vừa chăn trâu, vừa đọc sách và hay treo sách ở đầu sừng trâu. Người đời phục chí ông, đặt thành câu: « ngưu giác quải thư » (treo sách sừng trâu) chỉ người nghèo có chí hiếu học.

http://tieulun.hopto.org

buộc, đè nén. Người Phật-tử được hoàn-toàn tự-do sửa đổi hoặc từ chối một vài giáo-lý nào của Phật mà họ không thể áp-dụng được vào một thời-gian hay hoàn-cảnh nào đó. Lòng tin của người Phật-tử cởi-mở và phóng-đạt vô cùng. Phải thử thách, thực-nghiệm lời dạy của ngài, rồi sau mới tin-tưởng.

« Hỡi các con, đừng tin vào tín-ngưỡng của những truyền-thống, đừng tin vào tín-ngưỡng của những hiền-nhân thời xưa, đừng tin vào những gì *ta* nói với các con bởi vì chính *ta* đã nói các con những điều ấy. Chỉ sau khi các con đã thẩm-sát rồi, các con hãy tin những gì các con đã tự mình thực-nghiệm » (1)

Có nhiều người nghĩ sai rằng đức Phật có thể xuống ơn ban phép cho ai biết cầu nguyện, cúng dâng lên ngài. Không còn gì sai-lầm hơn nữa ! Thật ra ngài chỉ là bậc Giác-ngộ, người đã tìm ra được một đường lối giải-thoát cho chúng-sanh. Chỉ có thế thôi. Ngài không thể phù-hộ, ban phép cho ai cả. Chính ta, ta phải tự mình giải-thoát, Phật không giúp gì cả ; ngài chỉ vạch ra một đường đi, đưa ta một chiếc bè cấp-cứu để ta bước vào mà rời khỏi bờ mê qua đến bến giác. Nếu ta không chịu khó đi trên con đường mà Phật đã vạch ra, nếu ta không chịu bước vào chiếc bè, đó là tại ta, ta phải chịu khổ, phải chịu đầu thai, chứ không phải do ai cả. Dầu ta có tụng đến thiên kinh, Phật cũng không cứu giúp ta được, chỉ ta mới có thể cứu giúp ta thôi. Điều quan-trọng nên nhớ : Phật không phải Thượng-đế, không phải thần hay thánh gì ; đức Phật là người, một người như tôi như anh ; ngài hơn chúng ta là vì ngài đã giác-ngộ, đã thấy Chân-lý, đã tìm được nguyên-nhân đau khổ, đã tìm được cách trừ diệt nguyên-nhân ấy. Trước khi thành Phật, trước khi giác-ngộ, ngài cũng phải chịu đầu thai khổ sở, cũng phải chịu già yếu bệnh hoạn. Với công phu tự lực, với những phương tiện của chính ngài, ngài đã chứng ngộ Thánh-lý, không ai giúp ngài, ngài cũng chẳng nhờ đến sự thần-khải nào hoặc một ngoại-lực nào. Kinh Mahâvagga 1, 6, 7, ngài có phán : « Chính ta, ta đã ngộ đạo, thành tối chính-giác, thành Phật ; ta không là môn-đệ của ai cả ; ta không có thầy ; ta là bậc thầy không ai so-sánh được ».

—

Người Kytô-giáo có Thánh-kinh (Bible), người Hồi-giáo có kinh Coran, người Ấn-giáo có kinh Vệ-đà. Bible, Coran hay Védas đều là những *thánh-thư*, những quyển sách thiêng-liêng được xem như là lời của Thượng-đế mặc khải cho thế-gian. Đức Chúa Giê-Su, Mahomet hay Krishna đều là những đấng thiêng-liêng, những thiên-sứ, con trời. Còn đức Phật là con của người ở trần thế, ngài không tự nhận là có thần-tính, không tự nhận là thiên-sứ, là Thượng-đế, là thánh, là thần. Ngài chỉ nhận mình là người,

(1) cf. Hector Hawton : *Philosophy for pleasure, an adventure in Ideas*, trang 180-181 (Fawcett Publications, Inc. New York, 1956)

http://tieulun.hopto.org

một người chỉ đường(Màrgadata) (1). Đối với đức Phật, Chân-lý không thể nào tìm được trong một tín-điều thiên-khải mà trong sự sưu-cầu của từng cá-nhân được chứng-xác bởi sự thực-nghiệm (2). Bởi thế, có người nông-nổi cho rằng Karl Marx giống đức Phật vì chính Karl Marx có diễn tả như vậy trong những luận-thuyết về Feuerbach : « Cái tiêu-chuẩn của tất cả chân-lý là ở trong sự kiểm-chứng nhờ thực nghiệm, thực hành. Người ta phải tìm chân-lý trong sự thực nghiệm, thực hành». Đem so-sánh như vậy, không được, vì thật ra, triết-thuyết của Phật và chủ-nghĩa của Marx khác nhau rất xa, có thể nói là đối nghịch hẳn nhau từ khởi-điểm, từ căn-bản (3)

Tóm lại : giáo-lý đức Phật chỉ dựa trên thực-nghiệm và lý-trí. Đức Phật chỉ là một *người* đã tìm được con đường. Giáo-lý ngài có thể gọi là một *phương-pháp giải-thoát*. Ngài là một *người* như chúng ta ; đứng trước những khổ-não của chúng-sanh, ngài thức-tỉnh và trầm-tư lên đường tìm chân-lý ; nhờ sức mạnh của tư-tưởng mà thôi, ngài đã phát-giác được một giải-đáp cho những vấn-nạn của nhân-sinh, một *phương-pháp* để giải-thoát con người khỏi đau khổ và vòng luân-hồi. Bác-sĩ J. A. Martinie thường nhắc đi nhắc lại : « Phật-giáo trước hết chỉ là một *phương-pháp* nhờ đó mà đau-khổ được diệt trừ và sự giải-thoát được thành-tựu » (4).

Hình-ảnh ưu-ái nhất nằm sâu trong lòng mọi người Phật-tử là một người chèo thuyền « Ngài là người chèo thuyền đưa loài người qua bến Giác-ngộ » (5).

★

IV

Năm 1879, Tourgueniev làm một bài thơ bằng văn xuôi, giọng bi-thảm, than-thở kiếp nhân-sinh ngắn-ngủi như bào-ảnh, con người mải-miết chạy đuổi theo vọng tưởng hư-ảo :

« Chao ôi ! mỗi ngày lướt qua trống-rỗng, ủ-ê và vô-vị làm sao ! Nó chỉ để lại một chút dấu-vết thôi ! Và thời-gian vụt qua thực là sững-sờ ! Tuy-nhiên, con người vẫn tham sống, cố giữ trì lấy cuộc sống ; con người vẫn tin ở mình, ở cuộc sống, ở tương lai... Ôi, biết bao nhiêu hy-vọng con người đặt vào ngày mai ! Nhưng tại sao người ta cứ tin rằng ngày mai sẽ khác hẳn cái ngày mà họ vừa sống ?

Họ cũng không nghĩ gì đến. Vả lại, họ cũng không muốn nghỉ-ngợi... « Ngày mai ! ngày mai ! » họ tự an-ủi cho đến cái ngày mai nầy ném họ vào phần mộ. Và vừa khi họ nằm ở đáy mộ rồi thì không còn nghỉ-ngợi gì nữa — dầu họ có muốn hay không. »

(Poèmes en prose — Mai 1879)

---

(1) B R Ambedkar : *Le Buddha et l'avenir du Bouddhisme*, Présence du Bouddhisme, trang 551-552.

(2) André Migot : *Le Bouddhisme en chine*, P B, trang 713-716.

(3) André Migot, op. cit. trang 711-716

(4) Dr. J. A. Martinie : *The Evolution of Buddhist thought*, trang 369-370 (*Asia*. Déc. 1957)

(5) J Murphy : *Origines et histoire des religions*, trang 316 (Payot, Paris 1951)

http://tieulun.hopto.org

Cuộc đời là thể, con người cứ mải-mê đeo-đuổi những mộng-tưởng, những ảo-ảnh. Cuộc đời là khổ; nhưng con người luôn luôn tự an-ủi bằng cái ngày mai tốt đẹp mà suốt đời họ không bao giờ tìm gặp.

Thuở trước, nhà thơ Giacomo Leopardi đã diễn-tả thân-phận con người với những nét thơ bi-thảm nhất trần-gian. Giống như đức Thích-Ca Mâu-Ni, Leopardi quả quyết rằng cuộc đời là khổ: « Đời chỉ là sự cay đắng và ê-chề; trần-gian chỉ là chỗ bùn nhơ, ô-uế » (*Amaro e noia la vita; efango è il mondo*).

Đời là thế, tại sao con người không chịu can-đảm mà nhận lấy bộ mặt thực của nó? Tại sao lại cứ chạy theo những hình-ảnh đẹp xa xôi mà suốt đời ta không bao giờ tìm gặp?

Sau bốn lần xuất-du, thái-tử Siddhattha liền thức-tỉnh, ngài can-đảm nhìn thẳng vào bộ mặt thực của thân-phận con người.

Đời là khổ (dukkha). Chính sự hiện-diện của khổ là *lý-do tồn-tại* (raison d'être) của Phật-giáo.

« Nếu những điều này không hiện-hữu ở thế-gian, các con ơi, bậc Đại-giác sẽ không xuất-hiện ở thế-gian; Giáo-pháp của bậc Đại-giác truyền dạy cũng không được chiếu rực ở thế-gian. Những điều ấy là gì? Đó là: sinh, lão, bệnh, tử ». (1)

(1) Cf Ananda Coomaraswamy: *Buddha and the Gospel of Buddhism*, trang 82-83 (Asia publishing house, Bombay 1956).

Sinh, lão, bệnh, tử là *khổ*. Bây giờ phải làm gì đây để hết khổ?

Thái-tử liền lên đường tìm thấy học đạo, như chúng ta đã rõ.

Lang-thang khắp các nẻo đường ở nội địa, ngài không tìm được một triết-gia, hiền-nhân hay đạo-sĩ nào có thể dạy ngài cái đạo giải-thoát.

Ngài liền ẩn trốn vào rừng, tìm chỗ hoang-vu cô-tịch để ngồi suy-tưởng, tìm chân-lý bằng tự-lực, chứ không trông cậy vào một ngoại-lực nào nữa. Trong sáu bảy năm trời hành-hạ xác thân, nhịn đói nhịn khát, ngài bất tỉnh nhân sự nhiều lần, có lúc hấp-hối, cơ-hồ chết lịm đi. Một lần nọ, lúc hoàn-hồn tỉnh lại, ngài mới nhận thấy rằng mình đã đi lạc đường trong mấy năm trời; thật vậy, làm thế nào tìm được chân-lý nếu tâm-thần không được an-định, xác thân mỏi mệt, tê liệt, khổ đau? Ngài quyết-tâm từ bỏ lối tu khắc-nghiệt của những đạo-sĩ đương-thời; tuyệt-đối tránh những cực-đoan: Ngài quyết giữ *con đường giữa*. Cho nên sau này khi ngài đã giác ngộ, lúc thuyết pháp cùng các đệ-tử, ngài gọi giáo-lý ngài là « *Trung Đạo* » (Majjhima patipada).

(Albert Schweitzer cho rằng cái độc-đáo của giáo-lý đức Phật là ở chỗ « Trung đạo » này) (1).

(1) Albert Schweitzer: *Les grands penseurs de l'Inde, étude de philosophie comparée*, trang 83 (Payot, Paris 1956).

http://tieulun.hopto.org

Chẳng bao lâu, nơi Bodh-Gaya (Bồ-đề thọ), sau mấy mươi ngày suy-tưởng về nỗi khổ của chúng sanh, ngài hoắc-nhiên ngộ đạo, thành Phật, thấu rõ *Tứ thánh Đế*, tìm được con đường để giải-thoát con người ra khỏi khổ-đau, ra khỏi sinh, lão, bệnh, tử.

Tứ Thánh-Đế (hay *Tứ Diệu-Đế*) là gì ? Là bốn lời dạy, bốn chân-lý vi-diệu, thiêng-liêng cao quí. *Tứ Thánh-Đế* là tri-khổ, đoạn-tập, chứng diệt và tu-đạo :

— *Thánh-đế thứ nhất* : đời là khổ ;

— *Thánh-đế thứ hai* : Nguồn-gốc của khổ ;

— *Thánh-đế thứ ba* : Sự diệt khổ;

— *Thánh-đế thứ tư* : Con đường dẫn đến sự diệt khổ.

Có thể so-sánh đức Phật với một vị lương-y. Đứng trước một kẻ bệnh-hoạn ngặt-nghèo, ông y-sĩ chịu khó tra tìm căn bệnh của bệnh-nhân, rồi ra toa cho thuốc bệnh-nhân uống (nếu bệnh-nhân không chịu uống thì bệnh không lành. Lành bệnh hay không là do bệnh nhân, thầy thuốc chỉ ra toa thôi).

Có thể gọi Phật-giáo là « một phép trị bệnh đau-khổ » (une thérapeutique de la douleur).

Xuất-phát-điểm của triết-lý Phật-giáo là nơi *đệ nhất Thánh-đế*, tức là *khổ Thánh-đế*. Quả như lời nhà học-giả trứ danh Coomaraswamy : «Mối chuyên-tâm trước nhất của đức Phật là vấn-đề đau khổ — dukkha » (1). Bởi Phật-giáo thường hay nhấn mạnh đến nỗi đau-khổ của thế-nhân, nên nhiều nhà học-giả thường nhất-luật phê-phán rằng Phật-giáo hoàn-toàn đượm màu bi-quan.

« Hỡi các đệ-tử, các con nghĩ xem cái nào nhiều hơn : nước của đại-dương hay nước mắt mà các con đã nhỏ ra từ kiếp này đến kiếp khác ? Cái chết của một người cha, cái chết của những đứa con, sự mất mát tài-sản, đó là những nguy-nan mà các con phải chịu qua thời-gian dài miên-man. Nước mắt của các con đã nhỏ ra nhiều hơn nước của đại-dương bát-ngát » (Kinh *Samyutta Nikâya* II, 179 sqq.)

Người ta có thể tìm rất nhiều đoạn trong các kinh-điển nhà Phật để trưng-dẫn rằng Phật-giáo bi-quan.

Song, nhiều người Phật-tử đã hăng-hái phản-đối, cố đem lý lẽ ra để giải-bày rằng Phật-giáo không bi-quan, mà lại hoàn-toàn lạc-quan. Học-giả Tây-phương J. Przyluski mệnh-danh Phật-giáo là « tôn-giáo của sự vui-vẻ » (2).

Phật-giáo bi-quan hay lạc-quan ? Thế nào là bi-quan ? Thế nào là lạc-quan ?

Những người Phật-tử nổi tiếng như đại-đức Nyanatiloka Mahathera,

---

(1) Coomaraswamy : *La pensée du Bouddha*, trang 29 (Editions Corrêa, Paris 1949).

(2) cf. Przyluski : *Le Bouddhisme* (Rieder, Paris 1931)

http://tieulun.hopto.org

bác-sĩ André Migot, v.v... đều hăng-hái bênh-vực rằng Phật-giáo hoàn-toàn lạc-quan (Nyanatiloka Mahathera : *l'optimisme le plus hardi qui ait jamais été proclamé au monde...* ; André Migot : *un viril optimisme, etc...*)

Xét cho cùng, André Migot, Nyanatiloka Mahathera, v.v... quá hăng hái bênh-vực Phật-giáo thành ra có phần chủ-quan, thiên-kiến.

Thực ra, chúng tôi cũng nghĩ theo đại-đức Walpola Rahula rằng Phật-giáo không bi-quan mà cũng không lạc-quan.

Đối với Phật-giáo, lạc-quan hay bi-quan đều nguy-hiểm. Thái-độ của đức Phật đối với cuộc đời tất nhiên không giống những triết-gia lạc-quan như Leibniz, Royce, v.v..., hay những triết-gia phái Méliorisme... Mặc dù nhận đời là khổ, thái-độ của ngài cũng không giống những triết-gia bi-quan như Schopenhaner, *Ecclésiaste* (1), Von Hartmann, Taine, Leopardi, v.v...

Một y-sĩ khám bệnh người ta, chán-nản, tuyệt-vọng và không chịu ra toa cho thuốc để trị bệnh. Một y-sĩ khác lại cho rằng bệnh chỉ nhẹ thôi, không cần uống thuốc cũng hết bệnh, nên ông cũng từ chối không chịu cho thuốc. Ta có thể gọi ông y-sĩ thứ nhất là bi-quan và ông y-sĩ thứ hai là lạc-quan, vậy thì cả hai hạng y-sĩ này đều nguy-hiểm. Ông y-sĩ thứ ba là một vị lương-y, ông khám bệnh kỹ-càng, chu-đáo, thấy bệnh nặng cũng không nản lòng lại cố-gắng suy-nghĩ tra tìm nguyên-nhân của chứng bệnh, rồi ra toa thuốc điều trị bệnh-nhân. Đức Phật giống như vị lương-y này. Nói theo bác-sĩ Walpola Rahula : « đức Phật là bậc hiền-nhân và là vị bác-sĩ thông-thái đã trị được chứng bệnh của thế-gian » (*Bhisakka* hay *Bhaisajya-guru*) (1).

*

Ở trên, chúng ta còn nhớ khi ngộ-đạo, đức Phật tìm thấy *Tứ thánh-đế*, tức bốn chân-lý cao siêu, căn-bản để giải thoát con người khỏi khổ-não, luân-hồi. Mặc dù có nhà Phật-học uyên-bác như Taymans d'Eypernon, giáo-sư ở trường đại-học Louvain, đã từng quan-niệm : « Muốn rút gọn tất cả Đạo-lý của Phật vào *Tứ thánh-đế* là phạm một lỗi-lầm chướng mắt như muốn đưa tất cả Phúc-âm vào bài giảng dạy trên núi của chúa Giê-su » (2) ; tuy vậy, ngày nay, tất cả các nhà học-giả và Phật-tử đều nhìn-nhận rằng *Tứ thánh đế* là căn bản của đạo lý nhà Phật, là cái phần cốt-yếu nhất của Phật-giáo mà tất cả các tông phái đều nhìn nhận. Có thể tóm-tắt rút gọn *triết-lý Phật-giáo nguyên*

(1) *Vanitas vanitatum et omnia vanitas* : Vanity of vanities, all is vanity, vạn sự đều hư-không cả (vanité des vanités et tout est vanité — *L'Ecclésiaste* 1, 2).

(1) Dr. Walpola Rahula : *l'Enseignement fondamental du Bouddhisme*, trang 263 (P.B.F.A. 1959).

(2) Fr. Taymans d'Eypernon : *Les paradoxes du Bouddhisme*, trang 127 (Museum Lessianum. Section philosophique No26 — L' Éd. Universelle, Bruxelles 1947.)

http://tieulun.hopto.org

thủy vào *Tứ thánh-đế*. Tôi nghĩ rằng bất cứ người nào muốn hiểu Phật-giáo thì phải đi từ khởi-điểm, khởi-điểm ấy là Bài thuyết-pháp của đức Phật tại Bénarès, tức là bài giảng về Tứ thánh-đế vậy.

Đúng như lời của Trần-Trọng-Kim tiên-sinh, Tứ Thánh-đế là « những điều rất trọng yếu trong đạo Phật» (1), « Cái đạo của đức Thế-tôn Thích-ca mâu-ni Phật lập ra ở Ấn-Độ khi xưa, cốt yếu ở trong cái thuyết *Tứ Thánh-đế* và *Thập nhị nhân duyên*. Đó là phần đặc biệt của đạo Phật, mà Phật-tổ đã khởi xướng lên trước tiên cả » (2).

Chúng ta thấy tiên-sinh nhắc đến *Thập nhị nhân duyên*; thực ra, *Thập nhị nhân duyên* cũng nằm trong *Tứ Thánh-Đế*; chúng ta sẽ bàn đến sau.

Chúng tôi xin nhắc lại: Phật-giáo có rất nhiều tông-phái, rất nhiều kinh-điển; vì thế nếu ai muốn hiểu Phật-giáo thì cần phải đi từ gốc, từ căn-bản, tức là Phật-Pháp (Pali: *dhamma*; Phạn: *dharma*), gồm có *Tứ thánh-đế* (Ariyasaccani). Chúng ta phải đi từ cơ-sở ấy, nhiên-hậu mới có thể lãnh-hội trọn vẹn và thâm-thúy những triển-khai siêu-hình, đa-dạng của Phật-giáo.

PHẠM-ÁI-BÍCH

(còn tiếp một kỳ)

(1) Trần-Trọng-Kim: *Phật-giáo*, trang 25 (Tân-Việt 1950).

(2) Trần-Trọng-Kim, op. cit. trang 48-49.

★ Người cầm đầu phải biết nhận ra điều hay, điều phải, và khi đã nhận ra thì không nên ngần ngại nói ra điều đáng lẽ nên làm hay phải làm. Muốn được vậy, đôi khi cần có can-đảm. Nhận xét thấy một cộng-sự-viên không đương nổi công việc là điều khổ tâm; nói với họ sự thật ấy, lại là điều khổ tâm hơn nữa. Tuy nhiên, đó là nhiệm-vụ chân-thành của người cầm đầu đối với lợi ích chung mà người ấy có bổn-phận phục-vụ. Đó là nhiệm-vụ bác-ái của người cầm đầu đối với cộng-sự-viên kém cỏi cần được tưởng lệ hay đặt vào một chỗ khác thích hợp với khả-năng hơn. Đó còn là nhiệm-vụ công-bình của người cầm đầu đối với những cộng-sự-viên khác, không thể để sự kém cỏi của một người làm hư hại công việc của cả một tập-đoàn.

« Nhập giả chủ chi, xuất giả nô chi »

Đường-thư có câu: « *Nhập giả chủ chi, xuất giả nô chi* », có nghĩa là sự gì thích hợp với mình thì mình hết lòng coi trọng như bậc chủ; sự gì đối nghịch với mình thì mình rẻ rúng, coi khinh như hạng nô. Câu trên ám chỉ người xét việc, không xét theo chân lý, chỉ xét theo tư tình, do đấy nhận định thường sinh ra hồ muội.

http://tieulun.hopto.org

NGƯỜI BỆNH HÁT CUỒNG

Tàn mộng bừng cơn sốt,
Lòng cay xót như bào!
Lửa nhớ thương cắt ruột,
Ngẩng đầu trông trời cao...
Chín tầng xanh thăm thẳm,
Cánh én bay về đâu?
Nắng trưa lên hừng hực,
Mắt lập loè trăng sao.
Nuốt thời gian ung-úc.
Nén tiềm-thức sôi trào!...
Nhưng mùa hoa chửa rụng,
Mặt đời chửa xanh xao.
Cây vẫn tràn nhựa ngọt.
Nhờ ai đến suối Đào.
Hái đàm, ba cành lục,
Hòa với lệ Quỳnh-Dao,
Nấu muôn bầu thánh dược
Uống tan « vạn cổ sầu ».
Cứu ta! cứu ta với!
Hỡi Bắc Đẩu! Nam Tào!
Ta tội gì kiếp trước?
Nỡ đọa đầy thân sau!
Cứu ta! cứu ta với!
Ôi Khuất-Bình Ly-tao!
Người điên mang hồn tỉnh,
Đài Sở trơ sơn khâu!
Cứu ta! cứu ta với!

Thánh thần chừ phương nao?
Thánh thần không tịch mịch,
Chẳng cuồng cũng lao đao.
Hỡi những ai đồng bệnh!
Đừng mơ truyện chiêm bao.
Hãy tung chăn vùng dậy
Cùng ta ngồi hát ngao...
Hát rồi cười lẫn khóc,
Rồi chuốc chén nghiêng bầu.
Cảm tâm-tình người cổ.
Và lệ rơi nhìn nhau...
Lặng chờ năm canh hết,
Phương Đông hé bảy màu.
Vỗ bụng cười ha hả:
« Đông-phương nhiều sắc lạ.
« Bắc cầu treo nhiệm màu ».
Rủ nhau đi tiêu dao
Qua nhịp cầu Thất bửu,
Đón trăng về kèo rượu..
Trăng hồn lạc nẻo nào?
Ô kìa! Vút ngàn dâu,
Trăng nằm ôm chú Cuội!
Trăng làm mình thêm tủi,
Mình vừa thoát cơn đau...
Chầm chậm mà chờ nhau,
Chờ mình lên với nhé!

Đà-Nẵng. Trung thu Kỷ-Hợi

VŨ-HÂN

http://tieulun.hopto.org

THƯƠNG CON MỚI BIẾT LÒNG CHA

* ĐOÀN-THÊM

Thân gởi anh Qui,

BA mươi tám tuổi, Qui mới nghĩ đến chuyện lấy vợ, kể cũng hơi muộn, nhưng muộn còn hơn không.

Chưa chi Năm đã buột ra câu này, tức là mặc-nhiên thừa nhận lạc-thú gia-đình : có lẽ cũng vội vàng, khi Qui đòi hỏi Năm xét kỹ mặt trái mặt phải của vấn-đề, rút kinh nghiệm đời sống cha-con mà giúp Qui chấm dứt sự phân-vân.

Những câu hỏi của Qui mới chỉ dựa vào sự quan-sát bề ngoài của một số gia-đình bạn hữu, nên càng kích thích Năm soát lại tình-cảnh và những tâm-trạng đã qua để trả lời về những điểm khiến Qui thắc mắc.

Nếu tôi hiểu kỹ ý Qui, thì sao đủ can-đảm khuân vác gánh nặng gia-đình mà không mất vui sống ? Nếu nhờ tình yêu, tất phải yêu mạnh lắm : yêu một hai đứa con, có thể, nhưng sao cho mạnh được đối với cả một đàn lúc nhúc ? Trong những nhiệm-vụ phải làm tròn, phiền nhất là sự dạy bảo, cứ thấy người ta bàn cãi về những vấn-đề giáo-dục nan-giải cũng thấy nhức đầu, huống hồ phải chọn một đường lối, áp dụng một lý-thuyết ?

*

Trước khi đặt câu hỏi thứ nhất, thiết tưởng Qui nên nghĩ đến người vợ tương-lai hơn là những đứa con sau này. Khi tôi ao ước lấy nhà-tôi, tôi tự bảo : được sống với nhau, thì gặp cảnh vất vả thế nào cũng cam lòng. Nếu quả thiệt anh yêu em, thì « mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua », phải lang thang như Bùi-Hàng trong truyện cổ, đi tìm chày ngọc về làm sính-lễ cũng còn chịu được, kể chi nuôi mấy đứa trẻ ? Cho nên, thành-thực mà nói, quyết định lấy vợ hay không, chẳng phải vì không lo hay có lo về con cái, nhưng tùy ở sức mạnh tình yêu người đàn bà. Vậy thì Qui hãy tự vấn tâm trước hết về điểm đó. Cho tới khi cưới, tôi chỉ bị, hay được ám ảnh vì những nét, những vẻ, những đức-tính đáng ưa của vị-hôn-thê, chớ không vì hình dáng dễ thương hay khó chịu của nhi-đồng nào hết. Thảng-hoặc suy nghĩ về gia-đình, thì chỉ

http://tieulun.hopto.org

tính xem sinh-kế ra sao mà thôi, vì hình như tôi đã yên trí rằng hễ đủ tiền nuôi vợ dĩ nhiên sẽ có thể nuôi con, có gì đáng ngại ? Nhà-tôi hồi đó cũng ở trong tâm-trạng tương tự.

Chắc Qui băn khoăn : như vậy, trong lòng cha mẹ tương-lai không có chỗ nào dành cho con cả, khi sinh con, không mong đợi sao có thể yêu quí ? Tôi thấy cần nhận xét một cách thiệt rõ ràng để tránh sự lầm lẫn tai-hại của một vài tà-thuyết tàn-nhẫn ở phương Tây, theo đó con cái chỉ là kết-quả ngẫu-nhiên hay bất-đắc-dĩ của đời sống lứa đôi : không mong đợi — vì không thể — rằng năm nào, tháng nào, ngày giờ nào thì sẽ đẻ, một vài năm sau cũng được, nhưng vẫn muốn có con, nhiều khi thiết tha ao ước. Tôi còn nhớ, ít lâu sao khi thành-hôn, hai vợ chồng tôi dắt nhau đi chơi mát ở một công viên, gặp hai đứa nhỏ chừng một hai tuổi, bụ bẫm xinh xinh, ngồi trên bãi cỏ ăn kẹo giấy cả lên má : ăn hết rồi, đứa nọ thè lưỡi đỏ liếm má đứa kia và cười, trông chúng ngây thơ và đáng yêu quá ; tự dưng hai bàn tay chúng tôi nắm chặt lấy nhau và nhà-tôi khẽ quay lại tôi với nụ cười đầy một ý-nghĩa sau này mới được xác nhận : thích lắm, bao giờ ta có những đứa như thế kia ?

Kể thì cũng không lâu, và cùng với cháu đầu lòng, tình cha con đã sinh nở một cách mau lẹ thắm thiết không ngờ, trong một tâm-hồn đàn ông cho tới đó chỉ đầy yêu đương vợ trẻ. Có lẽ ta áp dụng được vào trường-hợp này, với một nghĩa hơi khác nhưng cũng đúng, câu ca-dao « sinh con rồi mới sinh cha ». Con ra đời rồi, tình thương mới phát hiện để bao bọc ấm áp như chiếc khăn bông, thân hài-nhi đỏ hồng như đậm màu huyết của hai người hòa hợp. Cái gì ở nó cũng nhỏ nhỏ xinh xinh, và non nớt quá, tôi không dám bế vì sợ lọt tay rơi vỡ, làn hơi thoi thóp nên sức sống như chỉ mong manh, nghe nó khóc, tôi đã lo rằng đau hay đói, rét, đến nỗi cô nữ-hộ-sinh phải cười mà kêu : các ông đàn ông ngây thơ thật !

Lời cô-đỡ khiến tôi lúng túng, song nhà-tôi càng vui vẻ vì như thế tức là tôi thương yêu con lắm. Nhưng được vợ hài lòng thì lại bị nhiều bạn hữu chưa vợ chế giễu, ngờ vực tôi từ đó quấn quít vợ con và đi sâu vào cảnh trưởng-giả (embourgeoisement) mà quên mất những trạng-thái cao quí khác của cuộc đời ; ông bác tôi, một vị lão-nho, cũng mỉm cười thấy tôi vuốt ve con : hừ, rồi thì thê tróc tử phọc đấy ! Tôi không khỏi ngượng ngịu, trước mặt mọi người phải làm ra bộ dửng dưng đối với con. Nhưng rồi tôi bực bội và cáu tiết tự bảo : ngôn-ngữ nước nào cũng có những tiếng rất khinh bạc để mỉa mai, nhưng mỉa gì chớ tình thương mà tạo-hóa đã rót vào huyết mạch tôi, thì quả là một sự chà đạp không thể chịu, tôi làm gì đê tiện để trẻ già tân cựu cùng nhếch mép ? Khi bạn Cống say mê gái nhảy thì nhiều bạn lại khen thầm là có số đào-hoa. Để trả lời sự bất-công, vô lý của những người xung quanh, tôi còn nghĩ cách tỏ rõ hơn nữa tình cảm của tôi. Sau khi bới óc, tìm chữ, tra tự điển, tôi đặt tên con là Quỳnh-Ngọc, mặc dầu chưa biết nó sẽ xấu hay đẹp, và cầu kỳ thật đấy, nhưng cần cho nó tên quí để xứng với lòng thương. Tôi còn mua một quyển vở đắt tiền, làm tập ký-sự ghi những việc xảy ra từ khi nó chào đời, dán những bức ảnh đầu tiên, để giữ cho nó những kỷ-niệm êm đềm thời thơ ấu.

http://tieulun.hopto.org

Đọc tới đây, có lẽ anh cũng mỉm cười và hỏi : khi sinh ra những đứa sau, có thể như thế mãi không ? Có lắm chứ. Có gái rồi lại muốn có trai, một trai thấy ít quá, ngộ lỡ nó làm sao thì còn em nó, em nó vừa biết chạy nhảy tung tăng thì thấy càng đông càng vui : vì sẵn lòng đón tiếp nên ba nam và một nữ nữa cũng thi đua dầu thai vào « vườn nuôi trẻ » mà căn nhà nhỏ đã biến thành trước sau bảy đứa nối dòng hàn-gia.

Hẳn anh liên tưởng đến một gánh nặng ? Nhưng anh có thể nghĩ rằng không bao giờ tôi cảm thấy hai vai chĩu mỏi, dù có lúc buồn ? Mới nghe, anh không khỏi ngạc-nhiên, sự thực quả như vậy. Nếu anh dạo mát một mình, tất phàn nàn cho người lao-công ở bến tàu khuân vác từng bao gạo lớn lên lên xuống xuống : ấy thế mà vẫn chạy huỳnh huych, mép còn ngậm điếu thuốc phì phào, đôi khi lại trêu cợt bông đùa để những chị đồng - nghiệp cười vang : biết đâu con người vất vả kia không có những niềm vui riêng mà anh chẳng thấy vì chưa tìm hiểu ? Cảnh tôi cũng có phần tương-tự. Và cả đến những sự đau buồn cũng chẳng làm cho tinh-thần ngã gục, trái lại còn kích thích yêu thương nhiều hơn.

Trong hồi chiến-tranh loạn-lạc, mấy cháu đầu của tôi, như bao nhiêu trẻ khác, đã nhiều lúc chịu thiếu thốn, rách rưới, đói khát, ốm không có thuốc, hoảng sợ vì bom đạn. Tôi còn nhớ như in : một đứa lên hai, một đứa lên bốn, ngồi trong đôi thúng gánh đi mấy chục cây số, vừa nắng vừa mưa ; chúng ngủ gật, mỗi khi quật đầu vào dây quang thì choàng dậy thút thít... Nhưng ngay ở trường-hợp đó tôi không hề cảm thấy gánh nặng, không bao giờ thấy chúng vướng víu như cái nợ hoặc người thừa, càng xót xa hơn và cố đem yêu thương xoa dịu nỗi đau khổ : giả thử không có chúng, thì trong cơn đảo lộn tàn phá, cuộc đời đối với tôi chưa chắc còn ý-nghĩa gì. Tệ hơn nữa, lại còn những ngày đen tối, ruột gan như cắt, nhưng cắt đi càng chan chứa tình thương : tôi đi chơi ở tỉnh xa, cháu giai thứ nhất mới lên ba, nô đùa khi tôi rời khỏi nhà, bốn năm hôm sau tôi về, đỗ xe trước cửa thấy mùi hương xạ bay ra, giật mình chạy vào nhà vắng tanh, vú em kêu khóc : đưa em đi rồi, nghĩa là đi không trở lại. Hỏi ra mới biết nó bị đau ruột có hai hôm thì mất. Nỗi tiếc thương mà nó để lại, đã dào dạt cùng nước mắt và như một phần gia-tài thiếu người thụ-hưởng, được đem chia xẻ cho chị và các em nó.

Nhưng hai tiếng chia xẻ chưa chắc đã đúng nếu áp dụng cho tình thương của cha mẹ. Tôi cũng như vợ, yêu các con đứa nào cũng như đứa nào. Có đứa thứ sáu rồi, vẫn yêu đứa đầu lòng như trước, và giả thử có đứa thứ tám thứ mười cũng chẳng bớt phần của các anh các chị. Câu ca-dao « sông bao nhiêu nước cho vừa » có lẽ ở trường-hợp này cũng chẳng sai. Ngoan ngoãn, sáng sủa : yêu và đặt hy-vọng vào nó để nối nghiệp nhà ; — ù ỳ chậm chạp : yêu và thấy tội nghiệp, vì nhớ lại lời các cụ tôi, ngón tay có đốt dài đốt ngắn và luật thừa-trừ buộc nó chịu thấp kém cho đứa khác nầy vọt lên ; — con lớn : mối tình đầu cởi mở lòng thương ; — con út : thôi, để mãi rồi phải nghỉ, nó là hình ảnh sau rốt của sự ngây thơ ngộ nghĩnh mà vợ chồng còn tạo được ; — chúng chăm chỉ học hành, thì dĩ-nhiên tôi mừng và quí ; —

http://tieulun.hopto.org

có đứa hay lơ đãng lêu lổng : tội của nó, nhưng lỗi của tôi, bởi mình chưa biết dạy dỗ nên chưa gây dừng được....

Nhưng nói nhiều nữa sợ anh có cảm-tưởng xám xịt và ngỡ rằng chỉ toàn những cảnh lo buồn. Đâu đến nỗi ? Tôi xin kể qua anh nghe về những thú vui xum họp hàng ngày, rất thường đối với ai có con, nhưng còn lạ đối với người như anh không chú ý và cũng chưa ưa gần gũi trẻ thơ : Những tiếng cười nắc-nẻ mà không cần lý-do đáng kể, sự ríu rít khi cha mẹ đi đâu về, những cặp mắt sáng ngời không biết giấu giếm nhưng rất ranh mãnh, hai đứa lên ba lên bốn vật nhau vờn nhau suốt ngày như hai con chó cún bên đống rơm, những ngón tay nhìn kỹ mới thấy buồn cười vì sao có thể bé nhỏ đến thế, những đầu lưỡi liếm môi giữa hai má phính trước lọ mứt cam ; bốn đứa ngồi sồm chầu đầu vào nhau rất lâu không rõ để làm gì : thì ra xem đàn kiến con khênh con kiến càng ; nét mặt tần ngần như lo âu của thằng út rón rén vào đứng lặng thinh bên giường nhìn mẹ nhức đầu cảm sốt....

Anh cười đi : và tha hồ chế nhạo bằng tất cả tự-điển hài hước mà anh có thể tìm như mấy bạn xưa kia hoặc ngày nay : chắc không khỏi thấy nhỏ nhen thấp kém, sao lại có thể chú ý đến những sự kể trên, trong khi quốc-gia xã hội đòi hỏi mỗi người trưởng-thành dốc tâm trí vào việc quan-trọng ? Nhưng anh sẽ nghĩ khác, nếu nhớ lại vua Henri IV quỳ gối làm ngựa chạy cho con nít cưỡi, V. Hugo viết hàng tập thơ về trẻ nhỏ, P. Valéry chụp ảnh đương vếu má đùa với đứa bé... Thì ra càng bận rộn về những vấn-đề to lớn, càng bị cuộc đời cho biết mùi cay đắng, càng phải có những niềm an-ủi không thể mua bằng giá nào hết, vì là những món hàng xinh đẹp ngây thơ không lừa dối, mà tạo-hóa dành lại cho những tâm-hồn khô héo nhưng vẫn khát vọng chân-thành. Ai đã từng nói nhỉ : « các vĩ-nhân đều có những nhu-cầu sở-thích yếu mềm.... et les grands hommes ont de ces faiblesses » (Anatole France ? ? ?).

Song cũng chẳng đến nỗi chỉ nhờ những vui thú quá « nhi nữ thường tình » như vậy mà tình cha con mạnh mẽ. Ngoài những sự hàng ngày dễ gợi tình cảm, còn những nguyên-nhân sâu xa hơn, mà dần dần tôi mới tìm thấy. Các cháu đã giải-quyết cho tôi một phần lớn những nỗi-niềm thắc-mắc âm u lẩn quất trong đáy lòng tôi, chẳng rõ từ bao giờ, có lẽ từ những đời sống trước mà tôi và chúng đương tiếp tục. Khi cho các cháu đọc gia-phả, tôi đã sực nhớ ra một điều rất quan-trọng đối với riêng tôi : khí huyết của tổ-tiên tôi, dù cách xa bao nhiêu thế-kỷ, nhất định chẳng nhiều thì ít phải còn lại trong tâm-can tôi, chớ biến đi đâu được ? ; gia-phong giữ gìn trải bao thế-hệ, còn ảnh-hưởng vào tâm-hồn tôi.

Vậy thì dẫu qua đời rồi, tôi sẽ còn sống, sống thực chớ không nói bóng, rất lâu hay mãi mãi trong xương tủy, trong các tế-bào, trong trí não của các con tôi và dòng dõi chúng, dưới nhiều hình-thái. Những hình-thái đó, dĩ-nhiên tôi mong ước đẹp hơn tốt hơn của tôi, chẳng ở tất cả lũ thì cũng ở một vài đứa. Tôi thiết nghĩ đó là một quan-niệm trường-sinh bất-tử thiết-thực hơn, chắc chắn hơn và cho tôi sung sướng hơn những danh vọng suông ở thế-gian này, ngay cả hạnh-phúc mà tôi được hứa hẹn ở những cõi khác bí-huyền siêu-việt.

http://tieulun.hopto.org

Từ chỗ thương con và mong cho chúng khá, tôi lại rời khỏi sự tính toán ích-kỷ để tới sự cần-thiết hòa mình vào công cuộc ích chung, hoặc ít nhất là quan tâm đến những vấn-đề chung. Tôi cầu cho chúng không phải chạy loạn : l m sao giữ an-ninh và đáng lẽ thuận lòng yêu quí, tôi phải ước cho chúng được sống trong khoái-lạc, thì tôi lại muốn chúng khỏe mạnh, biết cầm súng tự vệ cùng với những người bằng trạc tuổi chúng. Chúng sẽ phải giỏi hơn tôi, nên cần được học hành trong những điều kiện thuận-lợi hơn tôi thời trước, có trường lớn, có giáo sư lành nghề, có chương-trình thích-hợp. Sự sinh-nhai của chúng dễ dàng sao được, nếu tình - trạng doanh - nghiệp, canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ trong xứ không phát-triển ?... Thành thử những việc thuộc đời tư mỗi đứa, không thể có giải-pháp riêng cho chúng, mà chỉ có thể giải-quyết cho tất cả thế hệ chúng : kết-quả, là ưa hay không, và dẫu chỉ là một công-dân, tôi cũng phải nghĩ đến quân-dịch, giáo-dục, văn hóa, kinh-tế... Dù sức mọn, tôi cũng phải cố góp phần cho các con tôi vào công-cuộc chung. Anh đừng khen tôi có công-tâm, chớ đem danh-từ to tát áp-dụng vào việc tôi làm hay muốn làm ; xin anh hãy cứ hiểu cho rằng tình thương con cái cũng có thể đưa tới những thái-độ hay hành-động kể trên.

Nhưng việc cần-thiết trực-tiếp đối với chúng, dĩ-nhiên vẫn là dạy dỗ, và như anh đã nói, ở phạm-vi này chưa có phương-pháp lý-thuyết nào đáng tin hẳn để áp-dụng triệt-để. Song đó không phải là một cớ để nản lòng tránh sự lấy vợ đẻ con, chỉ là một công việc khó khăn nhưng đầy thú-vị mà nhiều người cùng tôi vui lòng đảm nhận.

Anh vốn thích làm vườn như tôi. Chúng ta đều mong có kết-quả, bóng mát, hoa thơm hay trái ngọt. Song riêng tôi, thú nhất ở chỗ theo dõi hồi hộp : những sự xảy ra liên-tiếp trong một cuốn phim, hay hơn là cuộc hôn-nhân kết liễu câu chuyện. Có khác chi đâu, các giai đoạn trồng cây, mầm gieo, nảy chồi, mọc lá, vươn cành, xa đất bùn mà ngoi lên ánh sáng, tìm sinh-khí để thắm tươi màu sắc ? mỗi ngày qua đem lại cho ta hy-vọng với niềm vui mới : thế thì quản ngại chi vun bón, nâng đỡ, ràng buộc, che chở nắng mưa ? Nuôi nấng các cháu cũng vậy: dĩ-nhiên tôi ước mong chúng nên người như cây mọc xanh tốt, song tôi còn ưa tìm hiểu từ khi mới chớm nở, những khả-năng, bẩm-tính, khuynh-hướng hay dở của mỗi đứa xem biến chuyển ra sao, dắt dìu từng bước, uốn nắn tùy sức cứng mềm nhưng đừng cho ngả về hướng tối.... Trông thấy đứa vốn gầy yếu mà nở nang được, đứa học trước quên sau rồi cũng lại nhớ nổi, đứa lây bệnh nói nhảm của bạn nhỏ nhưng thấy rõ sự xấu xa để chừa hẳn ; đo lường sự tiến triển từ lúc bập bẹ tập đặt câu tới khi viết được hai trang lưu-loát ; — giảng cho đứa tám tuổi hình dung gọi là được thế nào là « cai trị » trong bài Công-dân..., những việc đó đã đòi hỏi một sự kiên-nhẫn mà kẻ nóng tính như tôi xưa kia chẳng có nhưng vì các con mà cố luyện rèn. Những kết-quả đã thâu lượm tuy chưa được là bao, cũng đền bù cho tôi bằng niềm vui êm đềm của người vun trồng thấy cây hứa mọc ; và tôi còn tự an ủi trong những lúc cảm thấy mình kém cỏi, rằng những đứa con may ra sau này có ích hơn tôi.

Tôi phải thú thật, dạy dỗ chẳng phải chỉ vì xã-hội hay vì các con, còn vì bản-thân tôi nữa : tôi mong được trả lại một

http://tieulun.hopto.org

phần tình thương mà tôi đã cho mỗi đứa. Sau này đừng có đứa nào dại dột tự-hào là tân-tiến mà nói nhại câu của André Gide : « hỡi Gia-đình, ta thù ghét mi, Famille, je te hais ». Cũng đừng đứa nào nỡ coi tôi là hủ-lậu, lạc hậu, lỗi-thời không hiểu nổi thế hệ chúng : tôi đối với tiền-nhân không thế, chẳng lẽ người sau đối với tôi một cách quá văn-minh đến như vậy ? Tôi cũng chẳng mong được báo đáp bằng sự kính sợ e dè như anh em tôi đối với ông cụ thân sinh khi trước, vì nếu bên trong vẫn là hiếu thảo, bên ngoài thiếu mất tình thân và những sự chịu đựng nhiều hơn là sự vui vẻ nhẹ nhàng.

Sự thực, tôi ít bạn tuy chỉ thiết tha ước có những người chí-thân : nhưng khó lắm, còn tùy ở sự tương-ngộ do cuộc đời run rủi. Dễ dàng hơn, có lẽ tìm kiếm ngay ở những tâm-hồn sẵn sàng nhận tôi là bạn, những con người mà tạo-hóa đã cho tôi sinh thành dưỡng dục. Trong sự tương-phùng đó, tôi đã đi bước trước, không những chìa tay ra đợi bắt, còn yêu quí và nâng niu ôm ấp. Cho nên tôi hy vọng được sưởi ấm, nhất là trong những lúc tâm-hồn giá lạnh vì thế-sự hay sau này khi bóng ngày sắp ngả về chiều. Song mong ước chưa đủ, còn phải cố gắng cho các con tôi có những điều kiện để thành người bạn tốt ; và chính tôi cũng phải xứng với sự thân mến chân-thành của chúng. Bạc ác, giả trá, thì sẽ là bạn tôi sao được ? Tôi phải luyện cho chúng không nói dối, không quay quắt, biết xót thương. Nhưng chúng chỉ nghe tôi, nếu trước hết tôi gây nổi tín-nhiệm, để chúng tin được rằng tôi đủ khả-năng và lịch-duyệt hiểu biết việc đời mà dìu dắt chúng : nghĩa là tôi cũng phải tu thân, tỉ như không dám nói nhảm hoặc có cử-chỉ gì trước mắt chúng khiến chúng không trọng tôi nữa. Tôi phải thành thực và cởi mở : các con tôi không giấu giếm che đậy gì đối với tôi, tôi sẵn sàng tha thứ nếu nói thật, từ tội cấu véo trộm các em nhỏ hay đánh đổ mực ra đầy nhà khi cha mẹ đi vắng, đến những nỗi niềm thắc-mắc của những đứa lớn trước cảnh âu yếm trong phim ảnh, hoặc tình yêu chớm nở trong trái tim non của chúng sau này, cứ việc nói đi, tôi rất hiền từ kín đáo, sẵn lòng đón tiếp mọi tâm-sự, và tôi sẽ đem hết lòng thương mà giảng giải, can ngăn hay khuyến khích nếu cần.

Tôi đã thí nghiệm, và không còn hoài nghi, vì thấy có kết quả một phần nào đối với hai cháu lớn. Về phần những đứa nhỏ, có khi tôi là thầy giáo nghiêm-khắc, ông quan-tòa xử kiện, ông cảnh-binh ngăn cản sự phá rối trật-tự... song cũng nhiều lúc là kẻ biết kể truyện mới, cũ, vui, sợ ; ông già Noel ban phát la liệt quà bánh và đồ chơi. Rồi chúng lớn lên, thì những vai trò kia nhường chỗ dần dần cho một người dẫn đường, dẫn đi học cũng có, đi chơi lang thang cũng có, để tiến tới hình ảnh một người bạn thân : nếu nguyện-vọng đó vì lẽ gì không thể thực hiện đối với tất cả, ít ra sẽ được thỏa-mãn đối với một vài đứa, như vậy hạnh phước của tôi cũng sẽ nhiều rồi.

*

Tóm lại, tôi không có dụng-ý tả cho hay cho đẹp cảnh gia-đình để khuyến khích anh, cũng chẳng bôi xạm màm sắc để

http://tieulun.hopto.org

anh chán ngán : mong anh thấy cả mọi khía cạnh của đời cha con với những ý-nghĩa mà tôi đã ngẫm dần ra.

Viết đến đây, tôi chỉ còn muốn so sánh cảnh cô-đơn hay « tự-túc » của anh, với cảnh bầu đoàn của tôi. Tôi không khỏi thấy tôi « giàu » hay « nhiều » hơn anh, vì sinh được sáu cháu tức là bản-thân tôi đã nhân lên với con số 6, cộng với vợ tôi, vị chi là 8. Tôi tám anh một, sự sống có dồi dào hơn không ?

Cây ổi Tàu mà tôi trồng để kỷ - niệm ngày sinh của đứa cháu xấu số, ngày nay có lẽ đã cao quá mái gianh ngôi nhà cũ trong làng, hay ai chặt mất rồi chẳng rõ ? Song các cháu khác, bây giờ mọc chóng hơn cây, và nhìn chúng quây quần nầy nở, tôi thấy tất cả lý-thuyết gia-đình của các nhà xã-hội-học phương Tây, không làm cho tôi hài lòng thỏa trí bằng chữ « phúc » cũ kỹ của ông cha chúng ta, không giải nghĩa được, nhưng có sức huyền-diệu truyền-cảm thấm thía.

Thân mến

Năm

Đ. T.

★ Tổ-chức, chỉ-huy, phối-hợp, không đủ. Người cầm đầu còn phải coi xem người ta đáp lại dự-tính của mình bằng việc làm ra sao, để kịp thời chỉnh-đốn lại.

★ Kiểm sát là điều cần-thiết đối với người thừa-hành, là một bổn-phận đối với người ra lệnh.

★ Lệnh phải thể-hiện trong cuộc sống qua tay của những người có nhiệm-vụ thi-hành. Song bởi loài người yếu đuối, giữa kế-hoạch dự-tính và thật tế, thường có thể có sự sai biệt, không ăn khớp với nhau. Do đấy, cần có sự kiểm sát, song nên tránh cách kiểm-sát tỉ-mỉ, sách nhiễu vô-lý ; cách kiểm-sát phải cho xây-dựng cốt làm cho những điều thật hiện được đúng với những điều đã quan-niệm trong ý-tưởng.

Sự dung bình đáng quí như vàng

Hán văn có câu : « An bần lạc đạo », chịu cảnh nghèo mà vui đạo trời ; lại có câu « An phận thân vô nhục », biết an phận thì thân không bị nhục, đại ý đều có ý tán tụng sự thanh cao, thanh thân của tình trạng dung bình. La-tinh có câu : « *Aurea mediocritas* » (Médiocrité d'or), có nghĩa là sự dung bình, nhàn nhã đáng quí như vàng. Đông, Tây hình như gặp nhau trên điểm này.

http://tieulun.hopto.org

THƠ PHAN-LẠC-TUYÊN

LÁ CỎ SUY TƯ

Dáng chiều qua ven rừng
Sương quàng tay áo mỏng
Tóc mây vàng rưng rưng
Ngàn sao cũ nhớ mong

Lá rừng hương ngây ngất
Tình cỏ dại mênh mang
Dáng núi đồi trầm lặng
Cúi nhìn người cô đơn

Hồn chiều đang băn khoăn
Giã từ lều hoang dại
Cả vũ trụ băng hoại
Còn tôi và thời - gian

Tay lá ôm tóc rừng
Chiều ộc tươi máu đỏ
Đau Hà - Nội đêm nào
Lửa phun sầu thế kỷ

Những mảnh đời bốc cháy
Cho lịch sử trưởng thành
Tim mùa xuân khao khát
Mắt mở ny bờ xanh

Bước hoàng hôn bỡ ngỡ
Từng lá cỏ suy tư
Ơi mắt chiều đỏ lửa
Đừng vội khép suy tư...

PHAN-LẠC-TUYÊN

http://tieulun.hopto.org

L.T.S. — *Trong Bách-Khoa số 78, bạn Đoàn-Thêm có nêu ra vấn-đề « Thơ tối Thơ sáng » và tìm hiểu nguồn gốc ở Văn-học-sử Pháp.*

« Trong bài dưới đây, giáo-sư Bùi-Hữu-Sủng cũng xác nhận nhiều tài-liệu và ý-kiến do bạn Đoàn-Thêm đã trình bày. Song ở bài mới, có lập-trường rõ ràng hơn đối với « Thơ tối » ở Việt-Nam.

TIẾNG CHUÔNG THỨ HAI VỀ THƠ SÁNG THƠ TỐI

(Nhân đọc bài Thơ sáng Thơ tối của ông Đoàn-Thêm trong Tạp-chí Bách-Khoa số 78).

BÙI-HỮU-SỦNG

THỜI xưa, ở nước ta, văn tức là văn vần gồm những câu ca-dao, những bài thơ ngắn, hễ hát hoặc ngâm lên mà truyền-cảm mau lẹ, ấy là thơ hay. Các cụ thời xưa chỉ cảm thơ, không phải tìm hiểu thơ như chúng ta ngày nay ; các cụ chỉ phân ra thơ « hay » và thơ « dở ». Gần đây chúng ta mới nói tới Thơ tối, Thơ sáng. Từ khoảng năm 1940 trở lại dưới ảnh-hưởng của mấy thi-sĩ Mallarmé, Rimbaud hay nhóm siêu-thực của nước Pháp, mới xuất hiện trên Thi-đàn Việt-Nam một số bài thơ tối nghĩa, có bài tối nghĩa, bí-hiểm đến nỗi người ta mệnh danh là thơ « hũ » (la poésie hermétique) (1).

Thơ tối của ta bắt nguồn từ thơ « hũ » của Pháp, vậy ta cần xét lai lịch của nó. Nhìn một cách phiến-diện, văn-học sử Pháp quốc (từ 1100 đến 1945) có thể phân ra hai thời kỳ : thời kỳ thơ sáng và thời kỳ thơ tối.

Khởi thủy, dân-tộc Pháp cũng như dân-tộc Việt-Nam hay Trung-Hoa ca hát trước khi viết thành văn. Họ có những bài anh-hùng ca rất hay, phản-ánh được nguyện-vọng của toàn-dân và lôi cuốn mọi từng lớp dân Pháp vào cuộc Viễn-Chinh Thập-tự-quân, vượt hàng nghìn cây số sang giải phóng đất thánh (thành Jérusalem). Nhưng sau cao-trào ấy, thơ Pháp rời bỏ dân chúng để giam mình vào trong lâu đài, nhịp nhàng hát theo điệu múa, tiếng đàn, làm cuộc tiêu khiển cho các vua chúa, hoàng-hậu. Đang là biểu-hiện của tâm-hồn công-cộng, thơ dần dần thu hẹp để thỏa mãn sở thích của một số người quyền-quý và mở xẻ tỉ mỉ tình ái.

Các hoàng-hậu như Aliénor, các vua như François I, Louis XIV bảo vệ cho văn-sĩ và những thi-nhân triều đình

(1) Hermétique ở chữ Hermès Trismégiste, tên một vị thần dạy thuật luyện kim (alchimie) bằng cách nấu trong một cái *hũ*, bình và nắp kín mít. Ở dưới, sẽ nói tới phù phép luyện ngôn-ngữ (Alchimie du verbe).

http://tieulun.hopto.org

(poètes de cour) như Colin Muset (thời trung-cổ) cha con Marot, Ronsard (thế-kỷ 16) Benserade, La Fontaine (thế-kỷ 17) mang thơ ra ca-tụng những thắng-lợi của nhà vua hay làm vui tai những khách trong phòng tao-nhân (salons). Đã bị thu hẹp, đã nặng mùi quý tộc, thơ trở thành «thông thái» dưới ảnh-hưởng cổ-học Latinh, Hi-lạp. Malherbe và Boileau can thiệp vào, định luật-lệ, qui-tắc cho kỹ-thuật làm thơ, các ông mang lại tinh-cách sáng sủa cho thơ. Boileau khuyên các văn-sĩ thời ông: «Những điều gì đã quan niệm rõ ràng, sẽ diễn tả minh bạch» (Ce que l'on conçoit bien, s'énonce clairement): Từ đấy, thơ chịu sự chi-phối của lý-trí, vần thơ không có tính cách gợi rung cảm, nó dùng để trang hoàng (ornement) lịch-sự cho những tư-tưởng minh-bạch. Lý-trí quá độ, thơ tuy sáng nhưng thành nhạt, tẻ, khô khan. Gần một trăm năm, dưới ánh sáng của lý-trí, thế-kỷ thứ 18 thấy nhiều nhà hợp vận (rimeurs) mà không bóng một thi-nhân. Voltaire cũng nhận thấy khuyết điểm ấy của thời-đại mình. «Trong các nước văn-minh, nước ta (nước Pháp) là kém thơ hơn hết» (De toutes les nations polies, la nôtre est la moins poétique). Ông nói thêm: Một thi-nhân chân-tài là người làm rung chuyển và cảm-động tâm-hồn» (La vrai poète est celui qui remue l'âme et l'attendrit). Ông nói thế nhưng chính tập anh-hùng-ca của ông, La Henriade, vẫn sáng và khô khan như thơ đương thời.

Tới cuối thế-kỷ 18, sang đầu thế-kỷ 19, tình-cảm Pháp bắt đầu nổi dậy chống đối lại lý-trí Pháp. Mấy cuộc cách-mệnh liên tiếp, cuộc thăng trầm của Nã-phá-luân, phong-trào lãng-mạn từ Đức, Anh tràn vào, tất cả những biến cố ấy đảo lộn xã-hội, tư tưởng Pháp, kích thích trái tim và óc tưởng-tượng của đoàn «con đẻ thế kỷ.» Những văn-phẩm của Chateaubriand, thơ của Lamartine, Hugo, Musset xuất hiện và tạo ra những thanh niên «buồn vô cớ» và muốn «lao mình tới chốn vô cực». Rượu mới, bình cũ. Thơ của Lamartine còn bố cục theo cách cổ-điển, thơ của V.Hugo còn giọng hùng-biện chưa diễn tả nổi cái thầm kín trong lòng, Musset còn hoài-tưởng Molière và La Fontaine. Giữa lúc thơ Pháp đang phân vân trước một ngã ba không biết hướng về âm-nhạc hay họa (nhóm Thi Sơn, hay Tao Đàn, Le Parnasse) Baudelaire mang lại nguồn rung cảm mới. Ông cho rằng các mùi hương các âm-thanh, các màu sắc đều tương-ứng (Les parfums, les couleurs et les sons se correspondent). Theo ông, thi-sĩ có khả-năng vượt qua cõi trí-tuệ (le monde intelligible) và tiến tới chỗ huyền-bí, tới chốn siêu-thiên-nhiên (la surnature). Muốn như vậy, thơ phải tinh-khiết poésie pure) nghĩa là gác bỏ tả cảnh, giáo-huấn, giọng hùng-hồn, kể chuyện. Thơ chỉ theo đuổi cái đẹp của thơ «tân thời» của Pháp và một số bài thơ «tối» thơ «hũ».

Trước hết Paul Verlaine bỏ cú-pháp cổ-điển, bỏ cái giọng hùng-hồn. Ông lắng nghe lòng mình và thơ của ông ghi đúng những khúc nhạc

http://tieulun.hopto.org

trầm bổng của trái tim. Thơ của Verlaine là tiếng nói trực-tiếp của cảm-xúc lờ-mờ, của bản năng u-uẩn và, nếu lý-trí can-thiệp vào để sắp-sếp lại, tất cả bóng mơ-hồ trong thâm-tâm sẽ tiêu tán ngay như sương mù tiêu tán trước sự xâm-lăng của ánh sáng mặt trời. Tóm lại, thơ của ông là nhạc-lòng. Mấy tập thơ đầu, thật tân-kỳ nhưng về cuối có những bài giả-tạo, tối nghĩa.

Rimbaud là bực thần-đồng, một thi-sĩ 16 tuổi. Tính nết khó-khăn, bực tức, phản đối gia-đình, luân-lý, tôn-giáo, đá-kích Nã-Phá-Luân II và nếp sống của giai-cấp trung-lưu. Ông ra Balê, kết bạn với Verlaine, tôn Baudelaire là vua thi-sĩ, là bực thứ nhất nhìn thấu được thế-giới siêu-hình (Baudelaire est le premier voyant, roi des poètes, un vrai dieu). Rimbaud cũng tự cho mình bực thầu-thị (le voyant), ví-dụ ông nhìn thấu sự tương-ứng giữa những chữ A, E, I với các mầu-sắc:

A noir, E blanc, I rouge, U vert, O bleu : voyelles.

Je dirai quelque jour vos naissances latentes.

(A đen, E trắng, I đỏ, U lục, O xanh, hỡi mẫu-âm.

Một ngày kia, ta sẽ nói tới sự sinh nở âm-thầm của các ngươi)

Đọc hai cầu thơ trên, các độc-giả chắc cũng thấy tối nghĩa rồi, những bài tiếp bài ấy còn bí-hiểm hơn nữa. Rimbaud chủ-trương rằng thi-nhân phải đi tìm cái mới (le nouveau), cái xa lạ (l'inconnu) cái tuyệt-đối, dù có chết cũng cam-tâm (trong bài Bateau Ivre, chiếc tàu say). Tựa như các nhà luyện-kim (alchimistes) thời trung-cổ, Rimbaud ma-luyện ngôn-ngữ để mỗi danh-từ « tóm tắt được tất cả : mùi hương, âm-thanh, mầu-sắc » (résumant tout, parfums, sons, couleurs).

Trước, ông còn viết thể thơ cổ truyền (sonnet = đoản-thi) sau viết thơ tự-do (vers libres) viết thơ bằng văn xuôi (poème en prose). Trong tập thơ văn xuôi « les Illuminations » của ông, những âm-thanh, những hình-ảnh nhảy múa nhào lộn trong một cuộc ảo-thuật danh-từ (une magie verbale) mà chúng ta « người trần, mắt thịt » không sao hiểu nổi, phải là bực thầu-thị như Rimbaud mới nhìn thấy. Ông đã nói : « Chỉ có tôi nắm được bí-quyết của cuộc phô-trương kia » (J'ai seul la clef de cette parade). Tóm lại, thơ của Rimbaud là thơ « hũ », một thứ thơ ảo-giác (poésie hallucinatoire). Năm 21 tuổi, ông từ giã nàng thơ, xuất dương, đi kinh doanh thương-mại, không hề trở lại hay nhắc lại văn-nghiệp của mình. Tại sao có sự yên lặng như vậy ? Thật là bí-hiểm, đời sống cũng khó hiểu.

Tiếp đến Mallarmé, thì sự « tối nghĩa » trở thành điều kiện tối yếu cho thơ. Mallarmé cho cái gì muốn thiêng, cũng phải bao phủ huyền bí. Thơ cũng vậy, muốn trở thành tôn-giáo, mà thi-sĩ sẽ là giáo-chức, thơ

http://tieulun.hopto.org

phải có nghĩa bí-hiểm, kín mít như những câu thần-chú, những sầm-ngữ. Mallarmé khắc-khổ tu hành, phù phép cho danh-từ như nhà luyện-kim thời Trung-cổ (alchimiste) để danh-từ có ma-lực khêu gợi. Ví dụ, ông hô thần chú : hoa ! thế là nhạc-điệu trong thơ của ông vang lên, gợi hương, sắc của hoa, ý hoa, thực-thể hoa, cả đến sự vắng mặt của hoa (l'absence de la fleur). Ông còn bẻ nát câu văn, bỏ cách chấm câu, ly gián động-từ với chủ-từ, sắp xếp các chữ theo nhạc-tính của chúng, bất chấp cả văn-phạm. Kết cục : thơ « hũ » của ông tiêu tán trong yên lặng và ông rùng rợn thấy mình đứng trước tờ giấy trinh bạch, rỗng không, và đối diện với cõi tuyệt-đối hư-vô (l'absolu-néant).

Dĩ-nhiên lịch-sử thơ Pháp không biến chuyển theo một chiều như đã vạch ra ở trên. Người Pháp là con cháu tinh-thần của nòi giống La-mã. ham sáng sủa, lý-luận, chuộng cổ-điển. Phong-trào « thơ tối » tất-nhiên bị công kích, và gây ra phản ứng. Trong tạp-chí La Revue blanche năm 1894, Marcel Proust viết một bài đại-luận chống lại « tối nghĩa » : contre l'obscurité. Sau khi đưa đủ lý-lẽ và luận-chứng để đả kích những thi-sĩ trẻ, ông kết luận một cách văn vẻ : các ông hãy nhìn thiên-nhiên, thật là một khối tối tăm mịt mù, nhưng hình-thức vẫn trong sáng : mặt trời vẫn chói lọi, các vì sao vẫn lấp lánh dưới mắt mọi người. Văn-phái « l'école romane » của Moréas tung ra một bản tuyên-ngôn (1891) : Phái này tố cáo tính-cách đen tối trong thơ, trách Verlaine đã tiêu diệt tư-tưởng và kêu gọi thơ *lìa bỏ sương mù miền Bắc quay sang ánh sáng miền Nam* (la lumière méditerranéenne). Nhưng phong-trào Thơ tối vẫn tiến ở đầu thế-kỷ XX. Paul Valéry cũng suy tôn Baudelaire và Mallarmé, và cũng coi thơ là phương-tiện đi tìm tuyệt-đối. Ông cũng khắc-khổ với mình để tìm đường nghệ-thuật. Nhưng ông khác mấy ông thầy của ông *ở chỗ phục hồi « trí-tuệ »* và mang trí-tuệ ra kiểm điểm nguồn cảm-hứng, gọt giũa câu thơ. Đối với ông, tuy thơ bắt nguồn ở tình-cảm, nhưng không được phép ứng khẩu, thơ phải là một thứ tập-luyện tinh-thần (un exercice spirituel). Sau hơn 20 năm im lặng làm việc, ông cho xuất-bản « La Jeune Parque » kết-quả của sự tập luyện của ông. Nhưng lạ thay, một nhà toán-học và một văn-sĩ lý-trí, lại tuyên bố bài ấy là một tác-phẩm tối-nhất trong tiếng Pháp (Mon ouvrage passe pour un des *plus obscurs* de la langue française). Là vì, ở đây tư-tưởng trừu tượng biến chất theo phép luyện kim thành khúc-điệu (La pensée abstraite se transmue en mélodie). Rồi ông lại cho in tập thơ « Charmes » (Bùa yêu) trong đó bài thơ « hũ », *Le cimetière marin* đã chấn động các phê-bình-gia đại tài. Alain, Fabureau, Gustave Cohen giải thích, mỗi ông hiểu một cách và khi bị phỏng-vấn, tác-giả cho mấy cách hiểu đều đúng cả. P. Valéry trả lời : Thơ của tôi có cái nghĩa mà người ta gán cho nó. Cái nghĩa của tôi cho nó chỉ thích hợp với tôi và không thể đối lập với ai

http://tieulun.hopto.org

cả » (Mes vers ont le sens qu'on leur prête. Celui que je leur donne ne s'ajuste qu'à moi et n'est opposable à personne ». Kỳ thay ! « Tôi » ở đây có nghĩa là « ba phải » chăng ? Một giai-thoại về bài Le Cimetière marin : Một buổi giáo-sư Gustave Cohen bình giảng bài thơ ấy trong trường đại-học Collège de France, P. Valéry đi qua, vào dự thính. Thi-sĩ sung sướng thấy mình được « mổ xẻ sống » khi hết giờ, thi-sĩ ra đón chào giáo-sư và thú nhận là : bây giờ tôi mới hiểu thơ của tôi. Nhưng thơ của ông chỉ làm « rùm beng » trong giới đại-học, còn sồ đông vẫn « kính nhi viễn chi ».

Qua năm 1924-1925, Thơ « tối » dời bỏ tháp ngà để xuống đường phố. Hồi ấy, trong văn-học giới nước Pháp nổi một cuộc cách-mệnh tầm quan-trọng ngang với cuộc Phục Hưng thế-kỷ 16: tức là phong-trào Siêu-thực, trước hết đây là một cuộc cách-mệnh toàn-diện chống khoa-học, chống tôn-giáo, chống chính-quyền, chống giai-cấp trung-lưu, chống văn-nghệ xây dựng trên lý-luận cổ-điển. Nhóm tổ-chức như một tôn-giáo, có giáo-chức (André Breton) có cảm tử (René Crevel, A. Arthaud, Jacques Vaché). Nó lại ra đời dưới hình-thức một chính-đảng: Nó tung ra hai bản tuyên-ngôn (năm 1924 và năm 1929), xuất-bản những tập-chí : Révolution surréaliste và Surréalisme au service de la Révolution. Để tuyên-truyền cổ-động, họ tổ-chức diễn-thuyết, mở hai cuộc triển-lãm, một ở Ba-Lê, một ở Luân-Đôn. Họ cũng trục-xuất những đảng-viên đi sai-lệch đường lối của đảng. Họ lại tổ-chức như một nhóm khoa-học nghiên-cứu về tiềm-thức với một nơi thí-nghiệm « Bureau des recherches surréalistes » ở số 15 đường De Grenelle. Phong-trào siêu-thực lan tràn cả tới Trung-Âu và Mỹ.

Ở đây, ta chỉ xét những bài thơ tối của phái ấy. Thơ của nhóm là một mớ hình-ảnh xếp cạnh nhau, không mạch-lạc, không lý-luận, chỉ theo sự phát-động của tiềm-thức, của giấc-mơ. Người cầm bút không suy nghĩ đắn đo, chỉ viết một cách máy móc, tự động (écriture automatique). Độc-giả hãy lấy một tờ nhật-báo, hãy cắt lấy các nhan đề « titres » bỏ vào trong một cái mũ, rồi lấy bừa ra, xếp lại cạnh nhau, thế là độc-giả làm xong một bài thơ kiểu « siêu-tả-chân rồi ! Độc giả hãy lấy một cái máy khâu, một cái ô để lên trên một bàn mổ, thế là độc-giả tạo thành một thế-giới siêu-nhiên, mà thế-giới ấy ở ngay tại đời này, không phải ở cõi kia, đây là siêu-hình-học theo kiểu « siêu-tự-nhiên ». Trong thơ của nhóm ta đọc thấy những hình-ảnh quái lạ ; le poisson soluble (chỉ con người tan trong mộng tưởng) le revolver aux cheveux blancs (cái súng lục có tóc bạc).

Tóm lại, từ Baudelaire đến nhóm siêu-tả-chân, thơ tối lần lượt là nhạc lòng, là ảo-giác, là « hũ », là trừu-tượng, là thiên-khải (La révélation). Một sử-gia đã phải hỏi: có phải thi-sĩ Pháp chống lối quy-củ cổ-điển

http://tieulun.hopto.org

(académisme) để rơi vào cái hỗn-độn (incohérence) như vậy chăng ?

Nhìn phiến-diện thì câu hỏi trên là đúng nhưng ta không quên mấy điều sơ-lược này : trong giai-đoạn nào cũng có thiên-tài vượt lên trên các phong-trào và thành công rực-rỡ. Trong giai-đoạn thơ sáng, Racine vẫn không bị trói buộc trong quy tắc hẹp hòi của lý-trí và đã soạn những bán kịch bất hủ. Trong giai-đoạn thơ tối. V.Hugo vẫn nói lên cái sức sống của thanh-niên, Baudelaire ghi được các u-uất của con người, Paul Claudel dùng thơ tự-do để dung hòa tôn-giáo với lòng khát-khao siêu-hình. Marcel Proust tuy chống thơ tối nhưng đi sâu vào tiềm-thức, soạn bộ tiểu-thuyết lừng danh thế-giới « A la recherche du temps perdu ». Người ta đã ví ông như Einstein vì Proust đã khám phá ra một chiều sâu rộng trong tâm-giới như nhà bác-học kia đã tìm hiểu chiều cao rộng của vũ-trụ. Chính ngay Verlaine, Mallarmé, Rimbaud, Valéry cũng để một số hạt trai đẹp trên bờ bể thơ Pháp. Ta có thể nói rằng trong khoảng một trăm năm gần đây (1850-1950) các lớp thi-sĩ ồ ạt đi tìm Tuyệt-đối như những lớp sóng chạy từ ngoài khơi vỗ vào bờ đá, chúng có tàn phá bờ biển, nhưng mỗi lúc rút lui, vẫn để lại những sò, ốc, trai, khích thích tình tò mò của du khách.

Du-khách đây, tôi muốn nói những người ngoại-quốc như người Việt chúng ta đọc văn-chương Pháp và đứng xa theo dõi trào-lưu văn-học, gắng nhận xét một cách khách-quan để rút kinh-nghiệm bồi bổ cho văn-học nước nhà.

Trước khi chấm bút, tôi xin đưa ra một nhận-xét chủ-quan như sau :

Văn-học của Pháp qua mấy thế-kỷ gần đây (từ 16 đến 20) là một thứ văn-học quý-tộc, cao-kỳ xa cách đối với cái sở-thích của bình-dân (goût populaire) và khó hiểu đối với đa số thanh-niên trí-thức Việt-Nam hiện-đại. Hồi khởi thủy, những bài anh-hùng ca, những vở kịch đời trung cổ (La farce du Maître Pathelin, chuyện Roman de Renard)mang lại nhiều hứng thú. Nhưng về sau, từ khi thơ văn thiên về sở-thích quý-tộc, về phân-tích tâm lý, về hình-thức, nó trở thành trừu-tượng, khô-khan. Chắc độc-giả cũng nhận thấy thơ đời Phục-Hưng nặng những điển-tích thần thoại, tâm-lý học thời Louis 14 thì trừu-tượng, cái duy-lý của thế-kỷ 18 lại càng khó hiểu đối với bình-dân. Từ phái lãng-mạn đến đầu thế-kỷ thứ XX, giai-cấp quý tộc tan rã, thi-nhân chán ghét giai-cấp trưởng-giả « duy tiền », « duy vật ». Để giải thoát ra ngoài đời cơ-giới và cái văn-minh máy móc, các ông xa lìa quần chúng (Vigny) và nằm trong tháp ngà. V. Hugo « bình dân đôi chút » nhưng lại muốn cầm đầu, làm hướng đạo cho dân-chúng. Bằng một giọng tự phụ, ông nói : chỉ có thi-sĩ là có bộ óc sáng suốt.

Peuples, écoutez le poète

Lui seul a le front éclairé.

http://tieulun.hopto.org

Baudelaire coi mình như con chim hải-âu (l'Albatros exilé) bị đày xuống chỗ đông người và tiếc không được cất cánh bay cao nơi trời cao, bể rộng. Verlaine chỉ biết nghe khúc điệu của nhạc lòng. Một người bình dân Pháp nghe thơ của ông chỉ cảm thấy nó dìu dịu, êm êm (tout roudoudou). Rimbaud cho mình là bực thầu-thị (le voyant). Tự-phụ hơn nữa là Mallarmé. Ông bảo các thi-nhân không cần dân-chúng hiểu mình, mặc dầu nền dân-chủ đã thắng ở Pháp : « Người thường còn thể dân-chủ được, chứ nghệ-sĩ phải tách mình làm đôi và phải *quý-tộc*... Hỡi các thi-nhân, các ông đã kiêu - ngạo, hãy khinh người hơn lên nữa. » (L'homme peut être démocrate, l'artiste se dédouble et doit rester *aristocratique*. . Ô poètes, vous avez toujours été orgueilleux ; soyez plus, devenez dédaigneux). Còn Paul Valéry, khi người ta trách thơ ông tối nghĩa ông trả lời « Ai bắt các ông đọc văn tôi » (Qui vous force à tenter de nous lire ? » Nhóm siêu-thực đã xa công-chúng với những bài thơ lập dị, với những lý-thuyết cao-siêu. Nhóm lại coi thường « tính mạng » của dân-chúng. André Breton hô hào đồng đảo ra đường phố và « xả súng bắn bừa vào dân chúng » (décharger le revolver au hasard dans la foule, xin hiểu nghĩa bóng). May mắn, đảng-viên không người nào thực hiện.

Tôi không « vơ đũa cả nắm ». Tôi biết văn-học Pháp có nhiều tính chất nhân-bản. Tôi nhớ thơ ngũ ngôn của La Fontaine, hài-kịch của Molière. Tôi nhớ Les Légendes des siècles, Les Châtiments, les Misérables của V. Hugo. Tôi nhớ những trang sử vẻ vang của Michelet về dân Pháp.

Nhận xét chủ-quan trên đây có một kỳ-vọng. *Chúng ta đừng chạy theo thơ lập-dị, thơ siêu-hình, thơ quý-tộc, thơ giáng bút, thái-độ khinh quần-chúng của một số văn-sĩ Pháp.* Chúng ta nên nhớ một số thi-sĩ Pháp, sau cuộc đại-chiến thế-giới đã hòa mình vào dân chúng, đã đặt nhiều bài thơ điệu dân-ca, nói lên cái vui hồn-nhiên hay cái uất nghẹn trong lòng đa-số *bằng những vần thơ trong sáng*, bằng những hình-ảnh âm-điệu đột nhập nhanh chóng vào óc bình-dân.

Dân ta hiếu học, lại đứng trước những tủ sách đồ sộ, xưa kia của Tàu, nay của Pháp, Anh, Mỹ. Chúng ta đừng vội hấp tấp tham ăn, khó tiêu, nhầm cơm với hạt sạn. Chúng ta hãy nhớ lại những ưu khuyết điểm trong thái-độ của Nho-gia, kia giành lại chủ-quyền, đã vay mượn thế nào ở văn - chương Trung - Hoa để ngày nay, trong một trường-hợp lịch-sử tương - tự, chúng ta vay mượn của Pháp ra sao để bồi bổ một cách ý - thức nền văn - học nước nhà.

B. H. S.

http://tieulun.hopto.org

THƠ HOÀNG-KHANH

CÔ ĐƠN

☆

Lên bờ suối, tôi nằm chờ đợi gió
Để hỏi mây trôi, hỏi núi, hỏi rừng
Lòng tôi buồn chiều xuống cũng rưng rưng
Mây trắng lang thang không về tổ ấm
Núi đứng bơ vơ từng bờ đá ẩm
Rừng níu rừng không có cả chiều cao
Gió chẳng về chết cứng những trăng sao
Giòng suối lạnh cũng chẳng buồn tâm sự
Thời gian trôi, hôm qua là quá khứ
và hôm nay, quá khứ của ngày mai
Tôi bỗng hỏi tôi : Thơ, Sắc, Hình hài
Vẫn toàn vẹn hay đã là tan vỡ
Tay nắm tay mình cô đơn rất sợ.
Rừng ngậm buồn thương nhớ tháng năm xưa
Buổi mới khai thiên, gội nắng gội mưa
Rừng tâm sự cũng như nàng sơn nữ.

http://tieulun.hopto.org

Rồi những đêm trăng tắm thân lồ lộ
Giữa cỏ cây, hoa lá đắm say nhìn
Người đẹp xưa những người đẹp không tên
Đã lần lượt bỏ rừng về đô-thị
Rừng đã buồn từ bao nhiêu thế-kỷ
Hoa lá còn mơ ước dáng ai xưa
Và núi cao loang lổ đứng bơ vơ
Mãnh thú bỏ chẳng còn gì huyền-bí
Quanh sườn dốc những con đường bình địa
Núi dựng sầu sám ngắt liệm cô đơn
Chiều loang sâu mặt núi thoáng căm hờn
Trăng tự tử giữa một lòng suối nhỏ
Không-gian buồn, không-gian im tiếng gió
Tôi cô đơn trong suốt cả thời gian
Lòng gửi về bên mồ lạnh nghĩa trang
Kề với Em mối tình sầu vạn thuở
Và tâm-sự những tấm lòng ấp-ủ
Tôi hỏi Em: Tôi có phải Tôi không
Hay là mây trôi, là núi, là rừng
là trăng lạnh hay chỉ là gió thoảng.

Hoàng-Khanh

http://tieulun.hopto.org

TRẦN-VĂN-KHÊ

HÁT Ả-ĐÀO

Chỉ có người Việt ở Trung, Bắc ngày xưa mới biết rõ và thưởng thức lối hát ả đào. Trong miền Nam, nói đến hát ả-đào, người ta nghĩ ngay đến « xóm cô đầu » ở Phú-Nhuận và « đi hát cô đầu » không có nghĩa là đi nghe hát, nghe đàn mà là đi tìm một thú vui xác thịt. Ngay như ở Bắc-Việt, các « cô đầu » ở xóm Khâm-Thiên, Vạn-Thái, Ngã-Tư-Sở hầu hết là những người buôn hương bán phấn, chớ không còn giữ phong thái của những « đào nương » ngày trước. Những điệu hát phong phú, có truyền thống, đã lần lần mất đi. « Cô đầu » ngày nay chỉ biết hát mưỡu, hát nói, ngâm Sa mạc, Bồng-mạc, kể truyện Kiều, hay hát Tì-bà-hành hoặc những loại « hát ngang », « hát vặt » chớ những điệu xưa như Kiều-dương, Bát-đoạn-cầm, Hoàng-chung, Đại-thực, thì có mấy người còn nhớ !

Trong lúc nghiên cứu về cổ nhạc Việt, chúng tôi đã thấy qua cái truyền thống của hát ả-đào, một lối hát đặc biệt của nước Việt và chúng tôi rất tiếc rằng chưa có dịp gặp một đào nương còn nhớ điệu hát xưa, hoặc một người sành sỏi « hát cô đầu » để học hỏi thêm về cách đánh phách, đánh chầu và về các điệu hát cổ kim. Đến nay, chúng tôi cũng chưa thấu đáo nhiều điểm trong lối hát ả-đào. Nhưng nếu không đề cập đến hát ả-đào, chúng tôi thấy loạt bài về cổ nhạc Việt không được đầy đủ. Chúng tôi chỉ nói sơ về nguồn gốc của lối hát ả-đào, cách tổ-chức trong giáo phường, và xem qua điệu hát ả-đào.

* * *

I — Nguồn gốc của lối hát ả-đào

Không ai biết rõ hát ả-đào có tự bao giờ. Trong bài diễn-thuyết về « *Văn-chương trong lối hát ả-đào* », ngày 29 tháng 3 năm 1923 tại hội « Khai trí tiến đức », Phạm-Quỳnh đã thử tìm cội rễ của thể cách hát ả đào mà không ra « ...vì sách vở cũ của ta ngày nay không còn lại gì cả, nhất là về âm nhạc. Bây giờ muốn tra cứu không biết dò la ở đâu. Hỏi các ca công kỹ nữ thời hầu hết là người vô học, dẫu có truyền khẩu biết

http://tieulun.hopto.org

được năm ba điều, cũng là mập-mờ bấp bông, vô sư vô sách, không lấy đâu làm bằng cứ ». (1) Nguyễn-Đôn-Phục trong bài « *Khảo luận về cuộc hát ả-đào* » cũng nhìn nhận không biết rõ nguồn gốc. Vì «... những sách vở thuộc về dân sử trong xã- hội, hãy còn khuyết liệt lắm ; trong giáo-phường xưa nay khi dạy nhau, chỉ đời nọ đời kia, người này, người khác, án khoa truyền khẩu mà dạy nhau đấy thôi, thực không sách vở gì cả. » (2) Phạm-Đình-Hổ trong đoạn về hát ả-đào, không thấy nói đến nguồn gốc. Chỉ biết rằng lối hát ả-đào đã thất truyền vì «... sau đến cuối đời Lê, (cuối thế-kỷ thứ XVIII) chỉ có ả-đào già mới hát được (những điệu cổ) hoặc đem bắt những ả đào non hát thử thì lè lưỡi xin chịu ngay không thể nào hát được. » (3)

Không có sách vở nào chép lại nguồn gốc của lối hát ả-đào. Tương truyền thì mỗi nơi một khác.

Theo Phạm-Quỳnh thì lối ả-đào « ... gốc tự Thanh-Hóa do Bạch-Hoa công-chúa chế ra âm-luật và cách bộ. Cho nên ngày nay trong giáo-phường vẫn phải kiêng chữ *bạch* đọc là *biệc*, chữ *hoa* đọc là *huê*. Nhưng mà cũng không biết bà công-chúa ấy về đời nào, và làm sao lại đặt ra lối hát như thế ». (4)

Theo Nguyễn-Đôn-Phục thì «... khi xưa có bà Mãn-Đào-Hoa công-chúa, con ông Bạch-Đinh-Xà đại-vương, chế ra âm-luật và cách bộ hát ả-đào để dạy đời, mà cuộc hát ả-đào thì khởi tổ ra tự tỉnh Thanh-Hóa. » (5)

Lúc hát ả-đào còn thạnh, mỗi năm hai kỳ vào mùa xuân và mùa thu, có hát chầu để tế tiên-sư. Mà tiên-sư của các ả-đào là Đông-Phương-Sóc và Lữ-Đồng-Tân.

Đông-Phương-Sóc là một văn-sĩ Trung-Hoa đời Hán, còn Lữ-Đồng-Tân là người tu tiên đắc-đạo đời Đường ; xét ra thì chẳng có lý gì mà gán cho hai ông ấy việc chế ra lối hát ả-đào,

Cũng như cây *đàn đáy* là cây đàn đặc-biệt của lối hát ả-đào, theo tương-truyền cũng do một vị trong bát tiên tên là *Lý-Thiết-Quải*, chế ra (trong Nam thường gọi trại là Lý-Xích-Quài). Ngài xưa có hai vợ chồng một người tiều-phu, nhà nghèo nhưng ăn ở hiền lành. Mỗi ngày vào rừng hầm than để độ thân. Một hôm, hai vợ chồng gặp một cụ già cho cây đàn và bảo về nhà tập gảy. Nhưng tập mãi không gảy ra câu, hai vợ chồng tiều phu trở vào rừng tìm ông cụ để nhờ cụ dạy cho. Đến lúc hai vợ chồng đàn hay hát giỏi rồi thì ông cụ đi mất. Đến ngày thượng thọ của vua Hán-Võ-Đế, hai vợ chồng đến đàn hát được vua ngợi

---

(1) **Phạm-Quỳnh**—*Văn-chương trong lối hát ả-đào*, Nam-Phong tháng 3 năm 1923, Số 69, trang 172, 173.

(2) **Nguyễn-Đôn-Phục**.— *Khảo-luận về cuộc hát ả-đào*. Nam-Phong, Số 70, tháng 4 năm 1923, trang 277.

(3) **Phạm-Đình-Hổ**.— *Vũ trung tùy bút* tờ 40 b. Bản-dịch của Đông-Châu, Nam-Phong, tháng 10 Năm 1927, trang 366.

(4) **Phạm-Quỳnh**. *Văn-chương trong lối ả-đào*, Nam-Phong, tháng 3 năm 1923, trang 174.

(5) **Nguyễn-Đôn-Phục**. *Khảo-luận về cuộc hát ả-đào*, Nam-Phong tháng 4, năm 1923, trang 277.

http://tieulun.hopto.org

khen. Hôm đó có cả Đông-Phương-Sóc nghe hát, và Đông-Phương-Sóc băn khoăn không biết điệu hát gì quen quen mà mình không nhớ, hỏi hai vợ chồng nhạc-sĩ học bài ấy với ai. Hai vợ chồng thuật lại chuyện ngày xưa và tả hình dáng ông cụ dạy đàn. Đông-Phương-Sóc nhớ lại quả là những bài hát do Lý-Thiết-Quải đặt ra hát trên Thiên-đình (1). Và do đó, theo Hoàng-Yến, ả đào làng Cổ-Đạm, huyện Nghi-Xuân tỉnh Hà-Tĩnh mỗi năm tế tiên-sư đều khấn vua Hán-Võ-Đế, Đông-Phương-Sóc và Lý-Thiết-Quải. Cũng theo Hoàng-Yến, hát ả-đào bắt đầu có tại làng Cổ-Đạm (1) và người Nghệ-An và Hà-Tĩnh đàn đáy rất hay. Tác-giả kể tên Cửu-Xướng, Cửu-Ninh, và Cửu-Phẩm-Đạm là những nhạc công đánh đàn đáy rất tài.

Trong sách vở trừ ra quyển *Vũ trung tùy bút* có nói đến lề lối hát ả-đào từ đời *Hồng-Đức* (1470 — 1497) (2) còn có sách *Công dư tiệp ký* chép lại chuyện một đào nương dưới thời quân Minh sang chiếm nước Việt (đầu thế-kỷ thứ XV: 1414-1427) đã giết được nhiều quân giặc. Phạm-Quỳnh đã dịch chuyện ấy, đại-ý như sau đây:

« Tại làng Đài-Xá, huyện Tiên-Lữ, có một người con gái sắc nước hương trời lại múa giỏi hát hay. Khi quân Minh sang xâm lấn nước ta vào lúc cuối đời nhà Hồ, đi đến đâu dân làng trai-tráng đều trốn đi cả vì sợ quân Minh tàn bạo. Thuở ấy quân Minh sợ muỗi nên mỗi người may một cái túi để đêm đêm chui vào đấy ngủ (như ta nằm trong cái nóp bằng đệm). Một người ở ngoài được quân Minh tin cẩn cứ đêm buộc túi sáng mở túi cho chúng.

Nàng có sắc đẹp mắt, tiếng hát đẹp tai, và cách ăn ở chìu chuộng làm đẹp lòng quân Minh nên được quân Minh phó cho nàng phận sự buộc dây túi mỗi đêm. Rồi thì nàng lập mưu với những cụ già trong làng đợi quân Minh ngủ mê khiêng túi ném xuống nước bên cạnh làng. Túi trôi ra sông cái nên quân Minh hao mòn mà không biết tại nơi đâu. Quân Minh liền đi đóng nơi khác và dân làng Đài-Xá nhờ thế mà được yên-ổn. Ngày sau, người làng nhớ ơn nàng nên lập đền thờ và thôn nàng ở khi trước gọi là « thôn Ả-Đào ». (3)

Không ai biết rõ hát ả-đào xuất-phát tự nơi đâu và bao giờ. Nhưng theo tương truyền thì chúng ta không thể tin rằng lối hát ả-đào do Đông-Phương-Sóc, Lý-Thiết-Quải, Lữ-Đồng-Tân, hay là Bạch-Hoa công-chúa, hoặc Mãn-Đào-Hoa công-chúa chế ra.

Về sau, nếu nhà học giả nào may mắn gặp tài liệu khá đích xác hay đầy đủ hơn về lối hát ả-đào mới có thể quả quyết rằng nguồn gốc của ả-đào từ đâu mà ra. Từ đây đến ngày ấy, chúng tôi tạm coi rằng hát ả-đào xuất phát vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh muộn nhất là vào đầu thế-kỷ thứ XV.

(1) **Hoàng-Yến** — *La musique à Huế*: (Âm-nhạc ở Huế) Bulletin des Amis du vieux Huế. Juillet — Septembre 1919, trang 253 — 254.

(2) **Phạm-Đình-Hổ**.— *Vũ-trung tùy bút* tờ 40 a, b. Bản-dịch của Đông-Châu đăng trong tạp-chí Nam-Phong, tháng 9 năm 1927, trang 365-366.

(3) **Vũ-Phương-Đề**. *Công-dư tiệp-ký*, Phạm-Quỳnh dịch trong bài *Văn-chương trong lối ả-đào*, Nam-phong tháng 3 năm 1923, trang 175.

http://tieulun.hopto.org

Lối hát ả-đào bành trướng về phía Bắc, trong khi các lối hát tuồng và lối ca Huế bành trướng về phía Nam.

***

II— Tổ-chức giáo-phường

Chữ *giáo-phường* ta mượn của người Trung-Hoa giáo-phường bên Trung-Hoa có nghĩa là trường dạy nhạc (1). Dưới đời nhà Minh, ở các cuộc lễ trong cung Hoàng-hậu, có giàn nhạc gồm toàn nữ nhạc công tên là *giáo-phường tì nữ nhạc* (2). Trong nước Việt, chữ giáo-phường được dùng nhiều nhứt dưới đời Lê. Từ Hồng-Đức (1470-1497) đã có nhạc giáo-phường đề cho dân chúng (3). Nhưng theo sách «Lê triều hội điển» thì ban nhạc giáo-phường cũng được dùng vào các cuộc tế-lễ trong triều-đình như nhơn dịp Tết Nguyên-Đán, (4) hay lễ Thánh-Tiết (5) lúc lễ tất ban giáo-phường hiệp với ban Đồng-Văn Nhã-nhạc tấu bài Hưu-Minh. Ban giáo-phường còn dùng vào trong các lễ khác như hoàng-tử tức-vị (6), hoàng-thái-hậu kim sách nghi (7) v.v... Sau này chữ giáo-phường thường được dùng để chỉ những người đàn hát nhà nghề. (8) Người hát gọi là *đào* hay *đào-nương*, người đàn gọi là *kép* hay là *quản-giáp*. Họ có tổ-chức hẳn hòi.

Theo tài-liệu của Nguyễn-Đôn-Phục thì ở Bắc-Việt không tỉnh nào không có ả-đào. Ở Trung-Việt thì chỉ từ Nghệ-Tịnh trở ra mới có hát ả-đào. Trong mỗi huyện có đến 2,3 làng ả-đào và thường thì 2, 3 huyện kết thành một đoàn-thể. Trong mỗi đoàn-thể có bầu một hai người quản-giáp làm *chùm*, (trong Nam gọi là trùm) *trùm hàng huyện*, để giữ gìn qui-tắc luật-lệ của đoàn-thể và trông nom về số tiền công. Người trùm hàng huyện được nhiều người giúp như thơ-ký coi việc sổ sách và những người lo các việc tổ-chức hay việc có liên-quan đến giáo-phường hàng huyện. Mấy người nầy được gọi là « thái-sư » (9). Tất cả các ban giáo-phường đều có thờ Tổ-sư. Tổ-sư, như chúng tôi đã nói qua trong đoạn trên là Đông-Phương-Sóc, Lữ-Đồng-Tân.

Đền thờ Tổ-sư thì ở nhiều nơi khác nhau. Mỗi năm vào tháng chạp, họ lựa một ngày để kỷ-niệm Tổ-sư. Đến ngày ấy đào-nương và quản-giáp đều hội lại cả một nơi làm lễ Tổ-sư rồi đào-nương hát đủ các lối. Rồi đặt tiệc mời những nhà tai mắt, những văn-nhân nho-sĩ đến dự gọi là « vào đám thánh-sư » (10). Có khi họ họp tại đền thờ Tổ-sư, có khi họ họp tại đình của xã. Nhưng « đình của tốp nào thì tốp ấy hát, tốp khác không được đến hát » (10). Mỗi

---

(1) **Maurice Courant** (Mô-ri-xơ-Cu-răng) *Essai historique de la musique classique des Chinois* (Lược sử âm-nhạc cổ điển của người Trung-Hoa) Trang 86.

(2) Quyển trên, trang 203.

(3) **Phan-Đình-Hồ**.— *Vũ trung tùy bút*, tờ 43 a, b.

(4) *Lê triều hội-điển* Quyển 3 tờ 50a.
Phạm-Huy-Chú *Tịch triều hiến-chương loại chí*, Quyển 22 tờ 87b

(5) *Lê-triều hội-điển* Quyển 3 tờ 65a
Phan-Huy-Chú *Lịch triều hiến-chương loại chí*, Quyển 22 tờ 82b

(6) *Lê triều hội-điển* Quyển 3 tờ 16a

(7) Quyển trên, Quyển 3, tờ 43b đến tờ 44a

(8) **Phạm-Đình-Hổ** — *Vũ-Trung tùy bút*, tờ43a
Nguyễn-Đôn-Phục.— *Khảo-luận về cuộc hát ả-đào*, Nam-Phong tháng 4 năm *1923*, trang *277*

(9) **Nguyễn Đôn-Phục**, Quyển trên, Nam-Phong tháng 4 năm *1923*, trang *280*.

(10) **Nguyễn-Đôn-Phục**,— *Khảo-luận về cuộc hát ả-đào*, Nam-Phong, Tháng 4 năm 1923, Trang 280.

http://tieulun.hopto.org

đình lại có một người *trùm cửa đình* người nầy có phận sự liên-lạc giữa dân các làng các xã với các đoàn-thể giáo-phường. Trong làng có cúng tế, hay dân làng có tiệc muốn có ả-đào các nơi về hát thì cho người trùm cửa đình biết. Người nầy gửi thư cho các trùm hàng huyện để nhất định số ả-đào quản-giáp được mời về và số tiền công cũng do nơi hai người thỏa thuận với nhau.

Trong các đoàn - thể giáo - phường kỷ-luật rất nghiêm. Theo Phạm - Quỳnh thì « ...phường nào có quản-giáp, có cán sự phường nấy, giữ gìn danh giá cho nhau, không có dung những sự bậy bạ. Cô đào nước ta tuy là người kỹ-nữ nhưng không phải là gái giang-hồ. Ngày nay, ở nơi thành thị tuy cũng có nhiễm nhiều thói trăng hoa nhưng ở chốn nhà quê thì thường mùa xuân đi hát ở các cửa đình, hay hát khao, hát vọng ở các nhà sang, đến mùa cấy gặt hay mùa tằm tơ, lại về nhà làm lụng như cô gái thường » (1).

Vả lại đức hạnh của đào nương là một yếu tố quan trọng trong việc sắp hạng đào nương lúc hát thi. Nguyễn-Đôn Phục có nói rõ là những « cô đào giang hồ tứ chiếng há hay, có lấy ép chăng nữa cũng vào số thứ 10 thứ 9 trở xuống » (2).

Ngày xưa, người ta thuê ả-đào để

— hát đình, hát cúng

— hát tại các nhà quan, hát cửa quyền

— hát khao, hát vọng tại các nhà giàu (3)

Tại đình, có khi hát lúc vào đám thánh sư hay là trong các dịp tế lễ (4). Mỗi năm vào mùa xuân hay mùa thu có mở cuộc thi. Huyện nào tổ-chức cuộc thi thì phải gởi giấy cho các *trùm* biết nửa tháng hoặc một tháng trước. Rồi mỗi tổ - chức lựa đào nương quản giáp hát giỏi đàn hay đến dự thí.

Dân trong làng, trong huyện cử một người hay nhiều người — « không cần nhiều tuổi hay ít tuổi, có chức tước hay không... » chỉ cần... « thông hiểu âm nhạc và có giá trị đứng đắn » (2) Những người ấy thay phiên nhau đội mũ chầu, mặc áo chầu, lên cầm chầu.

Có tất cả 4 sổ điểm duyệt giao cho 4 tốp giữ.

Trong sổ ghi tên các đào kép dự thí. Lúc thi từng cặp đào kép đàn hát. Theo tục lệ thì không được chồng đàn vợ hát. Nếu đào kép đều hay thì cả hai đều được chấm « ưu ». Nếu đào kép đều dở thì cả hai đều bị ghi « liệt ». Nếu đàn hay mà hát dở thì dân làng tuyển người khác lên hát thế. Nếu hát được mà đàn kém thì dân tuyển người khác đàn thay. Người đã hỏng và người vào thay không được thi một lần nữa. Sau khi tất cả đào kép dự thí người ta góp 4 số điểm duyệt lại rồi đếm lấy phân số. Muốn vào chỗ thi đào kép phải có dấu hiệu của ban tổ-chức phát cho trên đó có ghi mấy chữ

---

(1) **Phạm-Quỳnh**.— *Văn-chương trong lối ả-đào*, Nam-Phong, Tháng 3 năm *1923*, Trang 175.

(2) **Nguyễn-Đôn-Phục**— *Khảo luận về cuộc hát ả-đào* Nam phong, tháng 4 năm 1923.

trang *281*

(3) **G. Cordier** (Coọc-di-ê) *Essai sur la littérature annamite : La chanson* (Lược khảo về văn chương nước Việt : ca ngâm, ca khúc, ca trù) Trang 16.

(4) Bắc-Ninh tỉnh khảo vị— Quyển 2 tờ 19a, tờ 20a, huyện Văn - Giang. Quyển 6 tờ 13a, b, huyện Võ-Giang.

http://tieulun.hopto.org

« Thiên-tử vạn niên » hay là « Bách nghệ thông-hành » (1).

Ở Bắc-Việt, hát ả-đào rất thạnh-hành. Từ thành-thị đến thôn-quê đâu đâu cũng có ả-đào. Ngày xưa nghề hát ả-đào rất có giá-trị. Vào thế-kỷ thứ XVII, khi giáo-sĩ de Marini Romain (Đờ - Ma-ri-ni Rô-manh) sang viếng nước Việt và nước Lào về có viết một quyển sách trong đó có đoạn về đào hát nước ta thời ấy. (2) Theo giáo-sĩ thì đào nương thuở ấy hễ tóc đen mườn mượt tóc dài thậm thượt thì được người yêu. Thường thì đào nương hát về đêm và người nghe vì tiếng hát phải trằn trọc suốt canh thâu. Mà đào nương thời ấy săn sóc giọng hát rất kỹ. Trước ngày hát mấy hôm dầu cho thích ăn thịt đến đâu, cũng kiêng để cho giọng hát được trong. Người ta bảo rằng ăn một loại ếch nhái chi đó mà được tốt giọng dài hơi, thì cũng tìm cho được các giống ấy — Ba bốn hôm trước ngày hát khao hát vọng, không ở chung với chồng hay với nhân-tình. Không phải vì muốn được khen mà ăn kham ở khổ, chỉ vì họ có lương-tâm nhà nghề. Tiền công rất hậu và họ chỉ sống với nghề hát thôi. Nếu may mà được vua nghe và tiếng hát đẹp lòng thiên-tử thì được tuyển làm cung-phi hay nữ nhạc. Và nếu là người hữu thinh hữu sắc thì được lên hàng quí phi nếu sanh được hoàng-tử thì ngoài việc được bổng cao còn có mộng con mình sau có thể nối ngôi vua vì vua có quyền chọn Đông-Cung thái-tử trong đám con của mình. (1) Đào-nương về thuở đó là người chỉ bán tiếng hát nuôi thân và được vua chúa yêu trọng. Ở thế-kỷ thứ XVII. nước Việt dưới thời Trịnh-Nguyễn phân tranh bị chia ra làm hai miền ; ở miền Nam, chúa Nguyễn thích hát tuồng hát bội nên lối hát đó được thạnh-hạnh. Ở miền Bắc, lối hát ả-đào được vua chúa, quan, dân đều thích cả. Ông Hoàng-Xuân-Hãn có cho tôi xem một đoạn trong quyển 2 của bộ *Lịch-triều tạp ký* chép rằng năm Nhâm-Dần (1722) vào tháng 10, nhân khi Trịnh-Cương xem gặt ở phía Tây-thành (2), thấy được mùa, ban rượu thịt cho người hầu và làm một bài thơ tựa là Phong-niên. (được mùa) và một bài ca theo cách *Kiều-dương* mà Kiều-dương theo Phạm-Đình-Hổ là một lối hát ả-đào ngày xưa gọi là luật Dương-kiều (3) Bài ca ấy viết bằng chữ Hán, tuy không có chấm câu nhưng Hoàng-Xuân-Hãn đọc thấy có 12 câu trong một bài. Trong một tập ca cũ, ông Hoàng-Xuân-Hãn có gặp một bài ca khác, cũng theo điệu Kiều - dương nhưng viết bằng tiếng Nôm, do chúa Trịnh-Cương đặt ra.

Đến cuối thế kỷ thứ XIX, lúc ông Gustave Dumoutier (Guýt-xơ-ta-vơ Đu-mu-chê.) Sang khảo cứu phong tục ở nước Việt, thì đào nương đã quen thói trên bộc trong dâu. Làm nghề ả-đào thì không

---

(1) **Nguyễn-Đôn-Phục.**— *Khảo-luận về cuộc hát ả-đào*, Nam-Phong, tháng *4* năm *1923*, trang *280-281*.

(2) **Père de Marini Romain,**— *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao* (Lịch-sử mới mẻ và lạ kỳ của nước Đông-Kinh và Lào) Viết bằng tiếng Ý do François Célestin le Comte (Fờ-răng-xoa Xê-lê-xờ-tanh-lơ Công-tờ) dịch ra tiếng Pháp. Nhà xuất-bản G. Clouzier (Cờ-lou-zi-ê), Ba-Lê năm *1666*.

(1) Giáo-sĩ de Marini Romain.— *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao*, trang 71, 72.

(2) Theo ông Hoàng-Xuân-Hãn là tỉnh Sơn-Tây.

(3) Phan-Đình-Hổ.— *Vũ trung tùy bút*, tờ 40b Bản dịch của Đông - Châu, Nam - Phong, tháng 9 năm 1927. Trang 366.

http://tieulun.hopto.org

được lập gia đình. Lấy chồng thì ả-đào phải bỏ nghề hát. Ả-đào hát trong các đám hội đám khao và trong lúc người ta ăn uống. Đào nương hát phải ngồi dưới sàn nhà và khi tiệc tan, thì quan khách gọi đào nương đến ngồi gần và lúc ấy mới cho đào nương ăn uống. Mỗi đào nương lãnh được ba quan tiền một đêm (1).

Đến thế kỷ thứ XX, thì nghề ả-đào càng ngày càng đi gần đến nghề bán phấn buôn hương. Ở nhà quê thì may ra còn có ả-đào chỉ bán tiếng hát nuôi thân. Tuy vậy, người vào nghề hát hoặc là con cái của ả-đào, hoặc là trẻ con nhà nghèo bị cha mẹ bán cho người khác để tập hát lúc còn nhỏ, hay là con nhà tử tế nhưng bị ép duyên, bỏ nhà đi hát nuôi thân, hay là người quả phụ bị cha mẹ chồng khắc nghiệt (2).

Sau nầy, lúc chúng tôi ở Bắc-Việt, đi nghe hát ả-đào ở các vùng Khâm-Thiên, Vạn-Thái, thì chỉ được nghe ngâm Sa-mạc, bồng-mạc, hát mướu, hát nói và hát lý (tức là những điệu ca Huế như Hành-vân, Lưu-thủy). Thuở đó, ả-đào tại thành-thị không còn những gì trong sạch thanh-cao như ả-đào n ày xưa. Sau nầy tại xóm Phú-Nhuận (ngoại-ô Sài-Gòn) cũng có một ít ả-đào, nhưng đâu còn giữ được phong-thái thời xưa.

KỲ TỚI : Âm-nhạc trong Ả-đào

---

(1) G. Dumoutier (Duy-Mu-Chê) *Les chants et les traditions populaires des Annamites.* Những điệu hát và truyền - thống bình - dân của người Việt). Nhà xuất-bản E. Leroux (Lơ-Rư) Ba-Lê năm 1890, Trang VIII.

(2) G. Cordier (Coọc-Đi-ê) (*Essai sur la littérature annamite : La chanson*) Lược khảo về văn chương nước Việt. Các điệu hát. Năm 1920, Là Revue Indochinoise, Trang 13.

TRẦN-VĂN-KHÊ

BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA ĐÓN COI :

MAI,

★ TẠP-CHÍ CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU MẾN VĂN-NGHỆ VÀ XÂY-DỰNG XÃ-HỘI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ CỦA TẤT CẢ CÁC BẠN ĐỌC **BÁCH-KHOA** DO NHỮNG CÂY BÚT ĐÃ TỪNG ĐƯỢC BẠN ĐỌC TIN-YÊU CHỦ-TRƯƠNG, HỢP TÁC CÙNG MỘT SỐ LỚN CÁC CÂY BÚT TƯƠI-TRẺ, ĐỘC-ĐÁO MÀ BẠN HẰNG MONG ĐỢI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ TỔ-CHỨC THEO MỘT THỂ-TÀI HOÀN-TOÀN MỚI MẺ, SẼ RA MẮT BẠN ĐỌC VÀO THÁNG **6-1960.**

http://tieulun.hopto.org

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.221 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

http://tieulun.hopto.org

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

http://tieulun.hopto.org

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi - nhánh thành - lập tại các nước Viễn - Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Thành-tích năm mươi năm khoa-học

(1900 - 1950)

« Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi... »

NHÀ thi-sĩ xưa, dùng hai câu lục bát để cho ta biết đã đến tiết thanh-minh.

Nay ta cũng có thể tạm dùng 2 câu thơ trên, cho thế-kỷ thứ XX và để nhắc lại là thế-kỷ chúng ta đang sống đã đi được quá nửa đường. Đã đến lúc chúng ta có thể, như người chinh-phụ, quay đầu lại, không phải để « ngắm mầu dương liễu », mà để xem lịch-trình tiến-hóa của nhân-loại từ năm 1900 đến năm 1950 ra sao ? Trong năm mươi năm qua, loài người đã tiến rất nhiều trên con đường khoa-học. Ta phải lấy làm khủng khiếp thấy nhiều ngành khoa-học đã « vượt bực » một cách vô cùng mãnh-liệt và số báo-chí, sách vở bàn về khoa-học càng ngày càng nhiều... Vì thế, muốn trình-bầy một bản thống-kê các thành-tích khoa-học từ đó đến nay, kể cũng là một việc hơi táo-bạo. Các tài-liệu khoa-học sản-xuất trong các nước trên thế-giới nhiều quá-sức tưởng-tượng. Ta hãy lấy một tỉ dụ cỏn con thì đủ hiểu. Năm 1901, ông Krogh tính ra có tất cả 3.800 bài khảo-cứu về vạn-vật-học. Đến năm 1926, số đó đã tăng lên đến 18.000 và năm 1933 thì đã lên đến con số 25.000 bài... Thêm vào đó, các thứ tiếng cũng càng ngày càng nhiều hơn. Khoảng đầu thế-kỷ chỉ có ba bốn tiếng thông dụng trong khoa-học như tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp... Sau cuộc cách-mạng Nga, và sau chiến-tranh thứ hai, số báo-chí khoa-học viết bằng tiếng Nga, tiếng Nhật, xuất hiện và tăng lên rất nhiều. Và đến năm 1959 thì một

http://tieulun.hopto.org

nhà bác-học, dù ở một ngành khoa-học nào chăng nữa cũng phải am hiểu mọi sự hoạt-động của ngành ấy mong tất cả các nước trong thế-giới. Ở các nước khoa-học tiến mạnh như bên Mỹ, Nga, Anh, Nhật, người ta đã thiết-lập những ban chuyên-môn để dịch các báo-chí khoa-học viết bằng ngoại-ngữ. Ngay đến tiếng Việt-Nam ta là một tiếng mới bắt đầu phôi thai về khoa-học chưa đầy hai mươi năm, bên Nga và bên Mỹ cũng đã có những chuyên-viên theo rõi, mục-đích để dịch các bài có giá-trị sang tiếng nước họ. Cùng vì những lý-do kể trên, muốn viết về thành-tích khoa-học trong quy-mô một bài báo độ hai, ba mươi trang, thì không tài nào tránh khỏi sự thiếu sót... Tiện đây tôi xin cáo lỗi trước cùng độc-giả về sự thiếu sót đó... Không những thế, nói đến khoa-học, người ta thường vẫn chia ra làm 4 ngành rõ ràng là : 1) Toán-học, 2) Lý-hóa-học, 3) Vạn-vật-học và 4) Nhân-văn-học. Kẻ viết bài này, tự biết bất tài về 2 ngành trên cùng (Toán và Lý-hóa) nên chỉ dám trình-bầy qua loa về sự tiến-hóa của vạn-vật-học và nhân-văn-học mà thôi. (Nhân-văn-học gồm các bộ môn như sử-học, địa-học, kinh-tế-học, chính-trị-học, nói tóm lại tất cả những khoa nào có liên-can mật-thiết đến đời sống của nhân-loại, trong đó dĩ nhiên là có tâm-lý-học, xã-hội-học...) Ngành nhân-văn xưa kia hãy còn ở thời-kỳ trứng nước, nên thường bị lãng bỏ. Nay chúng ta đã đến giai-đoạn mà sự bỏ quên đó sẽ bị coi là một lỗi rất lớn đối với những ai khảo-cứu về lịch-sử khoa-học từ cổ đến nay. Vả lại khoa nhân-văn có một tương-lai rất rực-rỡ và ở bên Âu-Mỹ các trường Đại-học đã dành riêng cho khoa nhân-văn một địa-vị tối quan-trọng. Cái đó rất dễ hiểu. Khoa-học trong thời-đại này càng ngày càng đi đến chỗ tinh-vi, tế-nhị. Các lãnh vực được khảo-cứu cũng vì thế mà lan rộng mãi ra, và các ngành chuyên môn càng phức-tạp hơn nữa. Các nhà bác-học đi đến chỗ hóa ra những nhà chuyên môn, những kỹ-thuật-gia chỉ gởi về một khía cạnh của khoa-học. Có thể nói là danh-từ bác-học không còn hợp với thế-hệ ta, vì hiện thời không ai còn có thể tự hào cho mình là một tự-vị sống, hay một Aristote, một Léonard de Vinci được nữa... Bên ta, hay dùng chữ thạc-sĩ (thạc-sĩ y-khoa, thạc-sĩ luật-khoa, vân vân...) để chỉ một ông thầy thuốc hoặc một vị giáo-sư trường Luật có một tài học uyên-bác, quán cổ thông-kim. Kỳ thực với quá trình tiến-hóa của khoa-học hiện giờ, chúng ta cũng nên bắt chước Khổng-Tử mà theo thuyết « tùy thời » định nghĩa lại 2 chữ « thạc » và chữ « bác » nói trên. Một ông thạc-sĩ y-khoa, có lẽ cũng chỉ hiểu biết tường-tận về một bộ phận trong con người ta như dạ-dầy, bọng-đái, v.v... Còn ngoài ra, các « sở đoản » của vị ấy có thể nói là cũng mênh-mông vô tận như của mọi người thường khác mà thôi. Tình trạng này có thể coi là một tật xấu tất nhiên, đi đôi với sự phát-triển của khoa-học và có một

http://tieulun.hopto.org

ảnh-hưởng lớn lao đến tư-tưởng con người, vì trong khi đi tìm kiếm tỉ-mỉ về một tiểu-tiết, người ta đã quên mất đại-thể! Có lẽ cũng vì thế, mà thỉnh-thoảng nhân-loại lại phát-sinh ra một vài nhà triết-học hay bác-học như Aristote, Newton, Einstein có tài bao-trùm cả thiên-hạ để chỉnh hướng con đường đi chung cho các ngành khoa-học một thời. Ta cứ xem qua lịch-sử khoa-học sẽ thấy rõ-rệt vô cùng. Ngoài ra, chúng ta đều biết sở-dĩ khoa-học tiến đến được trình-độ khả-quan như bây giờ, cũng chỉ vì tôn-chỉ tuyệt-đối của khoa-học là tìm hiểu sự thực, và phương-tiện tuyệt-đối của khoa-học là sự hợp-lý dựa trên căn-bản thí-nghiệm. Kể từ bắt đầu thế-kỷ thứ 20, có nhiều ngành khoa-học đã ngừng tiến hay tiến một cách rất chậm chạp trong khi mà một vài ngành khác lại «bột phát» không ngờ. Những khoa như khoáng-vật-học (minéralogie), thực-vật-học (botanique), động-vật-học (zoologie), cơ-thể-học (anatomie) đã mất cái khí-lực mạnh mẽ của thời xưa, và không còn đi tiền phong trong hàng ngũ những bộ môn khoa-học đầy sinh-lực như hóa-học, vật-lý-học, nguyên-tử-học, v.v... Có một vài ngành khác, vẫn bước đều đều không nhanh quá mà cũng không chậm quá. Tỉ dụ như Sử-học, nẩy nở đã từ mấy thế-kỷ nay bên Âu-Châu, và có một nguồn sống dồi dào bên Á-Châu ta, kể cũng được hơn hai mươi thế-kỷ. Có nhiều môn học khác im lìm từ thế-kỷ trước, nay bỗng nhiên được các ngành khác làm bừng tỉnh như hệt chuyện Hằng-Nga ngủ trong rừng bỗng nhiên được... nhiều chàng Hoàng-tử đẹp trai đến đánh thức dậy... Những môn học ấy rất nhiều, tỉ như ngành khảo về thuyết tương-đối (Relativité), ngành chuyên về thuyết lượng-tử (quanta), khoa di-truyền tiệm-hóa-học (génétique), khoa phân-tích tinh thần (psychanalyse), khoa chiêm-tinh sinh-vật-học (astro-biologie) khoa đo lường những hiện-tượng xã-hội (sociométrie), ba-động-lực-học (la mécanique ondulatoire), tự-động-khí-học (la cybornétique)v.v... và nhiều ngành khoa-học khác nữa đã tiến rất nhanh trong vòng nửa thế-kỷ và hiện giờ cũng đang theo đà tiến đó mà bành trướng thêm lên mãi. Chúng ta cũng nên biết rằng sự chia khoa-học ra làm 4 ngành chính như tôi đã nói ở trên, chẳng qua cũng chỉ là tạm thời và để tiện việc trình bầy mà thôi. Thực ra trong các ngành khoa-học đó, bao giờ cũng có một sự giao-thông vô cùng mãnh liệt và cũng vô cùng phức-tạp. Chính cũng nhờ những sự trao đổi đó mà khoa-học đã thu được nhiều kết-quả không ngờ trong những lãnh-vực mà mới trông, ta không thể nào thấy được những mối liên-hệ trực-tiếp. Nhiều khi, một quan-niệm hoàn-toàn trừu-tượng đã đưa đến những áp-dụng rất thần-tình vào đời sống hàng ngày của mọi người. Có ai ngờ chính ngành ba-động-lực-học (mécanique ondulaloire) đã đưa người ta đến sự

http://tieulun.hopto.org

chế-tạo kính hiển-vi điện-tử (microscope électronique), và cũng nhờ ở thứ kính hiển-vi đó mà người ta đã khám phá ra vi-trùng nhỏ li-ti của bệnh pô-li-ô (poliomyélite).

Và cũng vì sự khám phá ra thứ vi-trùng ấy mà các nhà bác-học đã tìm được cách chữa chứng bệnh đó. Ta xem thế thì đủ biết nền y-học đã tiến, nhờ ở kỹ-thuật làm kính hiển-vi điện-tử. Kỹ-thuật này sở dĩ thành-tựu được cũng là nhờ ở lý-thuyết và áp-dụng của ngành ba-động cơ-giới-học, một ngành của vật-lý-học.

Không những thế, có khi sự hoàn-thiện của một kỹ-thuật hay của một tác-phong nào đó đã đem lại cho chúng ta không biết bao nhiêu là kết-quả trong đủ mọi ngành của khoa-học. Bây giờ ai cũng biết là một đơn-thể (corps simple) nào trong vũ-trụ, cũng có ít nhiều đơn-thể khác giống như hệt đơn-thể đó, đã được mệnh danh là những vật « i-dô-tốp » (*isotopes* : nguyên-tố hay đơn-thể đồng-vị). Những i-dô-tốp này thật là giống nhau như anh em sinh đôi hay sinh ba một nhà, và chỉ khác nhau về chất-lượng nguyên-tử (masse atomique) mà thôi. Vài i-dô-tốp đó lại còn có tính-chất và năng-lực phóng-xạ (radio actif). Chính nhờ ở cái đặc-điểm ấy mà năm 1913, nhà bác-học nước Hung (Hongrie) tên là Hevesy des Heves đã nêu ra phương-pháp « những nguyên-tử có dấu » (méthode des atomes marqués) dùng những phóng-xạ thể (corps radio-actifs) ấy trong rất nhiều trường hợp khác nhau. Chẳng hạn, trong kỹ-nghệ đúc kim-khí, người ta dùng phóng-xạ thể để tìm những tì-ố của những phiến kim-khí vừa mới ở lò đúc ra. Nhà hóa-học dùng phóng-xạ thể để hiểu tường tận hơn, sự phức-tạp của những phản ứng về hóa-học (réactions chimiques). Nhà sinh-lý-học, nhà y-học dùng phóng-xạ thể để khám phá bí mật về sự lưu-thông và sự tác-động của chất Calcium (can-si) trong thân thể con người, của chất I-ốt (iode) trong tuyến ti-rô-ít (glande thyroide). Nhờ ở chất phóng-xạ Phốt-pho 32 (Phosphore 32) mà nhà bác-học Gustafson năm 1939 đã theo rõi được sự tuần hoàn của nhựa cây trong thân cây, theo đúng đề-nghị của nhà bác-học White đã có ý kiến ấy từ năm 1938. Ngoài ra, người ta còn định làm cho nhiều giống côn-trùng hóa ra có tính chất phóng-xạ để khảo về đời sống và vị trí sinh-sản của những giống đó...

Cũng vì những liên-hệ mật-thiết giữa các ngành khoa-học mà hiện nay, một nhà xã-hội học, muốn khảo-cứu về một vấn-đề nào trong một xã-hội nào, cũng cần phải thông thạo cả về sử-học, nhân-sinh địa-dư học (géographie humaine), thống-kê học (statistique), ngôn-ngữ học (linguistique), tâm-lý học, kinh-tế học, (économie politique) và ít nhiều về y-học và nội-tiết-tuyến học (endocrinologie)...

http://tieulun.hopto.org

Người ta còn nghiệm thấy có nhiều loài cây thay đổi màu sắc mỗi khi những cây đó mọc ở nơi đất xấu, hoặc ở những thửa đất có chứa đựng nhiều chất hóa-học bất thường. Trường-hợp này hay xảy ra ở những khu có một tầng đất tốt phủ trên nhiều lớp đá sỏi hay nhiều lớp xương người, xương vật. Sự thay đổi mầu sắc của các loại cây ấy, ta không thấy rõ nếu ta đứng ở trên mặt đất. Trái lại, nếu ta đứng ở trên tầu bay mà nhìn xuống thì ta nhận thấy rõ ràng sự biến chuyển màu sắc và ta đoán được xưa kia ở dưới tầng đất có cây cối mọc, chắc có một tòa thành cổ hoặc một nghĩa địa đời tiền-sử bị chôn vùi. Theo phương-pháp này mà ngành khảo-cổ học đã tiến, và như thế cũng là nhờ ở kỹ-thuật chụp ảnh, kỹ-thuật hàng-không, kỹ-thuật hóa-học và thực-vật học chung sức lại. Hiện nay các nhà khảo-cổ người Pháp hay áp-dụng phương-pháp này để khám-phá thêm các lâu-đài cũ, khu Angkor bên Cao-Mên. Như ta thấy, khảo-cổ học, sở dĩ được bành trướng là cũng vì ngành hàng-không đã tiến tới một trình độ rất cao cùng với sự phát-triển của ngành chụp-ảnh mầu...

Nói tóm lại, các ngành khoa-học đều chịu ảnh-hưởng lẫn của nhau, và một phát-minh trong một bộ môn nào đó sẽ đem lại nhiều biến-trạng không ngờ trong những bộ môn khác.

Tuy hiện thời sự phân chia khoa-học ra làm 4 lãnh-vực: « Toán, Lý, Hóa và Nhân-văn » còn được dùng, nhưng thực ra khoa-học chỉ có một, và những kết-quả thu hoạch trong nửa thế-kỷ nay lại càng chứng tỏ cho chúng ta biết, tính cách duy-nhất của khoa-học.

Như tôi đã nói ở trên, trong phạm vi bài này tôi đã nói nhiều về những thành-tích thu được trong các bộ môn thuộc về Vạn-vật học và Nhân-văn học.

KỲ SAU : Sinh-vật lý-học và Sinh-hóa-học.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

✶ Kiểm sát phải làm sao đừng quá gắt-gao khiến người ta khó chịu, mà cũng đừng quá lơi-lả để đến nỗi chỉnh-đốn không kịp. Nên kiểm-sát bất thình lình để tránh thói quen theo lệ.

✶ Phải kiểm-sát cách nào để cho người bị kiểm-sát thấy rằng ta kiểm-sát không phải vì ác-tâm. Người dưới dễ thừa-nhận sự kiểm-sát, khi thấy nó có tính-chất xây-dựng, có mục-đích đề-nghị một phương-tiện chỉnh-lý cho công việc được thông suốt, hơn là có mục-đích sửa chữa một sai lầm.

http://tieulun.hopto.org

GIẬT MÌNH

★

Một năm rồi lòng trải qua mấy kiếp,
Kinh thành xưa ngờ ngợ thả mây bay.
Lối nhỏ hoa run ; áo trắng vương đầy.
Chân thất thểu chiều nay qua đại lộ.
Anh đã qua bao tháp Chàm xiêu đổ,
Núi chạy dài như những đàn voi,
Biển rưng rưng chứa ngập bình trời,
Tay vịn không-gian dày thương nhớ.
Chân bước đi ngậm ngùi bao lỡ-dở,
Tiếng gọi nào như những mũi tên vèo ?
Mắt chiều đông đang uống nắng chân,đèo.
Đời buồn vắng, trời đan sao thành lưới.
Thủa gặp ban đầu như giã từ lần cuối,
Tình yêu anh không hề nói dại khôn.
Hồn bơ vơ nên cặp mắt sinh buồn,
Quá thành tâm hóa đời khinh khờ dại ;
Đã quyết rằng đi sao còn trở lại,
Đã dấu tâm-tư còn viết mãi tâm-tư ?
Đời áo cơm gần bóp chết hồn thơ,
Đành vuốt mắt mà ngơ lòng rung động...

DIỆU - THANH

http://tieulun.hopto.org

Bờ nước cũ

Nhìn, em nhé, bên bờ kia gió thổi
Lá xanh vườn theo cỏ mượt ngân nga
Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi
Của trăng rằm xuống dọ dẫm bên hoa

Khung cảnh ấy nằm sâu trong đáy mắt
Có lệ buồn khóc với lệ hòa vui
Để tràn ngập hương màu lên ngan ngát
Rồi tan đi trong hố thẳm chôn vùi

Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ
Ngó bên kia vườn biếc lá hoa lừng
Ô vạn vật vẫn chờ nguồn nước lũ
Tự ngàn năm tuôn dạo Suối Khe Rừng

Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ
Mộng xanh ngần dậy nối mộng em xưa
Ngó non nước giữa sớm chiều tư lự
Đón mơ màng về thổi gió lưa thưa.

BÙI-GIÁNG

http://tieulun.hopto.org

NGƯỜI QUÁN RƯỢU

★ *HOÀNG-THÁI-LINH*

ANH N. lững thững tiến về phía quán P. ở góc con đường sang trọng và lịch-sự nhất của thành-phố. Anh chạc ba mươi tuổi. Người của quán rượu tuổi thường từ hai mươi lăm và không quá bốn mươi. Trẻ quá hay già quá đều hình như không hợp với không khí quán rượu. Đến cửa lớn, anh gặp một người đàn ông đi ra. Hai người giao nhau như hai chiếc xe hơi tránh nhau anh vừa trông thấy ngoài phố. Thoáng qua, lặng lẽ và giản dị. Anh đi về phía góc nhà mà anh vẫn thích ngồi. Như thường lệ, người hầu bàn đến hỏi anh dùng gì. Martel sô-đa ! Một lát sau người hầu bàn trở lại đặt trên bàn trước mặt anh ly rượu và chai sô-đa, rồi lại thản nhiên bước về đứng gần quầy rượu trên bày la liệt cái thứ rượu và nước giải khát. Chung quanh quầy, một vài chiếc ghế cao chân kê cho những người muốn hưởng cái thú uống rượu nửa ngồi nửa đứng. Phải là người quen của quán mới thích ngồi lối đó, để thỉnh thoảng còn đàm tiếu với chủ quán đứng đàng sau quầy.

Anh N. ngồi cạnh một bàn billard lớn mặt phẳng trải nhung xanh. Có hai người cũng chạc tuổi anh đang chơi, trông mặt

http://tieulun.hopto.org

rất quen, không phải là quen biết, nhưng là quen mặt vì năng gặp họ trong quán. Họ có vẻ đứng đắn ít nói ; người ta chỉ nghe thấy tiếng bi lăn hay va vào nhau mà thôi.

Gần cửa ra vào, một bọn ba bốn người đang vây quanh chiếc bàn tròn nói chuyện rất sôi nổi, chắc họ đang tranh luận thì đúng hơn.

Ở những bàn nhỏ khác, lác đác một vài người ngồi một mình như anh N. trầm lặng mơ màng trong khói thuốc lá và tiếng nhạc.

Đó là bầu không khí của quán P. Nó cũng tựa hàng trăm quán khác trong thành-phố này và trong các thành phố khắp thế-giới. Đi đâu người ta cũng có thể tìm thấy những quán tương tự như vậy.

Cũng cùng một thứ rượu, một mùi thuốc lá, một giọng nhạc và một tâm-trạng, một thái-độ trước cuộc đời.

★

Một người có gia-đình, nghề-nghiệp, tận-tụy, lo-lắng cả ngày chu-đáo những nhiệm-vụ đối với gia-đình, xã-hội, và nhất là bằng lòng cuộc đời đó. Đấy là hình ảnh của những người mà ta gọi là người thường. Nét đặc điểm của những người đáng kính này là ở chỗ họ cảm thấy « dễ chịu » trong cuộc đời của họ, nghĩa là trong những tương quan giữa họ với người khác hoặc là với gia-đình họ hàng hay với bạn hữu, đồng-nghiệp, xã-hội... Họ bằng lòng với cuộc đời vì họ coi đời như « nhà » của mình. Chữ « nhà » (at home) hiểu theo nghĩa một nơi ở, một chỗ nghỉ mà người ta có thể sống một cách thoải mái thuận-hòa và hoàn-cảnh chung quanh.

Dĩ nhiên họ cảm thấy họ bị ràng buộc, nhưng chính sự ràng buộc đó làm cho họ yêu mến và lưu-luyến cuộc đời mà họ trách-nhiệm. Hơn nữa họ cho rằng sống được như thế là đầy đủ lắm rồi.

Tâm-trạng của người quán rượu lại trái ngược hẳn. Anh cảm thấy mình không được « đàng hoàng, tự ý, dễ chịu, dễ thở » trong hoàn-cảnh mình sống, bên những người mình phải liên-hệ. Anh cảm thấy mình xa lạ không những với người ngoài, mà còn cả với người thân yêu, quen thuộc.

Có những ngộ nhận, hiểu nhầm, nghi kỵ, những bức tường, thù ghét. Rất khó nói, khó giải thích và thanh toán.

Có những cái không ổn, lòng thường hay bế tắc mà anh thấy không làm sao giải quyết hoặc thoát khỏi được. Sống khó thở, khó chịu, bị trói buộc...

Để cắt đứt hay tạm xa lánh những ràng buộc đó, anh đến quán rượu.

Quán rượu là nơi vắng hẳn mọi ràng buộc liên-hệ với gia-đình, nghề-nghiệp, xã-hội, chính-trị. Ở đây người ta không còn phải lo, cái lo do một trách-nhiệm về một nhiệm-vụ phải làm như lo cho gia-đình, lo làm ra tiền, lo buôn bán, lo trang trải công nợ... Quán rượu là chỗ giải thoát chính vì nó là nơi người ta có thể sống mà không phải trách-nhiệm gì hết. Người quán rượu không còn là những địa-vị những chức-vụ là cha, là giám-đốc, giáo-

http://tieulun.hopto.org

sư, chủ-sự..., nhưng chỉ là một người không trách-nhiệm. Người ta có thể bàn sôi nổi về chính-trị, xã-hội, văn-hóa, nhưng bàn để mà bàn cho qua giờ thôi. Hết ly rượu, ra về, cũng là hết chuyện. Sự thảo-luận không phải *để* hành - động vì người trong này không trách-nhiệm cuộc sống bên ngoài kia.

Ở quán, người ta cũng không có bà con, thân-thuộc hay bạn hữu; nhưng chỉ có một mình hay là bè-bạn chơi thôi, vì những liên-hệ gia-đình, bạn hữu là những liên-hệ trách-nhiệm. Trái lại, với bè bạn, không phải trách-nhiệm gì cả. Tình cờ hay hẹn-hò gặp nhau ở quán thì uống, cười nói để chơi thế thôi. Còn cuộc đời ai nấy lo. Nếu cần làm ái-tình, người ta làm với một người đàn bà nào đó. Xong việc, cũng thôi hết, không phải lo-lắng trách-nhiệm về hành-động ấy hay những hậu-quả của nó, vì không có gì liên-hệ với người đàn bà nào đó cả.

Nếu người ta không chơi hay gặp bè bạn nói chuyện, người ta có thể ngồi hằng giờ bất động và im-lặng trước ly rượu ở một xó như anh N. kia. Không phải anh ngồi như thế để làm gì, ví dụ như để suy-nghĩ hay nhìn cuộc đời đang trôi qua bên ngoài cửa kính.

Thực ra, anh không nghĩ gì cả, vì giả thử có người nào quen đến hỏi anh: Nghĩ gì thế? Anh sẽ trả lời: « Không! Chả nghĩ gì cả ».

Anh không nghĩ gì cả chính vì lúc này anh đang sống ở một nơi không ràng buộc với cuộc đời chung quanh. Anh lãnh-đạm với nó. Và một khi đã lãnh-đạm, người ta không chú-ý đến bất cứ cái gì vì chú-ý biểu-lộ rằng mình phải tha-thiết hay ràng buộc với điều mình chú-ý. Cho nên tâm-trạng của người lãnh-đạm là một tâm-trạng không ràng buộc và do đó cũng không buồn, không vui... vì vui buồn vẫn là hình thức biểu-lộ quyến-luyến, ràng buộc. Cuộc sống tình cảm và tinh thần của anh như ngưng lại; nói cho đúng, nó vẫn hoạt-động, nhưng không có đối-tượng, không nhằm một chủ đích nào cả. Thỉnh-thoảng anh nhìn ra đường thấy xe cộ người đi lại nhưng không phải là anh cố ý và chú-ý nhìn để mà nhìn; chỉ vì những cái đó đập vào mắt anh thì anh trông thấy và biết vậy. Tai anh cũng vẫn nghe những tiếng động điệu nhạc nhưng vì có tai thì nghe, mà không chú-ý dùng nó để lãnh hội; cũng như người làm việc ở một chỗ có nhiều xe đi lại hay gần một nhà máy, có tai vẫn nghe những tiếng của động-cơ nhưng không để ý tới như thể nó lọt qua tai này để rồi lại ra tai bên kia.

Trí óc anh cũng không ngừng làm việc. Chắc hẳn anh vẫn suy nghĩ đến điều nọ điều kia chợt đến trong trí. Nhưng chúng không phải là đối-tượng anh muốn khảo-sát. Anh suy-nghĩ vì óc còn tính chỉ suy-nghĩ thế thôi. Anh không đặt một vấn-đề nhất định để suy-nghĩ giải-quyết. Thành ra anh có thể suy-nghĩ nhiều mà thực ra chẳng suy-nghĩ gì cả. Vì lúc đó, anh không muốn nghĩ đến ai, hoặc lo việc gì, cũng không đòi thông cảm, mong giải-quyết chi cả. Anh sống trong một hiện tại thuần-túy, không hy-vọng cũng không hoài-niệm, không dự-định cũng không quyết-định.

http://tieulun.hopto.org

Anh ngồi ở đấy, trên chiếc ghế nhỏ, trước cái bàn con vuông vắn trên để ly rượu, bên cạnh quầy rượu và những người khác như chính ly rượu kia cũng ở đấy, trên mặt chiếc bàn, bên cạnh chiếc ghế nhỏ có người ngồi và xa hơn một chút là chiếc quầy rượu và chủ quán, người hầu bàn, những người khác. Một thế-giới những sự vật rời-rạc, không liên-hệ, không trách-nhiệm. Một hiện-hữu lãnh-đạm, vô thường. Nếu đòi hỏi những ý-nghĩa, thì sự hiện-hữu kia xuất-hiện như một thiếu sót một trống-rỗng, nếu không đòi hỏi những ý-nghĩa, nó trở thành một cái gì « thừa », có đấy, như thế thôi, một cách vô ích.

Cuộc đời ngoài kia, cuộc đời trong này: đi lại giao thiệp vận-chuyển, lo nghĩ, chơi bời, đàm-tiếu..., tất cả nếu không có những tương-quan thực sự chứa đựng ý-nghĩa và giá-trị đều là một thiếu sót kinh khủng hay một thừa-thãi ghê tởm.

★

Chiều xuống hẳn. Đã đến lượt ánh điện lại thay phiên ánh mặt trời. Quán bắt đầu vắng dần. Người ta rủ nhau đi ăn tối. Anh N. thong-thả đứng lên, trả tiền rồi lững-thững đi ra, bước trên những hè phố.

Những chiều hôm sau, anh lại trở lại quán... như đã thành thói quen. Nhưng thỉnh-thoảng, bận công việc, anh không thể lại quán được, anh cảm thấy nhớ nhớ một cái gì...

Và lúc đó, anh mới nghĩ ra rằng có lẽ người ta không thoát khỏi những ràng buộc với cuộc đời vì anh đã nhớ cả những lúc anh sống lãnh-đạm nhất với nó.

HOÀNG-THÁI-LINH

SOCIETE D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

http://tieulun.hopto.org

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités.

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél: 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 Frs.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

http://tieulun.hopto.org

ĐIỂM SÁCH

Tên sách : **Dòng sông Định Mệnh**
Tác giả : DOÃN-QUỐC-SỸ
Nhà xuất bản : TỰ-DO

★ NGUYỄN-VĂN-XUÂN

I

Từ cuộc đời đến triết-lý

YÊU Yến từ bé, cậu Trần-Văn-Thiệu (mà không hiểu sao cha lại họ Nguyễn)(1) cũng là người hết sức yêu quê hương và nhất là con sông Đuống chảy qua làng. Có lần, chính Thiệu đã cứu cho cô bé Yến khỏi chết đuối trên dòng sông.

Lớn lên, ra tỉnh học, cậu không có dịp gặp Yến lúc ấy đã là nữ-sinh ở Hà-Nội. Một buổi cuối năm, nhân Yến về quê, cậu viết thư tỏ tình với Yến. Yến không có thái-độ dứt khoát.

Đậu thành-chung, Thiệu cũng ra Hà-Nội. Nhưng chàng ít có cơ hội và cũng không dám tạo cơ hội để gặp Yến. Rồi có người du-học ở Pháp về hỏi Yến làm vợ. Thiệu nuốt hận nhìn Yến lên xe hoa. Rồi chàng cũng rời trường Mỹ-Thuật để la cà các chỗ ăn chơi, trụy lạc.

Thiệu vào Huế dạy học ; có theo kháng-chiến để rồi đâm chán ngán lối lãnh-đạo tư-tưởng của đảng C.S. Khi đình-chiến, chàng vào Nam tìm anh chị, và giúp cho một tờ báo của bạn là Tạo. Cùng lúc đưa đơn xin học bổng sang học hội họa ở Pháp, chàng gặp lại Yến ngày xưa. Yến bây giờ là nữ dược-sư, có cửa hàng, chồng chết, được hai con. Cơ hội, điều kiện đều thuận tiện cho Thiệu, nhất là Yến, tuy hết xinh, nhưng lại cũng hết sức đẹp, cho đến độ Thiệu có ý muốn đổi câu tục ngữ xưa thành : « Gái hai con trông mòn con mắt » để xưng tụng nàng. Thiệu đến họa « portrait (1) » cho Yến, và nhẩn nha tỏ tình lại với nàng ;

(1) D.S.Đ.M. trang 18 : « chẳng bao lâu, cái họ Nguyễn của ông (Hương Phở, cha Thiệu) »...

(1) Nguyên văn.

http://tieulun.hopto.org

Yến không dấu lá mình giữ bức thư cũ của Thiệu đến ngày lên xe hoa. Hai người đã sẵn sàng để lại yêu nhau cho đến khi một chuyện bất ngờ xảy ra ngoài ý muốn của Thiệu làm Yến giận và họ phải xa nhau ít lâu. Để rồi khi làm lành lại với nhau, ấy là lúc Thiệu báo tin mừng sắp sang Pháp.

Thiệu xa Yến, không tìm cánh liên lạc. Sau đó, nhân một cuộc triển lãm ở Florence, chàng gặp Suzanne, người có cái mũi Hy-lạp và mái tóc « *đúng là Yến* » nên chàng kết hôn với nàng.

Ít lâu sau, Thiệu về nước giúp việc cho trường Mỹ-Thuật Việt-Nam. Yến lấy chồng ở Huế. Thiệu cũng không tìm cách gặp lại nàng, mà chỉ thầm nhủ đó là Định-mệnh, và tin chắc thế nào Yến cũng sẽ « *là vợ anh, tình chúng ta chân-thành, nhất-định kiếp sau em là vợ anh* ».

Chuyện chỉ có thế, như không biết bao nhiêu câu chuyện tình thông thường (— yêu nhau — xa nhau — gặp nhau — lại xa nhau —) vô tận khác trên khắp nẻo đường Ân-Ái. Và nếu chỉ có thế, chúng ta đã khỏi bàn bạc nhiều về đề-tài. Nhưng ở đây, tác-giả lại muốn nó mang một siêu đề Triết-lý và lập luận nhiều chỗ, cũng như kết-luận một cách đầy vẻ Triết-lý khiến người ta phải suy nghĩ.

Sự thật, quan-niệm Định-mệnh của tác-giả ra sao ?

Trước hết ta thấy vấn-đề này (Định-mệnh) đã khởi nhiều đề-tài khác nhau cho các tác-giả cổ-điển Việt-Nam. Trong Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều, Lục Vân-Tiên thuyết Định-mệnh luôn luôn có mặt để dẫn dắt nhân vật qua các biến-cố trở về thiên lý. Sự trình-bày, phát biểu tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng tựu trung cần không ra ngoài nhận định sau này của Trần-Trọng-Kim : « Người ta ở đời lưu-« hành trong cái đạo biến-hóa của Trời « Đất, khác nào như đàn cá lặn lội ở « giữa dòng nước chảy, tuy lúc nào cũng « có cái năng-lực vẫy vùng chạy nhảy, « nhưng vẫn cứ phải trôi theo dòng nước » (Nho giáo 86-87)

Nói thế, vừa có nghĩa là người phải thuận theo Định-mệnh song vẫn dùng « năng-lực vẫy vùng chạy nhảy » ; ở chỗ khác, Đức Khổng-tử lại dạy người sự « tự cường bất tức » tự cường không nghỉ... Cho nên mặc dầu bị quyền lực phong-kiến chà đạp, cung môn vây kín, nàng cung phi vẫn « bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra » ; nàng Kiều khi thì tự sát, khi chạy trốn, khi theo kẻ có tướng vẫy vùng phản lại triều-đình... Tinh-hoa của sự chống Định-mệnh nằm trong vai trò Kim-Trọng, con người đã quyết lội ngược dòng Định-mệnh và cuối cùng đã thắng trận vinh-quang.

Qua một thế-kỷ, cùng với phong-trào tiểu-thuyết bao hàm triết-lý phát hiện nhiều nơi, đề-tài Định-mệnh lại được đề cập. Với những tiến-bộ rất nhanh chóng của khoa-học tự nhiên, của triết-học và tâm-lý-học, người ta hy-vọng những nhà văn trẻ, có nhiều kiến-thức mới, sẽ đem sự thụ cảm và kiến-thức thời-đại rọi vào những chỗ còn tối tăm, khúc mắc, huyền-bí để hé cho ta những tia sáng mới, giải-quyết hộ những vấn-đề gần như nan-giải trong kiếp sống con người.

http://tieulun.hopto.org

Bởi vì, luận đề-tài nào trong vấn-đề Định-mệnh cũng không chỉ còn thu hẹp trong phạm-vi văn-chương của một quốc-gia. Về Triết-học, nó cũng không thể nhại lại những tư-tưởng đã trở thành giản-dị về số mệnh của Khổng-học, nếu không tìm cách phát-huy những cái vô cùng tinh-tế, phức tạp nào đó trong các nguyên-tắc của học-thuyết này. Điều cần-thiết là nó phải mở ra cho ta thấy những u-ẩn của đời sống tâm-linh, những thông-cảm kỳ-diệu mà rất thật (vì dầu muốn, dầu không, đây cũng là vấn-đề Siêu-hình) mà đồng-thời cho người đọc những khám-phá mới mẻ vừa hợp-lý của khoa-học vừa đầy diễm-ảo của thi-ca.

Ông Doãn-Quốc-Sỹ không cho chúng ta một ý-niệm mới mẻ nào về Định-mệnh. Cả tập truyện mang cái tên đầy triết-học chỉ giải-thích Định-mệnh bằng chính danh-từ ấy được nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần :

« *Định - mệnh đã làm xong công việc của nó* », và « *chỉ nên thuận theo Định-mệnh* (trang 79) chịu đựng « *nhát búa khốc liệt của Định - mệnh* » và « *Định-mệnh muốn thế, Yến ạ* » (trang 83) « *Định-mệnh đã như vậy, thuận theo dòng Định-mệnh có khi lại là vươn lên khỏi Định-mệnh* » (trang 88) v.v... Chỉ tạm chép trong mười trang giấy mà đã thấy Định - mệnh là Định - mệnh. Nhưng cái mà ông gọi Định-mệnh, là không chống được, thực ra là gì ? Ấy chỉ là mâu-thuẫn giữa việc Thiệu được cấp học bổng sang Pháp và việc chàng muốn lấy Yến làm vợ.

Thiệu đã nêu ra nhiều cớ : không thể có vợ địa-vị vững hơn mình, hai người đã lớn, không thể gối đầu lên thời-gian mà chờ... Nhưng tựu trung, có quả thật vấn-đề nan giải đến thế ? Và phải chăng đó thuộc quyền-lực Định-mệnh ? Bởi vì, nếu quả thật Thiệu yêu Yến đến cái độ xem nàng như lẽ sống, mà trong đời này, nếu mất nó thì nhân-loại chẳng còn ý-nghĩa gì, thì chắc chàng khỏi lưỡng lự, băn khoăn. Nhận thức Định-mệnh nằm ngay trong sự đấu tranh với nó. Có tranh-đấu, tức là dùng năng-lực vẫy vùng, mới tế nhận được sức tác-động của nó đến mực độ nào. Ta càng vùng vẫy, Định-mệnh càng buộc chặt ta trong nanh vuốt của nó thì lúc đó mới chứng minh được phần nào sự hiện hữu của nó. Sức « tự cường bất tức » có thể đưa đến sự « nhân định thắng thiên cũng nhiều » như trường hợp Kim-Trọng.

Đằng này, Thiệu chỉ buông xuôi trong khi chính chàng chưa mất gì cả — Trái lại, chàng đang được tất cả : tình yêu và sự nghiệp ! Chàng không chịu hoạt-động một chút nào để tiến về hướng tình yêu ! chàng cũng không tìm cách cùng người yêu giải-quyết chung một việc mà thiết tưởng ở địa-vị nàng, đâu có phải hoàn-toàn tuyệt vọng. Sự thật, nếu người ta soi kỹ tâm-can Thiệu, người ta sẽ thấy người đàn bà có hai con kia, chàng chỉ yêu bằng kỷ-niệm, bằng sự lý-tưởng hóa hoàn-toàn trí-thức. Chàng *tưởng mình yêu* hơn là *thật sự đang yêu*. Cho nên sự nghiệp đã dễ dàng rẽ nàng sang một bên như rẽ một kỷ-niệm mỹ-lệ, để rồi kẻ lên đường có dịp : « Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương ».

http://tieulun.hopto.org

Định-mệnh đã thắng.

Nhưng Định-mệnh ở đây, nói theo giọng Hoàng-Đạo, là cái... học bổng của Pháp (1).

Tóm lại, Định-mệnh trong quan-niệm Doãn-Quốc-Sỹ chỉ là tiếng nói đầu môi, đơn sơ đến bậc thô sơ. Ta không trách ông có tâm-hồn thi-sĩ, muốn diễn nó thành một bài thơ « văn xuôi ». Nhưng về tâm-lý, hành-động cũng như về triết-lý, ông hoàn-toàn không mở ra một tia sáng nào, những băn khoăn, thắc mắc đáng kể nào. Quan-niệm Định-mệnh của ông ở trong hệ-thống Khổng-học, nặng tiêu cực ; ống quên Khổng-học còn phương-diện tích-cực, kiện-cường hoạt-động, quả-cảm trong thuyết thiên-mệnh nhiều lắm lắm.

II

Từ Người đến Văn

Vậy hãy bỏ qua cái quan-niệm Định-mệnh mà ta cho chỉ là « Trang sức tinh-thần » để xét thêm cái phương-diện khác.

Bình tĩnh mà nói, nhiều quyển tiểu-thuyết bị phủ nhận giá-trị Triết-lý, nhưng vẫn không vì thế mà kém giá-trị sáng-tạo. Vì tiểu-thuyết quan-trọng bậc nhất là sự cấu-tạo nhân-vật. Ví như ta có thể phủ nhận thuyết « Tài Mệnh » trong truyện Kiều mà ta vẫn giữ trọn lòng yêu phục những nhân vật vô cùng sống động trong tác-phẩm của Nguyễn-Du ; cũng như ta có thể khó chịu vì kết cấu hoang đường của truyện cổ tích mà ta vẫn ham gặp những con người rất thật, rất gần gũi *con người* trong đó. Vậy nếu cởi bỏ cái lốt triết-lý kiểu cách và giả tạo, ta có thể tìm thấy trong Doãn-quốc-Sỹ nhiều sự thật vì cuộc sống của một lớp thanh-niên từ trước đến sau cuộc chiến-tranh chống thực-dân vừa qua. Không chỉ là thanh-niên, Thiệu còn là một họa-sĩ rất yêu nghệ-thuật, thích chơi bời, nhưng vẫn không quên bổn phận mình làm người. Tính chất của chàng không hoàn-toàn là đam mê, sống theo cảm tính. Trái lại, chàng là một hạng có sự quân-bình về tình-cảm và lý-trí. Yêu Yến, chàng không bỏ học, không say mê, liều lĩnh theo đuổi nàng ; mất Yến, chàng chỉ có mối đau buồn thông thường của kẻ mất người yêu ; việc chàng rời trường Mỹ-Thuật không phải vì lý do chủ-quan mà chỉ vì trường đóng cửa ; chiến-tranh nổ ra, chàng đứng về phía chống thực-dân, tuy không liên tục, nhưng vẫn cố gắng đến cuối cùng. Và dẫu ở trong cái thế Cộng-sản, chàng nhất-định chỉ muốn là người của kháng-chiến. Khi gặp lại Yến, chàng cũng không phải đau khổ lắm để lại rời nàng, theo đuổi sự-nghiệp ; rồi yêu người khác, chàng cũng không mấy băn khoăn...

Phải chăng đó là hình-ảnh đa số tiểu trí thức và trí thức Việt-Nam, ở trong một Quốc-gia nghèo-khổ, trong một tình-hình chính-trị luôn luôn bất ổn, đã mất hẳn sự tin-tưởng tuyệt đối vào lý tưởng chính-trị cũng như sự bồng-bột yêu đương, sự quả cảm theo đuổi sự-nghiệp, nhưng cũng không bao giờ chịu mất lương tri ?

Cái tâm-hồn tế nhị, quân bình, kia không làm cho Thiệu thành một đại họa-sĩ theo lối Strickland — hình ảnh Van Goch trong

(1) « Nhưng số ở đây là ông Chánh-án » (Bói Toán như thần — T.V.M.N.) Hoàng-Đạo.

http://tieulun.hopto.org

tiểu thuyết « Bốc đồng » của Maugham — hoặc một đại tình nhân như chàng Werther — trong tiểu thuyết Werther của Goethe — nhưng vẽ lại khi trung thành hình ảnh một số văn nghệ-sĩ Việt-Nam biết tự trọng, có thiện tâm thiện chí, hiểu khả-năng và trách-nhiệm của mình đối với một quốc-gia chậm tiến về mọi mặt, nhất là hội-họa...

Sự tự hiểu khả-năng của Thiệu phải chăng đã nói hộ khả-năng của hầu hết chúng ta ? Và những câu trích sau đây thiết tưởng giúp ích rất nhiều cho hạng văn nghệ-sĩ thiếu thận trọng, thích huyênh hoang vô căn cứ, tưởng đem cái hào nhoáng, rỗng tuếch bọc trong màu sắc rực-rỡ là đủ thay cho kiến thức :

« ... Thiệu chân thành nghĩ rằng mình
« đã chẳng phải là thần-đồng, chẳng phải là
« hạng người « sinh nhi tri », một khi việc
« học thiếu căn bản, làm sao tài năng có đà
« phát-triển để tác phẩm đạt tới mức giá-
« trị vĩnh cửu ? Vẫn trong suy tư chân
« thành đó, Thiệu rùng mình nghĩ đến cuộc
« đời nghệ-sĩ của chàng rồi đây sẽ vĩnh
« viễn chỉ là thứ chim non ra ràng quanh
« quẩn bên tổ mẹ lấy vòm cây làm trời
« xanh. »

Những nhân vật khác của chàng đều là những người ta vẫn gặp trong đời sống hằng ngày : một bậc nghiêm phụ, một bậc từ mẫu ; một bà chị luôn luôn lo-lắng cho em, vừa khóc vừa trách và nhất định chẳng hiểu em nghĩ gì, muốn gì ; một người bạn luôn luôn trung thành một cách giản-dị ; hai người chàng yêu được vẽ bằng những nét khác hẳn nhau nhưng cũng rất chân thực : Yến, từ một cô gái con dòng, cháu giống ở quê, đã thích-hợp dễ dàng với tỉnh thành, có cuộc sống sang trọng, có những cái thắc-mắc phức-tạp và bất thường của người quả-phụ trí thức ; Cô Suzanne, tốt-nghiệp ở một nhạc viện nào đó, có sự say mê bồng-bột rất tự nhiên của Tây-Phương, yêu chồng đến độ hy-sinh tất cả và cũng có những tò mò về nếp sống Á-Đông diệu-dàng và lý-thú.

Từ nhân-vật chính đến phụ, vai nào cũng được trình-bày bằng những nét tiêu-biểu và xác thực, Văn trong toàn truyện phần lớn rất đều nhau, tao-nhã, và mực thước. Hãy nghe tác-giả tả con sông Đuống ban đầu là cụ-thể, rồi « ... hình như chuyển vào hồn Thiệu vì Thiệu thấy lòng mình mênh-mông dạt-dào », và đây, khi con sông đi vào nghệ-thuật :

« Màu vàng úa của vừng trăng gợi
« màu nâu thăm-thẳm lấp-loáng sáng của
« dòng sông. Màu tím xẫm của từng
« khối mây « nghẽn thở » hòa-hợp rất
« đúng với màu xanh chết của bãi cát
« bên dưới. Tất cả bức tranh toát ra một
« vẻ man-rợ hoang sơ thuở khai-thiên-
« lập-địa.

Không nói, ta cũng đoán được Thiệu thuộc phái họa-sĩ ấn-tượng.

Nhiều trường-hợp khá gay cấn, nhưng tác-giả vẫn đạt được đến chỗ giản-dị và mực thước dễ-dàng :

« Thiệu nhắc lại cả lá thư tình
« đầu tiên trao cho Yến, bên dưới
« những câu hay có kín đáo gạch

« Vẫn tiếng cười đậm đà của Yến tô
« điểm cho câu chuyện, nhưng lần này
« Yến nói thêm :

http://tieulun.hopto.org

« — Anh có biết không, bức thư đó « tôi giữ mãi đến ngày sắp về nhà chồng « mới đốt đi.

« Trời, thì ra Yến có chú ý giữ bức « thư ! Thiệu toan hỏi vì sao dạo đó Yến « lại bảo chàng : « Đừng anh Thiệu ạ ». « Nhưng Thiệu nghĩ câu hỏi đó thực « là thừa vì Yến đã giữ thư đó đến ngày « cưới kia mà.

Đây là đoạn hai người giận nhau :

« Tám giờ tối hôm đi Thiệu tới hiệu « bào chế đi thẳng đến gần Yến và nói « ngay, giọng nói cố giữ cho thật êm đềm, « bình tĩnh và thân mật nữa :

« — Tôi đã sửa xong bức vẽ, lát nữa « chín giờ tôi đến đón Yến lại xem nhé.

« Giọng Yến cũng bình tĩnh nhưng « không có nụ cười :

« — Cuối tháng nên tôi phải kiểm soát « sổ sách, không đi đâu được anh ạ.

« — Thôi chào Yến.

« — Chào anh.

Chiếc 2 chevaux rú máy chồm lên rồi vút thẳng.

— Coi như là hết ! Thiệu nghĩ vậy.

Nói chung, những đoạn gặp gỡ, đối thoại giữa người với người, ông trình bày có vẽ tự nhiên lắm (1). Nhưng khi nào rơi vào suy tư thì ông mắc cái bệnh quá nặng lý trí, kiểu cách và thích « làm văn chương ».

(1) Trừ sự « lặp lại » sẽ đề cập ở sau.

Đây, đoạn tả bức « Ngọn Nguồn » (la source) « Thiệu đăm chiêu nhìn bức họa với một vẻ thành kính giáo đường. Người trinh nữ có khuôn mặt hiền, đôi mắt xa vời vợi, bộ ngực tròn trinh bạch, dòng nước từ bình đổ xuống mát rợi như dòng thời-gian một đêm xuân trong đó tơ trăng đan cùng tơ gió để lọc các âm-thanh từ hoa lá bốc lên, từ các vì sao đổ xuống (trang 60).

Cũng đẹp như thế, vững chắc như thế, đoạn tả tâm-trạng Yến sau đây tuy nói nhiều mà hình như ta chỉ còn giữ lại cảm-tưởng *cầu kỳ* :

« ... Nhìn vào gương mặt Thiệu, Yến « thường bạo dạn để mặc hồn mình « muốn trôi đi đâu thì đi. Nhiều khi « nàng thấy như mình đắm vào một thế-« giới huyền-ảo nhưng không hôn mê nên « khó đánh dấu không-gian, một thế-giới « bốn mùa xuân bất tận nên khó đánh « dấu thời-gian — tuy rằng mỗi xuân « một vẻ. Điều đó gây cho Yến một cảm-« giác khá phức tạp : nàng vừa sung « sướng vừa sầu khổ .. ». (trang 61)

Ông hay dùng hình-ảnh thay cho biến-chuyển tình-cảm nên giọng văn trở nên duyên dáng một cách lạt lẽo :

« Rồi hai người nhìn nhau, nụ cười « vẫn giữ trên miệng, biết bao nhiêu là « thơ, như một tia nắng quái bao dung « còn dừng lại trên một khoảng đồi dào « dạt gió chiều. » (trang 63)

Ba đoạn văn này tôi chỉ trích trong chương VI, một chương tác-giả viết có nhiều cảm-hứng nhất, vì đã-động đến nghệ-thuật, một môn có lẽ tác-giả rất ham thích. Và chính bút pháp này nếu đã nâng

http://tieulun.hopto.org

tác-phẩm ông lên chỗ cách biệt hẳn với cái bọn tự xưng nhà văn, bừa bãi như cỏ dại mọc vườn hoang thì cũng khiến kẻ thức giả tự hỏi có phải ông nhiều lý-trí hơn tình-cảm, lấy thông-minh thay cho sự phong-phú hay đó chỉ là cái bệnh kỹ-thuật gây ra.

III

Kỹ-thuật hại kỹ-thuật

Dòng sông định mệnh thuộc loại mà bây giờ nhiều người gọi tân truyện, hay tiểu thuyết ngắn ; muốn dịch chữ nouvelle ra gì thì dịch — trung thiên, trung bình, truyện vừa, đoản thiên, v.v... — tùy ý, nhưng nhất định nó không phải truyện dài (1). Vì toàn tập truyện là một bản phân tích và tóm tắt sự biến chuyển tâm-lý của một vài nhân vật, (Loại nouvelle hình như chỉ ra đời cùng với lối truyện lấy sự phân tích biến chuyển tâm lý một vài nhân vật làm chủ đích). Toàn truyện đều không chỗ nào có lối kết cấu, lối trình bày, phân tích, miêu tả và nhất là có « cái hơi » của truyện dài mặc dầu câu chuyện được kể từ lúc bé đến lúc Thiệu nên người. Loại truyện này, nếu không đặt nặng vấn-đề phân tích tâm lý mà chỉ đi suông qua sự việc thì lại chính là loại conte. Và chính tự thân nó, nó còn xa mới gặp phẩm và lượng của một cái nouvelle của Đức chứ đâu có thể xếp đặt vào loại Truyện dài ?

Lời dàn xếp truyện của tác-giả muốn lấy dòng sông — cụ thể và trừu tượng, tiêu biểu cho quê hương và định-mệnh — làm điểm *Nhất Trí* cho toàn thể. Vì thế hầu hết tiêu đề các chương cũng như câu vừa sơ kết vừa chuyển mạch cho các chương đều quay trở về dòng sông. Điều đó có thể gây một rung cảm đặc - biệt như ta gặp lại những điệp-khúc ý vị trong trường-ca... với điều kiện là ý phải hết sức phong-phú ; nếu không, rất dễ rơi vào khuôn sáo. Ông Doãn-Quốc-Sỹ đã bị rơi vào khuôn sáo. Tôi không trích nhiều, chỉ đưa ra đây mấy câu kết cho mấy chương :

Chương III.— Hai ngành cách biệt hẳn và xa khơi. Rồi đây hai ngả sông đi về đâu ?

Chương V.— Thiệu nghĩ đến những dòng sông đã phân ngành rồi những ngành sông chợt tìm được nhau cất tiếng reo vui trước khi lao mình ôm quyện lấy nhau để hòa làm một.

Chương VI.— Thiệu chập chờn thiếp ngủ mà thấy hồn bồng bềnh như con thuyền, con thuyền xuôi dòng đấy mà chẳng biết sẽ trôi về đâu.

Chương VIII.— Đừng lau ngăn nước mắt đó để tư-tưởng của đôi bến gom lại có đủ sức mạnh khơi cho « càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông ».

Ôi con sông dài !

Con sông dài làm sao !

Con sông dài như chẳng bao giờ gặp biển !

Tôi tưởng dùng chữ *sáo* cũng còn nhẹ, giá ta thử dùng chữ *rỗng* có lẽ đúng hơn chăng ?

Sự máy móc trong kỹ-thuật còn miễn-cưỡng đưa tác-giả đến một khía cạnh xây-dựng nhân-vật rất ngộ nghĩnh. Có lẽ nào tác-giả lại không biết lối phát-biểu « *lặp đi, lặp lại* » *một câu tiêu-biểu của một nhân-vật để miêu-tả đặc-tính*, thường chỉ gây

(1) Bản in của Tự-Do để là Truyện dài trong ngoặc đơn. Tôi nhận thấy sự để loại văn phía trước nhiều quyển truyện phát hành hiện nay không nhằm sự phân loại mà nhằm vào sự đòi hỏi của độc giả. Nhiều quyển chính là ký sự, truyện ngắn mà cứ nghiễm nhiên mang tên truyện dài, tiểu thuyết.

http://tieulun.hopto.org

nên tiếng cười (dù rất cảm-động) vì tính cách máy móc của nó ?

Lời này, đúng ra, thuộc phạm-vi hài-kịch, nhưng trong tiểu-thuyết cũng có thể dùng được. Nhưng nhất định không bao giờ nên quá một nhân-vật, nếu quyển sách không quá 3,4 trăm trang. Đằng này, ông Doãn-Quốc-Sỹ không chỉ dùng cho hai (một sự khó chịu) mà là cho ba nhân-vật (một sự khôi hài). Tôi có cảm-tưởng hễ nhân-vật phụ nào của ông nếu không có những tiếng đầu mép ấy là ông không yên tâm về họ :

Về *Chi Hoa* thì phải : — « Giời bắt tội cha mẹ mất sớm, cậu đã lớn, cậu không tu-tỉnh » (trang 29, 30, 75, 81, 89, 91).

Tạo, bạn của Thiệu mỗi khi nói về Thiệu: — Có thánh mà hiểu được nó : (trang 51, 52, 70).

Cả người đàn bà mà chàng yêu, mặc dầu ở tận trời Tây, thế mà không hiểu sao cũng cứ bị tác-giả gán cho cái bệnh « cà-lăm-cách-khoản » ấy :

Suzanne : Anh thấy không ? (nhắc đi nhắc lại đúng bốn lần trong chỉ hai trang 96-97).

Từ tiêu đề, đến lối kết từng chương, đến cách nói của nhân vật, ông Doãn-Quốc-Sỹ đã quá lạm-dụng lối « trở đi, trở lại » gây nên một cảm-tưởng nặng-nề cho người đọc. Viết đến đây, tôi thấy không thể nào quên ông Thày kỹ-thuật Nguyễn-Du. Hãy xem hầu hết nhân vật của ông, bao giờ đi vào truyện cũng kèm theo một chữ Có ; thế nhưng nhờ ông chỉ dùng cho mỗi trường-hợp ấy, lại dùng một cách quá dễ-dàng biến-hóa không ngừng nên ta chỉ thấy sự phong phú, tài tình lạ lùng nơi ông :

« Có nhà Viên-Ngoại — Có người khách ở viễn-phương — Quản-gia có một mụ nào — Khách du bỗng có một người — Bỗng đâu có khách biên-đình... Có quan Tổng-đốc... Họ Đô có kẻ .. v.v... »

Quả thật giữa Nguyễn-Du và chúng ta có sự cách biệt kiến-thức và tài-năng đáng kể.

IV

Sau hết..

Tao-nhã, mực thước, văn ông Doãn-quốc-Sỹ đã muốn thành hình ở mực độ này. Độc-giả của ông ta cũng đã thấy rõ là hạng người nào trong các tầng lớp thanh-niên.

Nhưng có phải ông tự dừng lại chỗ ấy hay chính cuộc sống *lùi vào bên trong, cuộc sống tuyền trí-thức* đã chận ngăn sự phong-phú, khiến một thân cây chưa phat-triển đến cực độ, đã vội ra hoa, ra quả?

Đọc văn ông, người ta có thể thấy cái sở trường, sở đoản phần nào :

— Khi đi vào cuộc đời thì rất giản-dị, dễ-dàng, tự-nhiên, và nếu đừng mực thước quá, nhất-định ông sẽ khám-phá nhiều điều bí ẩn, phức-tạp khác trong đời sống con người.

— Khi đi vào triền-miên suy tư — căn bệnh của nhiều nhà văn có tâm-huyết thời-đại — thì ông rất dễ mắt tự-nhiên, kiểu cách ; mà khi *làm văn-chương* để thỏa giấc mộng thi-nhân có lẽ mang sự thiếu thời thì thành ra lạc điệu.

Ta thấy ông Doãn chưa mất gì cả như anh chàng Thiệu. Ông đang được cả hai. Nhưng lần này nếu quả thật Định-mệnh hướng ông về phía sự-nghiệp nhà tiểu-thuyết, chắc ông không ngần ngại hy-sinh con người thứ hai — để dấn mình vào cuộc sống thật — thế-giới của nhà văn — để được cả sự-nghiệp, cả Suzanne và cả Cuộc Đời nữa.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

http://tieulun.hopto.org

BƯỚC THỜI GIAN

Hãy gieo cánh hồng
Trên bước thời gian,
Semons de roses
Les pas du temps.
Gérard de Nerval.

IV. — ÁNH SÁNG

Đài vũ-trụ vẫn huy-hoàng ánh sáng
Sao trong tôi xuân nhạt tự bao giờ.
Máu say nồng chắc hẳn đọng vàng khô
Trong thân xác thời gian đang tàn phá.
Nhìn bóng trong gương như nhìn kẻ lạ,
Những u sầu mê thảm vẫn còn ghi,
Mắt vờn lên màu cặn rượu trong li
Và môi khép cả xuân thì phai nhạt...
Tôi tìm mãi bóng hình, đâu xuân sắc
Của thời xưa còn mộng tưởng huy-hoàng ;
Thời Tình Yêu về trong trái tim hoang,
Thời Hoàng-tử chiếm ngai vàng cao quí.
Thế là chết, từ muôn nghìn thế-kỉ,
Con chim hồng ca hót của tôi xưa,
Con chim lòng ưa đứng lại mong chờ
Cành cây gãy và muôn bờ gió động.
Đâu triều-đại và quạt cờ tàn lọng ?
Giữa lòng tôi, thành quách nhuộm màu tro,
Giữa lòng tôi, Hoàng-tử chết trong mồ,
Chút thương xót tìm đôi bờ mắt khép . . .
Tôi tìm kiếm trong hư không dáng nép :
Ảnh hình tôi từ những thuở xa xưa,

http://tieulun.hopto.org

Tóc mong manh chưa úa rồi bao giờ
Và tay nhỏ chưa một lần chắp nối.
Chỉ còn gặp giữa muôn chiều gió thổi
Bóng mình đi, phiêu bạt tựa hồn oan,
Đôi chân đau sắp ngã gục giờ tàn,
Môi đau đớn than van lời thú tội.
Tôi vẫn đi và tôi còn đi tới
Trong bóng mờ u ám của đời tôi,
Như chim non xơ xác lạc trong trời
Không tìm thấy một đôi người thương khóc.
Chắc có kẻ đang chờ tôi tỉnh thức,
Trao Tin Yêu và khuyên dỗ đôi lời,
Trao về tôi ánh-sáng của Thời Tươi
Mà tôi đã chia xa từ những thuở ..
Chắc Tay Ấm ở phương nào vẫn mở
Đón chờ tôi từ những thuở chưa quen
Để muôn đời lòng khó dễ nguôi quên,
Vì tôi đã yêu thương và ngưỡng mộ!
Chắc Mắt Dịu vẫn nhìn nơi cửa mở
Tìm trong trời tăm tối một vì Sao,
Nên linh hồn cùng thể phách lao đao,
Tôi đi tới, run run, tôi đi tới . . .
Người đã não lòng đôi lòng chờ đợi,
Tôi về đây làm ấm gió ban sơ,
Tôi về đây, cầu nối lại đôi bờ,
Sao ta đã ơ thờ và làm nũng ?...

Lá vẫn còn xanh, sương hồng chưa rụng,
Hoa xuân cười trong nắng ấm long lanh;
Đôi chim quen về ca hót trên cành.
Gió bát ngát se hương thành ý mới,
Lòng khép chặt nẻo u sầu tăm tối,
Hồn tìm sang tinh túy của Tình Yêu.
— Vì tôi còn trên thế giới : Người Yêu.

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

http://tieulun.hopto.org

Về lá thư giải đáp của ông Giám-đốc trường Quốc-gia Âm-nhạc đăng trên Bách-Khoa số 80.

Vài lời thưa lại với ô. Nguyễn-Phụng

Thưa ông,

Tôi lấy làm hân-hạnh được ông sốt sắng trả lời, giải-thích... những điểm thắc mắc mà tôi đã nêu trong Bách-Khoa số 78. Bài ông đã giúp tôi hiểu rõ những điểm tôi còn ngờ và nhất là hiểu rõ ông hơn.

Vì thế, nên tôi thấy cuộc gặp gỡ mà ông đề-nghị « để trao đổi mọi ý-thức âm-nhạc » chẳng cần phải có làm chi.

Tôi lại nghĩ : về những điểm tôi hỏi và ông trả lời, đúng hay sai, thì các nhà khảo-cứu âm-nhạc có căn-bản, có tiếng tăm, có tấm lòng, như các ông : Nguyễn-Hữu-Ba, Nguyễn-Văn-Giệp, Võ-Đức-Thu, Phạm-Duy, Lê-Thương, Trần-Văn-Khê... chắc chắn sẽ nói đến. Còn về « thái-độ tri-thức » của ông trong vụ này, thì tôi tin rằng bạn đọc của Văn-Hữu, của Bách-Khoa, thế nào cũng có người lên tiếng.

Xin kính chào ông,
BÙI-THU-TRINH

BÓNG TỐI

Cho người « bạn nhỏ »

Đêm lên trong lúc tôi chìm
vào nơi không nhớ, không hiềm, không thương...

***

Ô hay ! Chới với giữa Hương,
hay đang quằn quại trên giường nệm Tơ ?

***

Đêm lên. Đêm đứng. Lặng tờ.
Hồn đau nghe lạnh Hững-Hờ thấm sâu...

Ngu-Í NGUIỄN-HỮU-NGƯ

http://tieulun.hopto.org

DƯỚI MẮT DU KHÁCH

☆ *PHAN-VĂN-TẠO*

John S., người Mỹ, sang thăm Việt-Nam một tháng và trong thời gian này thường viết thơ về cho vợ, kể lại những điều mắt thấy tai nghe. Một vài nhận xét có thể hấp tấp hay sai lầm nhưng cũng cho biết thêm về hình ảnh của chúng ta dưới mắt một du khách ngoại quốc.

Saigon, ngày . . .

Dora,

NẾU ở Nữu-Ước người ta phải vặn gập cổ về đằng sau để ngắm một thành-phố cao tắp thì ở Saigon tầm mắt được nghỉ ngơi trên những rặng cây xanh làm cho đường phố thân-mật hơn.

Đường không rộng nhưng đủ các loại xe. Ở Mỹ ta chỉ thấy xe hơi, ở Hòa-Lan hay Đan-Mạch nhiều xe đạp, ở Ý nhiều sì-cút-tơ nhưng ở đây xe gì cũng nhiều, mỗi loại xe lại có vài biến thể. Xích-lô có thứ lững lờ do một người êm đềm ngồi đạp ở đằng sau, có thứ chạy bằng máy, hung hăn như một cơn gió lốc và phun khói như những tầu thủy em thường thấy trên sông East River. Xe bò lạch cạch nghênh ngang không buồn để ý đến nhịp thời-gian. Xe hơi có những kiểu ra đời cách đây đã đến hơn nửa thế-kỷ sánh vai với những kiểu tối tân lộng lẫy, trông cặp kè như đôi vợ chồng quá lệch tuổi.

Sức chứa của các xe thật ngoài sức tưởng-tượng. Anh đã gặp một xe mô-tô, người chồng cầm lái, hai đứa con ngồi trên bình săng đằng trước, và người vợ bế đứa con thứ ba ngồi đằng sau. Sì-cút-tơ được lắp thêm một thùng xe, chở được từ 6 đến 8 người với một số hàng hóa.

Nhưng ngoạn-mục nhất có lẽ là xe ngựa. Ngựa có một nắm lông ở trên đầu, cổ

http://tieulun.hopto.org

đeo nhạc, và khi xe chạy, vó ngựa lốp bốp như chân một cặp tài-tử nhảy thiết hài trên sân khấu Broadway.

Tất cả các xe đó len lách, chèn, vượt chẳng theo gì hàng lối đã vạch trên mặt đường mà không thấy vướng nhau. Nhưng rủi có hai xe đụng nhau là cả một con đường nghẹn lại. Anh đã thấy một xe đạp chạm nhẹ vào một xe gắn máy, chẳng xe nào hư hao chi cả. Tưởng hai người sẽ cười với nhau rồi lên xe đi cho khỏi mất thì giờ nhưng không, họ để hai chiếc xe nằm ềnh giữa đường rồi đứng đấy chẳng nhìn nhau mà cũng chẳng nói với nhau. Anh vội đi nên không ở lại xem đến hết, không biết rồi về sau câu chuyện kết cục ra sao ?

Lạ nhất là giữa cảnh xe cộ hỗn độn đó khách bộ hành đi đứng thản nhiên chẳng khác gì đang dạo chơi hoa viên.

Tuy là một hải cảng, Saigon không có cái không khí đặc biệt của một bến tầu như khu Manhattan của Nữu-Ước. Bờ sông ở đây trông trang nhã như một vườn cảnh, có sân golf tí hon, có vườn chơi cho trẻ nhỏ. Những đêm nóng nực một vài gia đình mang chiếu ra trải trên cỏ cho mấy đứa con nằm ngủ trong khi người cha và người mẹ ngồi vừa hóng gió vừa ăn những khẩu mía cắm vào một chùm tăm tre vót tỏa ra như một bó hoa.

Các cửa tiệm bày biện hơi tham lam nên kiếm chọn hàng rất khó. Mình là người ngoại quốc muốn đi tìm những hàng đặc biệt Việt-Nam thì chủ tiệm lại chỉ khoe với mình hàng Mỹ và tỏ vẻ ngạc nhiên trước sự rửng rưng của mình. Chen vào giữa các tiệm buôn thỉnh thoảng lại hiện ra những tấm biển đạo mạo ghi tên một trường học Anh ngữ. Mua bán còn phải mà cả thành ra sắm cái gì có ai hỏi giá, mình cứ nơm nớp sợ họ chê đắt. Nhưng ai nấy đều khen rẻ, như không nỡ đem việc mình mua hớ ra chế giễu. Các nhà buôn lại tin rằng người khách đầu tiên vào mua buổi sáng có ảnh hưởng cho trọn ngày nên tốt hơn hết là mình tránh làm người khách đó kẻo đã vào mà không mua cứ thấy như mình mắc lỗi với chủ hàng.

(Những đoạn sau trong thư chỉ có tính cách gia-đình, nên không trích đăng).

J.S.

Saigon, ngày ...

Dora,

Người Việt nhỏ nhắn, tính nết kín-đáo và hiếu khách. Anh trông họ, người nọ cứ hao-hao giống người kia và khó lòng mà đoán được tuổi họ. Có lần một người còn trẻ lắm hỏi anh : « ông đoán tôi bao nhiêu tuổi ». Anh ngắm-nghía thật kỹ thấy da chưa nhăn, má còn đầy nên đã trả lời « từ 36 đến 38 ». Khi nói vậy, mình đã nghĩ tăng lên vài tuổi thế mà người kia phá lên cười : « 52 rồi ông ơi, con trai lớn tôi năm nay đã 33 ».

Đàn bà Việt càng có tuổi hình như càng đẹp ra nên hỏi tuổi họ, không phải là một điều vô phép.

Các bà trang-điểm nhiều hơn các cô, và ai đi qua Việt-Nam cũng phải chịu áo dài phụ-nữ là đẹp. Thật là uyển-chuyển, thật là mềm-mại. Mỗi bước đi, tà áo lả-lướt chẳng khác gì những cánh hoa phong lan.

http://tieulun.hopto.org

Họ mặc quần chùng áo dài nên họ không lo sợ những cơn gió tinh nghịch như đàn bà Âu-Mỹ, trái lại gió càng làm tôn vẻ người họ lên.

Thời trang không thay đổi nhiều từ năm này qua năm khác — (người đàn ông Việt-Nam may-mắn hơn chúng tôi ở điểm này chăng). Gần đây các bà Việt-Nam cũng đã nghĩ canh-cải áo dài của họ nhưng không phải sự thay đổi nào cũng hợp với thẩm-mỹ — Có những cổ áo cao quá làm đầu họ cứng nhắc, có những eo chật quá trông như buộc một sợi dây ngang lưng.

Ngắm một đôi vợ chồng người Việt ở ngoài đường ta thấy cả một sự tương tranh giữa ảnh-hưởng Tây-phương và những quan-niệm cổ-truyền Á-Đông. Người chồng, khi nào nhớ ra thì nhường vợ đi trước, mở cửa cho vợ lên xe, lúc quên đi lại mặc vợ lẽo-đẽo đàng sau, hay để vợ tay sách nách mang, không đỡ đần chi cả. Có khi ở tiệm ăn ra mà người chồng thản-nhiên để vợ móc ví trả tiền. Thực ra trong vài trường hợp người chồng cũng không làm gì hơn được vì có bao nhiêu tiền đã đưa vợ giữ hết.

Ở Nữu-Ước, có lần em chỉ ra mua đồ ở tiệm Macy's, anh ngồi uống ly cà-phê với người bạn ở xóm Greenwich mà chúng ta cũng thấy cần gọi điện-thoại cho nhau. Vợ chồng người Việt yêu nhau một cách lặng lẽ hơn, thầm kín hơn và tránh cả những cử-chỉ thân-mật trước công-chúng.

Các gia-đình không thấy tổ-chức những buổi họp mặt cho con trai, con gái mới lớn lên có dịp gặp gỡ làm quen. Anh không rõ họ làm thế nào để hai bên hiểu biết tính tình trước khi lấy nhau. Anh có hỏi một thanh-niên về chuyện đó và được anh này trả lời : « Ồ đã có mẹ tôi lo » — Không biết anh ta nói đùa hay nói thật.

Nhà nào cũng đông con — Có bà 30 tuổi mà đã 9 con rồi nghĩa là một mình bà ta đẻ bằng cả 5 gia-đình Bob, Richard, Henry, Arthur, David cộng lại. Thế mà hỏi có định đẻ nữa không, bà ta vẫn mỉm cười một cách nhiều ý nghĩa.

Trẻ con chơi rất ít, học rất nhiều. Người ta đã kể cho anh nghe một em 13 tuổi mỗi ngày phải làm 10 bài toán, người cha ngồi bên cạnh gào thét, thúc giục. Học-sinh gần như không nghỉ hè. Bãi trường chừng 10 ngày chúng đã cắp sách đi học lớp hè và chỉ còn 5 ngày trước khi tựu trường chúng mới lại được nghỉ. Khi chúng chơi, cha mẹ cũng khong muốn cho chúng hò la inh ỏi, chỉ muốn chúng chơi ngoan. Cho nên trò chơi mà anh thường gặp nhiều nhất là thấy 2 đứa trẻ cúi đầu trên một mảnh giấy kẻ ô vuông, đứa gạch chữ thập, đứa vẽ vòng tròn, đứa nào kéo dài được năm ô liền không bị đứa kia cắt ngang thì được cuộc.

Trong khi đó, ở bên ta trẻ con suốt ngày nhai kẹo gôm, xem vô-tuyến truyền hình hay chơi baseball.

Phải công nhận về điểm này trẻ con Mỹ chúng ta hư hỏng quá và chúng được nuông chiều quá đáng.

J. S.

Saigon, ngày...

Dora,

Hồn thơ của người Việt thật là phong phú. Bất cứ cái gì cũng gợi hứng cho họ

http://tieulun.hopto.org

làm thơ được, không những chỉ có chuyện tình cảm mà cả các vấn đề hành-chánh, kinh-tế, kỹ thuật họ cũng ngâm vịnh được. Các báo chí, ngay các báo hàng ngày và một số báo chuyên môn, số nào cũng có cột đăng thơ.

Người ngoại quốc tới đây khó mà phân biệt được ai là người Bắc, ai là người Nam. Những sự thử thách dân tộc Việt phải chịu đựng đã mài giũa dần các dị biệt địa phương. Tuy nhiên vài người Bắc thỉnh thoảng vẫn xuýt xoa nhắc cho ta chỉ có gạo vùng họ mới thơm, cam nhãn đất họ mới ngọt, lợn gà quê họ mới ngon. Tâm lý này dễ hiểu. Ai chẳng thấy quê hương mình là đẹp : bên Mỹ cũng vậy, người California thì hãnh diện về trái cây xứ mình, còn người New Orléans lại tự hào về khách sạn của họ. Nhưng tại sao chúng ta không tỏ lòng yêu nơi chôn rau cắt rốn mình một cách khác hơn là cứ so sánh các sản vật vùng mình với sản vật vùng khác.

Tuần trước anh được mời dùng một bữa cơm Việt-Nam. Trông thấy đĩa bầy trên bàn mà hoa cả mắt. Tất cả các món đều đưa lên một lúc chứ không có món trước món sau. Khách còn đang phân vân chưa biết dùng món nào thì bà chủ đã gắp cho đầy bát. Tay mình cầm đôi đũa dài, lêu đêu nhặt từng hạt cơm, chẳng khác gì một con chim mỏ dài đang mổ vào trong bát. Bà chủ không nói tiếng Anh, suốt mấy tiếng đồng hồ chỉ khẽ gật đầu, khẽ mỉm cười mà cũng đủ để cho mình thấy cách tiếp khách của bà thật là ý nhị. Các món ăn đều thái nhỏ và thường thường là nhạt nên phải chấm vào một thứ nước mặn, mùi rất nặng nhưng dùng quen lại thấy vị thật đậm đà.

Cơm xong ông bà chủ cho đi coi hát. Một số khá đông khán-giả mang con cái đi theo. Phải chịu những đứa nhỏ này tài thức khuya. Trong khi ở bên Mỹ các bạn chúng đã lên giường từ lâu thì ở đây chúng còn ngồi mắt thao láo theo dõi từ đầu đến cuối thật chăm chú và không lúc nào tỏ ra buồn ngủ.

Người phương Tây xem ca kịch Á-Đông không thể tránh khỏi một vài bỡ ngỡ. Xem tuồng cổ chẳng hạn chúng ta quá chú-trọng về sự diễn-tả lại sự thực lịch-sử nên chúng ta khắt khe với những điểm nào sai lầm về thời-đại. Nhưng bữa đó, anh đã thấy giữa một triều-đình cổ, ban vũ biểu-diễn một điệu nhảy mới thịnh-hành ở Mỹ cách đây vài năm.

Có một bài ca gì rất được nhiều người hoan-nghênh, tài-tử vừa mới hát xong câu thứ nhất, còn đang hạ giọng xuống thật trầm, cả rạp đã vỗ tay như sấm.

Chúng ta có thói quen vỗ tay sau khi màn buông xuống và hết màn cuối cùng chúng ta vỗ tay nhiều lần cho tài-tử ra chào khán-giả, càng ra chào nhiều lần là càng được hoan-nghênh. Xem hết vở tuồng ấy anh cũng làm như vậy, nhưng quay đi quay lại chẳng thấy ai hưởng ứng cả chỉ riêng có mình vỗ tay, nghe mới vô duyên lạc lõng làm sao !

Ảnh-hưởng Đông, Tây còn hòa trộn trong những lãnh-vực thật bất ngờ. Anh đã gặp một đám ma, đối trướng chữ Hán đi giữa các vòng hoa cườm, phường bát âm mở đường cho xe ngựa phủ đen, theo

http://tieulun.hopto.org

sau là thân nhân mặc mầu tang trắng, bạn bè phì-phèo thuốc lá kể lể hàn huyên.

Người Trung-Hoa ở Saigon còn dùng cả những nhạc-cụ Tây-phương, kèn đồng, trống lớn, đi cạnh một xe tang chạm trổ trang-hoàng như một cung-điện nhỏ. Trong lúc đám ma từ từ kéo dài trên đường phố thì kèn kia vang lên một bản nhạc, có trống nọ đệm nhịp, làm những anh gánh heo quay dẫn đầu cũng lắc lư theo tiết điệu. Có người còn nói với anh đã từng thấy nhạc cử bài « Si tu reviens » (nếu anh trở lại), không biết người chết mà còn nghe được có tính trở lại nữa không ?

Thấm thoắt đã gần đến ngày về và anh đã giữ chỗ máy bay thứ tư tuần tới. Một anh bạn người Việt có hỏi cảm tưởng của anh sau một tháng lưu lại Saigon. Anh nghĩ rằng thành thực nhất là nhắc lại những đoạn thư đã viết cho em — Có thể đúng, có thể sai, nhưng điều anh mong mỏi nhất là những nhận xét của anh sẽ không để cho người bạn Việt phiền lòng vì không gì buồn hơn là làm buồn một người bạn.

J. S.

LOẠI SÁCH ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN

CỦA THẾ-PHONG

✶ LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT NAM — 5 CUỐN :

— NHÀ VĂN TIỀN CHIẾN 1930-1945 200$

— NHÀ VĂN KHÁNG CHIẾN 1945-1950 100$

— NHÀ VĂN MIỀN NAM 1945-1950 100$

— NHÀ VĂN HẬU CHIẾN 1950-1956 200$

— TỔNG LUẬN 60 NĂM 1900-1956 100$

✶ NẾU ANH CÓ EM LÀ VỢ Thơ 100$

✶ HÀN MẶC TỬ và QUÁCH THOẠI 100$

✶ NGƯỜI LÍNH CASABLANCA Truyện 100$

✶ NỬA ĐƯỜNG ĐI XUỐNG Tự truyện 200$

✶ *Có đứng trên được tốt và xấu hãy nên đọc.*

http://tieulun.hopto.org

LIÊU - TRAI

NGỰA TRONG TRANH

KIỂU-YIÊU (dịch)

Khi chọn để cải-tác ba chuyện Liêu-trai : Tiểu-Tạ, Thúc-Chức và Thư-Si, mà cho vào quyển « Trung-Quốc trứ danh tiểu-thuyết tuyển » (Famous Chinese short stories) *do The John Day Company, New-York xuất-bản, năm 1948, nhà văn Lâm-Ngữ-Đàng* (Lin Yutang) *có viết cho độc-giả Anh-Mỹ lời giới-thiệu tác-phẩm của Bồ-Tùng-Linh* (P'u Sungling), *như thế này :*

« Trong số 450 ngoài chuyện Liêu-trai, có chừng một phần ba đã được giáo-sư Herbert A. GILES dịch ra Anh-văn, dưới tiêu đề Strange Stories from a Chinese Studio. *Tiếc rằng có vài chuyện vào bực hay nhất lại không được tuyển vào đó. Bạn đọc nào thấy thích, có thể tìm đọc* Ngựa trong tranh *và* Cô á hay cười (2) *trong bản dịch ấy. »*

Trong bản Liêu-trai do Lữu-Hữ-Chi biên tuyển (Quảng-Trí thư cục, Hương-Cảng, xuất-bản) Ngựa trong tranh *được vinh dự đặt đầu tiên trong số 112 chuyện chọn lọc.*

Mặc dầu ngắn (nguyên văn chỉ có 301 chữ), nhưng Ngựa trong tranh, *ngoài cái thú vị ưu-nhã do chân giá nghệ-thuật của nó gây nên, còn gợi thêm một thú-vị bất thường khác là nó giúp ta hiểu được phần nào thái-độ phê-bình của giới trí-thức Trung-Quốc, hay đúng hơn là của vài người trí-thức Trung-Quốc nhiễm đậm văn-hóa Âu-Mỹ, đối với các chuyện ngắn của Bồ-Tùng-Linh.*

Dịch - giả

CHÀNG họ Thôi, ở huyện Lâm-Thanh (thuộc tỉnh Sơn-Đông), nhà nghèo khó, đến nỗi bức tường thấp vây quanh nhà đã đổ nát, mà cũng không tiền sửa sang lại.

Mỗi sáng tinh sương thức dậy, đều trông thấy một con ngựa nằm trên bãi cỏ ướt sương, mình đen mượt có vài đốm trắng, lạ một điều

1 2, (xem chú thích trang sau)

http://tieulun.hopto.org

là lông đuôi chẳng mấy gì đầy đủ, dường như bị lửa đốt cụt. Đuổi đi, tối lại dẫn xác trở lại, chẳng biết từ đâu đến.

Chàng Thôi có người bạn tri-kỉ, làm quan ở Thái-Nguyên (3). Bao phen muốn đi thăm, khổn nỗi không lừa không ngựa. Bèn ra bắt con ngựa kia, buộc cương, rồi cỡi đi, dặn người nhà : « Như có ai lại tìm ngựa, hãy sang Tấn cho hay. »

Một khi đã lên đường, ngựa phi vùn-vụt, chớp mắt là chạy được trăm dặm. Tối đến không ăn cỏ, ăn đậu cho lắm, tưởng chừng mắc bịnh gì. Hôm sau siết chặt hàm thiếc, không cho tẻ nước đại nữa. Nhưng ngựa giậm chân, hí vang, sùi bọt mép, hung-hăng như bữa trước. Đành phải nới cương mặc sức, đúng ngọ là đến Thái-Nguyên.

Lúc cỡi vào chợ, thiên hạ bu lại xem, không ai là chẳng trầm-trồ khen ngợi. Tấn-Vương nghe tiếng đến, tự ra giá thật cao định mua cho được. Thôi những sợ nguyên chủ truy-tầm, nên chẳng dám bán.

Đợi nửa năm trời, tin nhà vắng bặt, bèn chịu giá tám trăm lượng bạc, bán cho vương-phủ. Còn mình thì mua một con la vạm-vỡ mà về.

Sau đó ít lâu, Tấn-Vương vì chuyện gấp, sai hiệu-úy cỡi ngựa ấy đi Lâm-Thanh. Ngựa bỗng vụt chạy thoát, đuổi theo đến một nhà phụ cận ở phía đông nhà Thôi. Bước vào cửa, không thấy đâu nữa cả, mới gạn hỏi chủ nhà. Ông chủ họ Tăng, thưa thật là tuyệt nhiên chẳng thấy.

Đến lúc vào phòng trong, thấy trên vách treo một bức tranh ngựa của Triệu-Tử-Ngang (4). Trong đó có một

---

(1) Trong bản dịch Liêu-trai chí-dị xuất-bản năm 1959, ông Nguyễn-Hoạt, có lời bổ chú ở trương 23 : « Riêng bản dịch bằng Anh-văn do bà Pearl Buck dịch. Bà Pearl Buck là một nữ-sĩ Mỹ nổi tiếng trên văn-đàn thế-giới, đã từng sống lâu năm ở Trung-Quốc, » Thực ra nữ-sĩ Pearl S. Buck, chỉ có dịch « Thủy-hử truyện », dưới tiêu đề *All men are brothers* [*Shui hu chuan*] do Methuen & Co, London, xuất-bản năm 1933 (xvi + 1280 trương).

(2) Tức là chuyện *Anh-Ninh* mà bạn đọc Bách-Khoa có thể thưởng thức qua bốn dịch của Tản-Đà (trương 103, quyển thượng), của Nguyễn-Văn-Thi (tr. 154) và của Đào-Trinh-Nhất (tr. 441)

(3) *Thái-Nguyên* : Tỉnh hội tỉnh Sơn-Tây. Tỉnh nầy còn gọi tắt là Tấn.

(4) Triệu-Mạnh-Phủ : tự là Tử-Ngang, hiệu là Tùng-Tuyết đạo-nhân ; danh họa đời Nguyên, giỏi về sơn-thủy và vẽ ngựa, lại nổi tiếng về thư pháp. Thuộc dòng tông-thất nhà Tống, sau hợp-tác với nhà Nguyên. Dưới triều vua Nhân-Tông, ông lâm quan đến chức Hàn-lâm học-sĩ thừa-chỉ. Tài văn-chương kinh-tế vượt hẳn người đồng-thời, lại thông Phật-giáo, Lão-giáo. Tuy có để lại ba tác-phẩm : Thượng-thư chú, Cầm-nguyên và Tùng-Tuyết-trai tập, nhưng lưu danh hậu thế là nhờ tài vẽ. (1254-1322).

Tiện đây xin mách, bạn đọc Bách-Khoa có thể tìm thấy bản in lại có màu (reproduction en couleurs) một bức tranh của Triệu-Mạnh-Phủ (chú âm theo Pháp là Tchao Meng-Fou) nhan đề bằng Pháp-văn là : Le Poète Tao Yuan-Ming dans la montagne (Thi nhân Đào-Uyên-Minh đi chơi núi), trong quyển L'Art de l'Extrême-Orient, của René Greusset, do Librairie Plon xuất-bản, năm 1936.

http://tieulun.hopto.org

con ngựa sắc lông giống hệt con ngựa vừa biến mất, chót đuôi bị ngọn nhang đốt cháy. Bấy giờ mới vỡ lẽ ngựa kia chính là ngựa vẽ thành tinh.

Viên hiệu-úy thấy sự tình khó mà bẩm lại cho Tần-Vương tin thật, bèn thưa ông Tăng lên quan. Lúc ấy Thôi đã nhờ được món tiền bán ngựa, mở hiệu buôn giàu có bạc vạn, tự nguyện đem cho ông Tăng mượn đủ số tiền bồi thường cho viên hiệu-úy, rồi đi. Ông Tăng rất cảm-kích, chớ đâu dè người ơn kia chính là kẻ bán ngựa năm xưa.

BỒ TÙNG-LINH

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM
35 Đường NGUYỄN-HUỆ - SAIGON
Agent Exclusif
POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE

LIEN-XA CONG-TY
95, ĐƯỜNG THỐNG-CHẾ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM
Continental

http://tieulun.hopto.org

MƯA RỪNG

Trời mưa ướt cả một vùng,
Mưa bay xóa nhạt chập chùng núi xa.
Tinh sương chẳng động tiếng gà,
Mênh mông thung nhỏ, bao la ruộng đồng.
Nhà ai còn đóm lửa hồng,
Lao xao bờ lúa, đường không tiếng người.
Hồn xưa say ngủ một thời
Âm u nương gió vọng lời ngàn thiêng.
Mưa rơi, nước chảy triền miên,
Suối tuôn, thác đổ, trời nghiêng phía nào.
Đầu non vẳng tiếng rì rào,
Nghe như mây với trời cao tâm tình.

VŨ-TRUNG TÚY-LANG

http://tieulun.hopto.org

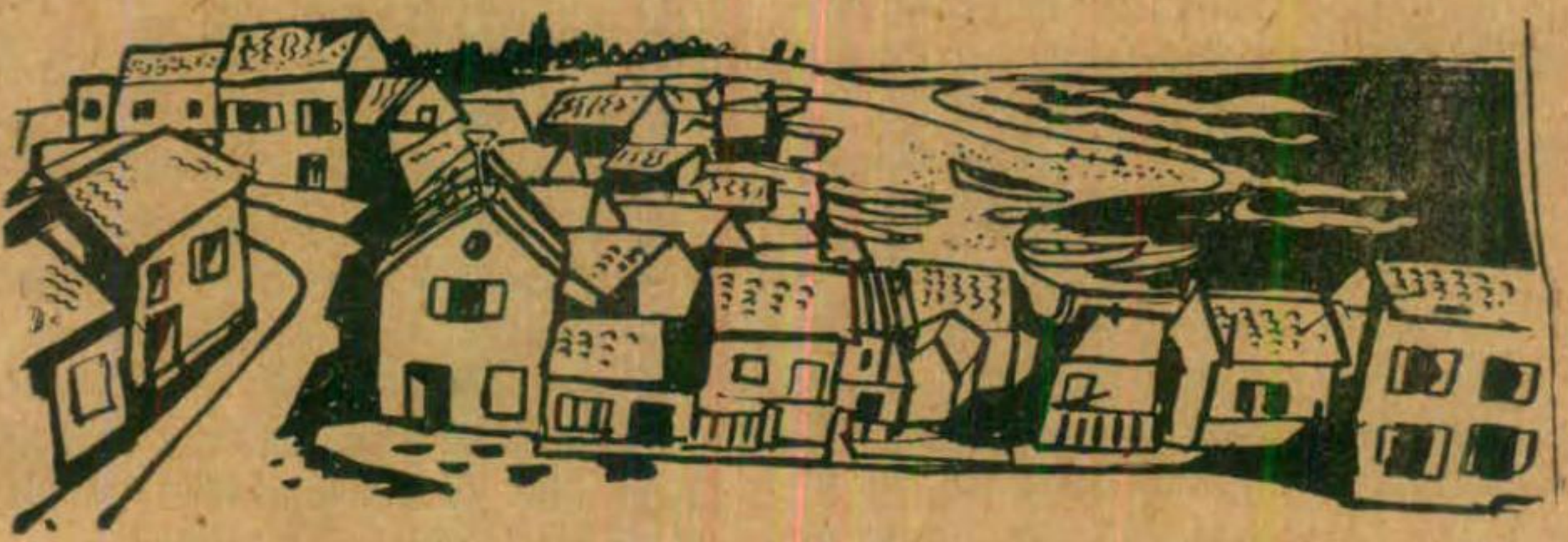

TÙY BÚT

NGÀY XUÂN ÊM ĐỀM

★ VÕ-PHIẾN

« Chiến - tranh làm cho chúng tôi thành những trẻ vô dụng.

... Chúng tôi vừa mười tám tuổi và bắt đầu yêu cuộc sống, yêu mến nhân gian ; đùng một cái chúng tôi bị bắt buộc xả súng bắn bừa lên những thứ đó. Quả tạc đạn đầu tiên ném ra đã nổ vào giữa quả tim chúng tôi. Chúng tôi không còn thiết gì đến cố-gắng, hoạt-động và tiến bộ nữa. Chúng tôi không tin vào đó nữa ; chúng tôi chỉ tin vào chiến tranh » (E.M Remarque)

SAU khi nghĩ đi nghĩ lại, tôi bèn tin vào khoa địa-lý. Và tôi hiểu rõ vì sao mình không thể nào rời khỏi N.Q. được.

Các bạn hãy mở bản đồ nước nhà ra mà xem lại thành-phố của tôi : trên to dưới nhỏ và quéo lại một chút như hình quả tim rất xinh. Thật là một cuộc đất hữu-tình và vô cùng lợi hại. Thời buổi này có lẽ một cuộc đất như vậy còn quí gấp mấy lần những thế đất *Chín con rồng giành nhau hạt ngọc* hay là *Một con chó*

http://tieulun.hopto.org

đuổi chạy đàn dê v.v..., bởi vì dầu sau khi mình chết mà con cháu có làm tới quận-công sao bằng đang sống mà gặp được sự chung-tình. Sự chung-tình vô giá càng ngày càng khan hiếm đó, tôi chắc chắn có thể tìm được ở đây.

Tục truyền hồi xưa ông thánh Tả-Ao đi ngang qua một làng nọ trông thấy thế đất như hình người đàn bà nằm nghiêng, người liền thở dài mà than rằng : « Trời đã khiến như vậy con gái làng này tất lẳng lơ không sao dạy được. » Một kiểu đàn bà nằm nghiêng mà đến như thế thì noi theo sự suy luận của ông thánh tôi đành tin rằng một quả tim trần nằm ngửa tênh hênh giữa bể, chịu đựng bao nhiêu là sóng gió mà không hề chuyển lay, một quả tim cứng rắn như vậy lại có quéo một chút xíu ở ngoài chót tất phải tiêu-biểu cho sự chung tình sắt đá nhất. Và mảnh đất này sẽ chôn chân hết thảy những người đã bước ngang qua nó. Nó sẽ là thù nghịch của mọi ý định lông bông, xê dịch, lưu chuyển, đổi thay.

Sự thực thì tận hồi mùa đông năm Dậu tôi có ý muốn rời khỏi N.Q. Thoạt tiên tin ấy bay đến lỗ tay cảnh giác của những người chủ hụi mà tôi còn phải đóng huê chết. Những người này thay phiên nhau đến thăm tôi vui vẻ một cách rất ý tứ tế nhị. Rồi thì trong những ngày Tết năm Tuất bạn bè đến chơi, tôi chưa kịp rót rượu họ đã chúc thượng lộ bình an, và nài rằng có đi xa hãy tưởng đến nhau mãi mãi. Tôi thấy phơi phới trong người tưởng như mình đã không còn ở N.Q. nữa.

Nhưng rồi tôi vẫn ở nán lại cho đủ ba trăm sáu mươi lăm ngày để chờ cái Tết năm Hợi, như chính đó mới đúng là dịp lên đường. Về sau tôi mới rõ sự lầm lẫn về năm Hợi thật là một sự lầm lẫn to lớn : chẳng những riêng ba bữa Tết mà cho đến suốt cả năm đó tôi cũng không sao chọn lựa được ngày xuất hành. Chiều hai mươi chín tháng chạp tôi giận dữ ghi vào sổ tay một kinh-nghiệm rằng về những vấn-đề du lịch giao-thông chẳng bao giờ nên tin-tưởng vào năm Hợi. Và trong lúc thất vọng tôi lẩn thẩn ngồi đếm lại những tấm thiếp *Cung chúc tân xuân* vừa nhận được thì thấy số thiếp năm nay nhiều hơn năm ngoái được mươi chiếc. Thì ra tất cả những bạn bè năm kia, năm ngoái, năm xưa, ở các tỉnh khác, mặc dù không thư từ đã lâu, Tết đến không cần dò hỏi họ đều gởi thư thẳng đến N.Q., yên trí là tôi chẳng bao giờ có thể đi đâu khỏi nơi này. Tôi xốc xốc những tấm thiếp đó rồi lại trải lên mặt bàn, ngẫm nghĩ, nhìn hết tên người này đến tên người khác với con mắt đầy sự ngờ vực, tự hỏi không biết có thể nào có một sự đồng tình giữa tất cả những người bạn này để toa rập nhau giễu cợt mình chăng ?

Số là mỗi lúc gặp tôi nhiều người bạn thường hỏi ngay : « Thế nào ? Chưa đi hả ? Ơ ! cứ tưởng cậu đi lâu rồi chứ. Bao giờ đi đấy ? » Trong lúc tôi bấp ba bấp búng tìm lý lẽ để giải thích dài dòng quanh co thì họ cứ gật đầu : « À, vâng... vâng... À, thế.. » như hoàn toàn tán thành những lý do rất chính đáng của tôi, rồi vụt một cái họ quay ra chuyện khác, hoặc : « Nghe nói cậu có biết một lò gạch ở Phước-hưng hầm ngói tốt lắm, có không ? Thiệt hả ? Của ai vậy, giới-thiệu với mình đi ! », hoặc : « Tháng trước con ở nhà cậu té gãy cái chân rồi thầy nào sửa cho

http://tieulun.hopto.org

nó mà mau hết vậy ? Mình có thằng cháu mới vừa bị ngã rất nặng v.v...». Tôi vội vàng tốp lại sự biện bạch của mình, ngơ ngác nhìn vào mặt họ một chút để kịp nhận hiểu ý họ, vì sự xoay chuyển đột ngột của câu chuyện làm cho tôi mất phương hướng. Rồi tôi trả lời hoặc là về lò gạch Phước-hưng hoặc là về ông thầy mần sửa chân gãy.

Cái lối hễ gặp tôi thì cứ đem liền chuyện đi xa ra hỏi như lúc nào họ cũng đinh ninh tin chết vào chuyện đó, nhưng vụt cái họ bỏ qua liền, và khi phải có một quyết định thực tế nho nhỏ như tìm đến nhà tôi hay để bì thư chẳng hạn thì họ lại xem như không hề có chuyện đi xa đó nữa, cái lối đó thật đáng làm cho tôi suy nghĩ. Tôi cứ ngờ ngợ tuồng như mình đã bị « xếp loại ». Bởi vì ở khu phố chúng tôi đối với mỗi người chúng tôi có một cách mở đầu riêng khi bắt chuyện. Gặp ông Ba Hài người ta bắt đầu nói : « Hồi này làm nhà cửa cũng nhiều mà coi thầu khoán không sống mấy... ». Tức thì ông Ba Hài ngó ra xa xôi nhìn về chỗ tương-lai, như ông Ba Hài lúc đó chỉ có con mắt tiên-tri chứ không hề có tai nghe chuyện thầu khoán, chợt ông nói chậm rãi mỉa mai : « Sống chó ! Tôi nói với ông hễ còn hai lỗ mũi để thở thì còn sống *nơ*, không ai giành hết không-khí của mình đâu... Ông coi cái mụ Tư gánh chè đậu váng đi bán kia mụ còn sống nữa là thầu khoán... ». Ông Ba Hài ngừng lại. Lúc đó, tùy thích, người ta có thể hoặc nói thêm một vài câu hoặc cứ ngồi yên chờ một chút, ông Ba Hài sẽ xoay ngoắt lại, bỏ cái giọng mỉa mai, kể thẳng một hơi những sự khó khăn của nghề thầu khoán lúc này, những mánh khoé giành giật trong cái nghề càng ngày càng đông người cạnh tranh, những thế-lực mưu-mô v.v... Ông Ba Hài tiếp tục nói và dần dần tất cả mọi nghề làm ăn bây giờ đều khó khăn. Khi ông vừa đủ có cái đà hăng-hái vui chuyện cần-thiết thì người ta vội vã lái câu chuyện sang ngõ khác. Ông Ba Hài trước kia có làm thầu-khoán, hồi trước chiến-tranh, bây giờ ông đã già và bỏ nghề. Còn ông Quách là hiệu trưởng trường tiểu học của khu phố thì không kiểu cách gì cả. Ông ta còn thanh-niên, da đen, môi mỏng, dáng đi mau mắn hấp tấp, bộ điệu hơi cứng cỏi vụng về. Mỗi khi gặp ông ta, chúng tôi trong khu phố nói : « A ! anh Quách ! Anh làm cách gì mà hội phụ-huynh trường anh năm nay đông hội-viên dữ vậy ? » hay là : « Anh có để ý cái cổng trường Hàn Thuyên không ? Khéo quá chớ. Trường ta rồi cũng tính xây cổng lại chớ anh ? » tức thì ông ta dàn ra liền liền những dự tính xây-dựng trường ốc của mình, ông ta tập trung tất cả chú ý vào chuyện ngay. Cái cách ông Quách bắt chuyện nhanh như là một con cá trắng ham mồi, vừa thả câu

http://tieulun.hopto.org

xuống nhấp một cái là nhào tới đớp liền. Ông Ba Hài như con cá lén vờ quẫn đi quẫn lại, cắn thử nhè nhẹ vài ba lần vào miếng mồi trước khi đớp mạnh. Nhưng dù thái-độ bất chuyện thế nào, những người đã sống lâu trong khu phố chúng tôi cũng không bao giờ lầm. Chẳng hạn đến chơi nhà số tám lăm chúng tôi phải hỏi ngay chị Lan : « Thế nào ? Nay chị thấy trong người thế nào ? Coi bộ cũng chưa mấy gì khoẻ

phải không ? Cái này này chưa khoẻ à ? », người nói lấy bàn tay vỗ nhẹ lên ngực mình để chỉ lá phổi bên trong. Thoạt tiên chị Lan đỏ mặt lên, vừa ngoẻo đầu xuống không trả lời vừa cười khúc-khích như thấy rằng sự chú ý đến lá phổi *này này* thực là lẩn thẩn, như chị ta xem đó chỉ là một câu hỏi nghịch mà chơi, chứ sức khoẻ của chị là một chuyện thật không đáng kể, chị không hề quan tâm đến. Tuy thế, chúng tôi cũng cứ hỏi thêm vài câu nữa và biết chờ đợi thì sẽ đến lúc chị Lan đem ra cho xem các toa thuốc, các ống thuốc, các phái thuốc bắc v.v...,và rồi chị sẽ lần lượt tâm sự cho nghe chị ăn như thế nào, ngủ như thế nào, đờm của chị buổi sáng nó như thế nào mà buổi chiều màu nó ra sao, chị điều dưỡng như thế nào, và mỗi khi chị ăn nhầm một lát hành kho lộn với trứng thì tối ngủ « nó » bò khắp người chị như thế nào. Hãy cứ để chị Lan kể hơi dài một chút về chuyện đau lá phổi, rồi thì chúng tôi có thể hỏi mượn tạm vài trăm bạc hay một tạ gạo tạ củi khá dễ dàng. Bởi vậy có người như bà Tam nhà số tám mươi chín, nhanh nhẩu, cứ hễ bước chân đến cửa nhà chị Lan là đã thuận mồm cất tiếng la liền : « Thế nào ? Thế nào ? » trước khi nghĩ kịp một câu hỏi về sức khoẻ. Dần dần, vì bà ta nói nhanh quá, người ta chỉ nghe : « T... nào ? T... nào ? » Bà ta vừa đạp chân đến ngưỡng cửa nhà tám lăm là liền bật ra hai tiếng « nào ?.. nào ? »

Những công thức mở đầu câu chuyện như thế chúng tôi dùng như phải tuân theo một kỷ luật về sự giao thiệp trong khu phố. Những kẻ nào, nhập khu không tùy tục bao giờ cũng gặp sự thất bại, bởi vì ông Quách chỉ khi nào nói chuyện xây dựng trường ốc thì mới tươi lên, phấn khởi, vỗ đùi vỗ về, cười hỉ hả thân mật, pha trò, giễu cợt, đôi khi dám nói tục rất là vui vẻ, còn khi nào gặp phải một người khách lạ nêu lên một vấn đề khác tức thì ông trở nên cực kỳ khiêm tốn lễ phép, cứ trả lời từng câu ngắn và chăm pha trà mời khách mãi. Và hễ ông ta châm thêm trà liên tiếp, liếc mắt ngó luôn vào tách trà rồi nhìn trộm lên mặt khách, mời nước có hơi nhiều, đó tức thị là ông Quách đã sốt ruột ghê lắm, mong cho ông khách đứng dậy ra về. Còn chị Lan nhà tám lăm, nếu người khách vô

http://tieulun.hopto.org

tình không biết cách vào đề thường lệ thì dù bàn bạc bất cứ chuyện gì hình như chị cũng cứ có vẻ lơ đãng một chút, xem như câu chuyện vẫn chưa được thực sự bắt đầu và chị lo lắng chờ đợi lúc nó bắt đầu.

Tôi biết chắc trong khu phố chúng tôi không có một ai ra công nghiên cứu tính nết của nhau, ấy vậy mà hầu hết chúng tôi không bao giờ lầm đến nỗi trái ý nhau về những chuyện sơ đẳng như thế cả. Chúng tôi biết đối với người này phải dành câu vào đề này, đối với gia-đình kia phải hỏi câu kia v.v...; và mỗi khi có một gia-đình công chức mới đổi đến ngụ trong khu phố, chúng tôi chỉ bối rối ít lâu không biết nên «xếp loại» họ vào hạng nào, nhưng rồi đâu lại vào đó, lần lượt chúng tôi không ai bảo nhau mà đều dò ra cái câu mở đầu bí quyết. Tôi cho sự dò dẫm đó thuộc về bản năng. Tại làm sao mà phải dành cho chị Lan câu « Thế nào ? Thế nào ? », đó không phải do sự suy ngẫm, chẳng qua cũng giống như con tò vò không cần biết giải phẫu mà vẫn chích đúng vào cái chỗ làm cho con sâu tê liệt đi để nó cất giữ làm đồ ăn cho con nó về sau. Mỗi khi bà Tam số tám mươi chín kêu lên « nào ? nào ? » và trông thấy chị Lan tám lăm ngoẻo đầu cười đỏ bừng mặt lên ngay thì tôi lại không khỏi nghĩ đến phản ứng của con sâu bị chích đúng vào chỗ hiểm.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại sâu xa, và chiều hăm chín Tết năm Hợi, ngoài những buồn rầu linh tinh khác, tôi còn đâm ngờ rằng mình đã bị chích đúng vào chỗ hiểm yếu rồi. Bạn bè tôi không ai bảo ai và không biết bắt đầu từ lúc nào họ cùng đồng lòng xếp tôi vào hạng « người đi xa » : Ông Ba Hài là ông « kinh-tế khó khăn », ông Quách là người « xây-dựng trường », chị Lan là cô « yếu lá phổi », và tôi là « người đi xa » !

Nghĩ sâu xa như vậy xong tôi nghe mặt tôi bốc hơi nóng và mồ hôi ướm rịn ra ở chân tóc, trong lúc tôi tự nhắc đi nhắc lại liên hồi : « Có gì lố lịch đâu ? Ơ hay, có lố bịch gì đâu nào ? Nhảm quá ! Ai ? Ai dám bảo thế là buồn cười ? *Người đi xa* có gì đáng buồn cười ? »

Ấy, với tâm trạng như thế và với một lòng tin quyết vào khoa địa-lý của ông thánh Tả-Ao, tôi đón xuân năm Tý.

Lẽ dĩ nhiên những người gặp tôi vào ngày đầu năm cũng vội vàng hỏi : « Đi chứ ? Năm nay chắc thế nào cũng đi chứ ? Chúc may mắn nhé ! » Và lần này tôi liền gạt phăng : « Cám ơn, xin cám ơn. Nhưng chắc là tôi không đi đâu. Vâng, thưa ông tôi đã định ở mãi đây rồi ».

Người khách tròn mắt nhìn tôi, ngập ngừng một chút, rồi như cho rằng sự tìm hiểu lý-do không cần-thiết, vui vẻ tán thành tôi : « À, vâng, thế chứ. Anh cần gì đi đâu. Ơ đây khí-hậu tốt, sinh-hoạt dễ dàng, lại đang quen nhau vui vẻ thế này... Tôi cho anh ở lại là phải nhất. Tại sao lại đi? »

★

http://tieulun.hopto.org

Ở ! mà tại sao lại đi ? Cũng may là trong ba bốn năm nay tôi chỉ gặp những người thực vồn-vã, gặp nhau là săn-sóc ngay đến ý-định đi xa, hỏi ngay đến chuyện đi xa của tôi, nhưng mà họ chỉ chú-ý một cách vừa phải để có câu vào để cuộc chuyện trò mà thôi. Nếu họ đi quá mức chú-ý đó một tí, nếu có người nhất định hỏi cho ra lý-do tại sao lại muốn đi thì tôi sẽ hết sức lúng-túng.

Phải chi trước đây mười lăm năm, hồi tiền chiến, thì tôi chỉ cần trả lời ấm ớ ; « Tại sao ? Cũng không biết tại sao, Có lẽ tại cái tính nó thế, tôi không hạp với chốn quê hương, không sống được ở quê hương », thì chắc thế nào cũng có kẻ thông thạo mách liền : « Thế thì cậu khám lại xem : tính giang-hồ đó mà, trong người cậu có chất nghệ-sĩ rồi đấy. Triệu chứng nghệ-sĩ lớn đấy ! »

Nhưng nước chảy qua cầu đã nhiều rồi, một cái tính dở hơi như vậy bây giờ không thành ra một triệu chứng gì nữa cả.

Thành phố của tôi buồn lắm chăng, chán lắm chăng ? — Lại càng không phải nữa. Q.N. có người làm nghề văn-sĩ. Và một lần ông ta đã viết một áng văn kiểm điểm hoạt động xây dựng thành phố để gửi đăng vào nhật báo ở thủ-đô. Tác-phẩm bắt đầu:

« Trải qua mười năm khói lửa, dưới ách thống trị của cộng-sản bạo tàn, nhơn dân N.Q. bị dày xéo quằn quại đau thương... Ngày nay dưới ánh sáng huy hoàng rực rỡ của chính thể Cộng-Hòa Q.N. vươn mình sống dậy... N.Q. tô màu tươi thắm... »

Chúng tôi mách nhau, tìm mua tờ báo để chuyền nhau xem. Và trong thâm tâm chúng tôi đều cảm thấy rõ ràng là văn-chương đã nói giùm nỗi lòng thầm kín của người đời, bởi vì từ bao lâu nay có ai trong chúng tôi có sáng kiến mường tượng ra một ý kiến nào khác hơn đâu ?

Trong thâm tâm tôi vẫn tin rằng dù có đi đến đâu tôi cũng không thể tìm thấy một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống ở N.Q. từ khi nó vươn mình sống dậy. Ở đây chúng tôi quây quần bên nhau trong một bầu không khí hiểu biết thân mật không thể có ở những thành phố lớn.

Thành-phố tô màu tươi thắm chưa có đèn điện. Tất cả con đường phố chúng tôi tối tối có ba nhà thường thắp đèn măng-sông : hai tiệm bán tạp-hóa và một nhà công-chức đông con. Tuy là mở tiệm nhưng ban đêm chẳng bán gì được bao nhiêu, cô con gái ông Hoa-lan đem quần áo ra ngồi vừa trông hàng vừa may vá. Có khi cô ta gọi đứa em ra dạy cho nó làm toán, và khách hàng bước vào thỉnh thoảng bắt gặp cô đang kéo tai đứa em nhè nhẹ.

Các nhà lân cận thường đem trẻ đến chơi trước hè nhà Hoa-lan, dưới ánh đèn măng-sông. Những người lớn đứng đắn như bà Tam nhà số tám mươi chín thì ẵm con vào thẳng trong tiệm. Trong khi bà Tam ngồi chuyện trò với cô con gái ông Hoa-lan thì đứa nhỏ mười lăm tháng chạy xung quanh các tủ kiếng. Một lát thế nào đứa nhỏ cũng ngồi xuống tiểu tiện một vũng giữa hiệu tạp-hóa, xong rồi, nó đứng lên kêu : « Ái...í » bằng một giọng trong trẻo và nhọn hoắt. Bà Tam và cô con gái Hoa-lan quay lại

http://tieulun.hopto.org

cười rộ lên. Lần nào bà Tam cũng la : « Chết chưa, con gái tôi hư thế ! » Rồi chạy lại một tay đỡ ngang bụng nó bế áp vào lòng, tay khác bụm lại vỗ bộp bộp vào mông nó mấy cái, xong bồng nó đặt ra chỗ khác để quay lại lau nước tiểu. Cô Hoa-lan nói : « Không sao, thưa bác không hề gì ! Hì hì... » Cô ta bước lại chỗ đứa bé ; ngồi xuống vỗ vào hai bên má nó, nựng nịu như mới vừa trông thấy nó và tìm ra một vẻ dễ thương đặc-biệt, trong khi mắt cô ta liếc coi chừng bà Tam đang lau nền nhà.

Đêm nào vui vẻ bà Tam ở lại hiệu Hoa-lan chơi hơi lâu, và lau hai vũng nước tiểu.

Tất cả ba nhà thắp đèn măng-sông đều bị cái nạn trẻ con tập trung đến giỡn la ồn ào trước hè. Toàn là con cái của những gia-đình quen nhau trong khu phố, nên chủ nhà ai cũng phải chịu đựng không đuổi chúng đi nổi. Và ai cũng phàn nàn. Mỗi gia-đình có một ngôn-ngữ riêng. Ông Hoa-lan là một ông cụ già ở thôn quê vừa mới theo con cháu đến thành phố thuê nhà mua bán, khi trẻ con làm ồn quá ông cụ đang làm việc chợt ngừng lại lắng tai nghe một tí, hình như chuyện trẻ ồn lúc nào đối với ông cũng mới mẻ đáng chú ý cần thận, nghe xong nếu có người nào gần đó ông cụ nói bằng cái giọng bình tĩnh và quan-trọng như bình-luận thời-cuộc : « Trẻ hươu nó ngầy ngà quá ! » Tuy vậy, nghe xong nên hiểu đó là một tiếng than thở. Nếu không ta sẽ không thể « thông cảm » vì sao mà ông cụ Hoa-lan cứ ân hận mãi về chuyện bỏ quê xuống phố : ở nhà quê vườn rộng rãi hơn, trẻ *hươu* ít ồn lại *ngầy ngà*.

Bà Thái-hưng còn trẻ lắm. Bà không giận tiếng ồn đến nỗi muốn đi về quê. Nhưng lúc nào bà đang tiếp chuyện với khách mà lũ trẻ la giỡn rộn quá, bà đuổi vài lần không được, liền cười xí xóa tự chế giễu sự bất lực của mình, và có khi bà đem ngay sự quấy rầy đó ra làm đầu đề câu chuyện hiến cho khách khiến người ta có cảm tưởng rằng trong lối « tương kế tựu kế » của bà có một sự rộng lượng đẹp đẽ. Bà kể lại những việc lũ trẻ ném banh vào tiệm làm bể kiếng, đuổi nhau chạy đâm đầu vào bụng ông khách vừa ở trong tiệm bước ra v.v...; rồi kết luận : « Các ông tướng ấy hoang không tưởng tượng được ! » Và bà ta nhắm mắt lại một tí như cố gắng tưởng tượng. Những người khách đàn ông tinh khôn đón nhìn lúc bà mở mắt ra để hứng rước ngay lấy sự vui vẻ ánh lên trong đôi mắt rất xinh của bà Thái-hưng.

Cô Thu nhà số bảy mươi tư trách đàn em đông đảo của mình : « Lúc nào chúng nó cũng ô-ô... ôn... ồn... rứa tê ! », vừa nói vừa nghẻo đầu nheo mắt lại diễn tả sự khó chịu, và người nghe ai cũng tin rằng lũ em cô Thu ồn ghê gớm lắm, cũng như khi nghe cô ta bảo : « Miếng thịt bò da... dai... i... rứa tê ! » người ta thấy ngay một cái dai đặc biệt, và khi cô ta kêu : « Chờ lâ... lâu... u rứa tê » thì người ta tưởng thấy hàng thế kỷ dắt díu nhau trôi qua.

http://tieulun.hopto.org

Chúng tôi ở trong khu phố hiểu biết ngôn ngữ của từng gia-đình như thế, và mỗi khi nghe một câu nói chúng tôi thấy hiện ra một cảnh sinh hoạt riêng. Đối với người ngoài cuộc, đó đều là những câu đồng nghĩa, có thể vô tình dùng lẫn lộn không có gì tai hại cả : « trẻ hươu ngầy ngà », hoặc « hoang không tưởng tượng », hoặc « ỏn rứa tê ». Nhưng đối với chúng tôi

mỗi một câu gợi lên một hình ảnh khác nhau, một bầu không khí hoàn toàn khác nhau. Những cá tính của nó, chúng tôi không lẫn lộn được, cũng như những người chơi phong lan dạo giữa hàng trăm thứ lan khác nhau có cái thú phân biệt và gọi tên từng giống một.

Mỗi lần một gia-đình nào trong khu phố toan thay đổi nếp sống, hoặc là đang tần tiện làm ăn bỗng tập tò sắm xe, đánh bạc, hoặc là đang mê hát cải-lương bỗng thích xem chiếu bóng, hoặc đang là người lương bỗng xin rửa tội đi đạo, cả phố đều giật mình theo dõi hiện tượng đó với một thái-độ dè dặt e ngại, như là một triệu chứng bất thường, khó hiểu. Rồi chúng tôi bàn tán thì thầm để tìm ra lý-do sự biến đổi ấy, như tất cả đều có nhiệm-vụ giải thích cho nhau. Từng người một tuồng như cũng được canh giữ ràng buộc để khỏi bước chệch ra ngoài cách sống bình thường đã được công nhận làm cách sống chính-thức của mình. Đôi khi tôi có cảm-tưởng như một chi-tiết nhỏ nào khác thường cũng không thể lọt qua con mắt canh giữ của khu phố. Chẳng hạn một buổi chiều bà Tam số tám mươi chín vội vàng tìm gặp chị Lan số tám lăm đến nỗi quên hỏi « nào ? nào ? » mà vừa bụm miệng cười vừa nói ngay :

— Trời ! Lại đây .. nói cái này cho nghe. Hồi trưa... bà số sáu lăm...

Tức thì chị Lan đã phá ra cười, mặt mũi đỏ bừng lên như vô cùng thẹn thùng, và vội vã phất tay từ trên xuống dưới hai ba cái liên-tiếp như xếp ga ra hiệu cờ tốp xe lại :

— Khi, khi ! Thôi đi ! Biết rồi !

Mà chị Lan biết rồi thực. Và gần hết đàn bà cả dãy phố đều biết là bà số sáu lăm đã già, răng đen, mà tự dưng không biết bắt chước ai, bỗng may mặc một bộ đồ rất mỏng, áo có thêu hoa trước ngực.

Vợ chồng ông Quách không hay qua lại lui tới những nhà láng diềng. Họ là những người thực thà ngay thẳng đến nỗi không tưởng tượng nổi có thể đến nhà kẻ khác ngồi nửa giờ đồng hồ mà không có lý-do gì cần thiết. Trong một cuộc viếng thăm không có « nội-dung rõ rệt » như thế ông Quách cứ áy náy không

http://tieulun.hopto.org

yên, tự lấy làm trơ trẽn, không sao ngồi nán lại được lâu. Tuy vậy hàng ngày, những lúc rảnh, ông Quách đứng phía trong cửa kính nhìn ra, và bằng cách riêng như thế ông ta cũng theo dõi được sự hoạt-động của khu phố gần như không kém các gia-đình khác bao nhiêu.

Đối-tượng quan-sát trọng-yếu nhất của ông ta là gia-đình anh Chín Ngàn, thợ sửa xe đạp ở ngay trước mặt nhà ông ta. Một hôm ông Quách hỏi vợ trong câu chuyện giữa bữa cơm :

— Ông cụ già giữ trẻ em đó hình như ho lao ?

— Giữ trẻ em ở đâu ?

— Nhà anh Chín ấy mà.

Bà Quách kể ngay một hơi :

— Á ! Cha vợ anh Chín Ngàn đấy. Cha vợ theo ở với chàng rể. Già cả, ho thế, mùa lạnh không có cái áo ấm để mặc mà phải giữ cháu suốt ngày, có thấy chữa chạy thuốc men gì đâu.

— Anh xem hình như ông ta ho lao, coi chừng đấy.

Bà Quách cười khách khách :

— Hỏi chị Chín, chị ấy nói ông ta ghiền rượu, uống to lắm, bắt buộc bỏ rượu nên phát ho. Dễ dàng vậy thôi. Ho rượu đấy.

Và vợ chồng ông Quách cười ngặt nghẽo. Ông Quách vừa và cơm vừa nghĩ không biết vợ mình theo dõi cuộc sống ở gia-đình Chín Ngàn lúc nào. Ông ta không để ý rằng ngày hai buổi lúc ông đến trường thì bà Quách có chán thì giờ để tìm hiểu về cha vợ anh Chín Ngàn. Và ngoài cách nup sau cửa kính, bà Quách còn tiếp xúc với nhiều người gặp nhau ở chợ nữa.

Hai vợ chồng ông Quách bàn tán mãi về bệnh ho của ông cụ già trước mặt nhà, cho đến một hôm ông Quách hỏi vợ :

— Đêm qua hình như ông cụ ấy bớt ho, em có để ý không?

Bà Quách lần nào cũng tỏ ra thạo hơn:

— Bớt nhiều, đã hai bữa rồi chớ.

— Có thuốc men gì không ?

— Không.

— Lạ chưa. Sao vậy hè ? Hay là ho rượu thật ?

Hai vợ chồng xòa ra cười. Có lẽ trong lúc ấy thì bên nhà anh Chín Ngàn chưa ai kịp để ý là bệnh ho của ông cụ đã thuyên giảm.

Cũng qua các khung cửa kính dóng kín, trong mùa lụt vừa rồi vợ chồng ông Quách lặng lẽ theo dõi cảnh vườn nhà số sáu mươi bảy. Trong tuần lễ đầu tiên ông Quách đếm ngã ba cây đu đủ. Nước lụt ngừng lại vài ngày, rồi trời lại mưa. Ông sáu mươi bảy, mỗi buổi sáng thức dậy để tóc bù xù, vội ra đứng sau hè, bưng ly nước súc miệng trên tay nhìn mực nước vừa dâng lên một bậc trong đêm qua, bàn

http://tieulun.hopto.org

bạc chi chỏ với vợ. Và khi ông đi làm thì bà sáu mươi bảy thi hành kế hoạch cứu đu đủ. Bà với mấy đứa con xúm nhau chí-choé huyên-thiên cuốc đất vun thêm vào gốc cây, đắp bờ ngăn chận nước lụt. Rồi vài ngày sau một cây đu đủ nữa xũ lá. Sáng ra vợ chồng ông sáu mươi bảy đứng trên hè hoa tay bàn soạn náo nhiệt. Rồi lại đến đàn con loé choé. Cuối tuần thứ nhì thì đã có tám cây trong tổng số chín cây đu đủ trong vườn ngã xuống nước lụt. Cuộc chống cự của gia-đình số sáu mươi bảy để cứu lấy cây cuối cùng thực là gay cấn hào hứng. Trời dứt mưa bốn ngày, rồi trở lại mưa. Đến cuối tuần lễ thứ ba cây đu đủ thứ chín vẫn đứng vững. Trời mưa cầm chừng, nước không lên cao nữa, vài ngày như thế rồi bừng lên nắng. Trưa hôm đó ông Quách đi dạy về vừa thay đồ vừa liếc mắt nhìn qua cửa kính, ông tỏ vẻ kinh ngạc rồi bật cười. Bà Quách quay lại trông thoáng qua mặt ông, cũng cười theo. Ông hỏi :

— Em cười chuyện gì ?

— Cười chuyện anh cười ấy.

— Anh cười chuyện gì ?

— Chuyện gì anh biết lấy, sao lại hỏi em ?... Đố anh tại sao em biết ? Tài chưa ?

— Đã chắc gì tài ? Nói xem có đúng không nào.

— Cây đu đủ bên nhà số sáu mươi bảy chớ gì !

Đúng ! Vợ chồng ông Quách lại cười xòa lần nữa, thích chí, tự thấy mình sống giữa hạnh-phúc. Và vợ chồng cùng bước lại đứng bên trong cửa sổ nhìn sang cây đu đủ mới ban sáng còn tươi tốt tự nhiên quịt lá xuống gần hết. Ông Quách nói :

— Không chừng nó sống lại nổi.

Bà lườm ông, bĩu môi, rồi nhoẻn cười, khinh thị. Ông cãi :

— Ủa ! không thấy trời nắng sao, đất khô nó gượng lại chớ.

— Anh chờ đó mà xem nó gượng lại. Em nói nó thối hết rễ rồi, mai ngã cho coi.

Kể đến đây tôi biết những người không hay thông-cảm dễ dàng sẽ ngạc-nhiên kêu lên : « Trời ơi ! Thành-phố tô màu tươi thắm chỉ có chừng ấy thú vui để cho người ta quyến-luyến sao ? » Quả thật là tôi thiếu sót rất nhiều, tôi không biết giới-thiệu thành-phố tôi về những phương-diện mà người ta thường hay giới thiệu khoe khoang để đề-cao giá-trị của nó. Ong cụ Hoa lan tuy chán phố xá là thế mà mỗi khi có người quen ở quê ra thăm ông cũng mặc áo dài, mang xăng-đan vào, đưa khách đi dạo một vòng khắp các đường để trông thấy sự văn minh. Đến trước mỗi một nhà lầu cao, một công sở lớn đang xây cất ông cụ đứng lại một chút để cho người khách có thì-giờ ngắm xem « thỏa thích », và về đến nhà ông cụ thở ra một hơi mạnh để tỏ rõ sự mỏi mệt, rồi vừa cười vừa liếc trông chừng khách, trong hai mắt nhấp nhánh một ánh vui tinh nghịch ngây thơ, tuồng như muốn bảo : « Muốn xem thì cho xem. Đã choáng mắt chưa, đã mê mệt chưa nào ! » Ở đây ai nấy đều biết kiêu-hãnh về thành-phố mình, và có thể cắt nghĩa, đoan chắc với khách các nơi rằng đến một ngày nào gần đây thì thành-phố mình có điện : « Cứ xem lề đường sửa soạn như thế này, thông-cáo đòi lui nhà như thế kia, nhà thầu nọ nói chuyện tại nhà ông X, ông chủ-sự

http://tieulun.hopto.org

kia nói chuyện với ông bạn Y v.v... », bao nhiêu là bằng cớ chắc-chắn tới tấp báo hiệu. Dân chúng ở đây họ đã quen trông qua một vầng hồng ở ngoài rìa đám mây, quen nghe một khí lạnh chút xíu trong hơi gió chẳng hạn mà có thể tiên đoán nổi mưa gió bão-tố, lắm một chút là ghe chài bị chìm, tiêu-tan cơ-nghiệp, họ tài tình như thế cho nên có ai dám ngờ rằng khi họ thu-thập đầy đủ tài liệu mà họ lại đoán sai việc điện đỏ trong thành phố ?

Quả thật thành phố tôi có rất nhiều chỗ để lấy làm hành-diện mà tôi bỏ thiếu sót. Ấy là vì tôi nghĩ người ta không quyến-luyến riêng một nơi vì những nhà hát và đèn điện của nó, bởi những cái đó thuộc về của chung, không làm thành cá tính của thành phố nào. Và lại — người ta không trông thấy đó sao? — làm cho đôi vợ chồng trẻ ông Quách nhiều lần được sống trong hạnh-phúc đậm-đà chẳng phải chỉ là chín cây đu-đủ nhà số sáu mươi bảy và cơn ho rượu của nhạc phụ anh Chín Ngàn đó sao?

Riêng tôi, dù về sau — vào một năm Tí năm Sửu nào đó rất thuận lợi cho việc đi xa — tôi có được đi sống ở một nơi lộng-lẫy đến bậc nào, tôi đinh ninh rằng cứ trưa trưa vào khoảng mười hai giờ, giữa giấc ngủ, tai tôi cũng sẽ mơ-màng luyến tiếc tiếng giảng toán của bà Ní Nà như luyến tiếc một trong những âm-thanh quen thuộc vẫn góp tạo thành khung cảnh riêng biệt của cuộc sống êm ấm của mình trong nhiều năm qua.

Bà Ní Nà ở sát cạnh nhà tôi. Bà ta không có con, nhưng nuôi một đứa cháu gái nhỏ mà ông chồng công-chức khai làm con để lãnh lương. Đứa bé suốt ngày làm việc quần-quật. Nó chỉ được hưởng sự săn sóc thương yêu vào lúc đúng ngọ. Bà láng diềng của tôi dạy con vào giờ đó. Bà la oang oang vang cả xóm ; nếu có một ngươi Thừa Cung muốn học, anh ta khỏi thập thò đến cửa trường mà cứ nằm khểnh ở cuối phố cũng có thể thụ giáo được. Duy có điều anh ta sẽ học được nhiều tiếng chửi bới hơn là chữ nghĩa. Bà quát mắng con bé, tát nó, đánh nó bằng cán chổi, cán dao, và những lúc giận quá bà ta rên rỉ, rít lên, kêu trời thảm thiết về sự ngu ngốc dị thường của nó. Bởi đó mà giấc ngủ trưa của tôi thường chập chờn nhiều cơn mộng mị hung dữ. Một hôm, bà láng diềng giảng đi giảng lại một bài tính đố cho con bé và đọc chậm rải rành rọt nhiều lần cho nó chép ; « Bà *ní* đi chợ số tiền *nà*... ». Chính vì bà ta đọc rành rọt quá mà khiến nhiều người ghi nhớ. Buổi tối cô Thu tới hiệu Hoa lan trông thấy cô con gái ông Hoa lan đang dạy em làm tính, cô Thu hạ giọng xuống đọc từng tiếng : « Bà... *ní*... đi... chợ... số... tiền .. *nà*... » Cách giễu cợt đó truyền rộng ra và bà láng diềng tôi thành ra bà Ní Nà. Tuy thế cuộc sống bên nhà bà láng diềng cũng không có gì bi đát quá. Em cháu bé sợ bà Ní Nà len lét, nhưng thỉnh thoảng, khi bà đi vắng, một mình nó ở nhà, nó dạo vườn rỉ rén cất tiếng hát, tập múa chờn vờn như con mèo múa giỡn dưới một tia nắng ấm, nó đem gương lược ra, vã nước lên đầu, chải và vuốt ve mái tóc, tưởng không mấy ai biết thưởng thức sự thanh nhàn đầy đủ bằng nó. Và bà Ní Nà thì vẫn thường tỏ ra trong tâm hồn có thừa đức từ ái. Mỗi ngày rằm và mồng một bà ta đều có ăn chay, đi chùa. Bà ta nuôi nhiều mèo, và

http://tieulun.hopto.org

mỗi bữa ăn bà xới cơm vào chén, chan canh gắp cá, gọi từng con lại cho chúng nó ăn. Bà vả nhẹ vào cái mũi đỏ hồng hồng của con này, cốc nhẹ lên đầu con kia, bắt con nọ lên vạch tai ra mắng yêu. Nhiều lần nghe bà Ní Nà mắng dạy : « Mày hỗn lắm nhá ! Này, cốc một cái cho chừa ! Mày kén ăn lắm nhá, nhá ! », tôi hé cửa sổ nhìn trộm sang nhà láng diềng mới biết rằng sự âu yếm đó hướng vào hai con mèo vá và một con mèo mướp.

Những tiếng quát tháo ấy, cũng như những tiếng nựng nịu ấy len vào cuộc sống khu phố chúng tôi. Chúng tôi sẽ nhớ nó cũng như người dân biển nhớ mùi nước mặn phả trong không khí. Như vậy sao lại không thể kể được làm những nét khả ái của một «thành phố vươn mình». Nhất là những nét khả ái trong cuộc sống của vài ba mươi gia-đình trong khu phố này chúng nó quấn quít ràng rịt lấy nhau, quyến luyến nhau : giọng giảng toán của bà Ní Nà với tiếng trẻ *hướu ngầy ngà* trước nhà ông Hoa-lan, cơn ho rượu nhà Chín Ngàn với cái áo thêu hoa của bà số sáu lăm, tình hình kinh-tế khó khăn của ông Ba Hài với cái mộng xây dựng trường ốc của ông Quách v.v... cái này quan-hệ mật thiết với cái kia, bấy nhiêu yếu tố hợp lại làm ra nếp sống êm đẹp thân yêu của một thành phố vươn mình, trải từ năm Dậu qua năm Tuất, đến năm Hợi, năm Tý, năm Sửu và mãi mãi.

Tại làm sao đang sống trong sự êm đẹp ấy tôi lại vùng có ý ra đi ? Thật tôi chỉ biết kêu trời như bà Ní Nà về sự ngu ngốc dị thường của mình mà chẳng biết trả lời sao cho rành rẽ.

*

Vậy thì một ngày đầu xuân năm Tý tôi bức rức ân hận về những toan tính không có lý do rành rẽ của mình và lấy làm nghĩ ngợi về sức hấp dẫn lâu bền của một thành phố hình quả tim. Một mình tôi, tôi thơ thẩn ra nằm phơi giữa bãi cát dưới chân Gành R.

Tuy có nắng, trời vẫn còn se se lạnh. Gió thổi mạnh. Vài chiếc ghe neo bên bờ lắc la lắc lư quơ quất những cột buồm và trục buồm trên một mặt biển dục ngàu suốt ngày. Và những đám cỏ chông chông màu mốc, đám lá muống biển xanh dờn, những hoa muống biển tím đậm rung rinh trên bãi. Mấy con còng nhẹ phới chạy lướt trên mặt cát như cái lá keo tây khô bay nhanh, hoặc rụt rè ló ra khỏi miệng hang, ôm một viên cát mới vê tròn, ngập ngừng nhìn trước ngó sau cần tắc, tiến lần ra cách hang một quãng xa, quăng mạnh một cái rồi chạy vụt trở lại. Gió thổi, cát văng lắc

http://tieulun.hopto.org

rắc vào quyển sách kê dưới đầu... và lần lượt bốn năm năm kỷ-niệm sống ở N.Q. diễn ra trong đầu tôi.

Bốn năm năm kỷ niệm : một phần sáu cuộc đời rồi đó chứ phải ít sao ! Kể từ cỡ mười tám đôi mươi trở lên đến năm mươi tuổi là quãng đời người ta có đủ trí khôn và còn đủ sức khoẻ để sống với đời, nếu cứ ước độ năm năm được đổi chỗ ở một lần thì suốt một đời tôi sẽ được mục kích thêm năm khung cảnh sinh hoạt nữa, cộng vào với cảnh sinh hoạt của thành phố N.Q. tô màu tươi thắm ! Và như vậy là tất cả một đời người, tất cả những gì một người có thể thấy được về cuộc sống nhiệm mầu muôn vẻ trên cõi thế gian !

Nghĩ đi nghĩ lại, như vậy tại sao tôi chẳng quí mến thêm nữa năm năm kỷ-niệm ở N.Q. Một phần sáu đời tôi ! Tôi ngửa mặt nhìn trời, tai nghe tiếng sóng bể vỗ mạnh vào chân gành, nằm hồi tưởng lại một phần sáu cuộc đời mình : tiếng xe nhà binh ngày ngày qua khỏi cái ngã tư đầu phố rồ ga mạnh ngay trước nhà tôi để lên số, tia sáng vui vẻ ánh lên trong hai mắt bà Thái-hưng lúc bà nhắm mắt lại tưởng tượng rồi chợt mở ra thình lình, bệnh yếu phổi kéo dài từ năm nọ đến năm kia của chị Lan cùng tất cả những thức ăn để tẩm bổ của chị, những cuộc mít - tin và vị đại-biểu *nhơn* dân các giới, cô Thu và cách nói nhấn mạnh kéo dài ở chữ quan-trọng, những con mèo lớn mèo bé của bà Ní Nà v.v... Tất cả những cái đó họp lại thành một phần sáu cuộc đời mình, từng chi-tiết một chúng hiện đến như kéo nhau kiêu-hãnh thao-diễn qua ký-ức tôi. Từng chi-tiết một, chúng đối với tôi thành thân thiết quá, quen thuộc quá, thực không còn có gì quen thuộc hơn được nữa, quen như màu ánh sáng mỗi sớm chiếu trên nửa bức tường trước nhà và mỗi chiều dọi lên nửa tấm cửa lá sách sau nhà của tôi. Và chính sự quen thuộc ấy làm cho tôi bỗng sinh ra một cảm-giác sợ hãi.

Tôi tự trấn tĩnh : « Ơ kìa ! có gì mà sợ hãi ? Tất cả đó là sự sống nó đang *vươn mình* đó mà. Có gì đáng sợ hãi đâu ? ». Tuy thế mà trong lòng tôi vẫn cứ còn một cảm-tưởng hoang mang thất lạc. Tuồng như cuộc sống dù là lúc nó đang *vươn mình* cũng không nên nhìn gần nó quá, nhìn gần quá đáng sẽ có một kết quả bất lợi. Cũng như nét mặt người yêu trông nhí nhảnh tươi tắn là thế, mà khi ta ghì chặt, cúi áp mặt ta xuống quá gần một người yêu đến nỗi từng sợi lông măng trên mép cũng thấy lởm chởm, từng vết mụn đen, từng cái lông mũi cũng nổi bật rõ ràng trước mắt thì vẻ nhí nhảnh mất đi, cả khuôn mặt mất đi, chỉ còn lại những chi-tiết ngớ ngẩn. Ta không ngờ lỗ chân lông lại to đến bậc đó, những đường nứt nẻ trên môi lại thô đến thế, sợi gân xanh trên trán lại lớn, những gân máu đỏ ở khoé mắt lại dễ sợ như thế.

Ta sẽ ngạc nhiên, lạ lùng, bỡ-ngỡ, chẳng còn tìm đâu ra cái duyên mặn-mà thân yêu nữa.

Phải rồi, đá nhiều lần giữa giòng sinh-hoạt đều đều tiếp diễn tôi đã bất chợt gặp cái cảm-giác bỡ-ngỡ ấy, nhưng rồi giòng sinh-hoạt lại trôi xóa đi. Trưa hôm mồng một tết, tôi đến trước nhà ông Ba Hài, thấy cửa sắt đóng, tôi ngần-ngừ không biết có nên gọi chăng, vừa

http://tieulun.hopto.org

đặt hai tay lên hai thanh cửa sắt nhìn vào thì chiếc đồng hồ treo tường hiệu ODO vừa thong-thả đánh bốn hồi chuông trầm bổng rồi đồ mười tiếng, dư-âm ngân nga trong gian nhà vắng-vẻ mát rợi. Một luồng gió thổi phất nhẹ-nhàng một chéo áo dài treo ở cái mắc gần cửa thông ra sân sau. Khuất sau bức vách, một người dàn bà ngồi chỉ để ló ra nửa cái lưng, vừa nghểnh đầu cao lên, ngửa cổ, há miệng lè ra một điếu thuốc lớn dán trên lưỡi, nheo mắt lại vừa để tránh khói thuốc vừa để nhìn một cái gì giơ khuất bức vách mà tôi chắc-chắn là những quân bài đang xòe ra. Bất giác một cảm-tưởng buồn rầu bỡ-ngỡ xâm chiếm tôi. Tôi không gọi cửa, quay ra đường đi ngay, vì sực nhớ rằng hôm nay ông Ba Hài thế nào cũng vắng nhà. Cũng như năm ngoái, cũng như năm kia, cứ gần trưa mồng một tôi lại đến chúc tết ông Ba Hài và lại được biết ông Ba Hài về quê — (ở nhà ông chỉ còn mấy người đàn bà xúm nhau đánh bạc) — đến chiều mồng hai ông mới trở ra phố. Chương-trình của tôi và chương-trình sinh sống của ông Ba Hài trong ba bốn năm rồi vẫn không thay đổi. Tiếng ngân-nga của một cái chuông đồng hồ treo tường trong gian nhà vắng làm cho tôi chợt ngỡ-ngàng trước sự đều-đặn phi thường kinh lạ của đời sống chúng tôi.

Và đến chiều mồng ba tết, sau khi kiểm-điểm lại thấy sót, tôi vội vàng đi thăm gia-đình ông cụ Ngà nhà số tám mươi. Ông cụ đã tưởng hết khách, cởi áo dài ra, thấy tôi vào lật đật núp sau cái tủ dùng thay vách ngăn mặc áo lại. Tôi với ông cụ Ngà cùng ở một con đường, cách nhau không tới vài trăm thước, nhưng gần suốt năm không có việc gì đến nhà nhau, tuy vậy chuyện nhà người này vẫn đến tai người kia luôn luôn. Ông cụ Ngà mời khách một chén trà, rồi sau những câu chúc tụng, ông cụ có cái may mắn tìm ra một đề-tài để nói chuyện nhanh hơn tôi. Ông cụ nêu lên chuyện chơi hụi và gạt hụi, ông lấy làm tiếc làm sao một việc có quan-hệ đến đời sống của dân như thế mà chính-phủ không đặt ra pháp-luật nghiêm-minh, làm sao sao vẫn để cho thỉnh thoảng ở khu phố này có người gạt hụi rồi ở khu phố kia lại có người gạt hụi mà không xử tù họ, không giam họ lại, không phạt cấm cố khổ sai họ, cho dân lành yên tâm làm ăn. Ông cụ Ngà là một dân lành, chuyên môn chơi hụi. Ông căm giận lũ người gạt hụi,

« Móng chân chim hồng in trên tuyết »

Người khách viễn-du tình cờ ghi dấu vết của mình lại ở nơi tha-phương được người Trung-Hoa tả bằng một hình ảnh rất đẹp và rất nên thơ : *«tuyết nê hồng trảo»*, móng chân chim hồng in vào giữa vũng tuyết, chim bay đi rồi mà dấu chân vẫn còn vết lại.

http://tieulun.hopto.org

BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA ĐÓN COI :

MAI,

★ TẠP-CHÍ CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU MẾN VĂN-NGHỆ VÀ XÂY-DỰNG XÃ-HỘI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ CỦA TẤT CẢ CÁC BẠN ĐỌC **BÁCH-KHOA** DO NHỮNG CÂY BÚT ĐÃ TỪNG ĐƯỢC BẠN ĐỌC TIN-YÊU CHỦ-TRƯƠNG, HỢP TÁC CÙNG MỘT SỐ LỚN CÁC CÂY BÚT TƯƠI-TRẺ, ĐỘC-ĐÁO MÀ BẠN HẰNG MONG ĐỢI.

MAI,

★ TẠP-CHÍ TỔ-CHỨC THEO MỘT THỂ-TÀI HOÀN-TOÀN MỚI MẺ, SẼ RA MẮT BẠN ĐỌC VÀO THÁNG **6-1960.**

và ông đã tìm đến các vị dân-biểu xin đặt ra luật bỏ tù lũ đó nhiều lần. Thế mà ông không được toại nguyện. Năm Thân, năm Dậu, rồi năm Tuất, năm Hợi, năm Tý... mỗi năm tôi gặp ông cụ Ngà một lần, mỗi lần chủ khách mừng rỡ gặp nhau ông cụ Ngà lại đưa câu chuyện chơi hụi ra nói với tôi như phân trần, như kêu gọi, như nài nỉ thiết tha (tuy tôi cũng chỉ là một dân lành mà thôi).

Ấy, nội trong mấy ngày đầu năm, tôi đã mấy lần bỡ ngỡ về một cảnh sống mà mình nhìn quá gần. Có lẽ trong cơn cảm hứng nhà văn ngồi ở phòng văn nhìn ra thành phố thấy cuộc sống vươn mình có quang cảnh huy hoàng khác hẳn, những khi tôi quanh quẩn hết năm này sang năm khác bên cạnh từng cảnh sinh-hoạt của mỗi gia-đình thì chẳng còn đâu là quang cảnh huy hoàng, mà thỉnh thoảng lại đụng đầu với một sự lần thần nó toan gợi lên tính cách nghèo nàn tiêu điều của cuộc đời ! Tôi hoảng hốt kinh hoàng tự nhủ : « Ối ! Ối ! Cuộc sống nó vươn mình như thế đó sao ? »

Những phút kinh hoàng như thế rồi lại qua đi, tự xóa đi. Bước ra khỏi nhà ông cụ Ngà hay ông Ba Hài, nghe một hơi gió bề thổi mát, nghe năm ba tiếng chuông xe đạp vang lên rối rít ở đầu phố, trông thấy thằng bé cầm mớ bong bóng cao-su đỏ xanh đi bán dạo v.v... rồi tôi lại nhẹ dạ quên tất cả, lại hòa mình lẫn vào cái giòng sinh hoạt bình thường của khu phố. Cho đến một ngày đầu xuân nàng nằm một mình dưới chân Gành R., kiểm điểm lại những giá-trị hoạt-động của một phần sáu đời mình, tôi lại nghe vang lên tiếng ngân nga trong trẻo của chiếc đồng hồ ODO trong gian

http://tieulun.hopto.org

nhà mát mẻ ông Ba Hài mà tưởng như là nó vang lên trong sự trống rỗng buồn tẻ của cuộc đời mình vậy.

Phải chăng tuy không có lý-do rành rẽ mà chính tiếng chuông đó là tiếng chuông dục tôi muốn đi ?

*

Trong cách thành phố không bao xa mà Gành R. thật là vắng vẻ. Không có khách nào lên đây hoặc dạo chơi hoặc tắm, thuyền nghề ở đây rất ít. Suốt một dãi bờ cát dài le te chỉ có một vài người câu cá ong đội cái mũ da cũ sụp xuống mặt đứng như câm hàng giờ bên mép nước. Và nước bể đập lên bãi cát, bọt nước bò vào như những ngón tay trắng phếu mò lần tới rất nhanh trên bãi.

Dưới chân gành sóng đập vào đó tung cao lên hai ba thước bọt trắng xóa, phơi phới như bông, tỏa ra rồi hạ xuống trên cái mặt nước luôn luôn nổi bọt chao đi chao lại rập rềnh bao quanh những hòn đá nổi.

Trên sườn núi đầu gành bông lau trắng lung lay lung lay. Len lách trong lau trong cỏ thỉnh thoảng ló ra một vài cái lưng bò đỏ. Về chiều trẻ con lên tiếng gọi bò về văng vẳng phía đầu gành : « Pháo dò... ò... ọ... ọ... ọ... Lũ dò... ò... ọ... ọ... » Tiếng kêu văng vẳng lạc trong gió đầu gành ấy khiến tôi nhớ lại tiếng kêu bò ở làng quê tôi, tiếng kêu như hát một câu dài : « Hoe hoe con bò nghé hoe hoe... oe... oe... ờ. Hoe hoe... nghé con bò mởn lạc bầy hoe hoe... oe... oe... »

Những kỷ-niệm hồi thơ ấu thức dậy. Tôi nhớ làng cũ, nhớ gò khô cỏ cháy đất cằn sỏi sạn. Những tiếng kêu bò của đứa trẻ kéo dài giữa mênh mông gò rộng vang lên có vẻ như chính đó là tiếng kêu của con nghé lạc đàn bơ vơ thất tha thất thều, lại như là tiếng kêu dị thường của cnộc sống côi cút không có chút tham-vọng gì.

Tôi nhớ tiếng nước chảy róc róc như thầm lén qua một trồ ruộng nhỏ hẹp, nhớ

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « **Kỳ môn độn giáp** » của ông *Nguyễn-Văn-Thư*, Bách-Khoa số 80. Mong các bạn sửa giùm các lỗi sau đây :

1o) trang 2, dòng 17, cột 1 sửa chữ **giáp** ra chữ *nhâm* để câu « Lục **giáp** có công dụng xem các việc vặt... » thành ra « Lục *nhâm* có công dụng... »

2o) trang 92, dòng 22, cột 2 xin đổi chữ « **diễn giả** » ở câu « trinh giả phải thứ tự chỉ cho diễn giả » thành chữ « *độc giả* ».

http://tieulun.hopto.org

đống bọt nước tụ xung quanh chân lúa đầu trổ nước, nhớ những con cá lúi chết nằm phơi bụng trắng trên tấm liếp sa, nhớ những dấu chân cò trên vũng nước vừa cạn ở một góc ruộng v.v... những kỷ-niệm nhỏ nhặt của cuộc sống cần lao nhũn nhặn một thời thanh-bình xa lắc.

Rồi cuộc sống đó một phen bị xáo động đến tận cùng sâu xa. Nơi làng cũ có những hôm bom nổ lửa cháy tơi bời nhà cửa, đêm đã khuya những người trong xóm chúng tôi còn ngồi dưới sương nhìn lửa đỏ nhấp nhánh chạy trên những cây cột cây kèo đã thành than, ánh lửa đỏ nhấp nhánh trông như những con bướm sáng to tướng chớp chớp đôi cánh bò qua bò lại rất nhanh trên đống nhà sập đổ. Trong bóng tối, hàng trăm con bướm đỏ linh-động như thế làm ra một cảnh lao xao, và chúng tôi bàng hoàng ngồi chứng kiến một quang cảnh lạ lùng. Tiếng người khóc và rên rỉ — nho nhỏ thôi — Nhưng có hôm, sau tai nạn, những con bò con ngựa lê lếch kéo mớ ruột đỏ lòng thòng chạy và cất tiếng rống lên thê thảm làm cho xóm làng rùng mình. Và quanh năm mọi năm người lo súng, đạn, dao găm, giáo, mác, hầm hầm hận thù. Khắp nơi phừng phừng, sôi nổi, điên cuồng.

Rồi thì tình trạng đó thình lình chấm dứt, tình cảm mọi người dịu xuống. Và cuộc sống... bắt đầu vươn mình.

Bây giờ không còn tiếng « hoe hoe bò nghé... », không còn bọt nước quanh gốc lúa, chân cò in ruộng cạn nữa. Bây giờ tôi đã ở một góc phố nhỏ, với những chuyện hốt hụi của ông cụ Ngà, tiếng rền của xe nhà binh, cơn ho rượu của nhà chín Ngàn v.v... Nhưng ở đâu thì cũng trông thấy được cuộc sống nó đi đều bước trở lại.

Những bước đi đó mà trông rạc rời, buồn tẻ, tiêu điều, ngơ ngẩn lắm sao ? Có lẽ chỉ tại cơn bão tố rần rộ vừa qua đã quấy động mạnh bản năng tàn phá nơi mình và những khát vọng thâu kín của mình đó thôi. Rồi thì mình sẽ lành mạnh hóa cái tâm lý của mình và sẽ hiểu cái ý nghĩ đẹp đẽ của cảnh sống đang đều lại bước đi đó.

Dưới trời xuân êm đềm, tôi nằm nghe gió thổi cát văng lắc rắc vào một quyển sách kê dưới đầu, mường tượng đến tiếng nước nhỏ xuống hè từng giọt từng giọt sau một cơn bão tố hãi-hùng và tôi lại bảo : Lắng mà nghe, tiếng nước rụng từng giọt vui biết chừng nào ! Hãy dẹp hết những ý định lưu đãng bông lông lại. Hãy cứ ở đây hoài, ở đây mãi, để thấm thía ý nghĩa của một cuộc sống theo nhịp sống bình thường. Nghe kỹ mà xem. Vui biết chừng nào, tiếng nước rụng từng giọt rả-rích... »

VÕ-PHIẾN

http://tieulun.hopto.org

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Hoa nắng ngày xưa *(Kim-Thu)*, Tình người *(Trúc-Nam)*, Thiên nhứt phương — Bài ca dị thường — Nữ tượng thần thơ *(Trường-Anh)*, Vượt tuyến *(Minh-Đường)*, Tin yêu — Vương sầu *(Huyền-Sương-Nhân)*, Niềm thương chia biệt *(Phan-Hiền-Đức)*, Linh hồn *(Phạm-Lã)*, Tiếng đêm *(Tường-Linh)*, Yêu lan *(Thanh-Bình)*, Tình người em bé *(Phan-Thái-Linh)*, Đêm xuân — Thương nhớ chiều thu vàng — Đẹp — Ngày xưa *(Ngô-Ngộ)*, Đò cô Hai *(Phan-Đình-Liệu)*, Bạch-Mai trả lời bạn tri âm — Lửa thiêng sinh tồn *(Nghiêu-Nhật)*, Nguồn mới — Con chim se sẻ *(Mạnh-Tường)*, Thư gửi em — Nói đi — Yêu mộng duyên tiên *(T.-Anh)*, Ngõ hẹp *(Vương-Hoàng-Luyện)*, Buồn chia ly *(T.L.)*, Thầm lặng — Bến mơ *(Hà-Hoài-Thượng)*, Trận banh đầu *(Xuân-Tàng)*, Người anh cả *(C.H.N. dịch)*, Thi ca và cuộc đời của nhà cách mạng Nguyễn-Quang-Diêu *(Nguyễn-Văn-Hầu)*, Bóng mát gác chuông — Một buổi tối *(Tần-Vũ)*.

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Nguyễn-văn-Thu *(Quảng-Trị)* : Đã nhận được bài thơ họa của Ông — Sẽ xin đăng trong những số tới.

Ô. Nguyễn-văn-Hầu *(Chợ Mới)* : Đã nhận được đầy đủ thư và 2 bài của anh. Sẽ xin lần lượt đăng trên Bách Khoa. Đã gửi B. K. 75, 79, 80. Sẽ có thư riêng thăm anh.

Một độc-giả ở Long-Bình-Điền : Chúng tôi đã nhận được thư ông góp ý với ông T.P. — Rất cảm ơn ông — Sẽ xin chuyển đến tác-giả bài : « Con chuột... trong văn thơ ».

Anh Tường-Linh : Đã nhận được thơ và điểm sách của anh — Cảm ơn anh nhiều — Thơ sẽ đăng trên Bách-Khoa còn bài điểm sách định dành cho tạp-chí Mai, xin cho biết ý-kiến ngay.

Anh Nguyễn-văn-Xuân *(Đà-nẵng)* : Đã nhận được thêm 4 truyện ngắn và 4 bài phê-bình của anh rồi. Thân mến.

*

SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

của « *Văn-Hóa tùng thư* » gửi tặng :

— « **Sử-Liệu Việt-Nam** » (256 trang) do ông *Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng* biên soạn, giá 25$.

— « **Đại-Nam Nhất-thống-chí** » *(Lục tỉnh Nam-Việt)* do ông *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*, Cử-Nhân Hán-học phiên dịch.

Tập thượng (154 trang) giá 20$.

Tập hạ (134 trang) giá 15$.

http://tieulun.hopto.org

GIỚI THIỆU BÁO MỚI SÁCH MỚI

— « **Conmunion — Cảm Thông** » thơ của thi-sĩ *Vũ-Hoàng-Chương*, bản dịch ra Anh-văn do *Nguyễn-Khang* và *Simone Kuhnen de la Coeuillerie*, thêm các phụ-bản của Nữ-sĩ *Ysabels Baes*. Bản đặc-biệt không ghi giá.

— « **Những vì sao lạc** » tiểu-thuyết của *Nhật-Tiến* do tác-giả gửi tặng. Sách dày 165 trang, giá 30$.

— « **Nửa đường đi xuống** » truyện của *Thế-Phong*, in Ronéo khổ lớn dày 196 trang giá 200$.

— « **Người lính Casablanca** » của tác-giả *Thế-Phong* gửi tặng gồm 18 truyện ngắn chọn lọc. In Ronéo, giá bán 100$.

— « **Nhạc Lòng** » thi-phẩm của *Hoàng-Anh*, do *Yiễm Yiễm thư trang* phát hành, giá bán 25$.

— « **Sơn nhân nhàn bút** » thi-phẩm của cụ *Chiêu-Dương Nguyễn-Các-Phụng* do tác giả gửi tặng. Giá 30$.

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « **Kim Cổ** » tạp-chí bằng tiếng Pháp xuất-bản tại Ba-Lê, chủ-trương do Bác-sĩ *Nguyễn-Trần-Huân*, tác-giả Từ-Điển Y-Ngữ và một số bài khoa-học đã đăng trên Bách-Khoa. Tạp-chí Kim Cổ giới-thiệu các sách báo Đông Tây Kim Cổ chủ yếu là những sách báo xuất-bản tại Việt-Nam và Đông-Nam A-Châu.

Có thêm phần phê-bình và sẽ trích dịch một số tác-phẩm căn-bản. Sách in Ronéo.

★

— « **Phim Mới** » số 1, do Bà *Lâm-Xuân-Mai* làm quản-nhiệm gửi tặng. **Phim Mới** là tập-san điện-ảnh và tâm-tình phụ-nữ xuất-bản ngày 1 và 15 mỗi tháng, 24 trang lớn giá 6$.

★

Bách-Khoa hân-hoan đón chào bạn đồng-nghiệp và xin giới-thiệu cùng độc giả.

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

★

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Ngân phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

« HỘI SĂN BẮN »

do Ông HUỲNH-VĂN-LANG và TRẦN-VĂN-MINH sáng lập

Một hội được thành-lập giữa những nhà săn bắn và những người có giấy phép đi săn không phân biệt quốc-tịch và chủng-tộc nhằm mục-đích.

— Trợ giúp lẫn nhau trên phương-diện săn bắn và thuận tiện liên-lạc với chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa.

— Giúp nhà chức-trách hữu-quyền thực-hiện một sự kiểm-soát thường-xuyên và hiệu-lực trên địa-hạt săn bắn hầu bảo-vệ các động-vật xứ Việt-Nam và quyền-lợi của ngành du-lịch trong nước.

Quý vị có giấy phép mang súng săn, những nhà săn bắn và những vị có cảm-tình với săn bắn không phân biệt nam nữ, chủng-tộc, quốc-tịch, muốn gia-nhập **« HỘI SĂN BẮN »**, xin đến và ghi tên tại :

Trụ sở của Hội săn bắn : 15 đường Pasteur Saigon.

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

http://tieulun.hopto.org

MƯA GIÓ SÔNG TƯƠNG

THƠ của TƯƠNG-PHỐ Nữ-sĩ

Tập thơ ký-sự suốt 40 năm phong vũ, đời người quả-phụ bến Sông Tương. Đọc GIỌT LỆ THU chỉ mới cảm thấy được một cơn mưa gió của một mùa thu thê-lương. Hãy còn bao cơn mưa gió, suốt bốn mùa thảm đạm tiêu điều, mà người tài-nữ Tương-giang phải trải, và để cho chúng ta nhìn thấy :

TRONG 124 TRANG THƠ IN ĐỀU MỘT
LOẠT TRÊN GIẤY NÊN GẤM THANH NHÃ

100 bản đặc-ấn, « Tương Giang Nhất Phẩm », in giấy ngọc-cốt, có triện son và thủ-bút tác giả, dành cho bạn yêu sách đẹp. Các bạn đặt trước 150 đồng, xin đề rõ tôn-danh quí-hiệu để tác giả đề tặng. Nơi gần thì sách sẽ đưa đến, xa thì gởi bảo đảm (miễn cước phí cho người mua).

Tiền bạc và Bưu-phiếu xin đề cho :

YIỄM - YIỄM THƯ - TRANG

113 — 115, Nguyễn-Thái-Học — Saigon

Chuyển giao cho tác-giả Nữ-sĩ

PHIM 16^{m}m

KÍNH MỜI Các đoàn thể :

Học-sinh — Quân-nhân
Công-nhân — Đồn điền
và các Tư Gia v. v...

HÃY TIẾP XÚC VỚI :

HÃNG PHIM COLUMBIA

23 ĐƯỜNG GIA-LONG SAIGON

Đ.T. 24.710

❋ *CÙNG THƯỞNG THỨC MỘT PHIM HAY.*

http://tieulun.hopto.org

PASTILLES: { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'O'NG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

http://tieulun.hopto.org

Spring

Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ BÌNH DÂN

10$

DUC THU CO

http://tieulun.hopto.org

高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
MÙI ÊM DỊU
KHÓI THƠM SAY
HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
KHẮP GẦN XA NỨC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸金字烟

Cigarettes JOB Surfines

COFAT CHOLON

Thuốc điếu JOB Surfines

http://lieulun.hopto.org

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

http://tieulun.hopto.org

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GẦY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THĂNG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

http://tieulun.hopto.org

Hút thuốc thơm

Mã nhất tân

Sáng tinh thần

Sản-

-Nghệ-

-Sĩ

GIÁ HẠ

15 $

http://tieulun.hopto.org

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

Nhà sách THỨC-THANH
68, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539

百科雜誌

Giá công sở : 15$
Giá : 10$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

http://tieulun.hopto.org